

Tài liệu này được xem như một phần không thể thiếu của xe và nên được giao kèm theo xe khi bán lại.

Tài liệu này cung cấp những thông tin sản xuất mới nhất có được tại thời điểm xuất bản tài liệu. Công ty Honda Motor có quyền thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần phải thông báo trước và không chịu bất cứ trách nhiệm nào.

Không được phép tái bản bất cứ phần nào của tài liệu nếu không có sự cho phép bằng văn bản của tác giả.

Hình minh họa trong tài liệu này có thể không giống với hình thực tế.

Để tham khảo thêm thông tin, Quý Khách vui lòng truy cập

“Câu hỏi thường gặp” theo đường dẫn: <https://www.honda.com.vn/cau-hoi-thuong-gap>

Khi cần tư vấn, vui lòng liên hệ:

Phòng Quan hệ Khách hàng – Công ty Honda Việt Nam.

Hotline miễn phí: 18008001

Email: cr@honda.com.vn

Giờ làm việc: 7h30 ~ 18h00 hàng ngày, trừ các ngày nghỉ lễ.

Lời chào

Cảm ơn bạn đã chọn mua sản phẩm của chúng tôi. Sự lựa chọn này giúp bạn trở thành một trong những thành viên của gia đình khách hàng thân thiết, ưa chuộng sản phẩm của Honda trên toàn cầu và góp phần xây dựng chất lượng trong từng sản phẩm của chúng tôi.

Để đảm bảo an toàn và mang lại cảm giác thoải mái khi lái xe:

- Hãy đọc kỹ tài liệu này.
- Hãy thực hiện theo những khuyến nghị và quy trình trong tài liệu này.
- Đặc biệt chú ý đến những thông điệp an toàn trong tài liệu này và trên xe.

- Mã số trong tài liệu này chỉ quốc gia trực tiếp bán hàng.
- Hình minh họa trong tài liệu này dựa trên loại xe CRF1100DL4 III MA.

Mã quốc gia

Mã	Quốc gia
CRF1100A	
III TH	Thái Lan
II U	New Zealand
III U	Úc, New Zealand
CRF1100A3	
II FO	Đài Loan
III U	Úc, New Zealand
II V	Việt Nam
CRF1100AL4	
U	New Zealand

CRF1100D

II U	New Zealand
------	-------------

CRF1100D3

IN, II IN, III IN	Indonesia
-------------------	-----------

U	New Zealand
---	-------------

II U	Úc, New Zealand
------	-----------------

CRF1100D4

III FO	Đài Loan
--------	----------

III KO	Hàn Quốc
--------	----------

III TH	Thái Lan
--------	----------

CRF1100DL4

MA, III MA	Malaysia
------------	----------

U	Úc, New Zealand
---	-----------------

V, III V	Việt Nam
----------	----------


*Thông số kỹ thuật có thể thay đổi theo từng nơi.

Đôi lời về vấn đề an toàn

Sự an toàn của bạn và những người xung quanh là rất quan trọng. Việc điều khiển xe an toàn cũng là một trọng trách.

Để giúp bạn đưa ra những quyết định sáng suốt về an toàn, chúng tôi đã cung cấp thông tin về quy trình vận hành và các thông tin khác ở các nhãn an toàn trên xe và trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này. Những thông tin này sẽ cảnh báo cho bạn về những nguy cơ tiềm ẩn có thể gây thương tích cho bạn hoặc người khác. Tuy nhiên, chúng tôi khó có thể cảnh báo cho bạn tất cả những nguy hiểm có thể gặp phải khi điều khiển hay bảo dưỡng xe. Do đó bạn phải tự đưa ra những quyết định của riêng mình.

Bạn có thể tìm thấy những thông tin an toàn quan trọng ở một số dạng, bao gồm:

- Nhãn an toàn dán trên xe.
- Thông điệp an toàn nằm sau biểu tượng cảnh báo  và một trong ba từ: NGUY HIỂM, CẢNH BÁO hoặc THẬN TRỌNG. Ba từ này có ý nghĩa như sau:

NGUY HIỂM

Bạn SẼ bị TỬ VONG hoặc THƯƠNG TÍCH NGHIÊM TRỌNG nếu không thực hiện theo các hướng dẫn này.

CẢNH BÁO

Bạn CÓ THỂ bị TỬ VONG hoặc THƯƠNG TÍCH NGHIÊM TRỌNG nếu không thực hiện theo các hướng dẫn này.

THẬN TRỌNG

Bạn CÓ THỂ bị THƯƠNG TÍCH nếu không thực hiện theo các hướng dẫn này.

Các thông tin quan trọng khác được cung cấp theo tiêu đề sau:

LƯU Ý

Thông tin này được cung cấp với mục đích giúp bạn tránh làm hỏng xe, các tài sản khác, hoặc làm ảnh hưởng đến môi trường.

Nội dung

An toàn xe máy T. 2

Hướng dẫn vận hành T. 22

Bảo dưỡng T. 256

Tìm kiếm hư hỏng T. 314

Thông tin T. 346

Thông số kỹ thuật T. 371

Mục lục T. 376

An toàn xe máy

Phần này bao gồm những thông tin quan trọng liên quan đến việc lái xe an toàn.

Vui lòng đọc kỹ những thông tin này.

Hướng dẫn về an toàn	T. 3
Nhãn hình ảnh.....	T. 7
Những cảnh báo về an toàn	T. 12
Cảnh báo khi lái xe	T. 13
Phụ kiện & Cải tạo xe	T. 18
An toàn khi vượt địa hình	T. 19
Xếp tải	T. 20

Hướng dẫn về an toàn

Làm theo các hướng dẫn sau đây để đảm bảo an toàn:

- Thực hiện kiểm tra định kỳ theo hướng dẫn trong tài liệu này.
- Tắt máy và để xe tránh xa khu vực có lửa hoặc tia lửa trước khi đổ xăng.
- Không nổ máy ở nơi đóng kín hoàn toàn hoặc đóng kín một phần. Khí cacbon monoxit trong khí xả của động cơ là chất độc hại có thể gây chết người.

Luôn đội mũ bảo hiểm

Thực tế đã chứng minh: đội mũ bảo hiểm và mặc trang phục bảo hộ làm giảm đáng kể số lượng và mức độ thương tích ở đầu và các tổn thương khác. Hãy luôn đội mũ bảo hiểm đạt tiêu chuẩn và mặc trang phục bảo hộ phù hợp. 📄 T. 12

Trước khi lái xe

Hãy đảm bảo rằng bạn mặc trang phục vừa người, tinh thần tỉnh táo và không uống rượu bia hoặc sử dụng chất kích thích. Hãy đảm bảo bạn và người ngồi sau đều đội mũ bảo hiểm đạt tiêu chuẩn và mặc trang phục bảo hộ. Hướng dẫn người ngồi sau bám vào tay vịn hoặc để tay lên hông người lái, nghiêng cùng hướng với người lái khi rẽ và đặt chân lên thanh gác chân ngay cả khi dừng xe.

Dành thời gian để học lái xe và tập lái

Kể cả khi bạn đã từng lái một chiếc xe khác, hãy tập lái ở nơi an toàn để làm quen với xe này, học cách vận hành và điều khiển xe để quen dần với kích thước và trọng lượng của xe.

Lái xe một cách thận trọng

Luôn chú ý đến các phương tiện xung quanh, không nên cho rằng những người xung quanh đều nhìn thấy bạn. Luôn sẵn sàng để dừng xe hoặc tránh các chướng ngại vật đúng lúc.

Hãy để người khác dễ dàng nhìn thấy bạn

Hãy mặc quần áo có phản quang khi đi đường, đặc biệt vào ban đêm để người khác dễ dàng nhìn thấy bạn, bật đèn báo rẽ trước khi rẽ hoặc chuyển làn đường để người khác chú ý đến bạn và sử dụng còi khi cần thiết.

Hãy cảnh giác với các mối nguy hiểm trên đường địa hình

Đường hiểm trở có thể mang đến nhiều thử thách khi bạn lái xe.

Hãy luôn chú ý “quan sát” để phát hiện các khúc cua bất ngờ, đoạn dốc, đá, rãnh và các mối nguy hiểm khác.

Luôn duy trì tốc độ vừa phải để bạn kịp thời nhận biết và xử lý các tình huống bất ngờ.

Điều khiển xe trong giới hạn cho phép

Không chạy xe vượt quá khả năng của bạn hoặc điều kiện cho phép. Thể trạng mệt mỏi và mất tập trung có thể làm ảnh hưởng đến khả năng đánh giá tình huống và lái xe an toàn của bạn.

Không lái xe khi uống rượu, bia hoặc sử dụng chất kích thích

Không điều khiển xe khi đã uống rượu, bia hoặc sử dụng chất kích thích. Chỉ một chút đồ uống có cồn cũng có thể làm giảm khả năng phản ứng với các điều kiện thay đổi và càng uống nhiều, khả năng phản ứng với tình huống của bạn càng kém. Sử dụng chất kích thích sẽ gây tác hại tương tự. Do vậy, không được lái xe khi đã uống rượu bia hoặc sử dụng chất kích thích và không để người đi cùng điều khiển xe khi đã uống rượu bia hoặc sử dụng chất kích thích.

Giữ xe ở điều kiện an toàn

Bảo dưỡng xe đúng cách và lái xe trong điều kiện an toàn là điều rất quan trọng.

Sự cố hỏng xe có thể gây khó khăn, đặc biệt nếu bạn gặp sự cố trên đường hiểm trở ở xa nơi xuất phát.

Kiểm tra xe trước khi lái và thực hiện bảo dưỡng xe theo đúng lịch bảo dưỡng trong tài liệu này. Không được chở quá trọng tải cho phép (☛ T. 20), và không được cải tạo xe hoặc lắp thêm phụ kiện làm cho xe mất an toàn (☛ T. 18).

Khi gặp sự cố trên đường

An toàn tính mạng là ưu tiên hàng đầu khi gặp sự cố. Nếu bạn hoặc bất kỳ ai không may bị thương, hãy đánh giá mức độ nghiêm trọng của vết thương và xem liệu có đủ an toàn để tiếp tục lái xe không. Gọi cấp cứu ngay nếu cần. Thực hiện theo luật và quy định của địa phương khi có người hoặc phương tiện khác có liên quan đến tai nạn.

Nếu vẫn muốn tiếp tục lái xe, trước tiên phải vặn ổ khóa điện về vị trí **○** (Off), sau đó đánh giá tình trạng xe. Kiểm tra rò rỉ dầu/dung dịch, kiểm tra mức độ siết chặt của các ốc và bu-lông quan trọng, sau đó kiểm tra hoạt động của tay lái, các cần điều khiển, phanh và bánh xe. Lái xe thật chậm và cẩn thận.

Xe của bạn có thể bị hư hỏng ở bộ phận nào đó mà mắt thường không thể nhìn thấy được. Hãy mang xe đến một trạm sửa chữa uy tín để kiểm tra toàn bộ xe càng sớm càng tốt.

Bình điện Lithium-Ion (Li-Ion)

Nếu bạn ngửi thấy mùi lạ phát ra từ bình điện lithium-ion (li-ion), hãy đỗ xe ở nơi an toàn bên ngoài trời và tránh xa các vật dễ cháy, sau đó vặn ổ khóa điện sang vị trí **○** (Off). Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra ngay lập tức.

Khí độc cacbon monoxit

Khí xả của động cơ có chứa khí cacbon monoxit không màu, không mùi, độc hại. Hít phải khí này có thể gây bất tỉnh và dẫn đến tử vong.

Nếu vận hành động cơ ở khu vực đóng kín hoàn toàn hoặc đóng kín một phần, bạn có thể hít phải một lượng khí cacbon monoxit độc hại.

Tuyệt đối không nổ máy ở trong gara hoặc khu vực đóng kín.

CẢNH BÁO

Nổ máy ở khu vực đóng kín hoàn toàn hoặc thậm chí một phần cũng có thể nhanh chóng sinh ra khí cacbon monoxit độc hại.

Hít phải loại khí không màu không mùi này có thể gây bất tỉnh và có thể dẫn đến tử vong.

Chỉ nổ máy ở khu vực bên ngoài có thông gió tốt.

Nhãn hình ảnh

Các trang sau đây mô tả ý nghĩa của nhãn. Một số nhãn cảnh báo cho bạn về những mối nguy hiểm tiềm ẩn có thể gây thương tích nghiêm trọng. Một số nhãn khác cung cấp thông tin an toàn quan trọng. Hãy đọc kỹ thông tin này, không được bóc và loại bỏ nhãn.

Nếu nhãn bong ra hoặc khó đọc, hãy liên hệ Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để thay thế.

Trên mỗi nhãn có một biểu tượng cụ thể. Ý nghĩa của mỗi biểu tượng và nhãn được mô tả như sau.



Hãy đọc kỹ các hướng dẫn có trong sách Hướng dẫn sử dụng.



Hãy đọc kỹ các hướng dẫn có trong sách Hướng dẫn bảo trì. Vì sự an toàn của bạn, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để bảo dưỡng và sửa chữa.



NGUY HIỂM (có nền màu ĐỎ)

Bạn SẼ bị TỬ VONG hoặc THƯƠNG TÍCH NGHIÊM TRỌNG nếu không thực hiện theo hướng dẫn.

CẢNH BÁO (có nền màu CAM)

Bạn CÓ THỂ bị TỬ VONG hoặc THƯƠNG TÍCH NGHIÊM TRỌNG nếu không thực hiện theo hướng dẫn.

THẬN TRỌNG (có nền màu VÀNG)

Bạn CÓ THỂ bị THƯƠNG TÍCH nếu không thực hiện theo hướng dẫn.



NHÃN BÌNH ĐIỆN NGUY HIỂM

- Vui lòng đọc kỹ hướng dẫn sử dụng này.
Xử lý sản phẩm không đúng cách có thể gây hư hỏng cho xe, sinh nhiệt, gây nổ, hỏa hoạn, mất thị lực hoặc bỏng.
- Để sản phẩm này tránh xa lửa và nguồn tạo ra nhiệt độ cao. Không châm lửa hoặc đưa nguồn lửa (diêm, bật lửa, thuốc lá, tia lửa điện từ điện cực hoặc từ máy hàn hoặc máy mài) lại gần bình điện.
Việc này có thể tạo ra nhiệt, gây hỏa hoạn hoặc nổ.
- Tuyệt đối không để trẻ em và người khác chạm vào bình điện trừ khi họ biết rõ cách xử lý an toàn và nhận thức được các rủi ro mà bình điện có thể gây ra.
- Không tháo rời, sửa đổi hoặc hàn cụm bộ phận chính và các cực bình điện.
Việc này có thể gây rò rỉ, tạo ra nhiệt, gây nổ, hỏa hoạn hoặc làm mất thị lực do rò rỉ dung dịch điện phân.
Nếu dung dịch điện phân bắn vào mắt, hãy rửa mắt ngay lập tức bằng nhiều nước và đến gặp bác sĩ chuyên khoa mắt (bác sĩ nhãn khoa) để điều trị càng sớm càng tốt.



Loại II FO, III FO, U, II U, III U, IN, II IN, III IN

**NHÃN NẮP KÉT TẢN NHIỆT
NGUY HIỂM**

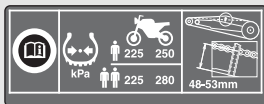
TUYỆT ĐỐI KHÔNG ĐƯỢC MỞ KHI NÓNG.
Dung dịch làm mát còn nóng có thể gây bỏng.
Van giảm áp bắt đầu mở ở **1,1 kgf/cm²**.



Loại II FO, III FO, U, II U, III U, V, II V, III V

**NHÃN GIẢM XÓC SAU
CHỨA ĐẦY KHÍ**

Không được mở. Không được làm nóng.



Loại II FO, III FO, U, II U, III U, V, II V, III V

THÔNG TIN LỐP & NHÃN XÍCH TẢI

Áp suất lốp nguội:

[Chỉ người lái]

Lốp trước **225 kPa (2.25 kgf/cm², 33 psi)**

Lốp sau **250 kPa (2.50 kgf/cm², 36 psi)**

[Người lái và người ngồi sau]

Lốp trước **225 kPa (2.25 kgf/cm², 33 psi)**

Lốp sau **280 kPa (2.80 kgf/cm², 41 psi)**

Điều chỉnh và bôi trơn xích.

Độ chùng xích **48 - 53 mm (1.9 - 2.1 in)**

Loại II FO, III FO, U, II U, III U, V,
II V, III V



Loại IN, III IN



Loại II FO, III FO, U, II U, III U, IN, II IN, III IN, V, II V, III V

NHÃN CẢNH BÁO AN TOÀN

Vì sự an toàn của bạn, luôn đội mũ bảo hiểm, mặc trang phục bảo hộ.

NHÃN NHIÊN LIỆU

Loại II FO, III FO, U, II U, III U, V, II V, III V

Chỉ sử dụng loại xăng không chì
Hàm lượng ETHANOL không quá 10%

Loại IN, II IN, III IN

Chỉ sử dụng loại xăng không chì
Hàm lượng ETHANOL không quá 10%
Xăng có chỉ số ốc tan (RON) là 90 hoặc cao hơn

Loại II FO, III FO, U, II U, III U, IN, II IN, III IN, V, II V, III V

NHÃN GIÁ ĐỠ PHÍA SAU

Không vượt quá **10 kg (22 lb)**.



Những cảnh báo về an toàn

- Lái xe một cách cẩn thận và để tay ở trên tay lái, chân để trên thanh gác chân.
- Hướng dẫn người ngồi sau bám vào tay vịn hoặc để tay lên hông người lái và chân của người ngồi sau phải đặt trên thanh gác chân khi xe đang chạy.
- Luôn chú ý đến vấn đề an toàn của cả người lái, người ngồi sau và các phương tiện khác.

Trang phục bảo hộ

Hãy đảm bảo rằng bạn và người ngồi sau phải đội mũ bảo hiểm đạt tiêu chuẩn, đeo kính bảo vệ mắt và mặc quần áo bảo hộ có màu sắc dễ nhận biết. Tránh mặc quần áo quá rộng vì có thể bị cuốn vào bất kỳ bộ phận nào của xe. Lái xe một cách cẩn thận để kịp thời ứng phó với điều kiện đường sá và thời tiết.

▮ Mũ bảo hiểm

Sử dụng mũ bảo hiểm đạt tiêu chuẩn về an toàn, có màu sắc dễ nhận biết, vừa vặn với đầu.

- Mũ không những phải vừa vặn với đầu mà còn phải đảm bảo an toàn, có quai đeo sát cằm.
- Kính che mặt không che khuất tầm nhìn hoặc có thiết bị bảo vệ mắt khác được phê duyệt.

⚠ CẢNH BÁO

Không đội mũ bảo hiểm sẽ làm tăng khả năng bị thương hoặc tử vong khi bị tai nạn.

Hãy đảm bảo rằng bạn và người ngồi sau phải luôn đội mũ bảo hiểm đạt tiêu chuẩn và mặc trang phục bảo hộ thích hợp.

▮ Găng tay

Sử dụng găng tay da che kín các ngón tay và có khả năng chống trầy xước.

▮ Giày bảo hộ

Sử dụng giày bảo hộ có đế chống trượt và bảo vệ mắt cá chân.

▮ Áo khoác và quần dài

Sử dụng loại áo khoác dài tay, có màu sắc dễ nhận biết, có khả năng bảo vệ và quần dài chất liệu bền dành cho việc lái xe (hoặc mặc trang phục bảo hộ).

▮ Trang bị thêm trang phục khi lái xe trên đường địa hình

Trang phục khi lái xe trên đường hiểm trở có thể phù hợp cho những chuyến đi trên đường hiểm trở thông thường. Tuy nhiên, nếu dự định lái xe ở mức độ khó hơn, bạn cần trang bị đồ bảo hộ chuyên dụng. Ngoài mũ bảo hiểm và kính bảo hộ, chúng tôi khuyên bạn nên chuẩn bị giày và găng tay dành cho xe phân khối lớn, quần bảo hộ có miếng bảo vệ đầu gối và hông, áo bảo hộ có miếng bảo vệ khuỷu tay, và ngực/vai

Cảnh báo khi lái xe

Thời gian chạy rà

Trong 500 km (300 dặm) đầu tiên, hãy tuân theo những hướng dẫn sau để đảm bảo độ ổn định và hiệu suất của xe trong tương lai.

- Tránh khởi động hết ga và tăng tốc nhanh.
- Tránh phanh gấp và giảm số nhanh.
- Lái xe cẩn thận.

LƯU Ý

Nổ máy tại chỗ trong thời gian dài có thể làm hỏng động cơ do điều kiện làm mát và bôi trơn không đảm bảo.

Phanh

Lưu ý những điểm sau:

- Tránh phanh và về số quá gấp.
 - ▶ Phanh gấp có thể làm giảm độ ổn định của xe.
 - ▶ Nếu có thể, hãy giảm tốc trước khi rẽ, nếu không xe có thể bị trượt.
- Đặc biệt chú ý khi đi trên bề mặt ít ma sát.
 - ▶ Lốp xe rất dễ bị trượt khi đi trên những bề mặt như vậy và khoảng cách phanh sẽ dài hơn.
- Tránh phanh liên tục.
 - ▶ Phanh liên tục, ví dụ khi đi xuống dốc dài, cao có thể gây quá nhiệt hệ thống phanh, làm giảm hiệu quả của phanh. Sử dụng phanh động cơ và phanh ngắt quãng để giảm tốc độ của xe.
- Để phanh đạt hiệu quả tối ưu, hãy sử dụng đồng thời cả phanh trước và phanh sau.

■ Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)

Loại xe này được trang bị hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) giúp ngăn không cho phanh bị khóa cứng trong khi phanh gấp. ABS hoạt động dựa trên thông tin được cung cấp từ IMU (Bộ đo lường quán tính).

- ABS không làm giảm khoảng cách phanh. Trong một số trường hợp nhất định, ABS có thể khiến khoảng cách dừng dài hơn.
- ABS không hoạt động khi lái xe ở tốc độ dưới 10 km/h (6 dặm/giờ).
- Tay phanh và bàn đạp phanh có thể giật nhẹ khi sử dụng phanh. Điều này là bình thường.
- Luôn sử dụng loại lốp trước/sau và không tải được khuyến dùng để đảm bảo ABS hoạt động chính xác.

Phanh động cơ

Sử dụng phanh động cơ giúp làm giảm tốc độ xe khi nhả ga. Để xe đi chậm hơn, hãy về số thấp hơn. Sử dụng phanh động cơ cùng với phanh ngắt quãng để giảm tốc độ khi xuống dốc dài, cao.

Điều kiện thời tiết ẩm ướt hoặc mưa nhiều


Bề mặt đường rất dễ bị trơn trượt khi ẩm ướt và phanh bị ẩm sẽ hoạt động không hiệu quả. Cần đặc biệt chú ý khi phanh ở những khu vực này.

Nếu phanh bị ẩm, hãy sử dụng phanh trong khi lái xe ở tốc độ thấp để làm khô phanh.

Dừng xe

- Dừng xe trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn.
- Nếu buộc phải dừng xe trên bề mặt dốc hoặc trơn trượt, hãy dừng xe sao cho xe không bị di chuyển hoặc bị đổ.
- Hãy đảm bảo rằng không có vật liệu dễ cháy ở gần các bộ phận có nhiệt độ cao.
- Không chạm vào khu vực gần động cơ, ống xả, phanh và các bộ phận có nhiệt độ cao khác cho đến khi nguội hẳn.
- Để giảm thiểu nguy cơ mất trộm, luôn nhớ khóa tay lái và rút chìa khóa ra khi rời khỏi xe.
Sử dụng thiết bị chống trộm được khuyến nghị.

Dụng cụ bằng chân chống nghiêng

1. Tắt máy.
2. **CRF1100D/D3/D4/DL4**
Sử dụng phanh đỡ xe. ➤ T. 136
3. Gạt chân chống nghiêng xuống.
4. Từ từ nghiêng xe sang bên trái cho đến khi trọng lượng xe dồn hết về phía chân chống nghiêng.
5. Quay hết tay lái sang trái.
▶ Quay tay lái sang bên phải làm giảm độ ổn định và có thể làm đổ xe.
6. Vận ổ khóa điện sang vị trí  (Lock) và rút chìa khóa ra. ➤ T. 128

Hướng dẫn đổ xăng và lựa chọn loại xăng

Làm theo hướng dẫn sau để bảo vệ động cơ, hệ thống nhiên liệu và bộ chuyển đổi chất xúc tác:

- Chỉ sử dụng loại xăng không chì.
- Sử dụng xăng có chỉ số ốc tan khuyến dùng. Sử dụng xăng có chỉ số ốc tan thấp hơn loại khuyến dùng sẽ làm giảm tính năng hoạt động của động cơ.
- Không sử dụng xăng có chứa tỉ lệ cồn quá cao. ➤ T. 363
- Không sử dụng xăng đã cũ, bẩn hoặc hỗn hợp xăng pha nhớt.
- Tránh để bụi bẩn hoặc nước lọt vào bên trong bình xăng.

Hệ thống kiểm soát lực kéo Honda

Khi hệ thống kiểm soát lực kéo Honda (Hệ thống HSTC) phát hiện bánh sau có hiện tượng quay trượt khi tăng tốc, hệ thống sẽ giới hạn lực kéo lên bánh sau dựa trên mức kiểm soát lực kéo đã chọn.

Ngoài ra, hệ thống sẽ giảm chuyển động nhanh đột ngột trong quá trình nâng bánh trước khi tăng tốc, tùy thuộc vào mức độ kiểm soát lực kéo đã chọn.

Hệ thống HSTC sẽ cho phép bánh xe trượt nhẹ trong quá trình tăng tốc ở các mức thiết lập kiểm soát lực kéo thấp. Hãy chọn một mức phù hợp với kỹ năng và điều kiện lái xe của bạn.

Hệ thống HSTC không hoạt động khi giảm tốc và sẽ không ngăn bánh sau trượt do phanh động cơ. Không đột ngột giảm ga, đặc biệt khi đang lái xe trên mặt đường trơn trượt.

Hệ thống HSTC không thể hỗ trợ cho các điều kiện đường mòn và hiểm trở hoặc vận tay ga nhanh. Luôn cân nhắc tới điều kiện đường mòn, mặt đường và thời tiết, cũng như kỹ năng và tình trạng sức khỏe của bạn khi sử dụng tay ga.

Nếu xe bị kẹt trong bùn, tuyết hoặc cát, có thể sẽ thoát khỏi tình trạng này dễ hơn bằng cách tạm thời tắt hệ thống HSTC.

Tạm thời tắt hệ thống HSTC cũng giúp duy trì khả năng kiểm soát và thăng bằng khi lái xe trên đường địa hình hiểm trở.

Luôn sử dụng loại lốp và không tải được khuyến dùng để đảm bảo hệ thống HSTC hoạt động chính xác.

Phụ kiện & Cải tạo xe

Chúng tôi khuyến cáo bạn không nên lắp phụ kiện không chính hãng Honda lên xe hoặc cải tạo xe làm thay đổi thiết kế ban đầu của xe vì có thể gây mất an toàn cho xe.

Ngoài ra, việc cải tạo xe làm thay đổi thiết kế ban đầu của xe có thể sẽ khiến cho xe không được bảo hành và bị coi là hành động bất hợp pháp khi sử dụng trên đường công cộng.

Trước khi quyết định có nên lắp thêm phụ kiện cho xe hay không, hãy chắc chắn rằng việc thay đổi này là an toàn và hợp pháp.

CẢNH BÁO

Lắp thêm phụ kiện hoặc cải tạo xe không đúng cách có thể dẫn đến tai nạn gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Thực hiện theo những hướng dẫn về việc điều chỉnh và lắp thêm phụ kiện trong tài liệu này.

Không gắn thêm rơ moóc hoặc thùng xe phụ để kéo theo xe. Xe không được thiết kế để kéo, do vậy, sử dụng xe với mục đích này có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc điều khiển xe.

An toàn khi vượt địa hình

Trước khi khám phá các địa hình mới, mới, hãy tập lái xe ở khu vực có đường hiểm trở rộng rãi, không có chướng ngại vật.

- Luôn tuân thủ luật lệ và quy định của địa phương về lái xe địa hình.
- Đảm bảo bạn đã được cho phép trước khi lái xe trên khu vực tư nhân. Tránh những khu vực có biển báo và tuân thủ biển báo “CẤM vào”.
- Lái xe cùng với người khác có phương tiện riêng để có thể hỗ trợ nhau khi gặp sự cố.
- Hiểu rõ chiếc xe của bạn là điều vô cùng quan trọng trong trường hợp gặp sự cố ở nơi hẻo lánh mà không có trợ giúp.

- Không lái xe vượt quá khả năng và kinh nghiệm của bạn hoặc nhanh hơn điều kiện cho phép.
- Nếu bạn không nắm rõ địa hình, hãy lái xe một cách cẩn thận. Những tảng đá, hố hoặc hẻm núi bị che khuất có thể gây ra tai nạn nghiêm trọng.
- Cần trang bị ống xả khi lái xe tại các khu vực hiểm trở.
Không cải tạo hệ thống xả của xe.
Hãy lưu ý rằng tiếng ồn quá mức sẽ làm phiền mọi người và tạo nên hình ảnh không tốt cho việc lái xe máy.

Xếp tải

- Chở quá trọng tải cho phép ảnh hưởng không tốt đến việc điều khiển xe, khả năng phanh và mức độ ổn định của xe. Luôn lái xe ở tốc độ an toàn và không vượt quá 130 km/h (80 dặm/giờ) khi xe có tải.
- Tránh chở quá tải trọng và luôn giữ ở mức giới hạn cho phép.
Khả năng chở tối đa / Trọng tải tối đa trên giá đỡ phía sau ➤ T. 372
- Buộc tất cả hành lý thật chặt, cân bằng và càng gần chính giữa xe càng tốt.
- Không để đồ đạc gần đèn hoặc ống xả.

Ngoài ra, hãy tuân theo các hướng dẫn sau khi lái xe địa hình trên địa hình hiểm trở:

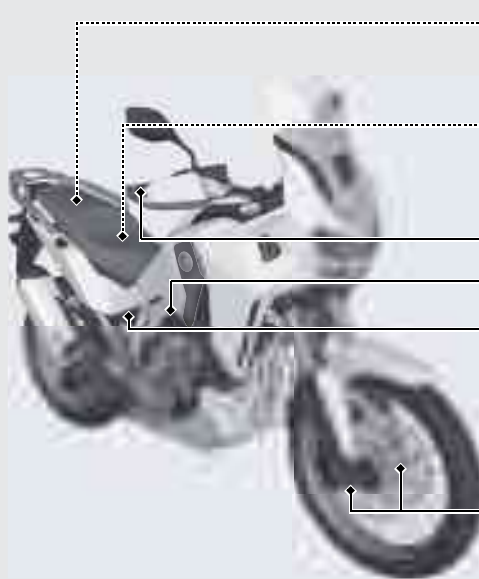
- Không chở người ngồi phía sau.
- Chỉ mang theo đồ đạc nhẹ và nhỏ gọn. Để giữ thăng bằng và ổn định, đảm bảo đồ đạc không dễ bị vướng vào cây cối hay vật cản, và không cản trở bạn di chuyển.

CẢNH BÁO

Chở quá tải hoặc chở không đúng cách sẽ có thể dẫn đến tai nạn và gây thương tích nghiêm trọng hoặc dẫn đến tử vong.

Tuân theo hướng dẫn về trọng tải và giới hạn trọng tải trong tài liệu này.

Vị trí các bộ phận



Dụng cụ tháo cầu chì, Cờ-lê lục giác,
Tua-vít Phillips/tiêu chuẩn, Cần tua-vít

➡ T.254

Túi đựng tài liệu ➡ T.253

Tay ga ➡ T.300

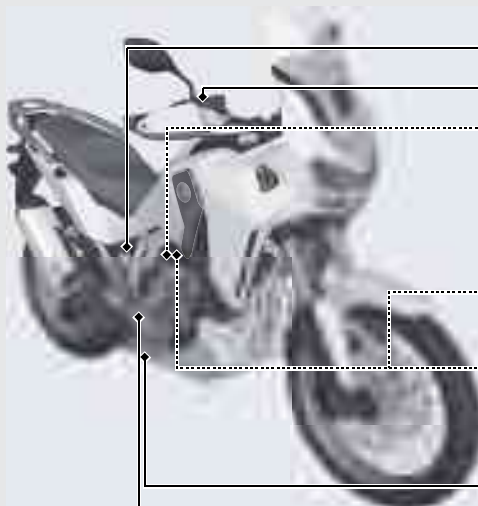
Óp hộp bình điện ➡ T.277

Bộ phận điều chỉnh độ nén giảm xóc sau

CRF1100A/D ➡ T.310

Bộ phận điều chỉnh độ nén giảm xóc trước

CRF1100A/D ➡ T.304



Hộp dầu phanh sau ➔ T.288

Hộp dầu phanh trước ➔ T.288

Cầu chì chính & cầu chì chính ABS
➔ T.343

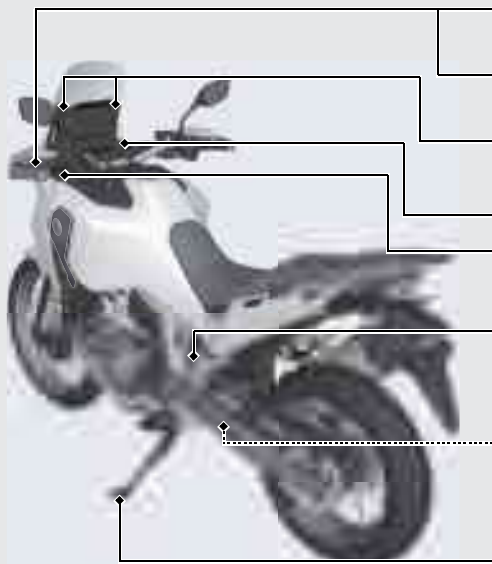
Cầu chì FI & cầu chì chính 2
CRF1100A/A3/AL4 ➔ T.344

Cầu chì FI, cầu chì chính 2 & cầu chì
chính DCT CRF1100D/D3/D4/DL4 ➔ T.345

Bàn đạp phanh sau

Bình dự trữ dung dịch làm mát ➔ T.286

Vị trí các bộ phận (Tiếp theo)



Tay côn CRF1100A/A3/AL4 ➡ T.297

Tay phanh đỗ xe
CRF1100D/D3/D4/DL4 ➡ T.290

Cần gạt khóa kính chắn gió ➡ T.312

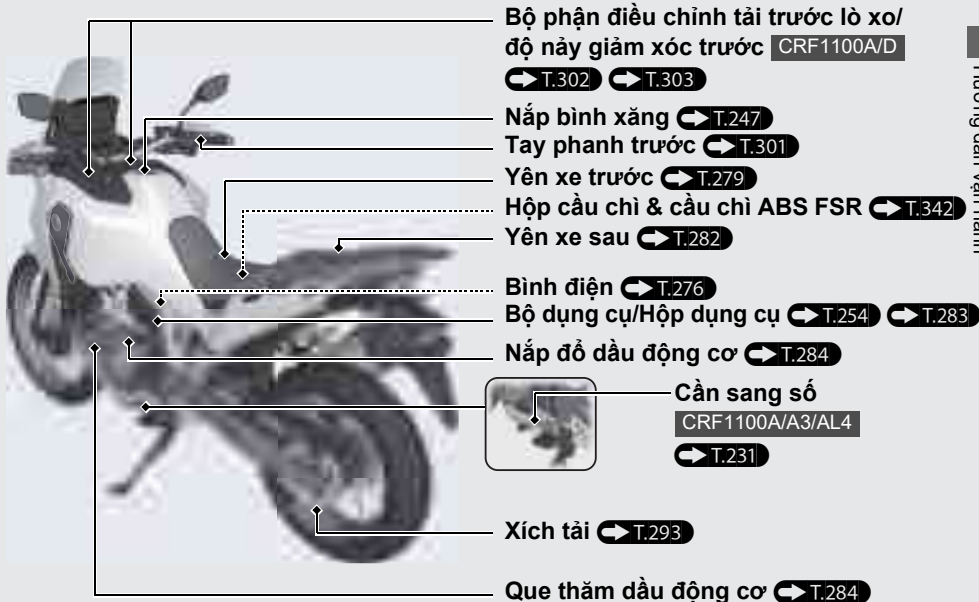
Ổ cắm USB ➡ T.250

Ổ cắm phụ kiện
CRF1100A3/AL4/D3/D4/DL4 ➡ T.249

Bộ phận điều chỉnh tải trước lò xo
giảm xóc sau CRF1100A/D ➡ T.306

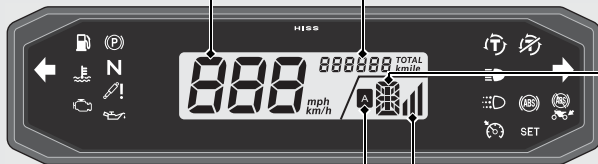
Bộ phận điều chỉnh độ nảy giảm xóc sau
CRF1100A/D ➡ T.309

Chân chống nghiêng ➡ T.292



Bảng đồng hồ thông tin

Đồng hồ đo tốc độ



Đồng hồ đo quãng đường [TOTAL]

Hiện thị tổng quãng đường mà xe đã đi. Khi màn hình hiển thị "-----", hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đèn báo AT

CRF1100D/D3/D4/DL4

Đèn sáng khi xe ở CHẾ ĐỘ AT. ➔ T.234

Kiểm tra màn hình hiển thị

Khi vặn ổ khóa điện sang vị trí I (On), các hiển thị ban đầu sẽ xuất hiện. Nếu bất kỳ mục nào không hiển thị trên bảng đồng hồ theo đúng chức năng, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đèn báo vị trí số

CRF1100A/A3/AL4

Vị trí số hiển thị trong đèn báo vị trí số.

▶ Màn hình hiển thị “-” khi sang số không đúng cách.

CRF1100D/D3/D4/DL4

Vị trí số hiển thị trên đèn báo vị trí số khi chọn CHẾ ĐỘ MT.

Đèn báo có thể nhấp nháy nếu:

▶ Bánh trước không chạm mặt đất.

▶ Bạn quay bánh trong khi xe được dựng thẳng bằng chân chống.

Điều này là bình thường. Để vận hành lại hệ thống, vặn ổ khóa điện sang vị trí ○ (Off), và sau đó sang vị trí I (On).

Đèn báo vị trí số hiển thị D khi chế độ D được chọn trong CHẾ ĐỘ AT.

Đèn báo vị trí số hiển thị S khi chế độ S được chọn trong CHẾ ĐỘ AT.

Nếu đèn báo “-” nhấp nháy trong cửa sổ vị trí số khi đang lái xe: ➡ T.321

Đèn báo mức chế độ S ➡ T.234

CRF1100D/D3/D4/DL4

Bảng đồng hồ thông tin *(Tiếp theo)*

Màn hình hiển thị đa thông tin

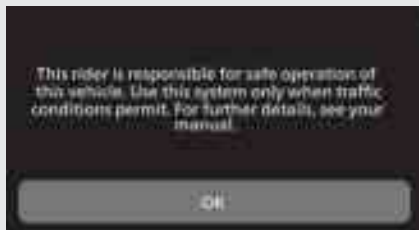
Xe của bạn được trang bị màn hình hiển thị đa thông tin cho biết các chức năng và cài đặt khác nhau.

Màn hình hiển thị đa thông tin là màn hình cảm ứng. Bạn có thể thao tác bằng cách chạm vào màn hình.

- Một số chức năng và cài đặt thủ công không sử dụng được hoặc không thể hoạt động khi xe đang di chuyển. Bạn không thể chọn vào các mục màu xám cho đến khi xe dừng lại.

Khi vặn ổ khóa điện sang vị trí I (On), thông báo Lưu ý sẽ xuất hiện trên màn hình trong vài giây.

Đọc thông báo Lưu ý, sau đó ấn công tắc **ENT** hoặc chạm vào [OK] trên màn hình.



▮ Màn hình chính (Home)

Từ màn hình này, bạn có thể đi đến các chức năng và tùy chọn cài đặt khác nhau.

Để quay lại màn hình chính: ➡ T.40



▮ Riding Information (Thông tin lái xe)

Bạn có thể quay lại phần thông tin lái xe. Phần thông tin lái xe có 3 chế độ hiển thị, chế độ hiển thị Vàng, chế độ hiển thị Bạc và chế độ hiển thị Đồng.

Các chế độ màn hình này được chuyển đổi tùy theo chế độ lái.

Chế độ hiển thị Vàng ➡ T.30

Chế độ hiển thị Bạc ➡ T.34

Chế độ hiển thị Đồng ➡ T.37

Để thay đổi cài đặt chế độ màn hình hiển thị trong từng chế độ lái ➡ T.86

▮ Phone (Điện thoại)

Bạn có thể thực hiện cuộc gọi bằng cách sử dụng thiết bị âm thanh *Bluetooth*[®] được kết nối *Bluetooth*[®].

▮ Media (Đa phương tiện)

Bạn có thể phát nhạc từ các thiết bị *Bluetooth*[®].

▮ Settings (Cài đặt)

Bạn có thể chọn nhiều cài đặt khác nhau.

Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

Riding Information (Thông tin lái xe)

Chế độ hiển thị Vàng

Đồng hồ (hiển thị 12 giờ hoặc 24 giờ)

Để cài đặt đồng hồ báo giờ: ➔ T.95

Màn hình chế độ lái

➔ T.148

Đèn báo chân chống

ngiêng ➔ T.71

Chỉ báo thông tin phụ

➔ T.43

Tốc độ thiết lập cho điều khiển hành trình

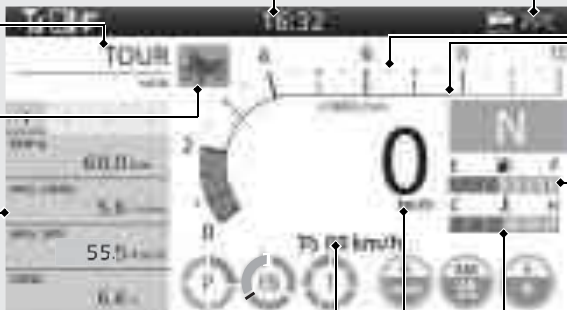
Hiển thị tốc độ đã cài đặt cho điều khiển hành trình.

Điều khiển hành trình: ➔ T.238

Đồng hồ đo nhiệt độ

không khí ➔ T.71

Đồng hồ đo tốc độ



Đồng hồ đo tốc độ động cơ

LƯU Ý

Không vận hành động cơ khi đồng hồ đo tốc độ động cơ ở vùng màu đỏ.
Tốc độ động cơ quá cao có thể làm giảm tuổi thọ của động cơ.

Vùng màu đỏ của Đồng hồ đo tốc độ động cơ

(khoảng tốc độ động cơ quá cao)

Đồng hồ báo xăng

Lượng xăng còn lại khi chỉ có vạch E (vạch thứ nhất) bắt đầu nhấp nháy:

Khoảng 3,6 L (0.95 US gal, 0.79 Imp gal) **CRF1100A/A3/D/D3**

Khoảng 3,9 L (1.03 US gal, 0.86 Imp gal) **CRF1100AL4/D4/DL4**

Nếu đèn báo xăng nhấp nháy: ➡ **T.322**

LƯU Ý

Bạn nên đổ xăng khi đèn báo xăng về gần vạch E (vạch thứ nhất).
Chạy xe trong tình trạng hết xăng có thể làm động cơ hoạt động bất thường/bỏ máy, làm hỏng bộ chuyển đổi chất xúc tác.

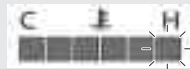


Đồng hồ nhiệt độ dung dịch làm mát

Khi dung dịch làm mát vượt quá nhiệt độ quy định, tất cả các vạch đều chuyển thành màu đỏ và vạch H (vạch thứ 6) nhấp nháy và đèn báo quá nhiệt dung dịch làm mát sáng ➡ **T.316**

Nếu đèn báo đồng hồ nhiệt độ dung dịch làm mát nhấp nháy:

➡ **T.323**



Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

Đèn báo mức kiểm soát lực kéo [T] ➡ T.140

Khi đèn báo nhấp nháy, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đèn báo mức [Phanh động cơ] [EB] ➡ T.148

Khi đèn báo nhấp nháy, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đèn báo mức [Công suất] [P] ➡ T.148

Khi đèn báo nhấp nháy, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đèn báo công tắc G [G] ➡ T.133 CRF1100D/D3/D4/DL4

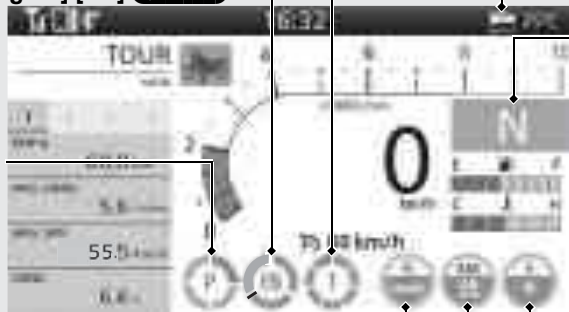
Khi đèn báo nhấp nháy, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đèn báo chế độ ABS [ABS] ➡ T.148

Khi đèn báo nhấp nháy, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đèn báo [Chung] [S] ➡ T.148 CRF1100A3/AL4/D3/D4/DL4

Khi đèn báo nhấp nháy, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.



 **Biểu tượng chế độ sườn tay lái** **CRF1100A3/AL4/D3/D4/DL4**

Biểu tượng xuất hiện khi bật chế độ sườn tay lái. ➡ T.139

Nếu biểu tượng chế độ sườn tay lái nhấp nháy: ➡ T.323

Đèn báo vị trí số

CRF1100A/A3/AL4

Vị trí số hiển thị trong đèn báo vị trí số.

▶ Màn hình hiển thị “-” khi sang số không đúng cách.


CRF1100D/D3/D4/DL4


Vị trí số hiển thị trong đèn báo vị trí số.

Đèn báo có thể nhấp nháy nếu:

▶ Bánh trước không chạm mặt đất.

▶ Bạn quay bánh trong khi xe được dựng thẳng bằng chân chống.

Điều này là bình thường. Để vận hành lại hệ thống, vặn ổ khóa điện sang vị trí  (Off),

và sau đó sang vị trí  (On).

Đèn báo vị trí số hiển thị D khi chế độ D được chọn trong CHẾ ĐỘ AT.

Đèn báo vị trí số hiển thị S khi chế độ S được chọn trong CHẾ ĐỘ AT.

1 / S 

Đèn báo mức chế độ S ➡ T.234

Nếu đèn báo “-” nhấp nháy trong cửa số vị trí số khi đang lái xe: ➡ T.321

Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

Chế độ hiển thị Bạc

Đồng hồ (hiển thị 12 giờ hoặc 24 giờ)

Đề cài đặt đồng hồ báo giờ: ➔ T.95

Đèn báo chân chống nghiêng


➔ T.71

Màn hình chế độ lái

➔ T.148

LƯU Ý

Bạn nên đổ xăng khi đèn báo xăng về gần vạch E (vạch thứ nhất). Chạy xe trong tình trạng hết xăng có thể làm động cơ hoạt động bất thường/bỏ máy, làm hỏng bộ chuyển đổi chất xúc tác.

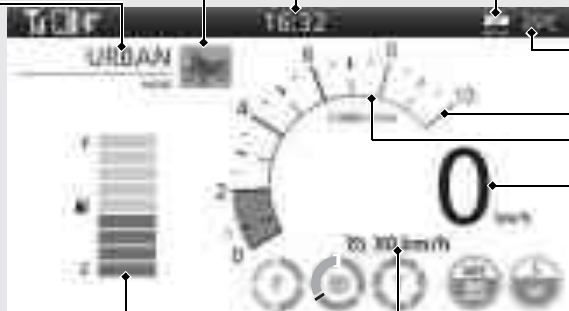
 Đồng hồ báo xăng

Lượng xăng còn lại khi chỉ có vạch E (vạch thứ nhất) bắt đầu nhấp nháy:

Khoảng 3,6 L (0.95 US gal, 0.79 Imp gal) **CRF1100A/A3/D/D3**

Khoảng 3,9 L (1.03 US gal, 0.86 Imp gal) **CRF1100AL4/D4/DL4**

Nếu đèn báo xăng nhấp nháy: ➔ T.322



🚗 Biểu tượng chế độ sườn tay lái CRF1100A3/AL4/D3/D4/DL4

Biểu tượng xuất hiện khi bật chế độ sườn tay lái. ➡ T.139

Nếu biểu tượng chế độ sườn tay lái nhấp nháy: ➡ T.323

Đồng hồ đo nhiệt độ không khí ➡ T.71

Đồng hồ đo tốc độ động cơ

LƯU Ý

Không vận hành động cơ khi đồng hồ đo tốc độ động cơ ở vùng màu đỏ.
Tốc độ động cơ quá cao có thể làm giảm tuổi thọ của động cơ.

Vùng màu đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ
(khoảng tốc độ động cơ quá cao)

Đồng hồ đo tốc độ

Tốc độ thiết lập cho điều khiển hành trình

Hiện thị tốc độ đã cài đặt cho điều khiển hành trình.

Điều khiển hành trình: ➡ T.238

Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

Đèn báo mức kiểm soát lực kéo [T] ➔ T.140

Khi đèn báo nhấp nháy, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đèn báo mức [Phanh động cơ] [EB] ➔ T.148

Khi đèn báo nhấp nháy, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

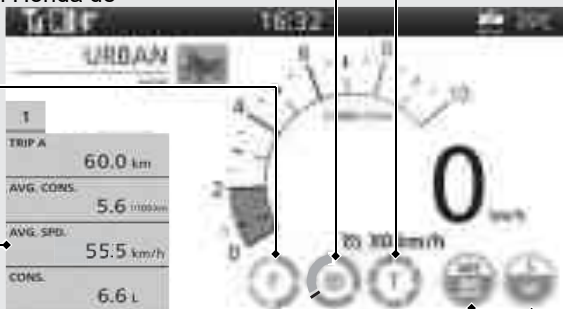
Đèn báo mức [Công suất] [P] ➔ T.148

Khi đèn báo nhấp nháy, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Chỉ báo thông tin phụ ➔ T.43

Đèn báo chế độ ABS [ABS] ➔ T.148

Khi đèn báo nhấp nháy, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.



Đèn báo [Chung] [S] ➔ T.148

CRF1100A3/AL4/D3/D4/DL4

Khi đèn báo nhấp nháy, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Chế độ hiển thị Đồng

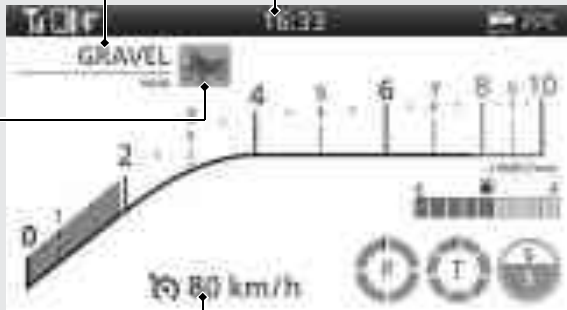
Đồng hồ (hiển thị 12 giờ hoặc 24 giờ)

Để cài đặt đồng hồ báo giờ: ➡ T.95

Màn hình chế độ lái

➡ T.148

Đèn báo chân chống
ngiêng ➡ T.71



Tốc độ thiết lập cho điều khiển hành trình

Hiện thị tốc độ đã cài đặt cho điều khiển hành trình.

Điều khiển hành trình: ➡ T.238


Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

Biểu tượng trạng thái chế độ sườn tay lái


CRF1100A3/AL4/D3/D4/DL4

Biểu tượng trạng thái chế độ sườn tay lái xuất hiện khi bật chế độ sườn tay lái.

 T.139

Nếu biểu tượng trạng thái chế độ sườn tay lái nhấp nháy:  T.323




Đèn báo mức [Công suất] [P]  T.148

Khi đèn báo nhấp nháy, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đèn báo mức kiểm soát lực kéo [T]  T.140

Khi đèn báo nhấp nháy, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đèn báo [Chung] [S]  T.148

CRF1100A3/AL4/D3/D4/DL4

Khi đèn báo nhấp nháy, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

— Đồng hồ đo nhiệt độ không khí ➔ T.71

— Đồng hồ đo tốc độ động cơ

LƯU Ý

Không vận hành động cơ khi đồng hồ đo tốc độ động cơ ở vùng màu đỏ. Tốc độ động cơ quá cao có thể làm giảm tuổi thọ của động cơ.

— **Vùng màu đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ**
(khoảng tốc độ động cơ quá cao)

— **Đồng hồ báo xăng**

Lượng xăng còn lại khi chỉ có vạch E (vạch thứ nhất) bắt đầu nhấp nháy:

Khoảng 3,6 L (0.95 US gal, 0.79 Imp gal) **CRF1100A/A3/D/D3**

Khoảng 3,9 L (1.03 US gal, 0.86 Imp gal) **CRF1100AL4/D4/DL4**

Nếu đèn báo xăng nhấp nháy: ➔ T.322


LƯU Ý

Bạn nên đổ xăng khi đèn báo xăng về gần vạch E (vạch thứ nhất). Chạy xe trong tình trạng hết xăng có thể làm động cơ hoạt động bất thường/bỏ máy, làm hỏng bộ chuyển đổi chất xúc tác.

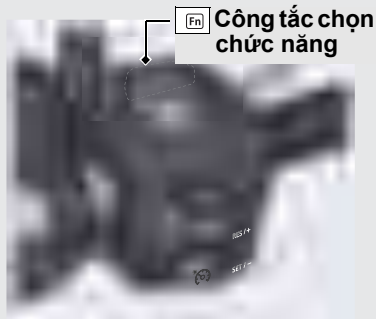


Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)


Thao tác vận hành cơ bản

Bạn có thể vận hành và cài đặt nhiều chức năng khác nhau của xe bằng cách sử dụng các công tắc trên tay lái bên trái và công tắc chọn chức năng  trên tay lái bên phải hoặc màn hình cảm ứng.

Tuy nhiên, bạn không thể vận hành một số chức năng khi xe đang di chuyển.



Để quay lại màn hình chính

Kéo về phía sau và giữ công tắc trang  trên tay lái bên trái hoặc chạm vào vùng đồng hồ trên màn hình hiển thị đa thông tin khi đang dừng xe.



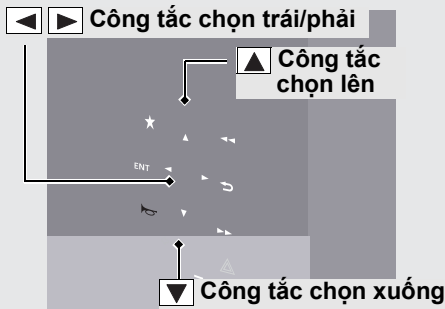
Để chọn menu cài đặt mong muốn

Để thao tác bằng tay lái bên trái:

Ấn ▲ hoặc ▼ để chọn các lựa chọn có sẵn.

Để thao tác bằng tay lái bên trái:

Gạt ◀ hoặc ▶ để chọn các lựa chọn có sẵn.

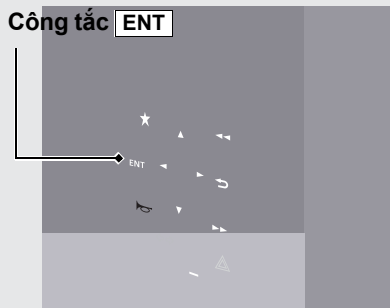


Để thao tác bằng màn hình cảm ứng:
Chạm vào menu cần chọn trên màn hình cảm ứng.

Để cài đặt lựa chọn của bạn

Để thao tác bằng tay lái bên trái:

Nhấn công tắc ENT trên tay lái bên trái để cài đặt lựa chọn của bạn.




Để thao tác bằng màn hình cảm ứng:
Chạm vào menu cần chọn trên màn hình cảm ứng.


Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

Để thoát Menu Cài đặt

Để quay lại thông tin lái xe:

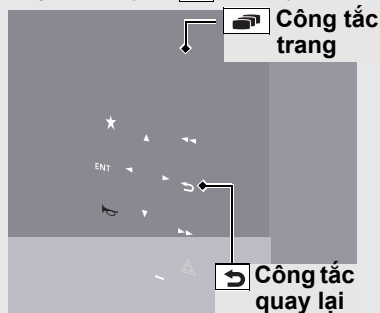
Kéo công tắc trang  trên tay lái bên trái về phía sau.

Để quay lại màn hình chính:


Kéo về phía sau và giữ công tắc trang  trên tay lái bên trái.

Để quay lại màn hình trước:

Ấn công tắc quay lại  trên tay lái bên trái.



Để thao tác bằng màn hình cảm ứng:

Chạm vào  để chọn trên màn hình cảm ứng.

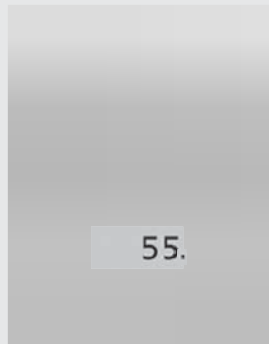
Ngoài ra, chế độ cài đặt sẽ tắt khi tốc độ xe của bạn đạt khoảng 6 km/h (4 dặm/giờ).

Trang 1:

Trang 1 hiển thị các mục sau đây: Đồng hồ đo hành trình A [TRIP A] và ba mục liên quan đến đồng hồ đo hành trình A [TRIP A] và đồng hồ đo hành trình B [TRIP B].

➡ T.91

- Màn hình hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của đồng hồ đo hành trình A [AVG. CONS.] ➡ T.48
- Màn hình hiển thị tốc độ trung bình của đồng hồ đo hành trình A [AVG. SPD.] ➡ T.56
- Màn hình hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại của đồng hồ đo hành trình A [CONS.] ➡ T.51
- Màn hình hiển thị thời gian thực hiện hành trình của đồng hồ hành trình A [ELAPSED] ➡ T.52
- Không hiển thị gì ở vị trí này ➡ T.65



Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

Trang 2:

Trang 2 hiển thị các mục sau đây: Đồng hồ đo hành trình B [TRIP B] và ba mục liên quan đến đồng hồ đo hành trình B [TRIP B].

➡ T.91

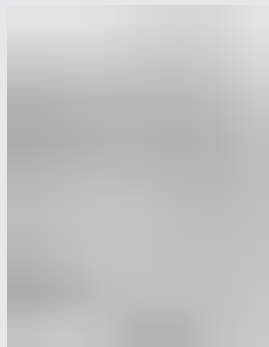
- Màn hình hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của đồng hồ đo hành trình B [AVG. CONS.] ➡ T.54
- Màn hình hiển thị tốc độ trung bình của đồng hồ đo hành trình B [AVG. SPD.] ➡ T.56
- Màn hình hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại của đồng hồ đo hành trình B [CONS.] ➡ T.57
- Màn hình hiển thị thời gian thực hiện hành trình của đồng hồ hành trình B [ELAPSED] ➡ T.58
- Không hiển thị gì ở vị trí này ➡ T.65



Trang 3:

Trang 3 hiển thị bốn mục được chọn từ các mục sau đây. ➡ T.91

- Màn hình hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại [INST. CONS.] ➡ T.59
- Màn hình hiển thị quãng đường có thể đi được [RANGE] ➡ T.60
- Màn hình hiển thị điện áp bình điện [VOLTAGE] ➡ T.61
- Màn hình hiển thị ngày [DATE] ➡ T.61
- Màn hình hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu trung bình [AVG. CONS.] ➡ T.62
- Màn hình hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu [CONS.] ➡ T.63
- Màn hình hiển thị thời gian thực hiện hành trình [ELAPSED] ➡ T.63
- Màn hình hiển thị đồng hồ đo quãng đường còn lại [-TRIP] ➡ T.64
- Không hiển thị gì ở vị trí này ➡ T.65

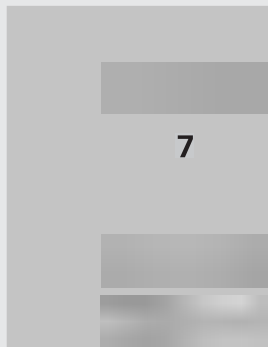


Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

Trang 4:

Trang 4 hiển thị các giá trị cài đặt của các mục sau:

- Màn hình hiển thị chức năng ABS trên bánh sau [ABS RR] ➡ T.66
- Màn hình hiển thị mức độ kiểm soát lực kéo Honda [HSTC] ➡ T.67
- Màn hình hiển thị mức kiểm soát chống bốc đầu xe [W] ➡ T.68
- CRF1100A3/AL4/D3/D4/DL4
Màn hình hiển thị mức tải trước giảm xóc sau [PRELOAD] ➡ T.69
- CRF1100D/D3/D4/DL4
Màn hình hiển thị công tắc G [G] ➡ T.70



Để chuyển đổi trang màn hình hiển thị

- 1 Chọn chế độ hiển thị vàng. **➡T.86**
- 2 Gạt **◀** hoặc **▶** của công tắc chọn trái/phải **◀ ▶** cho đến khi trang mong muốn hiển thị.

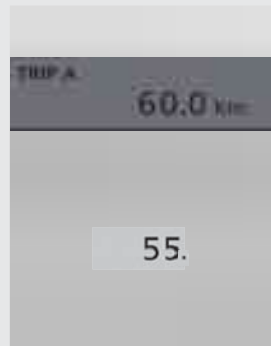
Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Để chuyển đổi trang 1 hoặc đồng hồ báo xăng

- 1 Chọn chế độ hiển thị bạc. **➡T.86**
- 2 Gạt **◀** hoặc **▶** của công tắc chọn trái/phải **◀ ▶** để chuyển đổi trang hoặc đồng hồ báo xăng.

Đồng hồ đo hành trình A [TRIP A]

Quãng đường xe đi được tính từ khi đặt lại đồng hồ đo hành trình A.



Khi “----.-” nhấp nháy, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Để đặt lại đồng hồ đo hành trình A [TRIP A]: **➡T.73**

Bảng đồng hồ thông tin *(Tiếp theo)*

Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của đồng hồ đo hành trình A [AVG. CONS.]

Hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu trung bình kể từ khi đặt lại đồng hồ đo hành trình A. Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình sẽ được tính dựa trên giá trị hiển thị trên đồng hồ đo hành trình A đã chọn.

Khoảng hiển thị:

Loại II FO, III FO 0,0 đến 299,9 l/100 km

Loại III KO, IN, II IN, III IN 0,0 đến 299,9 km/l

Loại MA, III MA, III TH, U, II U, III U, V, II V, III V

0,0 đến 299,9 l/100 km (km/l, mpg hoặc dặm/L)

- Màn hình hiển thị ban đầu: hiển thị “---.-”.

- **Loại II FO, III FO** Trên 299,9 l/100 km: Màn hình hiển thị “---.-”.

Loại III KO, IN, II IN, III IN Trên 299,9 km/l:


Màn hình hiển thị “299.9”.

Loại MA, III MA, III TH, U, II U, III U, V, II V, III V

- Trên 299,9 km/l (mpg hoặc dặm/L): Màn hình hiển thị “299.9”.
- Trên 299,9 l/100 km: Màn hình hiển thị “---.-”.
- Khi đồng hồ đo hành trình A được đặt lại: Màn hình hiển thị “---.-”.



Khi “---.” nhấp nháy, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Để đặt lại mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của đồng hồ đo hành trình A [AVG. CONS.]:  T.73

Bảng đồng hồ thông tin *(Tiếp theo)*

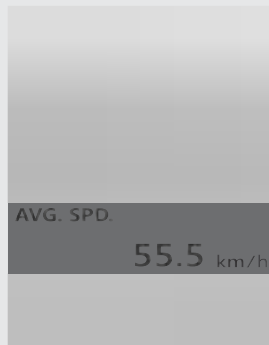
Tốc độ trung bình của đồng hồ đo hành trình A [AVG. SPD.]

Hiển thị tốc độ trung bình kể từ khi đặt lại đồng hồ đo hành trình A.

Tốc độ trung bình sẽ được tính dựa trên giá trị hiển thị trên đồng hồ đo hành trình A đã chọn.

- Khi đặt lại tốc độ trung bình của đồng hồ đo hành trình A: Màn hình hiển thị “299.0”.

Khoảng hiển thị: 0,0 đến 299,0 km/h hoặc 0,0 đến 186,0 dặm/giờ



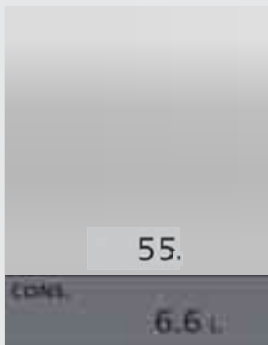
Để đặt lại tốc độ trung bình của đồng hồ đo hành trình A [AVG. SPD.]:  T.73

Mức tiêu hao nhiên liệu của đồng hồ đo hành trình A [CONS.]

Hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu của đồng hồ đo hành trình A kể từ khi đặt lại đồng hồ đo hành trình A.

Khoảng hiển thị: 0,0 đến 300,0 L (gal)

- Trên 300,0 L (gal): Màn hình hiển thị “300.0”.
- Khi đặt lại mức tiêu hao nhiên liệu của đồng hồ đo hành trình A: Màn hình hiển thị “299.9”.



Để đặt lại mức tiêu hao nhiên liệu của đồng hồ đo hành trình A [CONS.]:

← T.73

Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

Thời gian thực hiện hành trình của đồng hồ đo hành trình A [ELAPSED]

Hiển thị thời gian thực hiện hành trình của đồng hồ đo hành trình A kể từ khi đặt lại đồng hồ đo hành trình A.

Khoảng hiển thị: 00:00 đến 99:59 (giờ:phút)

- Màn hình hiển thị sẽ cố định ở “99:59” khi giá trị đọc vượt quá 99:59.



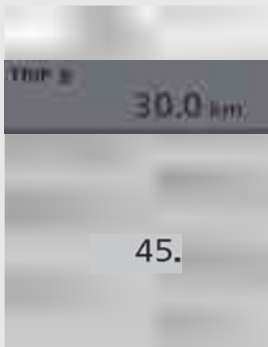
Khi “00:00” nhấp nháy, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Để đặt lại thời gian thực hiện hành trình của đồng hồ đo hành trình A

[ELAPSED]: T.73

Đồng hồ đo hành trình B [TRIP B]

Quãng đường xe đi được tính từ khi đặt lại đồng hồ đo hành trình B.



Khi “----.-” nhấp nháy, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Để đặt lại đồng hồ đo hành trình B

[TRIP B]: T.74

Bảng đồng hồ thông tin *(Tiếp theo)*

Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của đồng hồ đo hành trình B [AVG. CONS.]

Hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu trung bình kể từ khi đặt lại đồng hồ đo hành trình B. Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình sẽ được tính dựa trên giá trị hiển thị trên đồng hồ đo hành trình B đã chọn.

Khoảng hiển thị:

Loại II FO, III FO 0,0 đến 299,9 l/100 km

Loại III KO, IN, II IN, III IN 0,0 đến 299,9

km/l

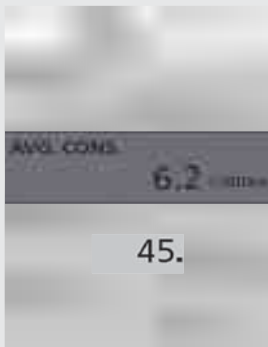
Loại MA, III MA, III TH, U, II U, III U, V, II V, III V

0,0 đến 299,9 l/100 km(km/l, mpg hoặc dặm/L)

- Màn hình hiển thị ban đầu: hiển thị “---.-”.
- **Loại II FO, III FO** Trên 299,9 l/100 km: Màn hình hiển thị “---.-”.
- Loại III KO, IN, II IN, III IN** Trên 299,9 km/l: Màn hình hiển thị “299.9”.

Loại MA, III MA, III TH, U, II U, III U, V, II V, III V

- Trên 299,9 km/l (mpg hoặc dặm/L): Màn hình hiển thị “299.9”.
- Trên 299,9 l/100 km: Màn hình hiển thị “---.-”.
- Khi đặt lại đồng hồ đo hành trình B: Màn hình hiển thị “---.-”.



Khi “---.” nhấp nháy, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Để đặt lại mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của đồng hồ đo hành trình B [AVG. CONS.]: ➔ T.74

Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

Tốc độ trung bình của đồng hồ đo hành trình B [AVG. SPD.]

Hiển thị tốc độ trung bình kể từ khi đặt lại đồng hồ đo hành trình B.

Tốc độ trung bình sẽ được tính dựa trên giá trị hiển thị trên đồng hồ đo hành trình B đã chọn.

- Khi đặt lại tốc độ trung bình của đồng hồ đo hành trình B: Màn hình hiển thị “299.0”. Khoảng hiển thị: 0,0 đến 299,0 km/h hoặc 0,0 đến 186,0 dặm/giờ



Để đặt lại tốc độ trung bình của đồng hồ đo hành trình B [AVG. SPD.]: T.74

Mức tiêu hao nhiên liệu của đồng hồ đo hành trình B [CONS.]

Hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu của đồng hồ đo hành trình B kể từ khi đặt lại đồng hồ đo hành trình B.

Khoảng hiển thị: 0,0 đến 300,0 L (gal)

- Trên 300,0 L (gal): Màn hình hiển thị "300.0".
- Khi đặt lại mức tiêu hao nhiên liệu của đồng hồ đo hành trình B: Màn hình hiển thị "299.9".



Để đặt lại mức tiêu hao nhiên liệu của đồng hồ đo hành trình B [CONS.]:

➡ T.74

Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

Thời gian thực hiện hành trình của đồng hồ đo hành trình B [ELAPSED]

Hiển thị thời gian thực hiện hành trình của đồng hồ đo hành trình B kể từ khi đặt lại đồng hồ đo hành trình B.

Khoảng hiển thị: 00:00 đến 99:59 (giờ:phút)

- Màn hình hiển thị sẽ cố định ở “99:59” khi giá trị đọc vượt quá 99:59.



Khi “00:00” nhấp nháy, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Để đặt lại thời gian thực hiện hành trình của đồng hồ đo hành trình B [ELAPSED]:

➡ T.74

▮ Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại [INST. CONS.]

Hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu ở thời điểm hiện tại

Khoảng hiển thị:

Loại II FO, III FO 0,0 đến 299,9 l/100 km

Loại III KO, IN, II IN, III IN 0,0 đến 299,9 km/l

Loại MA, III MA, III TH, U, II U, III U, V, II V, IIIV 0,0 đến 299,9 l/100 km (km/l, mpg hoặc dặm/L)

- Khi tốc độ xe dưới 3 km/h (1 dặm/giờ):

Màn hình hiển thị “---.”.

- **Loại II FO, III FO** Trên 299,9 l/100 km:

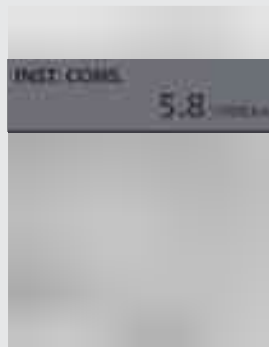
Màn hình hiển thị “---.”.

Loại III KO, IN, II IN, III IN Trên 299,9 km/l:

Màn hình hiển thị “299.9”.

Loại MA, III MA, III TH, U, II U, III U, V, II V, IIIV

- Trên 299,9 km/l (mpg hoặc dặm/L):
Màn hình hiển thị “299.9”.
- Trên 299,9 l/100 km: Màn hình hiển thị “---.”.



Khi “---.” nhấp nháy, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Bảng đồng hồ thông tin *(Tiếp theo)*

Quãng đường có thể đi được [RANGE]

Màn hình hiển thị quãng đường ước tính xe có thể đi được với lượng xăng còn lại.

Khoảng hiển thị: 999 đến 0 km (999 đến 0 dặm)

- Trên 999km (dặm): Màn hình hiển thị “999”.
- Màn hình hiển thị ban đầu: hiển thị “0”.
- Khi quãng đường có thể đi được dưới 5 km (3 dặm) hoặc lượng nhiên liệu còn lại dưới 1,0 L (0.2 gal), màn hình hiển thị “---”.

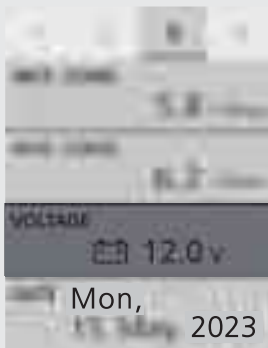
Quãng đường có thể đi được này được tính dựa trên điều kiện lái xe và con số hiển thị có thể không phải là quãng đường đi được thực tế.



Điện áp bình điện [VOLTAGE]

Hiển thị điện áp bình điện hiện tại.

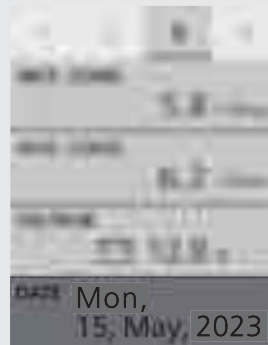
Khoảng hiển thị: 7,5 đến 18,5 V



Khi “---.” nhấp nháy, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Ngày [DATE]

Hiển thị ngày tháng của hôm nay.



Để cài đặt ngày hiện tại: T.95

Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình

[AVG. CONS.]

Hiện thị mức tiêu hao nhiên liệu trung bình kể từ khi đặt lại mức tiêu hao nhiên liệu trung bình.

Khoảng hiển thị:

Loại II FO, III FO 0,0 đến 299,9 l/100 km

Loại III KO, IN, II IN, III IN Trên 299,9 km/l:

Màn hình hiển thị “299.9”.

Loại MA, III MA, III TH, U, II U, III U, V, II V, IIIV

0,0 đến 299,9 l/100 km(km/l, mpg hoặc dặm/L)

- Màn hình hiển thị ban đầu: hiển thị “---.-”.

- Loại II FO, III FO Trên 299,9 l/100 km:

Màn hình hiển thị “---.-”.

Loại III KO, IN, II IN, III IN Trên 299,9 km/l:

Màn hình hiển thị “299.9”.

Loại MA, III MA, III TH, U, II U, III U, V, II V, IIIV

- Trên 299,9 km/l (mpg hoặc dặm/L):
Màn hình hiển thị “299.9”.
- Trên 299,9 l/100 km: Màn hình hiển thị “---.-”.
- Khi đặt lại mức tiêu hao nhiên liệu trung bình [AVG.CONST]: Màn hình hiển thị “---.-”.



Khi “---.-” nhấp nháy, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Để đặt lại mức tiêu hao nhiên liệu trung bình [AVG. CONS.]: T.75

Mức tiêu hao nhiên liệu [CONS.]

Hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu kể từ khi khởi động động cơ.

Khoảng hiển thị: 0,0 đến 300,0 L hoặc 0,0 đến 300,0 gal

- Trên 300,0 L (gal): Màn hình hiển thị “300.0”.
- Khi động cơ khởi động: Màn hình hiển thị “---.-”.



Thời gian thực hiện hành trình [ELAPSED]

Hiển thị thời gian vận hành kể từ khi khởi động động cơ.

Khoảng hiển thị: 00:00 đến 99:59 (giờ:phút)

- Màn hình hiển thị sẽ cố định ở “99:59” khi giá trị đọc vượt quá 99:59.



Khi “00:00” nhấp nháy, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Bảng đồng hồ thông tin *(Tiếp theo)*

Đồng hồ đo quãng đường còn lại [-TRIP]

Quãng đường đã đi được trừ dần đi từ một giá trị cài đặt trước, tính từ khi thiết lập đồng hồ đo quãng đường còn lại.

Khoảng hiển thị:

Loại II FO, III FO, III KO, IN, II IN, III IN

999 đến -1.609 km

Loại MA, III MA, III TH, U, II U, III U, V, II V, III V

1.607,3 đến -1.609,0 km hoặc 999,0 đến -1.000,0 dặm

Màn hình đồng hồ sẽ cố định tại “-1609,0” km (“-1000,0” dặm) khi giá trị đọc được vượt quá -1609,0 km (-1000,0 dặm).



Để cài đặt đồng hồ đo quãng đường còn lại: **T.83**

Mặc định: 000

Hiển thị trống

Không hiển thị thông tin.

1	2	3	4
INST. CONS.		5.8	litres/km
AVG. CONS.		6.2	litres/km
RANGE		32	km

Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

Chức năng ABS trên bánh sau [ABS RR]

Hiển thị trạng thái được chọn của chức năng ABS trên bánh sau [ABS RR].



Các cài đặt sẵn có: [ACTIVE]/[CANCEL]
(KÍCH HOẠT)/(HỦY)

Mặc định: [ACTIVE] (KÍCH HOẠT)

Để chọn chức năng ABS trên bánh sau [ABS RR]:  T.129

Mức kiểm soát lực kéo Honda [HSTC]

Hiển thị giá trị được chọn của mức kiểm soát lực kéo Honda [HSTC].



Phạm vi cài đặt: Mức 1 đến 7 hoặc 0 (Tắt)

Để lựa chọn mức kiểm soát lực kéo Honda [HSTC]: ➡ T.140

Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

Mức kiểm soát chống bốc đầu xe [W]

Hiển thị giá trị được chọn của mức kiểm soát chống bốc đầu xe [W].



Phạm vi cài đặt: Mức 1 đến 3 hoặc 0 (Tắt)

Để chọn mức kiểm soát chống bốc đầu xe [W]: T.144

Chế độ tải trước giảm xóc sau [PRELOAD]

CRF1100A3/AL4/D3/D4/DL4

Hiển thị trạng thái được chọn của chế độ tải trước giảm xóc sau [PRELOAD].



Biểu tượng trạng thái	Điều kiện lái
	Chỉ người lái (Tải trước tối thiểu)
	Người lái và hành lý
	Người lái và người ngồi sau
	Người lái, người ngồi sau và hành lý (Tải trước tối đa)

Mặc định: Chỉ người lái

Để chọn chế độ tải trước giảm xóc sau [PRELOAD]: T.307

Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

Công tắc G [G]

CRF1100D/D3/D4/DL4

Hiển thị trạng thái được chọn của công tắc G [G].



Các cài đặt sẵn có: [ACTIVE]/[CANCEL]
(KÍCH HOẠT)/(HỦY)

Mặc định:

- [TOUR MODE]: [CANCEL] (HỦY)
- [URBAN MODE]: [CANCEL] (HỦY)
- [GRAVEL MODE]: [CANCEL] (HỦY)
- [OFF ROAD MODE]: [ACTIVE] (KÍCH HOẠT)
- [USER 1 MODE]: [CANCEL] (HỦY)
- [USER 2 MODE]: [CANCEL] (HỦY)

Để chọn công tắc G [G]: ➡ T.133

Đèn báo chân chống nghiêng

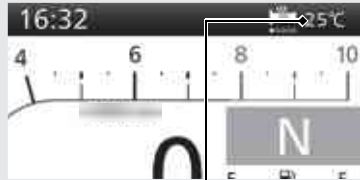
Đèn báo chân chống nghiêng sáng khi chân chống nghiêng được hạ xuống. Biểu tượng tắt khi chân chống nghiêng được gạt lên.



Đèn báo chân chống nghiêng

Đồng hồ đo nhiệt độ không khí

Hiển thị nhiệt độ xung quanh.



Đồng hồ đo nhiệt độ không khí

Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

Khoảng hiển thị: -10°C đến 50°C

- Dưới -11°C : Màn hình hiển thị "---"
- Trên 50°C : Nhấp nháy 50°C .

Khi tốc độ xe dưới 30 km/h (19 dặm/giờ), mức nhiệt từ mặt đường và khí thải từ xe khác có thể ảnh hưởng đến giá trị nhiệt độ. Sau khi giá trị nhiệt độ ổn định, màn hình sẽ mất khoảng vài phút để cập nhật.

Tốc độ thiết lập cho điều khiển hành trình

Hiển thị tốc độ đã thiết lập cho điều khiển hành trình.



Tốc độ thiết lập cho điều khiển hành trình

Để cài đặt tốc độ thiết lập cho điều khiển hành trình: **➡ T.240**

Để đặt lại đồng hồ đo hành trình A [TRIP A], Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của đồng hồ đo hành trình A [AVG. CONS.], Tốc độ trung bình của đồng hồ đo hành trình A [AVG. SPD.], Mức tiêu hao nhiên liệu của đồng hồ đo hành trình A [CONS.] và Thời gian thực hiện hành trình của đồng hồ đo hành trình A [ELAPSED]

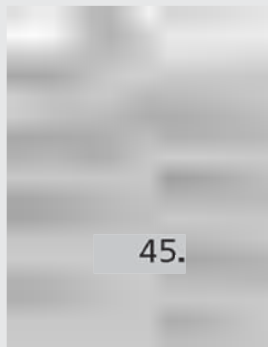
Để đặt lại đồng hồ đo hành trình A [TRIP A], mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của đồng hồ đo hành trình A [AVG. CONS.], tốc độ trung bình của đồng hồ đo hành trình A [AVG. SPD.], mức tiêu hao nhiên liệu của đồng hồ đo hành trình A [CONS.] và thời gian thực hiện hành trình của đồng hồ đo hành trình A [ELAPSED], hãy nhấn và giữ công tắc **ENT** khi trang 1 đang hiển thị hoặc chạm và giữ vùng hiển thị trang 1.

55.

Bảng đồng hồ thông tin *(Tiếp theo)*

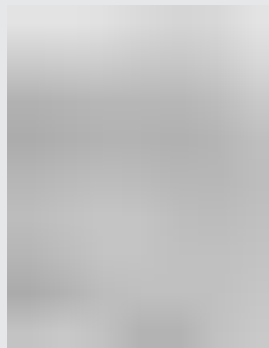
Để đặt lại đồng hồ đo hành trình B [TRIP B], Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của đồng hồ đo hành trình B [AVG. CONS.], Tốc độ trung bình của đồng hồ đo hành trình B [AVG. SPD.], Mức tiêu hao nhiên liệu của đồng hồ đo hành trình B [CONS.] và Thời gian thực hiện hành trình B [ELAPSED]

Để đặt lại đồng hồ đo hành trình B [TRIP B], mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của đồng hồ đo hành trình B [AVG. CONS.], tốc độ trung bình của đồng hồ đo hành trình B [AVG. SPD.], mức tiêu hao nhiên liệu của đồng hồ đo hành trình B [CONS.] và thời gian thực hiện hành trình của đồng hồ đo hành trình B [ELAPSED], hãy nhấn và giữ công tắc **ENT** khi trang 2 đang hiển thị hoặc chạm và giữ vùng hiển thị trang 2.





Để đặt lại mức tiêu hao nhiên liệu trung bình [AVG. CONS.]


Để đặt lại mức tiêu hao nhiên liệu trung bình [AVG. CONS.], ấn và giữ công tắc **ENT** khi trang 3 đang hiển thị hoặc chạm và giữ vùng hiển thị trang 3.







Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo) Chế độ cài đặt

Để chuyển sang Menu của Màn hình hiển thị đa thông tin

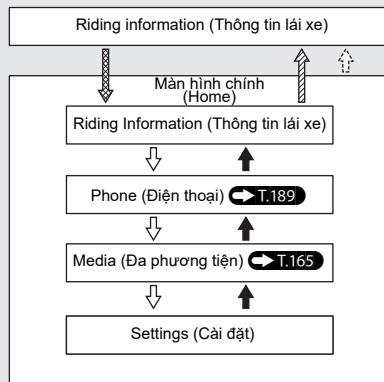
 Kéo về phía sau và giữ công tắc trang  hoặc chạm vào vùng đồng hồ báo giờ trên màn hình hiển thị đa thông tin.

 Chọn [Riding Information] (Thông tin lái xe), sau đó nhấn công tắc **ENT** hoặc chạm vào [Riding Information] (Thông tin lái xe) trên màn hình hiển thị đa thông tin.

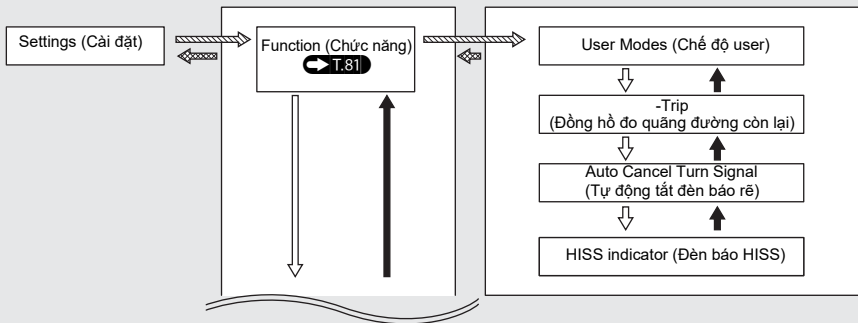
 Kéo công tắc trang  về phía sau.

 Ấn công tắc chọn lên .

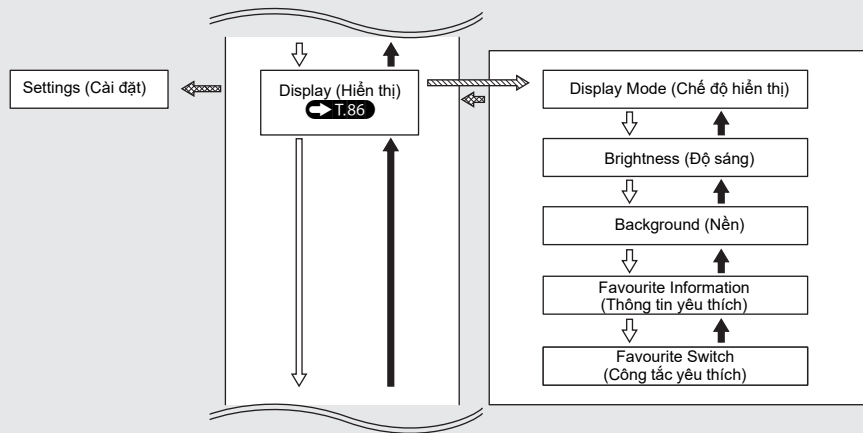
 Ấn công tắc chọn xuống .

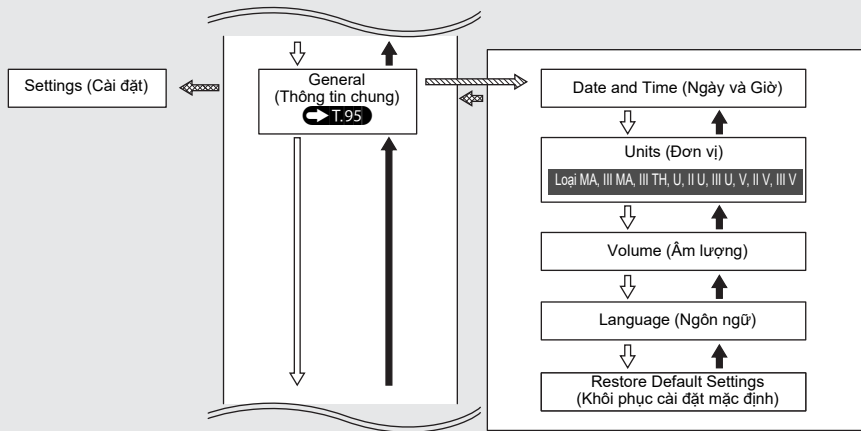


- ➡ Ấn công tắc **ENT** .
- ↶ Ấn công tắc quay lại **↶** hoặc chạm vào **↶** trên màn hình hiển thị đa thông tin.
- ➡ Ấn công tắc chọn lên **▲** .
- ⬇ Ấn công tắc chọn xuống **▼** .

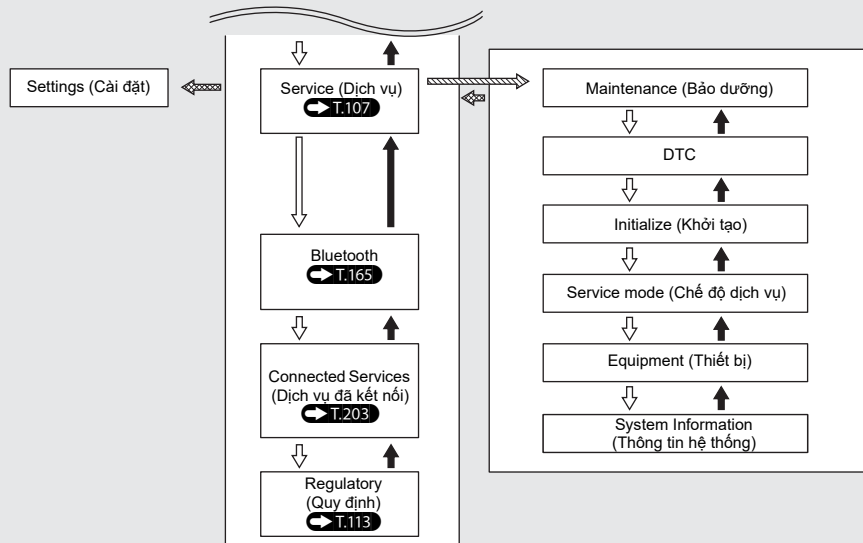


Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)





Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)



Chức năng

Các mục sau có thể thay đổi theo trình tự.

- User Modes (Chế độ user) (xem trong trang này)
- -Trip (Đồng hồ đo quãng đường còn lại) ➡ T.83
- Auto Cancel Turn Signal (Tự động tắt đèn báo rẽ) ➡ T.84
- HISS indicator (Đèn báo HISS) ➡ T.85

User Modes (Chế độ user)

Bạn có thể thay đổi các giá trị [Công suất], [Phanh động cơ], [Chung]*¹, [Trước]*¹, [Sau]*¹, [ABS], [Preload] (Tải trước)*¹ trong [USER 1 MODE] (CHẾ ĐỘ USER 1) và [USER 2 MODE] (CHẾ ĐỘ USER 2).

*1 : CRF1100A3/AL4/D3/D4/DL4



Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

- 1 Chọn [User Modes] (Chế độ user) rồi ấn công tắc **ENT** .
- 2 Chọn [User 1] hoặc [User 2] bằng công tắc chọn lên **▲** hoặc công tắc chọn xuống **▼** rồi ấn công tắc **ENT** .



- 3 Ấn công tắc chọn lên **▲** hoặc công tắc chọn xuống **▼** để chọn menu cài đặt.
- 4 Gạt **◀** hoặc **▶** của công tắc chọn trái/phải **◀▶** cho đến khi giá trị mong muốn hiển thị.
 - ▶ Gạt và giữ **◀** hoặc **▶** của công tắc chọn trái/phải **◀▶** để chuyển nhanh giá trị hiển thị.



- 5 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. **➡ T.42**
 Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Các cài đặt sẵn có: **➡ T.152**

Mặc định: **➡ T.150**

-Trip (Đồng hồ đo quãng đường còn lại)

Bạn cũng có thể điều chỉnh giá trị của đồng hồ đo quãng đường còn lại [-TRIP].



- 1 Chọn [-Trip], rồi ấn công tắc **ENT** .
- 2 Chọn thông số bằng cách sử dụng **◀** hoặc **▶** của công tắc chọn trái/phải **◀▶** .
- 3 Để tăng giá trị: Ấn công tắc chọn lên **▲** cho tới khi hiển thị giá trị mong muốn.
Để giảm giá trị: Ấn công tắc chọn xuống **▼** cho tới khi hiển thị giá trị mong muốn.

▶ Ấn và giữ công tắc chọn lên **▲** hoặc công tắc chọn xuống **▼** để chuyển nhanh giá trị hiển thị.



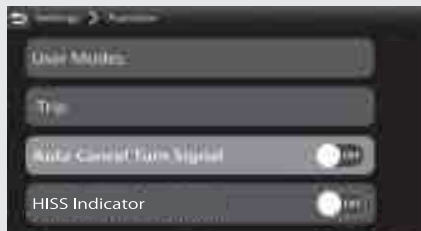
- 4 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. **← T.42**
- Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Phạm vi cài đặt: 000 đến 999

Mặc định: 000

Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo) Auto Cancel Turn Signal (Tự động tắt đèn báo rẽ)

Bạn có thể kích hoạt/ngắt kích hoạt chế độ tự động tắt đèn báo rẽ.



- 1 Chọn [Auto Cancel Turn Signal] (Tự động tắt đèn báo rẽ), sau đó ấn công tắc **ENT** để chọn [ON] (kích hoạt) hoặc [OFF] (ngắt kích hoạt) chức năng.
 - 2 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. ➔ T.42
- Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Các cài đặt sẵn có: [ON]/[OFF] (BẬT/TẮT)
Mặc định: [ON] (BẬT)

HISS indicator (Đèn báo HISS)

Bạn có thể chuyển chế độ của đèn báo HISS sang nhấp nháy hoặc tắt.



❶ Chọn [HISS indicator] (Đèn báo HISS), sau đó ấn công tắc **ENT** để chọn [ON] (nhấp nháy) hoặc [OFF] (tắt) chức năng.

❷ Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. **← T.42**

Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Các cài đặt sẵn có: [ON]/[OFF] (BẬT/TẮT)

Mặc định: [ON] (BẬT)

Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

Display (Hiển thị)

Các mục sau có thể thay đổi theo trình tự.

- Display Mode (Chế độ hiển thị) (xem trong trang này)
- Brightness (Độ sáng) ➔ T.88
- Background (Nền) ➔ T.89
- Favourite Information (Thông tin yêu thích) ➔ T.91
- Favourite Switch (Công tắc yêu thích) ➔ T.93

Display Mode (Chế độ hiển thị)

Bạn có thể chọn hình ảnh cho thông tin lái xe.



- 1 Chọn [Display Mode] (Chế độ hiển thị) rồi ấn công tắc **ENT** .
- 2 Ấn công tắc chọn lên **▲** hoặc công tắc chọn xuống **▼** để chọn menu cài đặt.
- 3 Gạt **◀** hoặc **▶** của công tắc chọn trái/phải **◀ ▶** để chọn màn hình hiển thị mong muốn.



- 4 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. **↔ T.42**
- Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Các cài đặt sẵn có: Chế độ hiển thị Vàng/ Bạc/Đồng

Mặc định:

- [TOUR MODE]: Hình ảnh Vàng
- [URBAN MODE]: Hình ảnh Bạc
- [GRAVEL MODE]: Hình ảnh Bạc
- [OFF ROAD MODE]: Hình ảnh Đồng
- [USER 1 MODE]: Hình ảnh Bạc
- [USER 2 MODE]: Hình ảnh Đồng

Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo) Brightness (Độ sáng)

Bạn có thể chọn độ sáng của đèn nền.









Màn hình có thể tối lại khi quá nóng. Nếu màn hình không khôi phục độ sáng ban đầu, hãy liên hệ Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

Điều chỉnh độ sáng tự động: ➔ T.354




- 1 Chọn [Brightness] (Độ sáng), rồi ấn công tắc **ENT** .
- 2 Chọn [Auto] (Tự động), sau đó ấn công tắc **ENT** để chọn [ON] (BẬT) (tự động) hoặc [OFF] (TẮT) (thủ công) cho chức năng.



- 3** Nếu bạn chọn [OFF] (TẮT) (thủ công), gạt  hoặc  của công tắc chọn trái/phải   để chọn mức ưu tiên của bạn.
 ▶ Gạt và giữ  hoặc  của công tắc chọn trái/phải   để chuyển nhanh giá trị hiển thị.

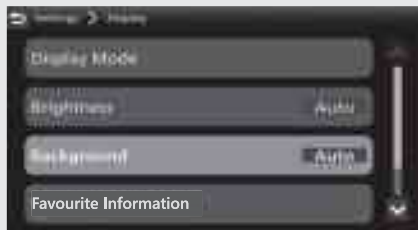


- 4** Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính.  T.42
 Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Phạm vi cài đặt: Mức 1 đến 8 hoặc [Auto] (Tự động)
Mặc định: [Auto] (Tự động)

Background (Nền)
 Bạn có thể chọn nền.

Điều chỉnh nền tự động:  T.354



Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

- 1 Chọn [Background] (Nền) rồi ấn công tắc **ENT**.
- 2 Chọn [Auto] (Tự động), sau đó ấn công tắc **ENT** để chọn [ON] (BẬT) (tự động) hoặc [OFF] (TẮT) (thủ công) cho chức năng.
- 3 Nếu bạn chọn [ON] (BẬT) (tự động), gạt **◀** hoặc **▶** của công tắc chọn trái/phải **◀▶** để chọn mức ưu tiên của bạn.
▶ Gạt và giữ **◀** hoặc **▶** của công tắc chọn trái/phải **◀▶** để chuyển nhanh giá trị hiển thị.



Nếu bạn chọn [OFF] (TẮT) (thủ công), ấn công tắc chọn lên **▲** hoặc công tắc chọn xuống **▼** để chọn [White] (Trắng) hoặc [Black] (Đen).



- 4 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. **➡ T.42**
Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Phạm vi cài đặt: Mức tự động 1 đến 7, Trắng hoặc Đen

Mặc định: Tự động 1

Favourite Information (Thông tin yêu thích)







Có thể chọn các mục sau:

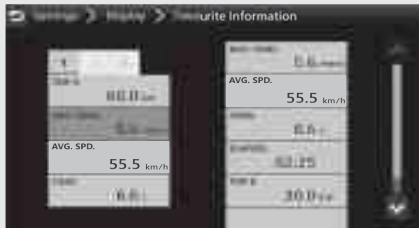
- Trang 1
 - Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của đồng hồ đo hành trình A [AVG. CONS.]
 - Tốc độ trung bình của đồng hồ đo hành trình A [AVG. SPD.]
 - Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại của đồng hồ đo hành trình A [CONS.]
 - Thời gian thực hiện hành trình của đồng hồ đo hành trình A [ELAPSED]
 - Đồng hồ đo hành trình B [TRIP B]
 - Hiển thị trống
- Trang 2
 - Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của đồng hồ đo hành trình B [AVG. CONS.]
 - Tốc độ trung bình của đồng hồ đo hành trình B [AVG. SPD.]
 - Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại của đồng hồ đo hành trình B [CONS.]
 - Thời gian thực hiện hành trình của đồng hồ đo hành trình B [ELAPSED]
 - Hiển thị trống



- Trang 3
 - Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại [INST. CONS.]
 - Quãng đường có thể đi được [RANGE]
 - Điện áp bình điện [VOLTAGE]
 - Ngày [DATE]
 - Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình [AVG. CONS.]
 - Mức tiêu hao nhiên liệu [CONS.]
 - Thời gian thực hiện hành trình [ELAPSED]
 - Đồng hồ đo quãng đường còn lại [-TRIP]
 - Hiển thị trống

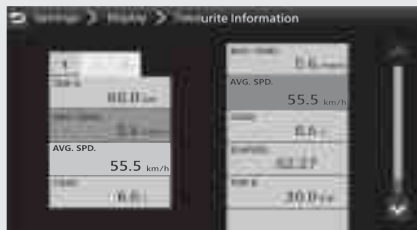



Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

- 1 Chọn [Favourite Information] (Thông tin yêu thích) rồi ấn công tắc **ENT** .
- 2 Gạt  hoặc  của công tắc chọn trái/phải   cho đến khi trạng mong muốn hiển thị.
- 3 Ấn  /  để chọn các lựa chọn có sẵn rồi ấn công tắc **ENT** .



- 4 Ấn  /  để chọn các lựa chọn có sẵn rồi ấn công tắc **ENT** .



- 5 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính.  **T.42**
- Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Mặc định:

- Trang 1
 - Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của đồng hồ đo hành trình A [AVG. CONS.]
 - Tốc độ trung bình của đồng hồ đo hành trình A [AVG. SPD.]
 - Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại của đồng hồ đo hành trình A [CONS.]
- Trang 2
 - Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của đồng hồ đo hành trình B [AVG. CONS.]
 - Tốc độ trung bình của đồng hồ đo hành trình B [AVG. SPD.]
 - Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại của đồng hồ đo hành trình B [CONS.]
- Trang 3
 - Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại [INST. CONS.]
 - Quãng đường có thể đi được [RANGE]
 - Điện áp bình điện [VOLTAGE]
 - Ngày [DATE]

Favourite Switch (Công tắc yêu thích)



Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

- 1 Chọn [Favourite Switch] (Công tắc yêu thích) rồi ấn công tắc **ENT** .
- 2 Ấn công tắc chọn lên **▲** hoặc công tắc chọn xuống **▼** để chọn chế độ mong muốn.



- 3 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. **➡ T.42**

Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Các cài đặt sẵn có: [HSTC]/
[Wheelie Control]/[Riding Mode]/
[G Switch] **CRF1100D/D3/D4/DL4**

Mặc định: [HSTC]

Thông tin chung

Các mục sau có thể thay đổi theo trình tự.

- Ngày và giờ (xem trong trang này)
- Đơn vị

Loại MA, III MA, III TH, U, II U, III U, V, II V, III V

➡ T.98

- Volume (Âm lượng) ➡ T.100
- Language (Ngôn ngữ) ➡ T.102
- Restore Default Setting (Khôi phục cài đặt mặc định) ➡ T.104

Date and Time (Ngày và Giờ)

Màn hình hiển thị đa thông tin nhận tín hiệu từ vệ tinh GPS và tự động cập nhật ngày và giờ.

Bạn cũng có thể điều chỉnh ngày và giờ thủ công.



Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

Để [ON] (BẬT) (tự động) chức năng tự động điều chỉnh thời gian:

- 1 Chọn [Date and Time] (Ngày và Giờ) rồi ấn công tắc **ENT** .
- 2 Chọn [Adjust Time Automatically] (Điều chỉnh thời gian tự động) rồi ấn công tắc **ENT** để [ON] (BẬT) (tự động) chức năng này.



Khi không thể định vị GPS. Đọc tin nhắn thông báo, sau đó ấn công tắc **ENT** .



- 3 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. **↩ T.42**
- Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Để điều chỉnh đồng hồ thủ công:

- 1 Chọn [Date and Time] (Ngày và Giờ) rồi ấn công tắc **ENT** .
- 2 Chọn [Adjust Time Automatically] (Điều chỉnh thời gian tự động) rồi ấn công tắc **ENT** để [OFF] (TẮT) (thủ công) chức năng này.



- 3 Ấn **◀** / **▶** trên công tắc chọn trái/phải **◀** **▶** để chọn ngày, tháng, năm giờ, phút hoặc mục định dạng thời gian.
 - Để chuyển tiếp ngày, tháng, năm, giờ hoặc phút: Ấn công tắc chọn lên **▲** cho tới khi hiển thị giá trị mong muốn. Để chuyển lùi ngày, tháng, năm, giờ hoặc phút: Ấn công tắc chọn xuống **▼** cho tới khi hiển thị giá trị mong muốn.
 - ▶ Ấn và giữ công tắc chọn lên **▲** hoặc công tắc chọn xuống **▼** để chuyển nhanh giá trị hiển thị.
 - Để chọn định dạng thời gian: Ấn công tắc chọn lên **▲** hoặc công tắc chọn xuống **▼** cho đến khi định dạng thời gian mong muốn hiển thị.

Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)



4 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. ➡ T.42

Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Các cài đặt sẵn có: [ON] (BẬT) (tự động)/ [OFF] (TẮT) (thủ công)

Mặc định: [ON] (BẬT) (tự động)

Đơn vị

Loại MA, III MA, III TH, U, II U, III U, V, II V, III V

Bạn có thể thay đổi các đơn vị sau.

- [Speed] (Tốc độ): [km/h] hoặc [dặm/giờ]
 - [Fuel Consumption] (Mức tiêu hao nhiên liệu): [l/100 km] hoặc [km/l]
- Nếu chọn đơn vị tốc độ [mph] (dặm/giờ) thì mức nhiên liệu sẽ hiển thị theo đơn vị [mpg] hoặc [mile/L] (dặm/L).



- 1 Chọn [Units] (Đơn vị) rồi ấn công tắc **ENT**.
- 2 Ấn công tắc chọn lên **▲** hoặc công tắc chọn xuống **▼** để chọn menu cài đặt.
 - ▶ "Temperature" (Nhiệt độ) hiển thị nhưng không thể sử dụng.
- 3 Gạt **◀** hoặc **▶** của công tắc chọn trái/phải **◀ ▶** để chọn đơn vị mong muốn.



- 4 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. **➡ T.42**
 Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Các cài đặt sẵn có:

- [Speed] (Tốc độ): [km/h]/[mph]
- [Fuel Consumption] (Mức tiêu hao nhiên liệu): [l/100 km]/[km/l]/[mpg]/[mile/L]

Mặc định:

- [Speed] (Tốc độ): [km/h]
- [Fuel Consumption] (Mức tiêu hao nhiên liệu): [l/100 km]

Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo) Volume (Âm lượng)

Chọn cài đặt âm lượng để tự động tăng âm lượng cho tai nghe khi chạy xe ở tốc độ cao hơn.



Để [Off] (ngắt kích hoạt), [Low] (Thấp) hoặc [High] (Cao) chức năng âm lượng tự động:

- 1 Chọn [Volume] (Âm lượng) rồi ấn công tắc **ENT** .
- 2 Chọn [Automatic Volume] (Âm lượng tự động) rồi ấn công tắc **ENT** .



- 3 Ấn công tắc chọn lên **▲** hoặc công tắc chọn xuống **▼** để cài đặt lựa chọn của bạn.



- 4 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. ➡ T.42

Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Các cài đặt sẵn có: [Off] (ngắt kích hoạt)/ [Low] (Thấp)/[High] (Cao)


Mặc định: [Off] (ngắt kích hoạt)

Để điều chỉnh âm lượng:

- 1 Chọn [Volume] (Âm lượng) rồi ấn công tắc **ENT**.
- 2 Ấn công tắc chọn lên **▲** hoặc công tắc chọn xuống **▼** để chọn menu cài đặt.
- 3 Gạt **◀** hoặc **▶** của công tắc chọn trái/phải **◀ ▶** để chọn mức ưu tiên của bạn.
 - ▶ Gạt và giữ **◀** hoặc **▶** của công tắc chọn trái/phải **◀ ▶** để chuyển nhanh giá trị hiển thị.



Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

4 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính.  T.42

Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Phạm vi điều chỉnh **ÂM LƯỢNG**:

Ngoài Micrô: Mức 0 đến 30

Micrô: Mức 0 đến 14

Mặc định:

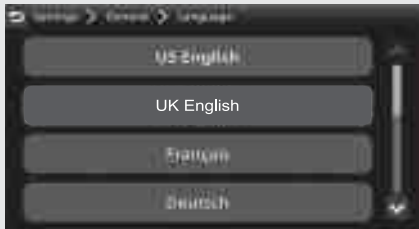
- Music (Âm nhạc) (Người lái): 7
- Music (Âm nhạc) (Người ngồi sau): 7
- Phone (Điện thoại): 7
- System (Hệ thống): 7
- Ringtone (Chuông báo): 7
- Voice (Giọng nói): 7
- CarPlay: 7
- **Android Auto™**: 7
- Micrô: 7

Language (Ngôn ngữ)

Bạn có thể thay đổi ngôn ngữ hệ thống.



- 1 Chọn [Language] (Ngôn ngữ) rồi ấn công tắc **ENT** .
- 2 Ấn công tắc chọn lên **▲** hoặc công tắc chọn xuống **▼** để chọn ngôn ngữ hiển thị bạn muốn sử dụng trên màn hình.



- 3 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. **↩ T.42**
- Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Mặc định:

Loại V, II V, III V

[UK English] (Tiếng Anh-Anh)

Ngoại trừ loại V, II V, III V

[US English] (Tiếng Anh-Mỹ)

Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo) Restore Default Settings (Khôi phục cài đặt mặc định)

Các giá trị cài đặt có thể trở lại cài đặt mặc định.



- 1 Chọn [Restore Default Settings] (Khôi phục cài đặt mặc định) rồi ấn công tắc **ENT** .

- 2 Chọn [No] (không khôi phục) hoặc [Yes] (khôi phục) bằng cách sử dụng công tắc chọn lên **▲** hoặc **▼** công tắc chọn xuống.

- 3 Khi chọn [No]
Ấn công tắc **ENT** .
Giá trị cài đặt được duy trì và sau đó màn hình hiển thị trở lại màn hình menu [General] (Chung).

Khi chọn [Yes]

- Ấn công tắc **ENT** .
Màn hình hiển thị thay đổi thành màn hình xác nhận.



4 Chọn [No] (không khôi phục) hoặc [Yes] (khôi phục) bằng cách sử dụng công tắc chọn lên ▲ hoặc ▼ công tắc chọn xuống trên màn hình xác nhận.

5 Khi chọn [No]

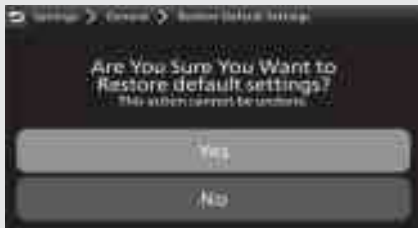
Ấn công tắc **ENT**.

Giá trị cài đặt được duy trì và sau đó màn hình hiển thị trở lại màn hình menu [General] (Chung).

Khi chọn [Yes]

Ấn công tắc **ENT**.

Giá trị cài đặt trở về cài đặt mặc định và sau đó màn hình hiển thị trở lại màn hình menu [General] (Chung).



6 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. ➡ T.42

Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Giá trị cài đặt mặc định:

- -TRIP (Đồng hồ đo quãng đường còn lại): 000
- Display mode (Chế độ hiển thị):
 - ▶ [TOUR MODE]: Hình ảnh Vàng
 - ▶ [URBAN MODE]: Hình ảnh Bạc
 - ▶ [GRAVEL MODE]: Hình ảnh Bạc
 - ▶ [OFF ROAD MODE]: Hình ảnh Đồng
 - ▶ [USER 1 MODE]: Hình ảnh Bạc
 - ▶ [USER 2 MODE]: Hình ảnh Đồng
- Brightness (Độ sáng): Tự động
- Background (Nền): Tự động 1
- Favourite information (Thông tin yêu thích):

Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

- ▶ Trang 1:
 - Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của đồng hồ đo hành trình A [AVG. CONS.]
 - Tốc độ trung bình của đồng hồ đo hành trình A [AVG. SPD.]
 - Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại của đồng hồ đo hành trình A [CONS.]
 - ▶ Trang 2:
 - Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của đồng hồ đo hành trình B [AVG. CONS.]
 - Tốc độ trung bình của đồng hồ đo hành trình B [AVG. SPD.]
 - Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại của đồng hồ đo hành trình B [CONS.]
 - ▶ Trang 3:
 - Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại [INST. CONS.]
 - Quãng đường có thể đi được [RANGE]
 - Điện áp bình điện [VOLTAGE]
 - Ngày [DATE]
- Favourite switch (Công tắc yêu thích): [HSTC]
 - Automatic Volume (Âm lượng tự động): [OFF] (Tắt)
 - Periodic Maintenance (Bảo dưỡng định kỳ):
 - Quãng đường đi được: "-----"
 - Ngày: "----/---"
 - Oil Change (Thay dầu):
 - Quãng đường đi được: "-----"
 - Ngày: "----/---"
 - Xóa thiết bị *Bluetooth*[®] đã ghép đôi

Service (Dịch vụ)

Các mục sau có thể thay đổi theo trình tự.

- Maintenance (Bảo dưỡng) ➡ T.107
- DTC ➡ T.110
- Initialize (Khởi tạo) ➡ T.111
- Service mode (Chế độ dịch vụ) ➡ T.112
- Equipment (Thiết bị) ➡ T.113
- System Information (Thông tin hệ thống) ➡ T.113

Maintenance (Bảo dưỡng)

Bạn có thể kiểm tra thời gian của lần bảo dưỡng định kỳ tiếp theo và lần thay dầu động cơ tiếp theo.

Bạn có thể thay đổi cài đặt của lần bảo dưỡng định kỳ tiếp theo và lần thay dầu động cơ tiếp theo.



Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

- 1 Chọn [Maintenance] (Bảo dưỡng) rồi ấn công tắc **ENT** .
- 2 Ấn công tắc chọn lên **▲** hoặc công tắc chọn xuống **▼** để chọn menu cài đặt rồi ấn công tắc **ENT** .



- 3 Ấn **◀** hoặc **▶** của công tắc chọn trái/phải **◀ ▶** để chọn mục quãng đường, tháng hoặc năm.

- Để tăng quãng đường, tháng hoặc năm: Ấn công tắc chọn lên **▲** cho tới khi hiển thị giá trị mong muốn. Để giảm quãng đường, tháng hoặc năm: Ấn công tắc chọn xuống **▼** cho tới khi hiển thị giá trị mong muốn.
 - ▶ Ấn và giữ công tắc chọn lên **▲** hoặc công tắc chọn xuống **▼** để chuyển nhanh giá trị hiển thị.



- 4 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. **➡ T.42**
 Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Phạm vi cài đặt:

- Periodic Maintenance (Bảo dưỡng định kỳ):
 - Quãng đường đi được:
 - Loại II FO, III FO, IN, II IN III IN
100 đến 6.000 km
 - Loại III KO
100 đến 12.000 km
 - Loại MA, III MA, III TH, U, II U, III U, V, II V,
III V
100 đến 12.000 km hoặc 100 đến -
8.000 dặm
 - Ngày: 2000/JAN đến 2099/DEC
(THÁNG 1/2000 đến THÁNG 12/2099)
- Thay dầu:
 - Quãng đường đi được:
 - Loại II FO, III FO, III KO, IN, II IN, III IN
100 đến 12.000 km
 - Loại MA, III MA, III TH, U, II U, III U, V, II V,
III V
100 đến 12.000 km hoặc 100 đến -
8.000 dặm
 - Ngày: 2000/JAN đến 2099/DEC
(THÁNG 1/2000 đến THÁNG 12/2099)

Mặc định:

- Periodic Maintenance (Bảo dưỡng định kỳ):
 - Quãng đường đi được: "-----"
 - Ngày: "----/---"
- Oil Change (Thay dầu):
 - Quãng đường đi được: "-----"
 - Ngày: "----/---"

Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo) DTC

Bạn có thể kiểm tra xem hiện tại hệ thống PGM-FI (Phun xăng điện tử) có đang gặp vấn đề hay không.

Nếu xe gặp sự cố, chỉ số DTC sẽ hiển thị. Hãy giảm tốc độ và mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra càng sớm càng tốt.



- 1 Chọn [DTC] rồi ấn công tắc **ENT** .



- 2 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. ➔ **T.42**

Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Initialize (Khởi tạo)

Bạn có thể hiệu chuẩn màn hình cảm ứng.

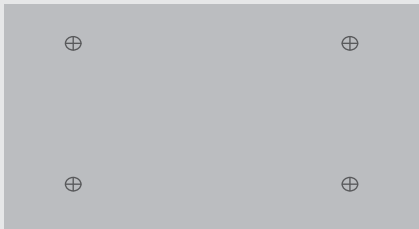


- 1 Chọn [Initialize] (Khởi tạo) rồi ấn công tắc **ENT** .
- 2 Select [Touchscreen Calibration] (Hiệu chuẩn màn hình cảm ứng), rồi ấn công tắc **ENT** .



Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

- 3** Chạm lần lượt vào điểm chính giữa của bốn hình chữ thập.
- Màn hình sẽ nhấp nháy màu xanh lục khi quá trình hiệu chuẩn hoàn thành. Nếu quá trình hiệu chuẩn thất bại, màn hình sẽ nhấp nháy màu đỏ. Hãy thử lại bước **3**.



- 4** Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. ➡ T.42
- Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Service mode (Chế độ dịch vụ)

Có thể bật đèn DRL (ngoại trừ Loại IN, II IN, III IN) và đèn góc của (CRF1100AL4/D4/DL4) khi dừng xe lại để kiểm tra.



- 1** Khởi động động cơ. ➡ T.227
- 2** Dừng xe.
- 3** Chọn [Service Mode] (Chế độ dịch vụ) rồi ấn công tắc **ENT**.

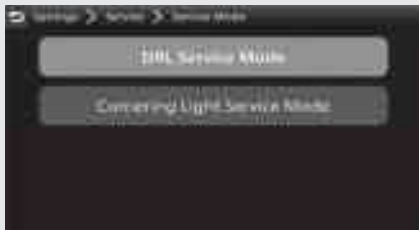
4 CRF1100AL4/D4/DL4

Ấn công tắc chọn lên ▲ hoặc công tắc chọn xuống ▼ để chọn menu.

5 Ấn công tắc **ENT**.

Đèn của menu được chọn sáng lên.

▶ Chế độ dịch vụ sẽ tự động dừng sau 5 phút.



6 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. ➡ T.42

Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Equipment (Thiết bị)

Không thể chọn menu này.

System Information (Thông tin hệ thống)

Hiển thị nhiều thông tin khác nhau trên màn hình hiển thị đa thông tin.

- [Software Version] (Phiên bản phần mềm)
- [Software update] (Cập nhật phần mềm): Không thể chọn.
- [Hardware Information] (Thông tin phần cứng)
- [GPS Reception Status] (Trạng thái thu tín hiệu GPS)
- [EULAs] (THỎA THUẬN NGƯỜI DÙNG CUỐI)
- [Copyright and Acknowledgements] (Bản quyền và công nhận)

Regulatory (Quy định)

Hiển thị thông tin quy định trên màn hình hiển thị đa thông tin.



Bảng đồng hồ thông tin (Tiếp theo)

Thông tin hiện lên

Trong các trường hợp sau, thông tin hiện lên hiển thị ở phía dưới cùng của màn hình hiển thị đa thông tin.

- Thông tin bảo dưỡng:
Khi tới thời gian kiểm tra xe.

Thông tin bảo dưỡng

Hiển thị	Giải thích	Biện pháp khắc phục
 DISTANCE 900 km DATE JAN., 2023	Khi gần đến thời gian kiểm tra xe định kỳ	Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.
 DISTANCE 200 km DATE JAN., 2023	Khi gần đến thời gian thay dầu xe	Thay dầu động cơ.

Các đèn báo

Nếu có một đèn báo nào không hiển thị đúng chức năng, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đèn báo quá nhiệt dung dịch làm mát

Đèn sáng trong giây lát khi vặn ổ khóa điện sang vị trí I (On).

Nếu đèn sáng trong khi lái xe: ➡ T.316

↵ Đèn báo rẽ trái

Đèn báo lỗi PGM-FI (phun xăng điện tử) (MIL)

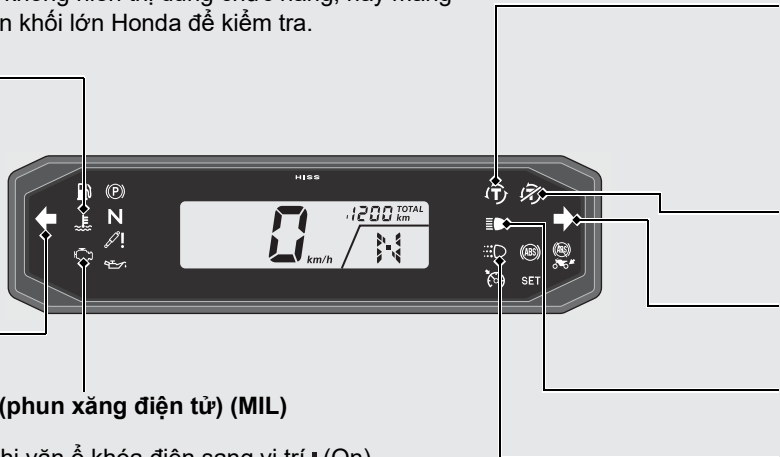
Đèn sáng trong giây lát khi vặn ổ khóa điện sang vị trí I (On).


Ngoại trừ loại III KO

Nếu đèn sáng khi động cơ đang hoạt động: ➡ T.318


Loại III KO

Nếu đèn sáng hoặc nhấp nháy khi động cơ đang hoạt động: ➡ T.318



 **Đèn báo Hệ thống HSTC**

- Đèn sáng khi vặn ổ khóa điện sang vị trí I (On). Đèn tắt khi tốc độ xe đạt khoảng 5 km/h (3 dặm/giờ) báo hiệu Hệ thống HSTC đã sẵn sàng hoạt động.
- Đèn nhấp nháy khi Hệ thống HSTC đang hoạt động.

Nếu đèn sáng trong khi lái xe:  **T.320**

 **Đèn báo TẮT Hệ thống HSTC**

- Đèn sáng khi Hệ thống HSTC tắt.

 **Đèn báo rẽ phải**

 **Đèn báo chế độ chiếu xa**

 **Đèn báo DRL**  **T.245**

Ngoại trừ loại IN, II IN, III IN

Các đèn báo (Tiếp theo)

Ⓟ Đèn báo phanh đỗ xe

CRF1100D/D3/D4/DL4

Đèn sáng để nhắc nhở rằng bạn chưa nhả tay phanh đỗ xe.

N Đèn báo số N

Đèn sáng khi xe ở chế độ số N.




⛽ Đèn báo mức xăng thấp

- Đèn sáng trong giây lát khi vặn ổ khóa điện sang vị trí I (On).
- Đèn sáng khi chỉ còn xăng dự trữ trong bình xăng. Lượng xăng còn lại khi đèn báo mức xăng thấp sáng:

Khoảng 3,6 L (0.95 US gal, 0.79 Imp gal) CRF1100A/A3/D/D3


Khoảng 3,9 L (1.03 US gal, 0.86 Imp gal) CRF1100AL4/D4/DL4

Nếu đèn báo này sáng và đèn báo xăng nhấp nháy: ➡ T.322

 **Đèn báo ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh)**

- Đèn sáng khi vặn ổ khóa điện sang vị trí I (On).
- Đèn tắt khi xe đạt tốc độ khoảng 10 km/h (6 dặm/giờ).

Nếu đèn sáng trong khi lái xe: ➡ T.319

 **Đèn báo TẮT ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh) phía sau**


- Đèn sáng trong giây lát khi vặn ổ khóa điện sang vị trí I (On).
- Đèn sáng khi tắt chức năng ABS bánh sau. ➡ T.129

SET **Đèn báo CÀI ĐẶT điều khiển hành trình**

Đèn sáng nếu bạn đã cài đặt tốc độ cho điều khiển hành trình.

Điều khiển hành trình: ➡ T.238

 **Đèn báo chính điều khiển hành trình**

Đèn sáng khi bạn ấn công tắc chính điều khiển hành trình  .

Điều khiển hành trình: ➡ T.238

Các đèn báo (Tiếp theo)


Đèn báo giảm tốc CRF1100A3/AL4/D3/D4/DL4

- Đèn sáng khi đang chờ khởi tạo giảm tốc.
- Hãy dừng xe và chờ vài giây cho đến khi đèn báo tắt.
Nếu đèn báo không tắt, hãy liên hệ Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.



Đèn báo áp suất dầu thấp

- Đèn sáng khi vặn ổ khóa điện sang vị trí I (On).
- Đèn tắt khi động cơ khởi động.

Nếu đèn sáng khi động cơ đang hoạt động:  T.317

Đèn báo HISS T.349

- Đèn sáng trong giây lát khi vặn ổ khóa điện sang vị trí I (On). Đèn tắt khi mã số chia khóa xe khớp.
- Đèn nhấp nháy 2 giây một lần trong 24 giờ khi vặn ổ khóa điện sang vị trí O (Off).

Các công tắc


Công tắc tay lái
bên trái ➡ T.124

Công tắc tay lái
bên phải ➡ T.123



Ổ khóa điện

Bật/tắt hệ thống điện, khóa cổ lái.

- ▶ Có thể rút chìa khóa khi chìa khóa xe ở vị trí ○ (Off) hoặc  (Lock).

Khóa cổ lái: ➡ T.128

I (On)

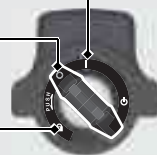
Bật hệ thống điện
để khởi động/lái xe.

○ (Off)

Tắt máy.

 (Lock)

Khóa cổ lái.



▮ Công tắc tay lái bên phải

Công tắc ngắt động cơ/

Nút **START** (🌀)

Thông thường, công tắc nên ở vị trí (Run).

- ▶ Trong trường hợp khẩn cấp, chuyển sang vị trí (Stop) để dừng động cơ.
- ▶ Để khởi động động cơ.

➡ T.227

[Fn] Công tắc chọn chức năng

Ấn để hiển thị thông tin hiện lên trên màn hình hiển thị đa thông tin.

Công tắc AT/MT

CRF1100D/D3/D4/DL4

Để chuyển giữa CHẾ ĐỘ AT và CHẾ ĐỘ MT.

➡ T.235

Công tắc N-D

CRF1100D/D3/D4/DL4

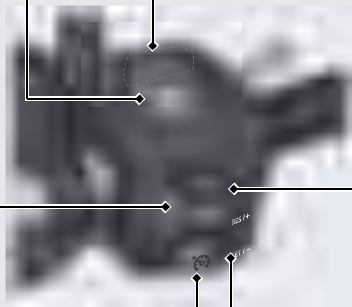
Để chuyển giữa số N và CHẾ ĐỘ AT. ➡ T.235

[🌀] Công tắc chính điều khiển hành trình

Ấn để kích hoạt hệ thống điều khiển hành trình. ➡ T.238

[RES / +] [SET / -] Công tắc gạt điều khiển hành trình

Gạt lên hoặc xuống để cài đặt tốc độ hoặc điều chỉnh tốc độ đặt trước. ➡ T.240



Các công tắc (Tiếp theo)

Công tắc tay lái bên trái

★ Công tắc yêu thích

Có thể chọn công tắc HSTC, công tắc kiểm soát chống bốc đầu xe, công tắc chế độ lái hoặc công tắc G làm công tắc yêu thích **CRF1100D/D3/D4/DL4**.

➔ T.93

↔ Công tắc đèn báo rẽ

Đèn báo rẽ sẽ tự động tắt khi bạn rẽ xong. (Bạn có thể tắt thủ công đèn bằng cách nhấn công tắc vào trong.) Khi sử dụng để chuyển làn, đèn báo rẽ sẽ tự động tắt sau 7 giây hoặc sau khi xe đi được 120 m (131 yards). Trong một số trường hợp, thời gian mà đèn báo rẽ tự tắt có thể ngắn hơn hoặc dài hơn. Luôn sử dụng các loại lốp được khuyến nghị nhằm đảm bảo hoạt động tắt đèn tự động chính xác.

🔊 Nút còi

Công tắc về số (-)

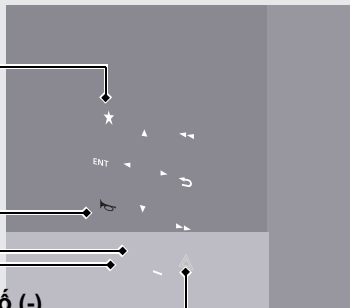
CRF1100D/D3/D4/DL4

Dùng để về số. ➔ T.237

⚠ Công tắc cảnh báo nguy hiểm

Có thể bật/tắt khi vận ỏ khóa điện sang vị trí **I** (On). Có thể tắt ở bất kỳ vị trí nào của ỏ khóa điện.

- ▶ Tín hiệu tiếp tục nhấp nháy nếu vận ỏ khóa điện về vị trí **O** (Off) hoặc **L** (Lock) sau khi bật công tắc cảnh báo nguy hiểm.



Công tắc gạt chức năng

- Ngoại trừ loại IN, II IN, III IN

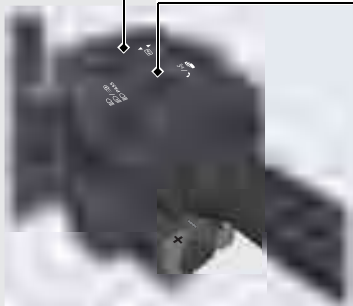
Đẩy về phía trước để chọn [AUTO] (Tự động) của đèn DRL hoặc kéo về phía sau để chọn [OFF] (Tắt) cho đèn DRL. ➡ T.245

- Đẩy về phía trước hoặc kéo về phía sau để điều chỉnh âm lượng của hệ thống âm thanh. ➡ T.162

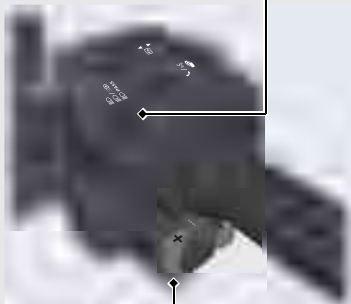
- Đẩy về phía trước hoặc kéo về phía sau để điều chỉnh mức sưởi tay lái. ➡ T.138

Công tắc điều khiển bằng giọng nói / Công tắc trang

- Đẩy về phía trước để nhận, từ chối hoặc kết thúc cuộc gọi. ➡ T.197
- Đẩy về phía trước để khởi động Siri hoặc tìm kiếm bằng giọng nói khi Apple CarPlay hoặc **Android Auto™** khả dụng. ➡ T.212 ➡ T.226
- Kéo về phía sau và giữ để đi đến màn hình chính, màn hình Apple CarPlay hoặc màn hình **Android Auto™**. ➡ T.40
- Kéo về phía sau để quay lại thông tin lái xe hoặc màn hình âm thanh. ➡ T.42






Các công tắc (Tiếp theo)







Công tắc chế độ đèn chiếu sáng/ Công tắc điều khiển đèn xin vượt

Loại IN, II IN, III IN

-  : Chế độ chiếu xa
-  : Chế độ chiếu gần
-  **PASS** : Nhấp nháy đèn pha ở chế độ chiếu xa.

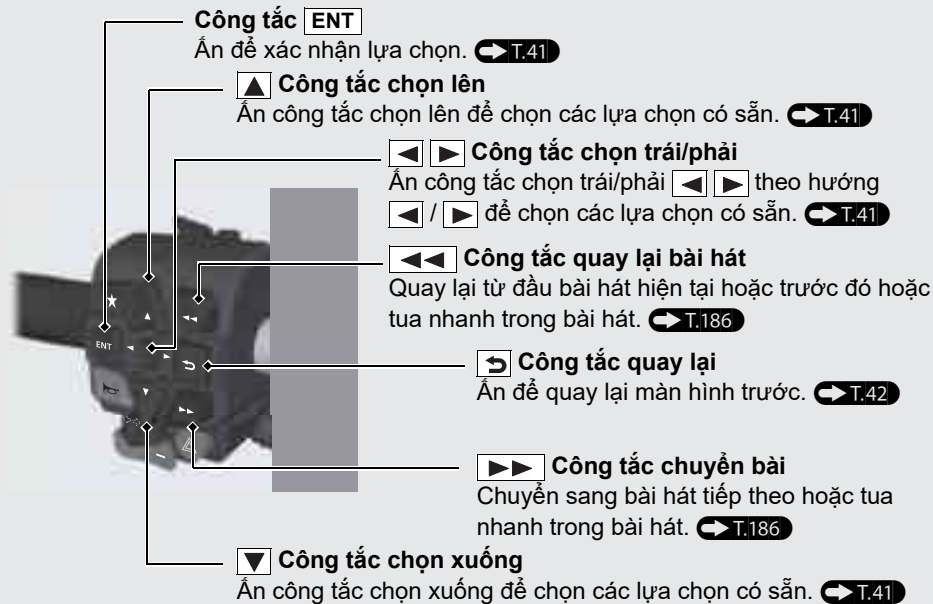
Ngoại trừ loại IN, II IN, III IN

-  : Chế độ chiếu xa
-  /  : Đèn DRL tự động hoặc tắt (chế độ chiếu gần) ➔ T.245
-  **PASS** : Nhấp nháy đèn pha ở chế độ chiếu xa.

Công tắc lên số (+)

CRF1100D/D3/D4/DL4

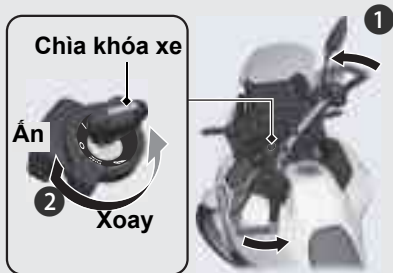
Dùng để lên số. ➔ T.237




Các công tắc (Tiếp theo)

Khóa cổ lái


Nên khóa cổ lái khi dựng xe để chống trộm. Nên sử dụng khóa chữ U hoặc loại tương tự để khóa bánh xe.



Khóa

- 1 Xoay hết tay lái sang trái.
- 2 Ấn chìa khóa xuống, vặn ổ khóa điện sang vị trí  (Lock).
 - ▶ Lắc nhẹ tay lái nếu thấy khóa không vặn hết được.
- 3 Rút chìa khóa.

Mở khóa

Cắm chìa khóa, ấn vào trong và vặn ổ khóa điện sang vị trí  (Off).

Chức năng ABS trên bánh sau

Có thể tùy chọn tắt chức năng ABS trên bánh sau khi lái xe vượt địa hình.

Bạn có thể tắt chức năng ABS bánh sau trong [OFF ROAD MODE] (CHẾ ĐỘ OFF ROAD), [USER 1 MODE] (CHẾ ĐỘ USER 1) hoặc [USER 2 MODE] (CHẾ ĐỘ USER 2).

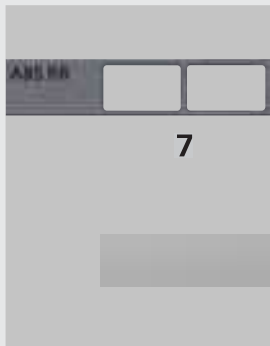
- ▶ Mỗi khi ổ khóa điện được vặn sang vị trí **I** (On), chức năng ABS trên cả hai bánh xe sẽ tự động được bật [ACTIVE] (Kích hoạt), tuy nhiên, ABS sẽ duy trì chức năng tắt trên bánh sau [CANCEL] (Hủy) khi dừng động cơ bằng cách sử dụng công tắc ngắt động cơ.
- ▶ Chọn [ON ROAD] (Thông thường) của chế độ ABS [ABS], chức năng ABS trên cả hai bánh xe [ABS RR] sẽ tự động bật [ACTIVE] (Kích hoạt).
- ▶ Khi thay đổi chế độ lái, chức năng ABS trên cả hai bánh xe sẽ tự động bật [ACTIVE] (Kích hoạt).

Để tắt chức năng ABS trên bánh sau

- ➊ Hãy dừng xe và đóng tay ga hoàn toàn.
- ➋ Chọn [OFF ROAD MODE], [USER 1 MODE] hoặc [USER 2 MODE] của chế độ lái. ➡ T.154
Nếu chọn [USER 1 MODE] hoặc [USER 2 MODE], hãy chọn [OFF ROAD] cho chế độ ABS [ABS]. ➡ T.81
- ➌ Chọn chế độ hiển thị vàng. ➡ T.86
- ➍ Chọn trang 4. ➡ T.47

Chức năng ABS trên bánh sau (Tiếp theo)

- 5 Ấn công tắc **ENT** .
- 6 Chọn [ABS RR].
- 7 Ấn **◀** trên công tắc chọn trái/phải **◀ ▶** để chọn [CANCEL] (tắt).








- 8 Đọc tin nhắn thông báo.
- 9 Chọn [Yes] (Có) rồi ấn công tắc **ENT** .



- 10 Ấn công tắc quay lại **↶** .
 - ▶ Đèn báo TẮT ABS phía sau sẽ bật khi chức năng ABS trên bánh sau [ABS RR] chuyển sang [CANCEL] (tắt).
 Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.


Để BẬT chức năng ABS trên cả hai bánh xe

- 1 Hãy dừng xe và đóng tay ga hoàn toàn.
- 2 Chọn chế độ hiển thị vàng.  T.86
- 3 Chọn trang 4.  T.47

- 4 Ấn công tắc **ENT** .
- 5 Chọn [ABS RR].
- 6 Ấn  trên công tắc chọn trái/phải   để chọn [ACTIVE] (bật).
 - ▶ Đèn báo TẮT ABS phía sau nhấp nháy vài lần rồi tắt, khi chức năng ABS trên bánh sau [ABS RR] được bật [ACTIVE].



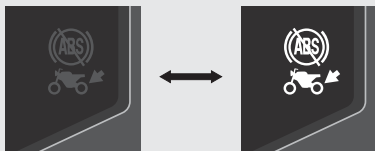
Chức năng ABS trên bánh sau (Tiếp theo)

7 Ấn công tắc quay lại  .

Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Các cài đặt sẵn có: [ACTIVE]/[CANCEL]
(KÍCH HOẠT)/(HỦY)

Mặc định: [ACTIVE] (KÍCH HOẠT)



Khi chọn chế độ hiển thị vàng:



Chức năng ABS
trên cả hai bánh xe
sẽ [ACTIVE] kích
hoạt.

Chức năng ABS
trên bánh sau sẽ
[CANCEL] hủy.

Công tắc G

CRF1100D/D3/D4/DL4

Công tắc G có khả năng thay đổi đặc tính động cơ của xe để giúp cải thiện lực kéo và khả năng kiểm soát máy để lái xe vượt địa hình bằng cách giảm lượng trượt ly hợp trong quá trình vận hành tay ga.

► Ngoài CHẾ ĐỘ USER 1 và USER 2

Mỗi khi vặn ổ khóa điện sang vị trí **I** (On), công tắc G [G] sẽ tự động đặt về cài đặt mặc định.

CHẾ ĐỘ USER 1 và USER 2

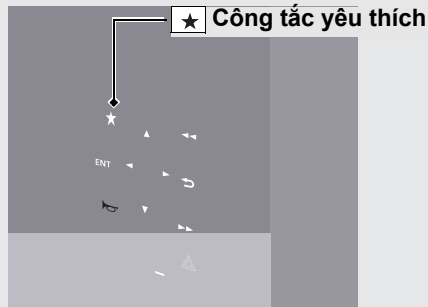
Cài đặt công tắc G [G] vẫn được giữ nguyên ngay cả khi vặn ổ khóa điện sang vị trí **O** (Off).

► Công tắc G [G] có thể không bù lại được các điều kiện đường gồ ghề.



Luôn chú ý tới điều kiện đường sá và thời tiết, cũng như kỹ năng và tình trạng sức khỏe của bạn khi sử dụng tay ga.







Công tắc G bật hoặc tắt

- Khi sử dụng công tắc yêu thích **★**.
 - 1 Hãy dừng xe và đóng tay ga hoàn toàn.
 - 2 Chọn [G Switch] (Công tắc G) của công tắc yêu thích **★**. **T.93**
 - 3 Ấn công tắc yêu thích **★**.




Công tắc G (Tiếp theo)

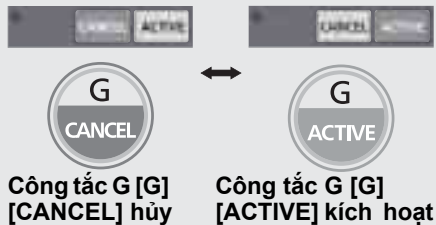
- Khi sử dụng màn hình hiển thị đa thông tin:
 - 1 Hãy dừng xe và đóng tay ga hoàn toàn.
 - 2 Chọn chế độ hiển thị vàng.  T.86
 - 3 Chọn trang 4.  T.47
 - 4 Ấn công tắc **ENT** .
 - 5 Chọn [G].

- 6 Ấn  trên công tắc chọn trái/phải   để chọn [CANCEL] hủy.
 Ấn  trên công tắc chọn trái/phải   để chọn [ACTIVE] kích hoạt.



- 7 Ấn công tắc quay lại  .
 Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Khi chọn chế độ hiển thị vàng:



Các cài đặt sẵn có: [ACTIVE]/[CANCEL]
(KÍCH HOẠT)/(HỦY)

Mặc định:

- [TOUR MODE]: [CANCEL] (HỦY)
- [URBAN MODE]: [CANCEL] (HỦY)
- [GRAVEL MODE]: [CANCEL] (HỦY)
- [OFF ROAD MODE]: [ACTIVE] (KÍCH HOẠT)
- [USER 1 MODE]: [CANCEL] (HỦY)
- [USER 2 MODE]: [CANCEL] (HỦY)

Phanh đỗ xe

CRF1100D/D3/D4/DL4

Tay phanh đỗ xe

Đảm bảo sử dụng phanh đỗ xe khi đỗ xe và làm nóng động cơ.

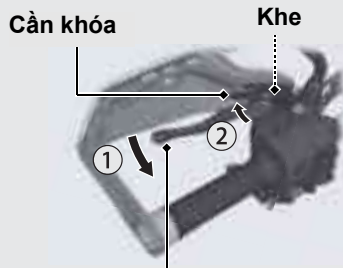
- ▶ Đảm bảo rằng tay phanh đỗ xe được nhả trước khi lái xe.

Để sử dụng phanh đỗ xe

Bóp hết mức tay phanh đỗ xe (①) rồi xoay cần khóa (②) theo chiều kim đồng hồ cho đến khi khớp vào khe trên khung tay phanh đỗ xe để khóa bánh sau.

- ▶ Khóa phanh đỗ xe sẽ không hoạt động nếu phanh đỗ xe không được điều chỉnh đúng.

➡ T.290



Tay phanh đỗ xe

Để nhả phanh đỗ xe

Bóp tay phanh đỗ xe cho đến khi cần khóa được nhả khỏi khe trên khung tay phanh đỗ xe.

- ▶ Trước khi lái xe, hãy kiểm tra để đảm bảo đèn báo phanh đỗ xe tắt và phanh đỗ xe được nhả hoàn toàn để bánh sau không dính phanh.

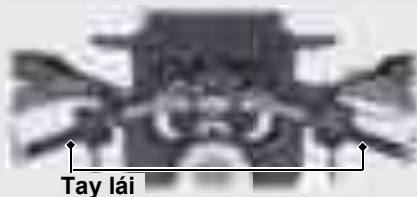
LƯU Ý

Lái xe khi đang sử dụng phanh đỗ xe sẽ làm hỏng các bộ phận của phanh sau.

Chế độ sưởi tay lái

CRF1100A3/AL4/D3/D4/DL4

Loại xe này được trang bị chế độ sưởi tay lái giúp sưởi ấm bàn tay trong khi lái xe. Hãy đeo găng tay để bảo vệ tay khỏi sức nóng của tay lái.



Đèn báo chế độ sưởi tay lái:

Đèn sáng khi bật chế độ sưởi tay lái và cho biết mức nhiệt đã chọn. Chế độ sưởi tay lái có 5 mức nhiệt để lựa chọn.

Biểu tượng trạng thái chế độ sưởi tay lái:

Hiện thị khi bật chế độ sưởi tay lái.

Chế độ sưởi tay lái (Tiếp theo)

Để vận hành chế độ sưởi tay lái

- 1 Khởi động động cơ. ➔ T.227
- 2 Chọn màn hình hiển thị thông tin hiện lên của chế độ sưởi tay lái bằng cách sử dụng công tắc chọn chức năng **[Fn]**.






- 3 Đẩy công tắc chọn chức năng **[Fn]** về phía trước hoặc kéo về phía sau để chọn mức sưởi tay lái.


- ▶ Biểu tượng trạng thái sẽ xuất hiện trên màn hình hiển thị khi chế độ sưởi tay lái hoạt động.
- ▶ Không để chế độ sưởi tay lái ở mức cao trong thời gian dài vào ngày ấm áp.

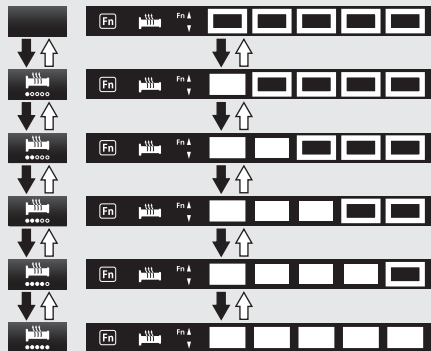


Đề tắt chế độ sưởi tay lái

- 1 Chọn màn hình hiển thị thông tin hiện lên của chế độ sưởi tay lái bằng cách sử dụng công tắc chọn chức năng .
- 2 Kéo công tắc gạt chức năng  về phía sau vài lần để chọn tắt chế độ sưởi tay lái.

Không sử dụng chế độ sưởi tay lái khi động cơ nổ cầm chừng trong thời gian dài. Điều này có thể làm yếu (hoặc hết điện) bình điện. Mức sưởi hiện tại sẽ giữ nguyên khi vặn ổ khóa điện sang vị trí  (Off).

- Mức sưởi không thay đổi nếu vặn ổ khóa điện sang vị trí  (Off) trong vòng 5 giây sau khi mức sưởi thay đổi.



Không có chỉ số (Tắt)





Mức 1 nhiệt độ thấp nhất

Mức 2

Mức 3

Mức 4

Mức 5 nhiệt độ cao nhất

 **Đẩy công tắc gạt chức năng  về phía trước**
 **Kéo công tắc gạt chức năng  về phía sau**

Hệ thống kiểm soát lực kéo Honda

Bạn có thể chọn hoặc bật/tắt mức kiểm soát lực kéo (kiểm soát công suất động cơ).

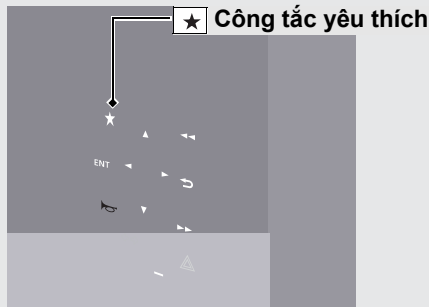
- ▶ Không thay đổi mức kiểm soát lực kéo khi đang lái xe.
Hãy dừng xe trước rồi bật hoặc tắt Hệ thống HSTC và chọn mức mong muốn.
- ▶ Không thể thay đổi hoặc tắt cài đặt Hệ thống HSTC khi hệ thống đang kích hoạt (đèn báo Hệ thống HSTC nhấp nháy).

- ▶ Trong các trường hợp sau, Hệ thống HSTC sẽ được bật và mức kiểm soát lực kéo cụ thể sẽ được tự động cài đặt như bên dưới.
 - Mỗi khi vặn ổ khóa điện sang vị trí **I** (On), mức kiểm soát lực kéo sẽ tự động được cài đặt về mức đã được cài đặt trước đó. Tuy nhiên, nếu mức cài đặt trước đó là [0] (tắt), thì mức kiểm soát lực kéo sẽ chuyển thành mức 1.
- ▶ Khi chuyển từ vị trí [0] (tắt) sang vị trí bật, Hệ thống HSTC sẽ tự động cài đặt về mức trước khi tắt Hệ thống HSTC.

Cài đặt mức kiểm soát lực kéo

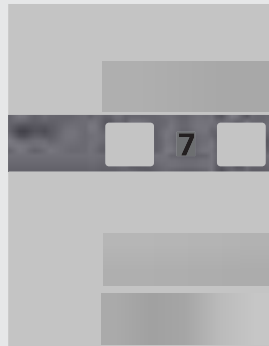
- Khi sử dụng công tắc yêu thích ★

 - 1 Dừng xe.
 - 2 Chọn [HSTC] từ công tắc yêu thích ★.
 - ➡ T.93
 - 3 Ấn công tắc yêu thích ★.
 - ▶ 7: mức kiểm soát lực kéo tối đa
 - ▶ 1: mức kiểm soát lực kéo tối thiểu



- Khi sử dụng màn hình hiển thị đa thông tin:

- 1 Dừng xe.
- 2 Chọn chế độ hiển thị vàng. ➡ T.86
- 3 Chọn trang 4. ➡ T.47
- 4 Ấn công tắc ENT
- 5 Chọn [HSTC].
- 6 Gạt ◀ hoặc ▶ của công tắc chọn trái/phải ◀ ▶ để chọn mức ưu tiên của bạn.











Hệ thống kiểm soát lực kéo Honda (Tiếp theo)


7 Ấn công tắc quay lại  .

Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

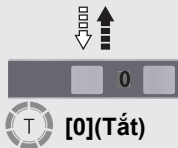
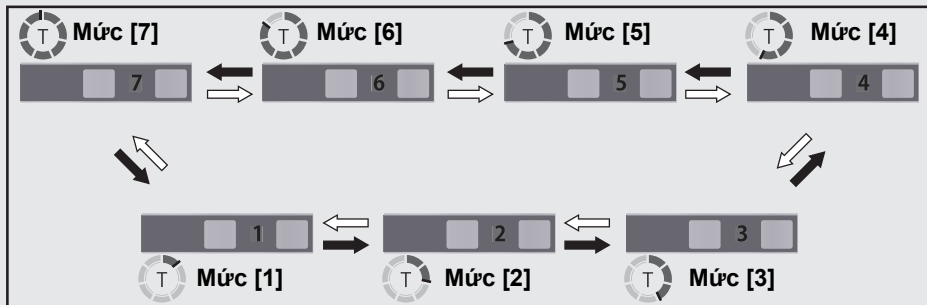
Bật và tắt Hệ thống HSTC

- 1 Dừng xe.
- 2 Chọn chế độ hiển thị vàng.  T.86
- 3 Chọn trang 4.  T.47
- 4 Ấn công tắc **ENT** .
- 5 Chọn [HSTC].
- 6 Ấn và giữ  trên công tắc chọn trái/phải   để cài đặt [0] (tắt).
Ấn và giữ  trên công tắc chọn trái/phải   để cài đặt về mức trước khi chọn [0] (tắt) Hệ thống HSTC.



- 7 Ấn công tắc quay lại  .
Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Phạm vi cài đặt: Mức 1 đến 7 hoặc 0 (Tắt)



- Gạt trên công tắc chọn trái/phải
- Gạt trên công tắc chọn trái/phải hoặc ấn công tắc yêu thích
- Gạt và giữ trên công tắc chọn trái/phải
- Gạt và giữ trên công tắc chọn trái/phải

Kiểm soát chống bốc đầu xe

Có thể chọn hoặc bật/tắt mức kiểm soát chống bốc đầu xe [W].

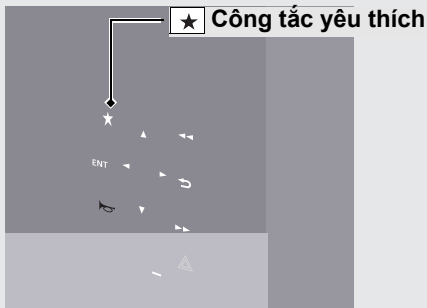
- ▶ Không thay đổi mức kiểm soát chống bốc đầu xe [W] khi đang lái xe.
Hãy dừng xe trước rồi chọn mức kiểm soát chống bốc đầu xe [W].

- ▶ Trong các trường hợp sau, kiểm soát chống bốc đầu xe [W] sẽ được bật và mức kiểm soát chống bốc đầu xe [W] cụ thể sẽ được tự động cài đặt như bên dưới.
 - Mỗi khi vặn ổ khóa điện sang vị trí I (On), mức kiểm soát chống bốc đầu xe [W] sẽ tự động được cài đặt về mức đã được cài đặt trước đó. Tuy nhiên, nếu mức được cài đặt trước là 0 (tắt) thì mức kiểm soát chống bốc đầu xe sẽ được tự động cài đặt về mức trước khi tắt mức kiểm soát chống bốc đầu xe [W].
- ▶ Khi chuyển từ vị trí [0] (tắt) sang vị trí bật, mức kiểm soát chống bốc đầu xe sẽ tự động cài đặt về mức trước khi tắt mức kiểm soát chống bốc đầu xe [W].

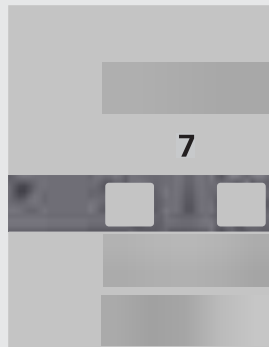
Cài đặt mức kiểm soát chống bốc đầu xe

- Khi sử dụng công tắc yêu thích ★

 - 1 Dừng xe.
 - 2 Chọn [Wheelie Control] (Kiểm soát chống bốc đầu xe) từ công tắc yêu thích ★ . ➡ T.93
 - 3 Ấn công tắc yêu thích ★ .
 - ▶ 3: mức kiểm soát chống bốc đầu xe [W] lớn nhất
 - ▶ 1: mức kiểm soát chống bốc đầu xe [W] nhỏ nhất



- Khi sử dụng màn hình hiển thị đa thông tin:
 - 1 Dừng xe.
 - 2 Chọn chế độ hiển thị vàng. ➡ T.86
 - 3 Chọn trang 4. ➡ T.47
 - 4 Ấn công tắc ENT .
 - 5 Chọn [W].
 - 6 Gạt ◀ hoặc ▶ của công tắc chọn trái/phải ◀ ▶ để chọn mức ưu tiên của bạn.



Kiểm soát chống bốc đầu xe (Tiếp theo)


7 Ấn công tắc quay lại  .

Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Bật và tắt kiểm soát chống bốc đầu xe




1 Dừng xe.




2 Chọn chế độ hiển thị vàng.  T.86

3 Chọn trang 4.  T.47


4 Ấn công tắc **ENT** .

5 Chọn [W].

6 Ấn và giữ  trên công tắc chọn trái/phải   để cài đặt [0] (tắt).

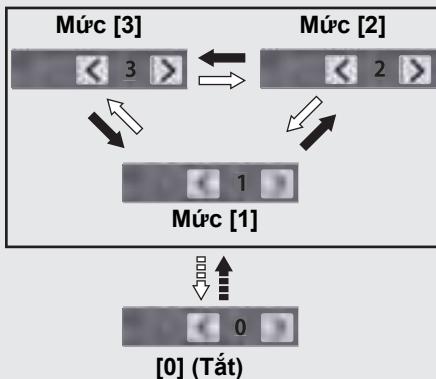
Ấn và giữ  trên công tắc chọn trái/phải   để cài đặt về mức trước khi chọn [0] (tắt) mức kiểm soát chống bốc đầu xe.



7 Ấn công tắc quay lại  .

Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Phạm vi cài đặt: Mức 1 đến 3 hoặc 0 (Tắt)



- Gạt **▶** trên công tắc chọn trái/phải **◀ ▶**
- ⇨** Gạt **◀** trên công tắc chọn trái/phải **◀ ▶**
hoặc ấn **★** công tắc yêu thích
- Gạt và giữ **▶** trên công tắc chọn trái/phải **◀ ▶**
- ⇨** Gạt và giữ **◀** trên công tắc chọn trái/phải **◀ ▶**

Chế độ lái

Bạn có thể thay đổi chế độ lái.


Chế độ lái bao gồm các thông số sau:

- [P] Công suất: Vạch công suất động cơ
[EB] Phanh động cơ: Mức phanh động cơ
[ABS] Chế độ ABS:
- [OFF ROAD] (ĐỊA HÌNH): Chế độ địa hình
 - [ON ROAD] (THÔNG THƯỜNG): Chế độ đường thông thường

CRF1100A3/AL4/D3/D4/DL4

- [S] [Chung]: Giảm chấn giảm xóc
[Trước]: Giảm chấn giảm xóc
[Sau]: Giảm chấn giảm xóc

CRF1100D/D3/D4/DL4

- [G] Công tắc G: 

CRF1100A3/AL4/D3/D4/DL4

[PRELOAD] [Tải trước]: Tải trước giảm xóc sau

- (Rider): Chỉ người lái (Tải trước tối thiểu)
- (Rider+Cargo): Người lái và hành lý
- (Rider+Passenger): Người lái và người ngồi sau
- (Rider+Passenger+Cargo): Người lái, người ngồi sau và hàng hóa (Tải trước tối đa)

Chế độ lái hiện tại



- Giá trị [P] —————
- [Công suất] —————
- Giá trị [EB] —————
- [Phanh động cơ] —————
- [G] Công tắc G —————
- [ABS] Chế độ ABS —————
- [S] Chung —————

Chế độ lái có 6 chế độ.

Các chế độ lái của xe: [TOUR MODE], [URBAN MODE], [GRAVEL MODE], [OFF ROAD MODE], [USER 1 MODE] và [USER 2 MODE]

[TOUR MODE], [URBAN MODE], [GRAVEL MODE] và [OFF ROAD MODE]

- ▶ **[TOUR MODE]:** Cho phép tăng tốc mượt mà ngay cả khi chở người ngồi sau hoặc chở tối đa tải trọng hành lý.
- ▶ **[URBAN MODE]:** Chế độ tiêu chuẩn, toàn diện phù hợp cho nhiều tình huống khác nhau.
- ▶ **[GRAVEL MODE]:** Phù hợp để lái xe ổn định trên bề mặt trơn trượt, chẳng hạn như đường đất.
- ▶ **[OFF ROAD MODE]:** Phù hợp cho trải nghiệm lái xe thể thao vượt địa hình. Không thể thay đổi từng giá trị cài đặt ban đầu.

[USER 1 MODE] và [USER 2 MODE]

Có thể thay đổi từng giá trị cài đặt ban đầu.

Chế độ lái (Tiếp theo)

Cài đặt ban đầu

Chế độ lái	Giá trị	Giá trị	Giảm chấn giảm xóc			[ABS]	[G]
	[P] [Công suất]	[EB] [Phanh động cơ]	[S] [Chung]* ¹	[Trước]* ¹	[Sau]* ¹	Chế độ ABS	Công tắc G * ²
[TOUR MODE]	1	2	H	Trung bình	Trung bình	THÔNG THƯỜNG	HỦY* ³
[URBAN MODE]	2	2	M	Trung bình	Trung bình	THÔNG THƯỜNG	HỦY* ³
[GRAVEL MODE]	4	3	S	Trung bình	Trung bình	ĐỊA HÌNH	HỦY* ³
[OFF ROAD MODE]	3	3	O	Trung bình	Trung bình	ĐỊA HÌNH	KÍCH HOẠT* ³
[USER 1 MODE]	2* ³	2* ³	M* ³	Trung bình* ³	Trung bình* ³	THÔNG THƯỜNG* ³	HỦY* ³
[USER 2 MODE]	4* ³	3* ³	S* ³	Trung bình* ³	Trung bình* ³	ĐỊA HÌNH* ³	HỦY* ³

Lưu ý:

*1 : CRF1100A3/AL4/D3/D4/DL4

*2 : CRF1100D/D3/D4/DL4

*3 : Có thể thay đổi giá trị.

Chế độ lái	[PRELOAD] [Tải trước] (Chỉ người lái) *1	[PRELOAD] [Tải trước] (Người lái + Hàng hóa) *1	[PRELOAD] [Tải trước] (Người lái+ Người ngồi sau) *1	[PRELOAD] [Tải trước] (Người lái+ Người ngồi sau+ Hàng hóa) *1
[TOUR MODE]	5	10	15	20
[URBAN MODE]	5	10	15	20
[GRAVEL MODE]	5	10	15	20
[OFF ROAD MODE]	5	10	15	20
[USER 1 MODE]	5*2	10*2	15*2	20*2
[USER 2 MODE]	5*2	10*2	15*2	20*2

Lưu ý:

*1 : CRF1100A3/AL4/D3/D4/DL4

*2 : Có thể thay đổi giá trị.

Chế độ lái (Tiếp theo)

Giá trị công suất [P] (Mức công suất động cơ)

Giá trị công suất [P] có bốn mức cài đặt.

Phạm vi cài đặt có sẵn: 1 đến 4

- ▶ Mức 1 có công suất lớn nhất.
- ▶ Mức 4 có công suất nhỏ nhất.

Giá trị phanh động cơ [EB] (Mức phanh động cơ)

Giá trị [EB] có ba mức cài đặt.

Phạm vi cài đặt có sẵn: 1 đến 3

- ▶ Mức 1 là mức phanh động cơ mạnh nhất.
- ▶ Mức 3 là mức phanh động cơ yếu nhất.

Chung [S]: giảm chấn giảm xóc

CRF1100A3/AL4/D3/D4/DL4

Giá trị chung [S] có bốn mức cài đặt.

Phạm vi cài đặt có sẵn: [H] Cứng/ [M] Trung bình/ [S] Mềm/ [O] Địa hình

- ▶ [H] Cứng có mức giảm chấn giảm xóc lớn nhất.
- ▶ [S] Mềm có mức giảm chấn giảm xóc nhỏ nhất.
- ▶ [O] Địa hình dành cho cài đặt địa hình.

[Trước]: giảm chấn giảm xóc

CRF1100A3/AL4/D3/D4/DL4

[Trước] có ba mức cài đặt.

Phạm vi cài đặt có sẵn: - / Trung bình/ +

- ▶ + có mức giảm chấn giảm xóc lớn nhất.
- ▶ - có mức giảm chấn giảm xóc nhỏ nhất.

[Rear] (Sau): giảm chấn giảm xóc

CRF1100A3/AL4/D3/D4/DL4

[Rear] (Sau) có ba mức cài đặt.

Phạm vi cài đặt có sẵn: - / Trung bình/ +

- ▶ + có mức giảm chấn giảm xóc lớn nhất.
- ▶ - có mức giảm chấn giảm xóc nhỏ nhất.

Chế độ ABS [ABS]

Chế độ ABS [ABS] có hai mức cài đặt.

Phạm vi cài đặt có sẵn: [OFF ROAD] (Địa hình) hoặc [ON ROAD] (Thông thường)

- ▶ [OFF ROAD] (Địa hình) dành cho các cài đặt địa hình.
- ▶ [ON ROAD] (Thông thường) dành cho các cài đặt thông thường.

[G] Công tắc G T.133

CRF1100D/D3/D4/DL4

[PRELOAD] [Tải trước] (Chỉ người lái), (Người lái+Hàng hóa), (Người lái+Người ngồi sau) và (Người lái+Người ngồi sau +Hàng hóa): tải trước giảm xóc sau

CRF1100A3/AL4/D3/D4/DL4

[PRELOAD] [Tải trước] Tải trước có hai mươi bốn mức cài đặt.



Phạm vi cài đặt có sẵn: 1 đến 24



- ▶ Mức 24 có tải trước giảm xóc lớn nhất.
- ▶ Mức 1 có tải trước giảm xóc nhỏ nhất.

Chế độ lái (Tiếp theo)

Chọn chế độ lái


Khi thay đổi chế độ lái, chức năng ABS trên bánh sau [ABS RR] sẽ tự động được cài đặt thành [ACTIVE] (Kích hoạt).




● Khi sử dụng công tắc chọn lên  và công tắc chọn xuống  :

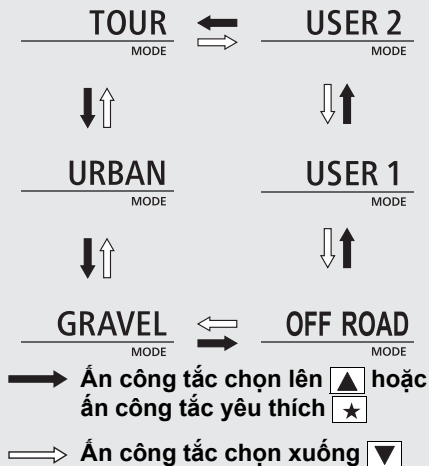
① Ấn công tắc chọn lên  hoặc công tắc chọn xuống  .




Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

● Khi sử dụng công tắc yêu thích  :

- ① Chọn [Riding Mode] (Chế độ lái) từ công tắc yêu thích  . 
- ② Ấn công tắc yêu thích  .



Cài đặt chế độ lái

Bạn có thể thay đổi [P] [Công suất], [EB] [Phanh động cơ], [S] [Chung], [Trước], [Sau], chế độ ABS [ABS] và [PRELOAD] [Tải trước] trong [USER 1 MODE] (CHẾ ĐỘ USER 1) và [USER 2 MODE] (CHẾ ĐỘ USER 2) của chế độ lái. 

Hệ thống âm thanh

Thông tin về hệ thống âm thanh

Hệ thống âm thanh này có thể phát các tệp âm thanh trên thiết bị âm thanh *Bluetooth*[®] (điện thoại di động, máy phát âm thanh kỹ thuật số hoặc các thiết bị tương tự).

Hệ thống âm thanh có thể ghép đôi với thiết bị âm thanh *Bluetooth*[®] (loa, tai nghe, thiết bị liên lạc hoặc các thiết bị tương tự).

Bạn có thể vận hành hệ thống âm thanh từ các công tắc trên tay lái bên trái và màn hình hiển thị đa thông tin. Tuy nhiên, bạn không thể vận hành một số chức năng bằng màn hình cảm ứng khi xe đang di chuyển.

- Luật tại nước sở tại có thể nghiêm cấm vận hành các thiết bị điện tử cầm tay trong khi lái xe.
- Chỉ vận hành các công tắc âm thanh khi việc này an toàn.

- Cài đặt âm lượng ở mức sao cho vẫn nghe thấy còi và tín hiệu xe khẩn cấp.
- Một số thiết bị âm thanh, iPhone, điện thoại **Android**[™] và thiết bị âm thanh *Bluetooth*[®] có thể không tương thích.
- Chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ thiệt hại hoặc sự cố nào khi sử dụng thiết bị âm thanh.
- iPhone, iPad, iPad Air, iPad Mini, iPod, iPod touch, iPod classic, iPod shuffle và iPod nano là các nhãn hiệu của Apple Inc.
- **Google**[™] và **Android Auto**[™] là các nhãn hiệu của **Google LLC**.

Giới thiệu về âm thanh **Bluetooth®**

- Chỉ có thể ghép đôi cùng lúc một thiết bị âm thanh *Bluetooth®* và hai thiết bị loa *Bluetooth®* với hệ thống âm thanh. Khi có thiết bị khác được ghép đôi, thông tin trên thiết bị đã đăng ký trước sẽ bị hủy.
- Nếu bạn nhận được cuộc gọi đến điện thoại đã ghép đôi, âm thanh đang phát trên điện thoại sẽ ngừng phát.
- Khi không thể kết nối thiết bị *Bluetooth®* của bạn với hệ thống âm thanh hoặc khi âm thanh ngắt quãng bị nhiễu khi đang phát, hãy thay đổi vị trí đặt thiết bị *Bluetooth®*.

Công nghệ *Bluetooth®* không dây
Biểu tượng và logo *Bluetooth®* là các nhãn hiệu được đăng ký thuộc sở hữu của *Bluetooth SIG, Inc.*, và *Honda Motors Co., Ltd.* được cấp phép sử dụng các nhãn hiệu này.

Các thương hiệu và tên thương mại khác thuộc về các chủ sở hữu tương ứng.

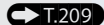
Hệ thống âm thanh (Tiếp theo)

Vị trí hệ thống âm thanh

Điện thoại iPhone /Android™



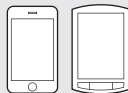
Kết nối USB



Ăng-ten GPS

Giắc cắm USB

Điện thoại iPhone/Android™/
Điện thoại di động/**Bluetooth®**
thiết bị âm thanh, v.v.



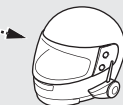
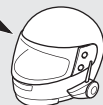
Kết nối **Bluetooth®** ➔ T.167

Kết nối **Bluetooth®** ➔ T.172

Công tắc tay lái
bên trái

Màn hình hiển thị đa
thông tin

Kết nối
Bluetooth®
➔ T.172



Tai nghe **Bluetooth®**
cho người ngồi sau

Tai nghe **Bluetooth®** cho người lái

↔ **Kết nối USB cho Apple CarPlay/Android Auto™**

↔ **Cấu hình được hỗ trợ hệ thống âm thanh:**

- Phiên bản HFP 1.5
- Phiên bản A2DP 1.2
- Phiên bản AVRCP 1.4
- Phiên bản PBAP 1.0

↔ **Cấu hình được hỗ trợ tai nghe:**

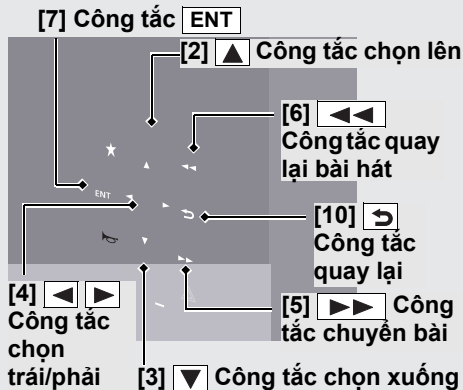
- Phiên bản HFP 1.7
- Phiên bản A2DP 1.2


Hệ thống âm thanh (Tiếp theo)

Thao tác vận hành cơ bản


Bạn có thể vận hành và cài đặt nhiều chức năng khác nhau của hệ thống âm thanh bằng màn hình cảm ứng và/hoặc các công tắc trên tay lái bên trái.


Tuy nhiên, bạn không thể vận hành một số chức năng bằng màn hình cảm ứng khi xe đang di chuyển.






[1]  Công tắc gạt chức năng: Đẩy công tắc về phía trước hoặc kéo về phía sau để điều chỉnh âm lượng.

- Để tăng âm lượng: Đẩy công tắc gạt về phía trước.
- Để giảm âm lượng: Kéo công tắc gạt về phía sau.
- Để tăng âm lượng nhanh: Đẩy về phía trước và giữ công tắc gạt.
- Để giảm âm lượng nhanh: Kéo về phía sau và giữ công tắc gạt.

[2]  Công tắc chọn lên: Ấn công tắc để chọn một mục menu.

[3]  Công tắc chọn xuống: Ấn công tắc để chọn một mục menu.

[4]   Công tắc chọn trái/phải: Ấn công tắc để chọn một mục menu.


[5]  Công tắc chuyển bài:

- Đi đến bài hát tiếp theo: Ấn công tắc.
- Để tua nhanh trong bài hát: Ấn và giữ công tắc.

[6]  Công tắc quay lại bài hát:


- Quay lại từ đầu bài hát hiện tại hoặc bài hát trước đó. Ấn công tắc.
- Để tua nhanh trong bài hát: Ấn và giữ công tắc

[7] Công tắc **ENT** : Ấn để xác nhận lựa chọn.


[8]  Công tắc điều khiển bằng giọng nói:

- Để nhận hoặc kết thúc cuộc gọi: Đẩy công tắc về phía trước.
- Để từ chối cuộc gọi: Đẩy về phía trước và giữ công tắc.
- Để khởi động Siri hoặc tìm kiếm bằng giọng nói khi Apple CarPlay hoặc **Android Auto™** khả dụng: Đẩy công tắc về phía trước.

Hệ thống âm thanh *(Tiếp theo)*

[9]  Công tắc trang:

- Để quay lại thông tin lái xe hoặc màn hình âm thanh: Kéo công tắc về phía sau.
- Để trở về màn hình chính, màn hình Apple CarPlay hoặc màn hình tìm kiếm bằng giọng nói: Kéo về phía sau và giữ công tắc.

[10]  Công tắc quay lại:

- Để quay lại màn hình trước: Ấn công tắc.
- Để quay lại màn hình âm thanh: Ấn và giữ công tắc.

Đề điều chỉnh âm lượng

Bạn có thể điều chỉnh cài đặt âm lượng cho tai nghe.


Hệ thống có các mức âm lượng riêng như sau.

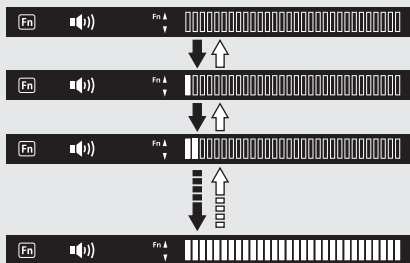
Điều chỉnh âm lượng khi đang ở chế độ riêng.





- [Music] (Âm nhạc) Người lái
- [Music] (Âm nhạc) Người ngồi sau
- [Phone] (Điện thoại)
- [System] (Hệ thống)
- [Ringtone] (Chuông báo)
- [Voice] (Giọng nói)
- [CarPlay]
- **[Android Auto]**
- [Microphone] (Micro)


Cũng có thể cài đặt từng âm lượng từ


menu.  T.100


Khi bạn đẩy công tắc gạt chức năng  về phía trước hoặc kéo về phía sau, mức điều chỉnh âm lượng xuất hiện trên thông tin hiện lên.




-  Đẩy công tắc gạt chức năng  về phía trước
-  Kéo công tắc gạt chức năng  về phía sau

Để tăng âm lượng: đẩy công tắc gạt chức năng  về phía trước.

▶ Để tăng âm lượng nhanh, đẩy về phía trước và giữ công tắc gạt chức năng .

Để giảm âm lượng: kéo công tắc gạt chức năng  về phía sau.


▶ Để giảm âm lượng nhanh, kéo về phía sau và giữ công tắc gạt .

Khoảng điều chỉnh âm lượng:

Ngoài Micrô: Mức 0 đến 30

Micrô: Mức 0 đến 14




 Công tắc gạt chức năng

Hệ thống âm thanh *(Tiếp theo)*

Automatic Volume (Âm lượng tự động)

Chọn cài đặt âm lượng để tự động tăng âm lượng cho tai nghe khi chạy xe ở tốc độ cao hơn.

Để chọn âm lượng tự động:  T.100

Các cài đặt sẵn có: [Off]/[Low]/[High]

(Tắt/Thấp/Cao)

Mặc định: [Off] (Tắt)

Âm thanh *Bluetooth*[®]

▮ Cài đặt *Bluetooth*[®]

Bạn có thể kết nối với thiết bị âm thanh *Bluetooth*[®] (điện thoại di động, máy phát âm thanh kỹ thuật số hoặc các thiết bị tương tự) và tai nghe *Bluetooth*[®] qua *Bluetooth*[®].

Các thiết bị sau được phép kết nối:

- [Phone Pairing] (Ghép đôi điện thoại) (Dành cho thiết bị âm thanh *Bluetooth*[®]) ➔ T.167
- [Headset Pairing] (Ghép đôi tai nghe) (Dành cho tai nghe của người lái và tai nghe của người ngồi sau) ➔ T.172

Hệ thống âm thanh (Tiếp theo)

Cấu hình/phiên bản **Bluetooth**® được hỗ trợ

Phiên bản <i>Bluetooth</i> ®	Bluetooth 2.1 + EDR
Cấu hình <i>Bluetooth</i> ® (dành cho iPhone, điện thoại Android ™, điện thoại di động hoặc thiết bị <i>Bluetooth</i> ®)	Phiên bản HFP (Cấu hình rảnh tay) 1.5
	Phiên bản A2DP (Cấu hình phân phối âm thanh nâng cao) 1.2
	Phiên bản AVRCP (Cấu hình điều khiển từ xa âm thanh/video) 1.4
Cấu hình <i>Bluetooth</i> ® (Dành cho tai nghe của người lái và người ngồi sau)	Phiên bản PBAP (Cấu hình truy cập danh bạ) 1.0
	Phiên bản HFP (Cấu hình rảnh tay) 1.7
	Phiên bản A2DP (Cấu hình phân phối âm thanh nâng cao) 1.2

- Bạn không thể ghép đôi thiết bị *Bluetooth*® và tai nghe *Bluetooth*® khi xe đang di chuyển. Khi ghép đôi, hãy đỗ xe tại nơi an toàn.
- Kết nối *Bluetooth*® có thể không được thiết lập khi khởi chạy Apple CarPlay.
- Xe không được trang bị chức năng liên lạc nội bộ. Nếu bạn muốn sử dụng chức năng liên lạc nội bộ, hãy sử dụng chức năng liên lạc nội bộ của tai nghe.
- Một số nơi nghiêm cấm sử dụng tai nghe khi đang lái xe. Hãy luôn tuân thủ luật và quy định hiện hành của địa phương.

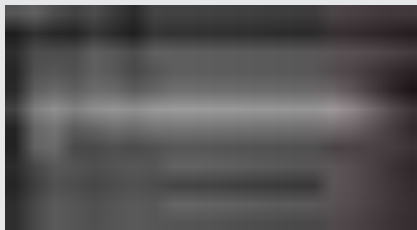
Phone Pairing (Ghép đôi điện thoại)

Bạn có thể thiết lập kết nối *Bluetooth*® theo hai cách.

- [Visible] (Hiển thị): Tìm kiếm từ thiết bị.
- [Phone Pairing] (Ghép đôi điện thoại):
Tìm kiếm từ hệ thống.

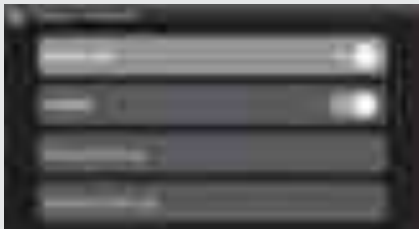
Chức năng này không sử dụng được khi xe đang di chuyển.

- 1 Kích hoạt chức năng *Bluetooth*® trên thiết bị của bạn.
 - ▶ Để biết chi tiết, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng của thiết bị.
- 2 Chọn [Bluetooth] rồi ấn công tắc **ENT** .



Hệ thống âm thanh (Tiếp theo)

- ③ Chọn [Bluetooth], rồi ấn công tắc **ENT** để [ON] (kích hoạt) chức năng.



[Visible] (Hiện thị)

- ④ Chọn [Visible], rồi ấn công tắc **ENT** để [ON] (kích hoạt) chức năng.





- ⑤ Nhấn vào “Honda Motorcycle #*****” trên menu cài đặt *Bluetooth®* của thiết bị ghép đôi.
 ▶ Phần ***** là chữ cái khác nhau tùy theo từng xe.
- ⑥ Khi thông báo yêu cầu xuất hiện trên thiết bị cần kết nối, hãy chạm vào "Pair" (ghép đôi).

- 7 Tên thiết bị và Mã khóa sẽ xuất hiện trên màn hình. Chọn [Yes] (Có) rồi ấn công tắc **ENT**.



- 8 Khi ghép đôi hoàn thành, tên của thiết bị đã ghép đôi sẽ hiển thị. Trạng thái biểu tượng:

 : Đã kết nối chức năng điện thoại

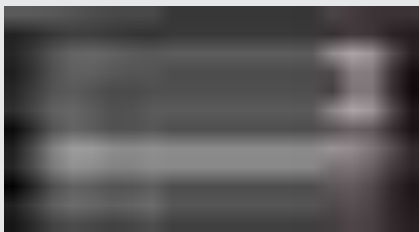
 : Đã kết nối chức năng âm nhạc



- 9 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. **→ T.42**
 Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Hệ thống âm thanh (Tiếp theo)

[Phone Pairing] (Ghép đôi điện thoại)



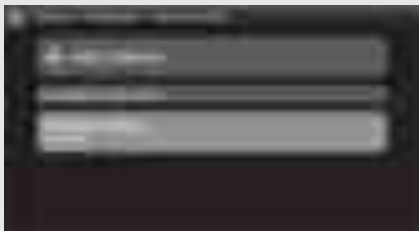
- 4 Chọn [Phone Pairing] (Ghép đôi điện thoại) rồi ấn công tắc **ENT** .

- 5 Chọn [+Add a device] (Thêm thiết bị) rồi ấn công tắc **ENT** .



- 6 Tên của thiết bị phát hiện được sẽ hiển thị.
▶ Nếu phát hiện thấy nhiều thiết bị *Bluetooth*[®], thiết bị cần kết nối có thể được phát hiện ở phần dưới trong danh sách, hãy cuộn xuống phía dưới danh sách.


- 7 Chọn tên thiết bị cần kết nối rồi ấn công tắc **ENT** .




- 8 Chọn [Yes] (Có) rồi ấn công tắc **ENT** .



- 9 Khi thông báo yêu cầu xuất hiện trên thiết bị cần kết nối, hãy chạm vào “Ghép đôi”.
- 10 Khi ghép đôi hoàn thành, tên của thiết bị đã ghép đôi sẽ hiển thị.
Trạng thái biểu tượng:

 : Đã kết nối chức năng điện thoại

 : Đã kết nối chức năng âm nhạc



- 11 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. **→ T.42**

Hệ thống âm thanh *(Tiếp theo)*

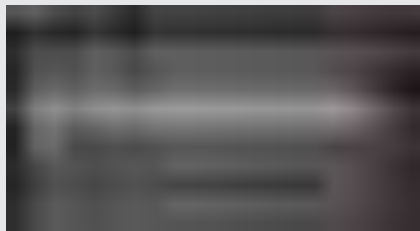
Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Để ngắt kết nối điện thoại:  **T.175**

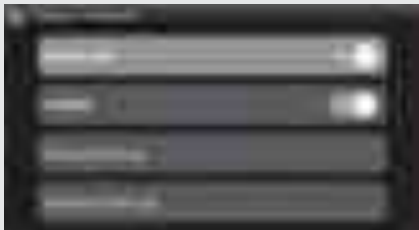
Headset Pairing (Ghép đôi tai nghe)

Chức năng này không sử dụng được khi xe đang di chuyển.

- 1 Kích hoạt chức năng *Bluetooth*[®] trên thiết bị của bạn.
 - ▶ Để biết chi tiết, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng của thiết bị.
- 2 Chọn [Bluetooth] rồi ấn công tắc **ENT** .



- 3 Chọn [Bluetooth], rồi ấn công tắc **ENT** để [ON] (kích hoạt) chức năng.



- 4 Chọn [Headset Pairing] (Ghép đôi tai nghe) rồi ấn công tắc **ENT**.



- 5 Chọn [+Add a device] (Thêm thiết bị) rồi ấn công tắc **ENT**.

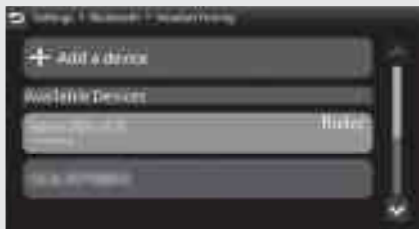


- 6 Tên của thiết bị phát hiện được sẽ hiển thị.
 ► Nếu phát hiện thấy nhiều thiết bị *Bluetooth*[®], thiết bị cần kết nối có thể được phát hiện ở phần dưới trong danh sách, hãy cuộn xuống phía dưới danh sách.

Hệ thống âm thanh (Tiếp theo)

- 7 Chọn tên thiết bị cần kết nối rồi ấn công tắc

ENT .



- 8 Khi ghép đôi hoàn thành, tên của thiết bị sẽ hiển thị.

Rider (Người lái)	Khi ghép đôi tai nghe người lái
Passenger (Người ngồi sau)	Khi ghép đôi tai nghe người ngồi sau



- 9 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. ➡ T.42

Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Để ngắt kết nối tai nghe: ➡ T.175

Để kết nối lại tự động thiết bị đã được ghép đôi

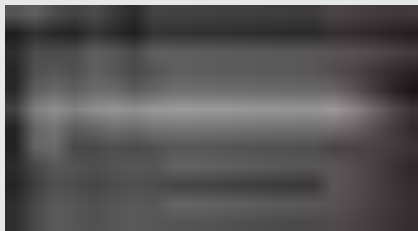
Khi vặn ổ khóa điện sang vị trí I (On) hệ thống sẽ tự động kết nối lại với các thiết bị được đăng ký.

- ▶ Nếu hệ thống tìm thấy các thiết bị được ghép đôi, hệ thống sẽ kết nối lại với thiết bị đã được kết nối trước đó.
- ▶ Sau khi kết nối lại, bài hát được phát gần nhất sẽ được phát tự động.

Để kết nối/ngắt kết nối riêng các chức năng có sẵn

Tùy thuộc vào thiết bị được kết nối, chức năng này có thể không thiết lập được kết nối.

- 1 Chọn [Bluetooth] rồi ấn công tắc **ENT**.

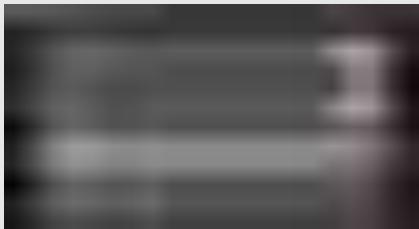


Hệ thống âm thanh *(Tiếp theo)*

Để kết nối các chức năng:

2 [Phone Pairing] (Ghép đôi điện thoại)

1. Chọn [Phone Pairing] (Ghép đôi điện thoại) rồi ấn công tắc **ENT** để vào menu cài đặt.



2. Chọn thiết bị đã ghép đôi rồi ấn công tắc **ENT**.



3. Chọn [Connect a Phone] (Kết nối điện thoại) hoặc [Connect Music] (Kết nối nhạc) rồi ấn công tắc **ENT** để [ON] (kích hoạt) chức năng.



- 2 [Headset Pairing] (Ghép đôi tai nghe)
1. Chọn [Headset Pairing] (Ghép đôi tai nghe) rồi ấn công tắc **ENT** để vào menu cài đặt.

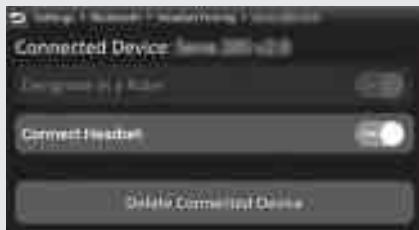


Hệ thống âm thanh *(Tiếp theo)*

- Chọn thiết bị đã ghép đôi rồi ấn công tắc **ENT**.



- Chọn [Designate as a Rider] (Chỉ định làm người lái) hoặc [Connect Headset] (Kết nối tai nghe) rồi ấn công tắc **ENT** để [ON] (kích hoạt) chức năng.

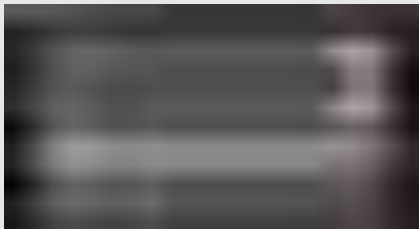


- Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. ➡ **T.42**
 Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

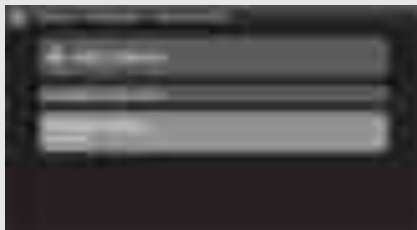
Để ngắt kết nối các chức năng:

2 [Phone Pairing] (Ghép đôi điện thoại)

1. Chọn [Phone Pairing] (Ghép đôi điện thoại) rồi ấn công tắc **ENT** để vào menu cài đặt.



2. Chọn thiết bị đã ghép đôi rồi ấn công tắc **ENT**.



Hệ thống âm thanh *(Tiếp theo)*

3. Chọn [Connect a Phone] (Kết nối điện thoại) hoặc [Connect Music] (Kết nối nhạc) rồi ấn công tắc **ENT** để [OFF] (ngắt kích hoạt) chức năng.



- 2 [Headset Pairing] (Ghép đôi tai nghe)

1. Chọn [Headset Pairing] (Ghép đôi tai nghe) rồi ấn công tắc **ENT** để vào menu cài đặt.



2. Chọn thiết bị đã ghép đôi rồi ấn công tắc **ENT** .



3. Chọn [Designate as a Rider] (Chỉ định làm người lái) hoặc [Connect Headset] (Kết nối tai nghe) rồi ấn công tắc **ENT** để [OFF] (ngắt kích hoạt) chức năng.



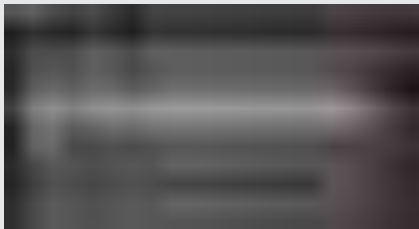
1 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. ➔ **T.42**

Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

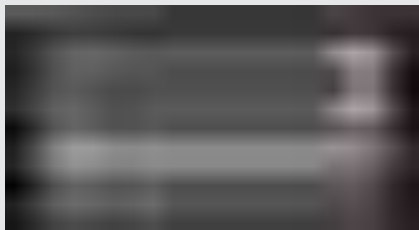
Hệ thống âm thanh *(Tiếp theo)*

Để xóa thiết bị đã được kết nối

- 1 Chọn [Bluetooth] rồi ấn công tắc **ENT** .



- 2 Chọn [Phone Pairing] (Ghép đôi điện thoại) hoặc [Headset Pairing] (Ghép đôi tai nghe) rồi ấn công tắc **ENT** để vào menu cài đặt.



- 3 Chọn thiết bị đã ghép đôi rồi ấn công tắc **ENT** .

- 4 Chọn [Delete Connected Device] (Xóa thiết bị đã kết nối) rồi ấn công tắc **ENT**.



- 5 Tên thiết bị biến mất khỏi màn hình.



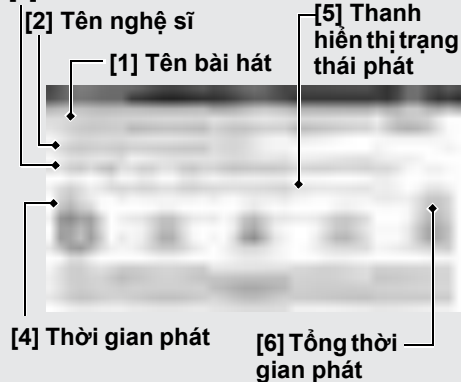
- 6 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. **➡ T.42**
 Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Hệ thống âm thanh (Tiếp theo)

Phát âm thanh

Hệ thống âm thanh có thể phát nhạc được lưu trữ trên thiết bị đã kết nối thông qua Bluetooth®.

[3] Tên album



Thông tin màn hình

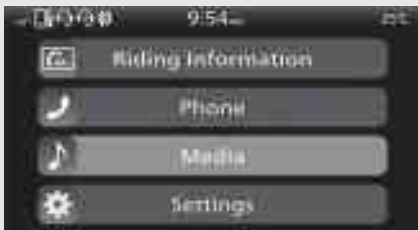
Thông tin hiển thị trên màn hình khác nhau tùy thuộc vào thiết bị được kết nối và loại tệp được phát lại.

Hệ thống hỗ trợ thông tin thẻ ID3. Nếu một bản nhạc không có thẻ ID3, tên bài hát hoặc tên file sẽ hiển thị.

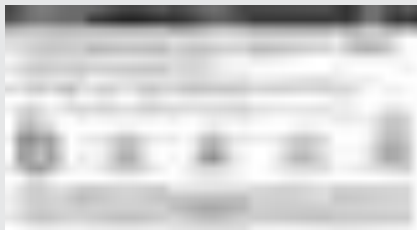
- [1] Tên bài hát
- [2] Tên nghệ sĩ
- [3] Tên album (Tên thư mục)
- [4] Thời gian phát
- [5] Thanh hiển thị trạng thái phát
- [6] Tổng thời gian phát

Để phát một bản nhạc

- 1 Kết nối thiết bị bạn muốn phát nhạc.
Cài đặt Bluetooth® ➔ T.175
- 2 Chọn [Media] (Đa phương tiện) rồi ấn công tắc **ENT** .





- 3 Chọn **▶** rồi ấn công tắc **ENT** .



- 4 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. ➔ T.42
Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.





Hệ thống âm thanh *(Tiếp theo)*

Để tạm dừng một bản nhạc

Chọn  rồi ấn công tắc .

Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

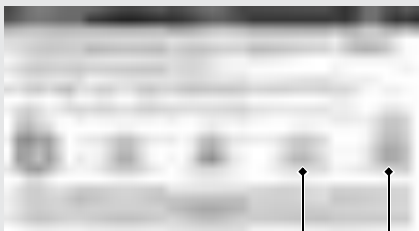
Để thay đổi một bản nhạc

- Đi đến bài hát tiếp theo: Ấn công tắc chuyển bài .
 - Để tua nhanh trong bài hát: Ấn và giữ công tắc chuyển bài .
 - Quay lại từ đầu bài hát hiện tại hoặc bài hát trước đó. Ấn công tắc quay lại bài hát .
 - Để tua nhanh trong bài hát: Ấn và giữ công tắc quay lại bài hát .
- Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.


Để chọn chế độ phát

Bạn có thể chọn chế độ lặp lại và ngẫu nhiên.

Biểu tượng trạng thái của chế độ phát âm thanh hoặc màu của biểu tượng trạng thái của chế độ phát âm thanh thay đổi.



Biểu tượng trạng thái của chế độ phát âm thanh

Liên chuyển qua các chế độ phát như sau:
Chọn  rồi ấn công tắc **ENT**.



(Đen) Chế độ không lặp lại:
Không lặp lại.




(Xanh dương) Chế độ phát lặp lại album: Lặp lại tất cả các bản nhạc trong danh sách phát hiện tại ([Artists], [Albums] hoặc [Folders], v.v.).



(Xanh dương) Chế độ phát lặp lại bản nhạc: Lặp lại bản nhạc hiện tại.

Hệ thống âm thanh *(Tiếp theo)*

Chọn  rồi ấn công tắc **ENT** .



(Đen) Chế độ phát thường:
Phát bản nhạc theo thứ tự ban đầu.



(Xanh dương) Chế độ phát
ngẫu nhiên: Phát ngẫu nhiên
các bản nhạc.

Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Chế độ cuộc gọi rảnh tay Sử dụng chế độ cuộc gọi rảnh tay qua **Bluetooth®**

Chế độ cuộc gọi rảnh tay qua *Bluetooth®* cho phép bạn thực hiện và tiếp nhận các cuộc gọi bằng hệ thống âm thanh của xe, mà không cần cầm điện thoại.

Để sử dụng chế độ cuộc gọi rảnh tay, bạn cần một điện thoại tương thích với *Bluetooth®* và tai nghe *Bluetooth®*.

- Bạn không thể sử dụng các chức năng cuộc gọi rảnh tay bằng màn hình cảm ứng khi xe đang di chuyển.
- Nếu kết nối *Bluetooth®* không ổn định do các điều kiện xung quanh hoặc điều kiện sóng vô tuyến, chức năng cuộc gọi rảnh tay có thể không sử dụng được.

- Khi đang nói chuyện, bạn có thể sẽ cảm thấy khó nghe do ảnh hưởng của gió khi lái xe hoặc tiếng ồn bên ngoài. Trong trường hợp này, cố gắng thay đổi vị trí micro hoặc điều chỉnh độ cao kính chắn gió. ➔ T.312

Hệ thống âm thanh (Tiếp theo)

Chuẩn bị





- 1 Kết nối với điện thoại di động được ghép đôi. ➡ T.167
 - ▶ Danh bạ được cập nhật sau mỗi lần kết nối. Lịch sử cuộc gọi được cập nhật sau mỗi lần kết nối hoặc gọi.
- 2 Kết nối với tai nghe người lái được ghép đôi. ➡ T.172
- 3 Chọn [Phone] (Điện thoại) rồi ấn công tắc **ENT**.



- 4 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. ➡ T.42
- Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Thực hiện cuộc gọi

Bạn có thể thực hiện cuộc gọi bằng cách nhập số điện thoại hoặc sử dụng danh bạ, lịch sử cuộc gọi hoặc danh sách quay số nhanh.

Để thay đổi chế độ cuộc gọi, gạt  hoặc  trên công tắc chọn trái/phải  . Thay đổi các chế độ cuộc gọi như sau: [Call History] (Lịch sử cuộc gọi) ⇨ [Speed Dial] (Quay số nhanh) ⇨ [Contacts] (Danh bạ) ⇨ [Dial Number] (Quay số) ⇨ [Settings] (Cài đặt)

- Một số chức năng thủ công sẽ không sử dụng được khi xe đang di chuyển. Bạn không thể chọn tùy chọn có màu xám đến khi xe dừng lại.
- Chỉ có thể gọi đến các số trong mục quay số nhanh và trong lịch sử cuộc gọi khi xe đang di chuyển.

Để điều chỉnh âm lượng điện thoại:

➡ T.100


Để thực hiện cuộc gọi từ lịch sử cuộc gọi [Call history]


Bạn có thể thực hiện cuộc gọi bằng lịch sử cuộc gọi khi xe đang di chuyển.


Lịch sử cuộc gọi hiển thị 30 cuộc gọi đi, cuộc gọi đã nhận hoặc cuộc gọi nhớ gần nhất.





- 1 Chọn [Call History] (Lịch sử cuộc gọi).
- 2 Chọn số điện thoại mà bạn muốn gọi rồi ấn công tắc **ENT** .

 (xanh dương): Cuộc gọi đi

 (xanh dương): Cuộc gọi đã nhận

 (đỏ): Cuộc gọi nhớ

- 3 Để kết thúc cuộc gọi, đẩy công tắc điều khiển bằng giọng nói  trên tay lái bên trái về phía trước.
 - ▶ Có thể thực hiện thao tác tương tự bằng cách chọn [End call] (Kết thúc cuộc gọi) trên màn hình.
 - 4 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính.  **T.42**
- Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Hệ thống âm thanh *(Tiếp theo)*

Để thực hiện cuộc gọi bằng quay số nhanh [Speed dial] (Quay số nhanh)

Bạn có thể thực hiện cuộc gọi bằng quay số nhanh khi xe đang di chuyển.


Để thực hiện cuộc gọi bằng quay số nhanh, bạn cần lưu số quay số nhanh trước.

➡ **T.195**

Có thể lưu trữ tới 20 số quay số nhanh.

- ➊ Chọn [Speed dial] (Quay số nhanh).
- ➋ Chọn người mà bạn muốn gọi rồi ấn công tắc **ENT** .
Hệ thống bắt đầu quay số tự động.



- ➌ Để kết thúc cuộc gọi, đẩy công tắc điều khiển bằng giọng nói  trên tay lái bên trái về phía trước.

▶ Có thể thực hiện thao tác tương tự bằng cách chọn [End call] (Kết thúc cuộc gọi) trên màn hình.

- ➍ Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. ➡ **T.42**


Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Để thực hiện cuộc gọi bằng danh bạ [Contacts] (Danh bạ)


Chức năng này không sử dụng được khi xe đang di chuyển.

- 1 Dừng xe.
- 2 Chọn [Contacts] (Danh bạ).
- 3 Danh bạ được lưu theo thứ tự bảng chữ cái.
Chọn tên rồi ấn công tắc **ENT** để cài đặt lựa chọn
- 4 Chọn số điện thoại mà bạn muốn gọi rồi ấn công tắc **ENT**.



- 5 Để kết thúc cuộc gọi, đẩy công tắc điều khiển bằng giọng nói  trên tay lái bên trái về phía trước.

► Có thể thực hiện thao tác tương tự bằng cách chọn [End call] (Kết thúc cuộc gọi) trên màn hình.







- 6 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính.  T.42

Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Hệ thống âm thanh *(Tiếp theo)*


Để thực hiện cuộc gọi bằng số điện thoại [Dial number] (Quay số)

Chức năng này không sử dụng được khi xe đang di chuyển.


- 1 Chọn [Dial number] (Quay số)
- 2 Ấn công tắc chọn  hoặc công tắc chọn  hoặc gạt  hoặc  trên công tắc chọn trái/phải   để nhập số rồi ấn công tắc **ENT** để cài đặt số.
 - ▶ Khi sử dụng [+]: Chọn [0], rồi ấn và giữ công tắc **ENT** .

- 3 Chọn [CALL] (Gọi) rồi ấn công tắc **ENT** để thực hiện cuộc gọi.
 - ▶ Để hủy cuộc gọi, ấn công tắc **ENT** .
 - ▶ Khi thực hiện cuộc gọi 1 giây sau khi nhấn công tắc **ENT** : Chọn [+ Wait] (Chờ) rồi ấn công tắc **ENT** .
 - ▶ Khi thực hiện cuộc gọi 2 giây sau khi nhấn công tắc **ENT** : Chọn [+ 2 sec] (+2 giây) rồi ấn công tắc **ENT** .



4 Để kết thúc cuộc gọi, đẩy công tắc điều khiển bằng giọng nói  trên tay lái bên trái về phía trước.

► Có thể thực hiện thao tác tương tự bằng cách chọn [End call] (Kết thúc cuộc gọi) trên màn hình.

5 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính.  T.42

Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Để lưu một số điện thoại trong danh sách quay số nhanh

Có thể lưu trữ nhiều số quay số nhanh.

1 Chọn [Speed dial] (Quay số nhanh).

2 Chọn [Add Speed Dial] (Thêm quay số nhanh) rồi ấn công tắc **ENT** .



3 Danh bạ xuất hiện.

Hệ thống âm thanh (Tiếp theo)

- ④ Chọn số điện thoại mà bạn muốn lưu rồi ấn và giữ công tắc **ENT** .
Số điện thoại sẽ được lưu trong danh sách quay số nhanh.



- ⑤ Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. **← T.42**
Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Để xóa một số quay số nhanh đã lưu

- ① Chọn [Settings] (Cài đặt).
② Chọn [Edit Speed Dial] (Chỉnh sửa quay số nhanh) rồi ấn công tắc **ENT** .



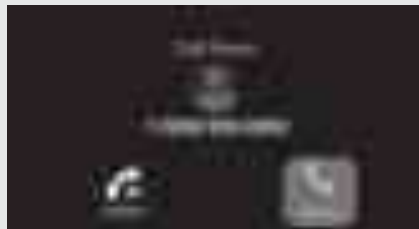
- 3 Chọn số điện thoại mà bạn muốn xóa rồi ấn và giữ công tắc **ENT**.



- 4 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. ➡ T.42
 Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Nhận cuộc gọi

Khi có một cuộc gọi đến, chuông báo sẽ kêu và màn hình Incoming call (Cuộc gọi đến) hiện ra.




Hệ thống âm thanh *(Tiếp theo)*

Chuông báo

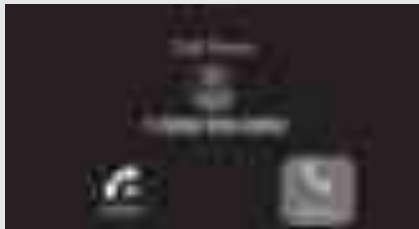
Nếu điện thoại được kết nối hỗ trợ “in band ring tone” (nhạc chuông trong băng tần), chuông báo được lưu trên điện thoại sẽ tự động phát ra khi nhận được cuộc gọi.

Nếu không hỗ trợ “in band ring tone”, chuông báo được lưu trong hệ thống âm thanh sẽ phát ra.

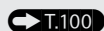
Để nhận cuộc gọi

Khi có cuộc gọi đến, đẩy công tắc điều khiển bằng giọng nói  trên tay lái bên trái về phía trước để nhận cuộc gọi.

- Có thể thực hiện thao tác tương tự bằng cách chọn [Answer] (Trả lời) trên màn hình.




Để điều chỉnh âm lượng điện thoại:

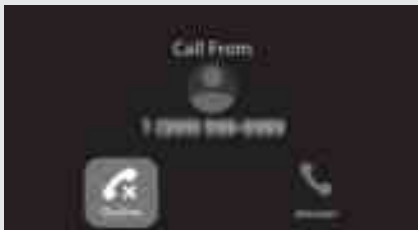


Để từ chối cuộc gọi


Khi có cuộc gọi đến, đẩy về phía trước và giữ công tắc điều khiển bằng giọng nói

 trên tay lái bên trái để từ chối cuộc gọi.

- Có thể thực hiện thao tác tương tự bằng cách chọn [Decline] (Từ chối) trên màn hình.



Để kết thúc cuộc gọi

Khi đang nói chuyện, đẩy công tắc điều khiển bằng giọng nói  trên tay lái bên trái về phía trước để kết thúc cuộc gọi.

- Có thể thực hiện thao tác tương tự bằng cách chọn [End call] (Kết thúc cuộc gọi) trên màn hình.



Hệ thống âm thanh *(Tiếp theo)*

Apple CarPlay

Nếu bạn kết nối iPhone tương thích Apple CarPlay với hệ thống qua giắc cắm USB, bạn có thể sử dụng màn hình hiển thị đa thông tin, thay vì màn hình iPhone, để thực hiện cuộc gọi, nghe nhạc, xem bản đồ (dẫn đường), và truy cập tin nhắn.

- Chỉ iPhone 5 hoặc các phiên bản mới hơn với iOS 10 hoặc cao hơn mới tương thích với Apple CarPlay
- Hãy dừng xe tại nơi an toàn trước khi kết nối iPhone với Apple CarPlay và khi khởi chạy bất kỳ ứng dụng tương thích nào.

- Honda không chịu trách nhiệm về bất kỳ hư hại hoặc sự cố nào xảy ra trong quá trình sử dụng iPhone.
- Nếu kết nối mạng điện thoại không ổn định do các điều kiện xung quanh hoặc do tín hiệu yếu, chức năng Apple CarPlay có thể không sử dụng được.
- Để sử dụng Apple CarPlay, cần phải kết nối tai nghe. Nếu không thể kết nối do pin tai nghe yếu hoặc lỗi kết nối, sẽ không thể sử dụng được Apple CarPlay đến khi kết nối được khôi phục.
- Bạn không thể sử dụng Apple CarPlay bằng màn hình cảm ứng khi xe đang di chuyển.

- Ứng dụng và mục hiển thị trên màn hình có thể khác nhau tùy thuộc vào thiết bị được kết nối và phiên bản iOS.
 - Khi kết nối qua Apple CarPlay, chỉ có thể thực hiện các cuộc gọi thông qua Apple CarPlay. Nếu bạn muốn thực hiện cuộc gọi bằng chế độ cuộc gọi rảnh tay *Bluetooth*®, hãy rút cáp USB khỏi iPhone và kết nối iPhone qua *Bluetooth*®.
- Để kết nối thiết bị được ghép đôi:**

➔ T.167

Hệ thống âm thanh *(Tiếp theo)*

▮ Các yêu cầu & giới hạn vận hành Apple CarPlay

Apple CarPlay yêu cầu một iPhone tương thích có kết nối mạng viễn thông và có dung lượng truy cập. Hệ thống sẽ sử dụng dung lượng truy cập mạng.

Các thay đổi trong hệ điều hành, phần cứng, phần mềm, và công nghệ thiết yếu cần cho hoạt động của Apple CarPlay, cũng như các quy định mới hoặc sửa đổi của chính phủ, có thể dẫn đến giảm hoặc ngừng chức năng và dịch vụ của Apple CarPlay. Honda không thể và không cung cấp bất kỳ hình thức bảo hành hoặc bảo đảm nào về hoạt động và chức năng của Apple CarPlay trong tương lai.

Có thể sử dụng các ứng dụng của bên thứ ba nếu tương thích với Apple CarPlay. Hãy tham khảo trang chủ Apple để biết thêm thông tin về các ứng dụng tương thích.

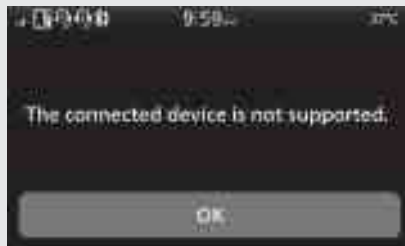
▮ Sử dụng thông tin người dùng và xe

Việc sử dụng và xử lý thông tin người dùng và xe được truyền đến/từ iPhone bằng Apple CarPlay được điều chỉnh bằng các điều khoản và điều kiện của Apple iOS cũng như Chính sách quyền riêng tư của Apple.

Để cài đặt Apple CarPlay

Việc sử dụng Apple CarPlay sẽ dẫn đến việc truyền một số thông tin nhất định của người dùng và xe (như vị trí xe, tốc độ và trạng thái) đến iPhone để nâng cao trải nghiệm Apple CarPlay. Bạn sẽ cần đồng ý chia sẻ thông tin này trên màn hình.

- 1 Ghép đôi với tai nghe. ➡ T.172
 - 2 Kết nối iPhone bằng cách sử dụng cáp được chứng nhận với ổ cắm USB. ➡ T.209
 - ▶ Nếu màn hình sau hiển thị thì tức là không thể sử dụng Apple CarPlay nhưng có thể cung cấp điện USB.
1. Chọn [OK] rồi ấn công tắc **ENT** .



Để kích hoạt Apple CarPlay: ➡ T.205

Hệ thống âm thanh (Tiếp theo)

③ Khi thông báo miễn trừ trách nhiệm xuất hiện trên màn hình, chọn [Enable] (Kích hoạt) rồi ấn công tắc **[ENT]**.

▶ Để không bị hỏi vào lần kết nối tiếp theo, bạn hãy cài đặt [Remember My Choice] (Nhớ lựa chọn của tôi) thành ON (BẬT).



[Enable] (Kích hoạt) khi [Remember My Choice] (Nhớ lựa chọn của tôi) là [OFF] (TẮT): Chỉ cho phép một lần. (Yêu cầu sẽ hiển thị lại trong lần tiếp theo.)

[Enable] (Kích hoạt) khi [Remember My Choice] (Nhớ lựa chọn của tôi) là [ON] (BẬT): Cho phép bất kỳ lúc nào. (Yêu cầu sẽ không hiển thị lại.)

[Disable] (Ngắt kích hoạt) khi [Remember My Choice] (Nhớ lựa chọn của tôi) là [OFF] (TẮT): Không cho phép chức năng này.

[Disable] (Ngắt kích hoạt) khi [Remember My Choice] (Nhớ lựa chọn của tôi) là [ON] (BẬT): Không cho phép vào bất kỳ lúc nào. (Yêu cầu sẽ không hiển thị lại.)

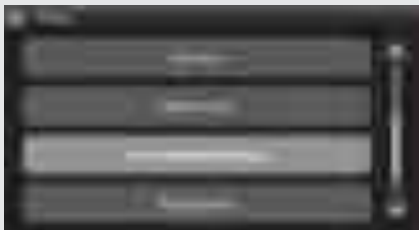
④ Kích hoạt cài đặt Apple CarPlay. ➡ T.205

⑤ Màn hình menu Apple CarPlay xuất hiện. Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

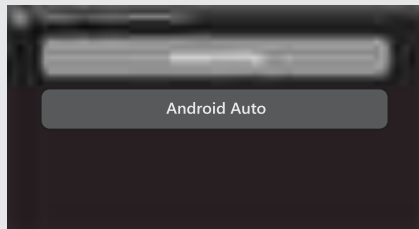
Để hiển thị lời nhắc: ➡ T.207

Kích hoạt hoặc ngắt kích hoạt Apple CarPlay

- 1 Chọn [Connected Services] (Dịch vụ đã kết nối) rồi ấn công tắc **ENT** .



- 2 Chọn [Apple CarPlay] rồi ấn công tắc **ENT** .



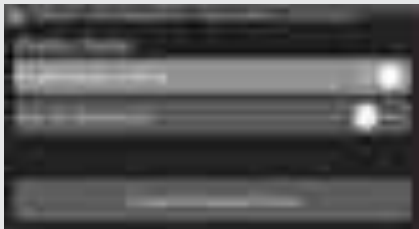
- 3 Chọn tên thiết bị cần kết nối rồi ấn công tắc **ENT** .



Hệ thống âm thanh *(Tiếp theo)*

Để kích hoạt Apple CarPlay:

- 4 Chọn [Enable Apple CarPlay] (Kích hoạt Apple CarPlay) rồi ấn công tắc **ENT** để [ON] (kích hoạt) chức năng.



- 5 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. ➡ **T.42**
 Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Để ngắt kích hoạt Apple CarPlay:

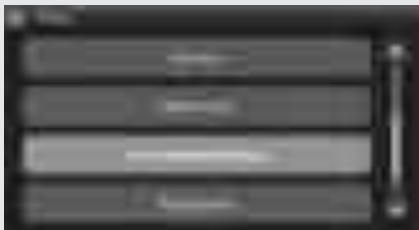
- 4 Chọn [Enable Apple CarPlay] (Kích hoạt Apple CarPlay) rồi ấn công tắc **ENT** để [OFF] (ngắt kích hoạt) chức năng.



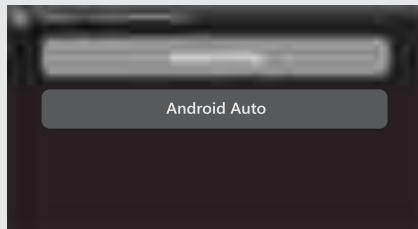
- 5 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. ➡ **T.42**
 Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Để chọn bật hoặc tắt hỏi trên màn hình miễn trừ trách nhiệm của Apple CarPlay

- 1 Chọn [Connected Services] (Dịch vụ đã kết nối) rồi ấn công tắc **ENT** .



- 2 Chọn [Apple CarPlay] rồi ấn công tắc **ENT** .



- 3 Chọn tên thiết bị cần kết nối rồi ấn công tắc **ENT** .



Hệ thống âm thanh (Tiếp theo)

Để hỏi khi kết nối:

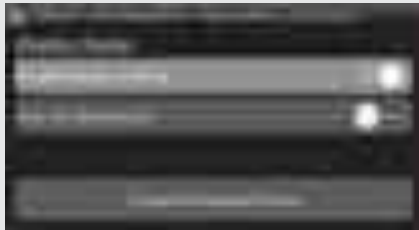
- 4 Chọn [Ask on Connection] (Hỏi khi kết nối) rồi ấn công tắc **ENT** để [ON] (bật hỏi) chức năng.



- 5 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. ➡ T.42
Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Để tắt hỏi khi kết nối:

- 4 Chọn [Ask on Connection] (Hỏi khi kết nối) rồi ấn công tắc **ENT** để [OFF] (tắt hỏi) chức năng.



- 5 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. ➡ T.42
Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

▮ Để kết nối iPhone của bạn

- Không để lại thiết bị trong xe (dưới yên xe trước hoặc dưới yên xe sau, v.v.). Nhiệt độ cao sẽ làm hỏng thiết bị.
- Chúng tôi khuyến nghị sao lưu dữ liệu trước khi phát.
- Bạn có thể sạc iPhone bằng cáp USB khi ổ khóa điện ở vị trí **I** (On). Thời gian sạc có thể lâu hơn bình thường.
- Chúng tôi khuyến nghị nên bọc thiết bị bằng túi đựng, vải mềm hoặc ốp để bảo vệ khỏi hư hỏng.
- Cần thận không để giắc cắm USB bị ướt.
- Không kết nối với bộ chia.
- Không kết nối với thiết bị không tương thích.
- Nếu hệ thống âm thanh không nhận ra iPhone, thử kết nối lại một vài lần hoặc khởi động lại thiết bị.

Để kết nối iPhone của bạn: ➔ T.250

▮ Để ngắt kết nối iPhone của bạn

Bạn có thể ngắt kết nối iPhone của bạn bất kỳ lúc nào. Đảm bảo tuân thủ các hướng dẫn của thiết bị về ngắt kết nối thiết bị khỏi cáp.

Hệ thống âm thanh (Tiếp theo)

Menu Apple CarPlay

Màn hình menu Apple CarPlay



Quay lại màn hình chính

Quay lại màn hình menu
Apple CarPlay

Màn hình chính (Home)



Đi đến màn hình
menu Apple CarPlay

Phone (Điện thoại)

Truy cập danh bạ, thực hiện cuộc gọi hoặc nghe thư thoại.

Music (Âm nhạc)

Phát nhạc được lưu trên iPhone.

Maps (Bản đồ)

Hiển thị bản đồ Apple CarPlay và sử dụng chức năng dẫn đường như trên iPhone.

Messages (Tin nhắn)

Kiểm tra và trả lời các tin nhắn văn bản, hoặc yêu cầu đọc tin nhắn.

Honda

Quay lại màn hình chính.



Quay lại màn hình menu Apple CarPlay.


Hệ thống âm thanh *(Tiếp theo)*

Vận hành Apple CarPlay bằng Siri

Để kích hoạt Siri, cần phải ghép đôi với thiết bị như tai nghe (dành cho người lái).

↩️ T.172

Để kích hoạt Siri

- 1 Khởi động Apple CarPlay. ➡️ T.203
- 2 Mở khóa iPhone và kích hoạt Siri.
 - ▶ Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo Hướng dẫn sử dụng iPhone, v.v.
- 3 Đẩy công tắc điều khiển bằng giọng nói  trên tay lái bên trái về phía trước.


- 4 Đọc một câu lệnh qua tai nghe đã ghép đôi.

Siri có thể không nhận biết đúng do ảnh hưởng của gió khi lái xe hoặc tiếng ồn bên ngoài. Trong trường hợp này, cố gắng thay đổi vị trí micro hoặc điều chỉnh độ cao kính chắn gió. ➡️ T.312

Vui lòng truy cập www.apple.com/ios/siri.

Để ngắt kích hoạt Siri

Đẩy công tắc điều khiển bằng giọng nói

 trên tay lái bên trái về phía trước.

Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Siri là nhãn hiệu của Apple Inc.

Hệ thống âm thanh *(Tiếp theo)*

Android Auto™

Nếu bạn kết nối điện thoại **Android Auto™** tương thích **Android™** với hệ thống qua cổng USB, bạn có thể sử dụng màn hình hiển thị đa thông tin thay cho màn hình điện thoại **Android™**, để truy cập Điện thoại, **Google Maps™** (dẫn đường), Trung tâm thông báo và chức năng tìm kiếm bằng giọng nói.

Khi sử dụng ứng dụng **Android Auto™** lần đầu, bạn sẽ phải hoàn tất cài đặt ban đầu trên màn hình điện thoại. Chúng tôi khuyên bạn nên hoàn thành cài đặt ban đầu này khi đang đỗ xe an toàn trước khi sử dụng **Android Auto™**.

- Để sử dụng **Android Auto™**, bạn cần tải ứng dụng **Android Auto™** từ **Google Play™** cho điện thoại của bạn.
- Chỉ **Android™ 5.0** hoặc các phiên bản cao hơn mới tương thích với **Android Auto™**. Không thể sử dụng Bluetooth A2DP với điện thoại **Android™**.

- Hãy dừng xe ở nơi an toàn trước khi kết nối điện thoại **Android™** với **Android Auto™** và khi khởi chạy bất kỳ ứng dụng tương thích nào.
- Honda không chịu trách nhiệm về bất kỳ hư hại hoặc sự cố nào xảy ra trong quá trình sử dụng điện thoại **Android™**.
- Nếu kết nối mạng điện thoại không ổn định do các điều kiện xung quanh hoặc do tín hiệu yếu, chức năng **Android Auto™** có thể không sử dụng được.
- Để sử dụng đầy đủ chức năng của **Android Auto™**, cần phải kết nối tai nghe.

Để kết nối thiết bị được ghép đôi:



- Bạn không thể sử dụng **Android Auto™** bằng màn hình cảm ứng khi xe đang di chuyển.
- Ứng dụng và mục hiển thị trên màn hình có thể khác nhau tùy thuộc vào thiết bị được kết nối và phiên bản **Android™**.

- Khi điện thoại **Android™** được kết nối với **Android Auto™**, có thể không sử dụng được âm thanh *Bluetooth®*.
- Bạn có thể kết nối trực tiếp với điện thoại **Android™** bằng cách sử dụng cáp được chứng nhận với ổ cắm USB. Hãy đảm bảo sử dụng cáp USB chính hãng đi kèm với thiết bị.
- Hệ thống âm thanh có thể tương thích với mẫu mới nhất và phiên bản OS mới nhất.
- Để biết thông tin chi tiết về quốc gia và khu vực có thể sử dụng **Android Auto™**, cũng như thông tin liên quan đến chức năng, hãy tham khảo trang chủ của **Android Auto™**.
- **Google™**, **Android™**, **Google Maps™**, **Google Play™** và **Android Auto™** các nhãn hiệu của **Google LLC**.

▮ Các yêu cầu và giới hạn vận hành **Android Auto™**

Android Auto™ yêu cầu một điện thoại **Android™** tương thích có kết nối mạng viễn thông và có dung lượng truy cập. Hệ thống sẽ sử dụng dung lượng truy cập mạng.

Các thay đổi trong hệ điều hành, phần cứng, phần mềm, và công nghệ khác liên quan đến việc cung cấp chức năng **Android Auto™**, cũng như các quy định mới hoặc sửa đổi của chính phủ, có thể dẫn đến giảm hoặc ngừng chức năng và dịch vụ của **Android Auto™**.

Honda không thể và không cung cấp bất kỳ hình thức bảo hành hoặc cam kết nào về hiệu suất và chức năng của **Android Auto™** trong tương lai.

Hệ thống âm thanh *(Tiếp theo)*

Có thể sử dụng các ứng dụng của bên thứ ba nếu tương thích với **Android Auto™**. Hãy tham khảo trang chủ **Android Auto™** để biết thêm thông tin về các ứng dụng tương thích.

■ **Sử dụng thông tin người dùng và xe**

Việc sử dụng và xử lý thông tin người dùng và xe được truyền đến/từ điện thoại của bạn bằng **Android Auto™** được quản lý theo **Chính sách quyền riêng tư của Google**.

▮ **Đề thiết lập Android Auto™**

Khi kết nối điện thoại **Android™** với thiết bị qua cổng USB, **Android Auto™** sẽ tự động khởi chạy.

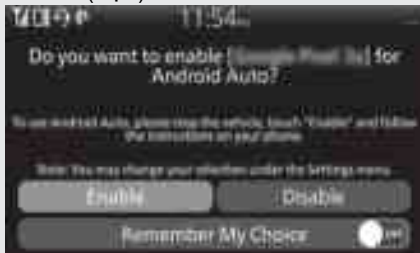
Việc sử dụng **Android Auto™** sẽ dẫn đến việc truyền một số thông tin nhất định của người dùng và xe (như vị trí xe, tốc độ và trạng thái) đến điện thoại **Android™** của bạn để nâng cao trải nghiệm **Android Auto™**. Bạn sẽ cần đồng ý chia sẻ thông tin này trên màn hình.

- ➊ Ghép đôi với tai nghe. ➡ T.172
- ➋ Kết nối điện thoại **Android™** của bạn với ổ cắm USB. ➡ T.250
 - ▶ Chỉ khởi chạy **Android Auto™** khi đã đỗ xe an toàn. Khi **Android Auto™** lần đầu phát hiện điện thoại của bạn, bạn cần thiết lập điện thoại của mình để có thể tự động ghép đôi.
Hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với điện thoại của bạn.

Hệ thống âm thanh *(Tiếp theo)*

3 Khi thông báo miễn trừ trách nhiệm xuất hiện trên màn hình, chọn **[Enable]** (Kích hoạt) rồi đến công tắc **[ENT]**.

- ▶ Để không bị hỏi vào lần kết nối tiếp theo, bạn hãy cài đặt **[Remember My Choice]** (Nhớ lựa chọn của tôi) thành ON (BẬT).



[Enable] (Kích hoạt) khi **[Remember My Choice]** (Nhớ lựa chọn của tôi) là **[OFF]** (TẮT): Chỉ cho phép một lần. (Yêu cầu sẽ hiển thị lại trong lần tiếp theo.)

[Enable] (Kích hoạt) khi **[Remember My Choice]** (Nhớ lựa chọn của tôi) là **[ON]** (BẬT): Cho phép bất kỳ lúc nào. (Yêu cầu sẽ không hiển thị lại.)

[Disable] (Ngắt kích hoạt) khi **[Remember My Choice]** (Nhớ lựa chọn của tôi) là **[OFF]** (TẮT): Không cho phép chức năng này.

[Disable] (Ngắt kích hoạt) khi **[Remember My Choice]** (Nhớ lựa chọn của tôi) là **[ON]** (BẬT): Không cho phép vào bất kỳ lúc nào. (Yêu cầu sẽ không hiển thị lại.)

4 Kích hoạt cài đặt **Android Auto™**

➡ T.219

5 Màn hình **Android Auto™** xuất hiện.

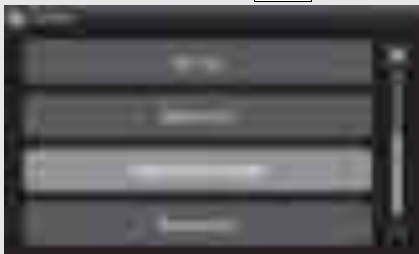
6 Để xuất hiện màn hình khởi chạy ứng dụng, chọn rồi ấn công tắc **[ENT]**.

Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Để hiển thị lời nhắc: ➡ T.221

Để kích hoạt hoặc ngắt kích hoạt Android Auto™

- 1 Chọn [Connected Services] (Dịch vụ đã kết nối) rồi ấn công tắc **ENT** .



- 2 Chọn [Android Auto] rồi ấn công tắc **ENT** .



- 3 Chọn tên thiết bị cần kết nối rồi ấn công tắc **ENT** .



Hệ thống âm thanh (Tiếp theo)

Để kích hoạt **Android Auto™**:

- ④ Chọn [Enable] (kích hoạt) rồi ấn công tắc **ENT** để [ON] (bật) chức năng.



- ⑤ Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. ➡ T.42
 Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Để tắt **Android Auto™**:

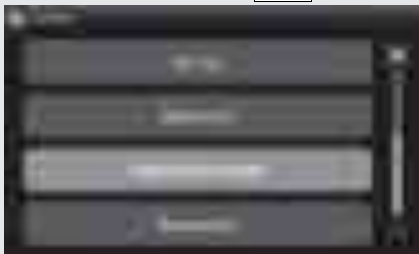
- ④ Chọn [Enable] (kích hoạt) rồi ấn công tắc **ENT** để [OFF] (tắt) chức năng.



- ⑤ Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. ➡ T.42
 Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Để chọn bật hoặc tắt hỏi trên màn hình miễn trừ trách nhiệm của Android Auto™

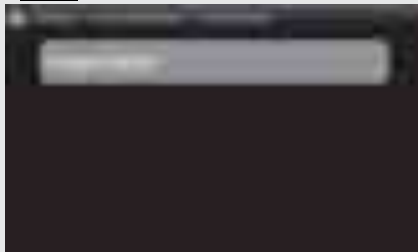
- 1 Chọn [Connected Services] (Dịch vụ đã kết nối) rồi ấn công tắc **ENT** .



- 2 Chọn [Android Auto] rồi ấn công tắc **ENT** .



- 3 Chọn tên thiết bị cần kết nối rồi ấn công tắc **ENT** .



Hệ thống âm thanh (Tiếp theo)

Để hỏi khi kết nối:

- 4 Chọn [Ask on Connection] (Hỏi khi kết nối) rồi ấn công tắc **ENT** để [ON] (bật hỏi) chức năng.



- 5 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. ➡ T.42
Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Để tắt hỏi khi kết nối:


- 4 Chọn [Ask on Connection] (Hỏi khi kết nối) rồi ấn công tắc **ENT** để [OFF] (tắt hỏi) chức năng.



- 5 Quay lại thông tin lái xe, màn hình trước hoặc màn hình chính. ➡ T.42
Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Để kết nối điện thoại Android™ của bạn

- Không để lại thiết bị trong xe (dưới yên xe trước hoặc dưới yên xe sau, v.v.). Nhiệt độ cao sẽ làm hỏng thiết bị.
- Chúng tôi khuyến nghị sao lưu dữ liệu trước khi phát.
- Bạn có thể sạc điện thoại **Android™** bằng cáp USB khi ổ khóa điện ở vị trí **I** (On). Thời gian sạc có thể lâu hơn bình thường.
- Chúng tôi khuyến nghị nên bọc thiết bị bằng túi đựng, vải mềm hoặc ốp để bảo vệ khỏi hư hỏng.
- Cẩn thận không để giắc cắm USB bị ướt.
- Không kết nối với bộ chia.
- Nếu hệ thống âm thanh không nhận ra điện thoại **Android™**, thử kết nối lại một vài lần hoặc khởi động lại thiết bị.

Để kết nối điện thoại Android™ của bạn:  **T.250**

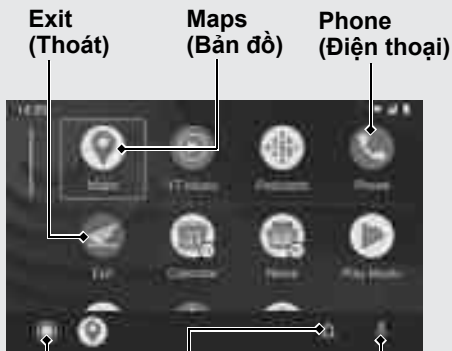
Để ngắt kết nối điện thoại Android™ của bạn

Bạn có thể ngắt kết nối điện thoại **Android™** của bạn bất kỳ lúc nào. Đảm bảo tuân thủ các hướng dẫn của thiết bị về ngắt kết nối thiết bị khởi cấp.

Hệ thống âm thanh (Tiếp theo)

Màn hình khởi chạy ứng dụng

Màn hình khởi chạy ứng dụng



Đi đến màn hình khởi chạy ứng dụng

Màn hình chính (Home)




Đi đến màn hình Android Auto™

Maps (Bản đồ)


Hiển thị **Google Maps™** và sử dụng chức năng dẫn đường như giống như bạn làm với điện thoại **Android™** của bạn. Khi xe đang di chuyển, không thể thực hiện các thao tác nhập trên bàn phím. Dừng xe tại nơi an toàn để thực hiện tìm kiếm hoặc nhập thông tin khác.

Phone (Điện thoại)

Thực hiện và nhận các cuộc gọi cũng như nghe hộp thư thoại.

 Voice search (Tìm kiếm bằng giọng nói)

Vận hành tìm kiếm bằng giọng nói.

 Notification centre (Trung tâm thông báo)

Xem các cuộc gọi gần đây, tin nhắn, và cảnh báo.

Đi đến màn hình khởi chạy ứng dụng

Mở màn hình khởi chạy ứng dụng

Exit (Thoát)

Quay lại màn hình chính.


Hệ thống âm thanh *(Tiếp theo)*


Vận hành tìm kiếm bằng giọng nói

Để kích hoạt tìm kiếm bằng giọng nói, cần phải ghép đôi với thiết bị như tai nghe.

← T.172



Đẩy công tắc điều khiển bằng giọng nói  trên tay lái bên trái về phía trước để vận hành **Android Auto™** bằng giọng của bạn.

Bạn cũng có thể kích hoạt chức năng tìm kiếm bằng giọng nói bằng cách chọn biểu tượng  .

Tìm kiếm bằng giọng nói có thể không nhận biết đúng do ảnh hưởng của gió khi lái xe hoặc tiếng ồn bên ngoài. Trong trường hợp này, cố gắng thay đổi vị trí micro hoặc điều chỉnh độ cao kính chắn gió.

Dưới đây là các ví dụ về những câu lệnh bạn có thể đưa ra bằng chức năng tìm kiếm bằng giọng nói:

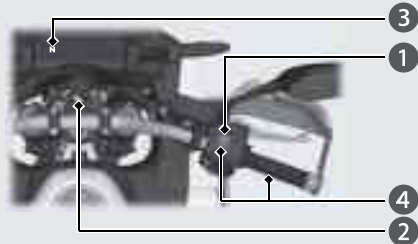
- Trả lời tin nhắn.
- Gọi cho vợ tôi.
- Dẫn đường đến Honda.
- Mở nhạc của tôi.
- Gửi tin nhắn văn bản cho vợ tôi.
- Gọi cho cửa hàng hoa.

Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo trang chủ của **Android Auto™**.

Khởi động động cơ

CRF1100A/A3/AL4

Khởi động động cơ theo quy trình sau đây bất kể động cơ đang nóng hay nguội.

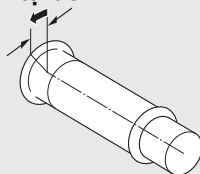


LƯU Ý

- Nếu động cơ không khởi động trong vòng 5 giây, hãy vặn ổ khóa điện sang vị trí **O** (Off) và đợi 10 giây trước khi khởi động lại động cơ để phục hồi điện áp bình điện.
- Để xe nổ cầm chừng quá lâu hoặc vặn ga liên tục có thể làm hỏng động cơ và hệ thống xả.
- Vặn mạnh tay ga hoặc chạy cầm chừng nhanh trong khoảng hơn 5 phút có thể khiến ống xả bị đổi màu.

- 1 Đảm bảo công tắc ngắt động cơ ở vị trí **O** (Run).
- 2 Vặn ổ khóa điện sang vị trí **I** (On).
- 3 Chuyển số về số N (đèn báo **N** sáng).
Hoặc có thể bóp tay côn để khởi động khi xe đã vào số và chân chống nghiêng đã được gạt lên.
- 4 Ấn nút **START** (Ⓔ) với tay ga đã đóng hoàn toàn.
▶ Nếu bạn không thể khởi động động cơ, hãy mở nhẹ tay ga (khoảng 3 mm (0.1 in), không tính hành trình tự do) và ấn nút khởi động.

Khoảng 3 mm (0.1 in), không tính hành trình tự do



Khởi động động cơ (Tiếp theo)

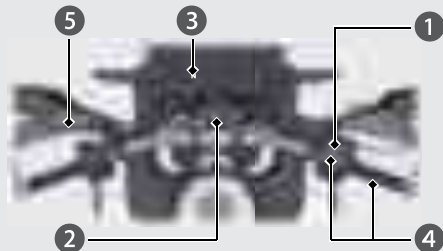
Nếu động cơ không khởi động:

- ① Mở hết tay ga và ấn nút **START** (🔌) trong 5 giây.
 - ▶ Động cơ không khởi động ngay lúc này. (Khi mở hết ga, động cơ sẽ không khởi động khi đang ấn nút **START** (🔌) .)
Nhả ga và không ấn nút **START** (🔌) sau 5 giây và thực hiện bước ②.
- ② Lặp lại quy trình khởi động như bình thường.
- ③ Nếu động cơ khởi động nhưng tốc độ cảm chừng không ổn định, vặn ga nhẹ nhàng.
- ④ Nếu động cơ không khởi động, đợi 10 giây trước khi thử lại các bước ① & ②.

▮ Nếu động cơ không khởi động ➡ T.315

CRF1100D/D3/D4/DL4

Khởi động động cơ theo quy trình sau đây bất kể động cơ đang nóng hay nguội.



LƯU Ý

- Nếu động cơ không khởi động trong vòng 5 giây, hãy vặn ổ khóa điện sang vị trí **○** (Off) và đợi 10 giây trước khi thử khởi động lại động cơ để phục hồi điện áp bình điện.
- Để xe nổ cầm chừng quá lâu hoặc vặn ga liên tục có thể làm hỏng động cơ và hệ thống xả.
- Vặn mạnh tay ga hoặc chạy cầm chừng nhanh trong khoảng hơn 5 phút có thể khiến ống xả bị đổi màu.
- Động cơ sẽ không khởi động nếu tay ga mở hoàn toàn.

1 Đảm bảo công tắc ngắt động cơ ở vị trí **○** (Run).

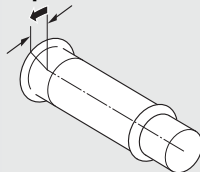
2 Vặn ổ khóa điện sang vị trí **||** (On).

3 Kiểm tra xem hộp số có đang ở số N (**N** đèn báo sáng).

4 Ấn nút **START** (🔌) với tay ga đã đóng hoàn toàn.

- ▶ Nếu bạn không thể khởi động động cơ, hãy mở nhẹ tay ga (khoảng 3 mm (0.1 in), không tính hành trình tự do) và ấn nút khởi động.

Khoảng 3 mm (0.1 in), không tính hành trình tự do



5 Đảm bảo rằng tay phanh đỗ xe được nhả trước khi lái xe. ➔ T.136

Khởi động động cơ (Tiếp theo)

▮ Nếu động cơ không khởi động ➡ T.228

Khi bạn dừng động cơ

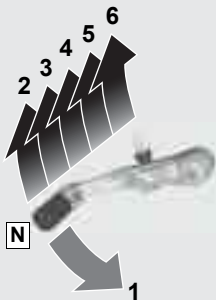
- ① Để dừng động cơ, chuyển về số N (**N** đèn báo sáng).
 - ▶ Nếu bạn vặn ổ khóa điện sang vị trí **○** (Off) khi xe đang vào số, động cơ sẽ tắt với côn được nhả ra.
- ② Vặn ổ khóa điện sang vị trí **○** (Off).
- ③ Sử dụng phanh đỗ xe khi bạn đỗ xe.

➡ T.136

Quy trình sang số

CRF1100A/A3/AL4

Xe được trang bị hộp số 6 cấp theo kiểu 1 số xuống, 5 số lên.



Nếu bạn vào số khi chân chống nghiêng đang hạ xuống, động cơ sẽ ngừng hoạt động.

CRF1100D/D3/D4/DL4

Loại xe này được trang bị hộp số 6 tốc độ điều khiển tự động. Hộp số có thể sang số tự động (bằng CHẾ ĐỘ AT) hoặc thủ công (bằng CHẾ ĐỘ MT).

Quy trình sang số (Tiếp theo)

Hộp số ly hợp kép

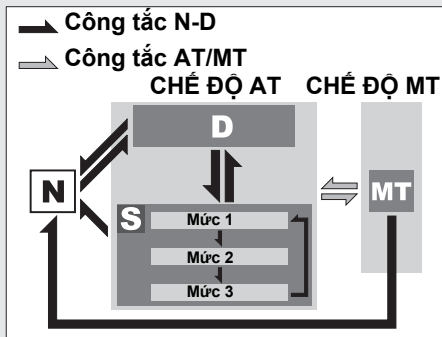
CRF1100D/D3/D4/DL4

Để đáp ứng yêu cầu của người lái trong nhiều tình huống khác nhau, hộp số được trang bị ba chế độ vận hành, CHẾ ĐỘ AT (bao gồm chế độ D để vận hành thông thường và ba mức chế độ S để lái xe thể thao); và CHẾ ĐỘ MT (chế độ MT cho vận hành sang số thủ công 6 cấp), có khả năng sang số tương tự như hộp số thường.

- ▶ Khi xe đang ở vị trí số (màn hình hiển thị số "D", "S" hoặc vị trí số), hãy cẩn thận không mở tay ga khi đẩy hoặc kéo xe qua lại hoặc khi xoay tay lái trong khi xe đang dừng hoặc ở tốc độ thấp. Nếu làm như vậy, bạn có thể khiến xe đột ngột lao mạnh về phía trước và mất kiểm soát.
- ▶ Luôn sử dụng loại lốp và nhông tải được khuyến dùng nhằm đảm bảo hộp số ly hợp kép hoạt động chính xác.



Hệ thống hộp số ly hợp kép tự kiểm tra ngay sau khi khởi động động cơ.

Biểu tượng “-” hiển thị trên cửa sổ đèn báo vị trí số trong một vài giây, sau đó tắt. Khi biểu tượng “-” được hiển thị, bạn không thể sang số.



Số N (N): Hộp số tự động đặt ở vị trí số N khi bạn vặn ổ khóa điện sang vị trí I (On).

Nếu hộp số không ở vị trí số N khi bạn vặn ổ khóa điện sang vị trí I (On).

- ▶ Vặn ổ khóa điện sang vị trí  (Off) và sau đó sang vị trí I (On).
 - ▶ Nếu hộp số vẫn không ở vị trí số N sau khi vặn ổ khóa điện sang vị trí , rồi vặn lại sang vị trí I (On). ➔ **T.321**
- Bạn có thể nghe thấy tiếng (tách) khi hộp số chuyển sang số N (N). Điều này là bình thường.

Bạn có thể đổi giữa số N và chế độ D


- ▶ Xe dừng và động cơ chạy cầm chừng.
- ▶ Không vặn tay ga. Không thể chuyển từ số N sang chế độ D khi đang sử dụng tay ga.
- ▶ Bạn không thể chuyển từ số N sang Chế độ D khi bánh xe đang quay.
- ▶ Chân chống nghiêng được gạt lên.

LƯU Ý

Để tránh hỏng ly hợp, không dùng tay ga để giữ xe đứng yên trên đường dốc.

Quy trình sang số (Tiếp theo)

CHẾ ĐỘ AT: Ở chế độ này, số được sang tự động theo điều kiện lái xe.

Bạn cũng có thể lên số hoặc về số tạm thời khi sử dụng công tắc lên số (+) hoặc công tắc về số (-) trong CHẾ ĐỘ AT bằng cách sử dụng công tắc đổi số. Những công tắc này rất tiện lợi khi bạn muốn về số tạm thời trước khi cua, v.v. 

Bạn có thể chọn giữa hai chế độ trong CHẾ ĐỘ AT: Chế độ D và chế độ S.

Chế độ D (AT): Đây là chế độ tiêu chuẩn khi CHẾ ĐỘ AT được chọn. Hãy chọn chế độ D cho vận hành thường xuyên và tiết kiệm nhiên liệu hiệu quả.

Chế độ S (AT): Hãy chọn chế độ này khi lái ở CHẾ ĐỘ AT khi bạn cần thêm công suất, chẳng hạn như khi vượt, leo dốc hoặc tăng tốc từ điểm dừng.

Chế độ S có ba mức điều chỉnh.

CHẾ ĐỘ MT (sang số thủ công 6 cấp):

Trong chế độ này, bạn có thể chọn giữa 6 số.

Chuyển đổi giữa số N và CHẾ ĐỘ AT/ CHẾ ĐỘ MT

Chuyển từ số N (N) sang CHẾ ĐỘ AT

Đèn báo chế độ D sáng, D hiển thị trên đèn báo vị trí số và số 1 được chọn.

Ấn phía **D-S** của công tắc N-D (①).

Chuyển từ CHẾ ĐỘ AT hoặc CHẾ ĐỘ MT sang số N

Ấn **N** trên công tắc N-D (②).

Chuyển giữa chế độ D và chế độ S khi ở CHẾ ĐỘ AT

Ấn phía **D-S** của công tắc N-D. Vị trí S hoặc D hiển thị trong đèn báo vị trí số. (③, ④).

Chuyển giữa CHẾ ĐỘ AT và CHẾ ĐỘ MT

Ấn công tắc AT/MT (⑤).

Đèn báo AT tắt khi CHẾ ĐỘ MT được chọn (⑥).

Vị trí số hiển thị trên đèn báo vị trí số khi CHẾ ĐỘ MT được chọn (⑥).

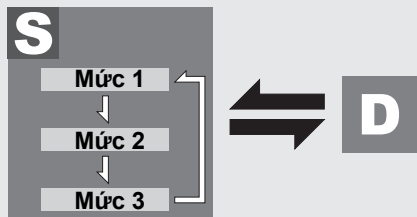


Quy trình sang số (Tiếp theo)

Chọn mức chế độ S khi ở CHẾ ĐỘ AT

Trong chế độ S, ấn và giữ phía **[D-S]** của công tắc N-D (①).

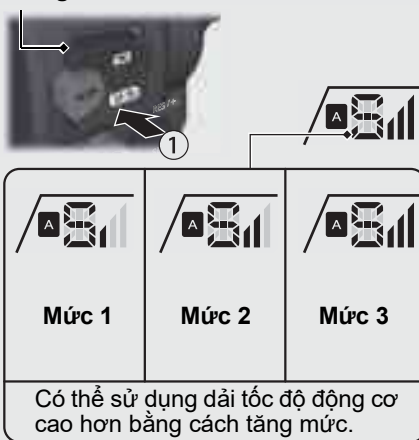
- ▶ Đóng tay ga hoàn toàn. Sau đó chọn mức mong muốn của chế độ S.



↪ Ấn và giữ phía **[D-S]** của công tắc N-D

➡ Ấn phía **[D-S]** của công tắc N-D

Công tắc N-D



Mức đã chọn được duy trì ngay cả khi vận ỏ khóa điện sang vị trí **○** (Off) hoặc hộp số được chuyển ra khỏi chế độ S.

Lái xe ở CHẾ ĐỘ MT

Lên số và về số bằng công tắc lên số (+) và công tắc về số (-).

Số được chọn hiển thị trên đèn báo vị trí số.

- ▶ Nếu CHẾ ĐỘ MT được chọn, hộp số không lên số tự động. Không được để tốc độ động cơ vào vùng đỏ.
- ▶ Hộp số về số tự động khi bạn chạy chậm, ngay cả khi ở CHẾ ĐỘ MT.
- ▶ Bạn sẽ bắt đầu từ số 1 ngay cả khi CHẾ ĐỘ MT được chọn.

Thực hiện sang số

Lên số:

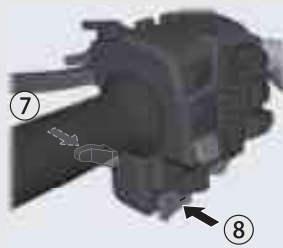
Ấn công tắc lên số (+) (7).

Về số:

Ấn công tắc về số (-) (8).

Bạn không thể sang số liên tục bằng cách giữ công tắc sang số.

Để tiếp tục sang số, hãy nhả công tắc và ấn lại.



Giới hạn sang số

Bạn không thể về số nếu động cơ vượt quá giới hạn tốc độ.

Điều khiển hành trình

Hệ thống điều khiển hành trình cho phép duy trì tốc độ ổn định trong phạm vi nhất định.

Phạm vi cài đặt tốc độ có sẵn và số vận hành được liệt kê dưới đây:

CRF1100A/A3/AL4

Phạm vi cài đặt tốc độ có sẵn	50 – 160 km/h (30 - 99 dặm/giờ)
Số vận hành:	Từ số 4 đến số 6

CRF1100D/D3/D4/DL4

Phạm vi cài đặt tốc độ có sẵn	50 – 160 km/h (30 - 99 dặm/giờ)
Số vận hành:	Từ số 3 đến số 6

Khi điều khiển hành trình bật, tốc độ của xe vẫn sẽ có sự thay đổi nhỏ, đặc biệt khi lên và xuống dốc.







Điều khiển hành trình được thiết kế chỉ để sử dụng trên đường cao tốc thẳng, không có vật cản. Không sử dụng hệ thống điều khiển hành trình trong thành phố, đường quanh co, trong điều kiện thời tiết xấu hoặc bất kỳ thời điểm nào khi bạn cần kiểm soát toàn bộ tay ga.

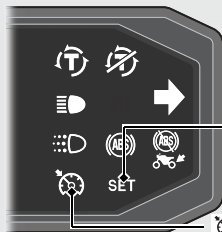
CẢNH BÁO

Sử dụng điều khiển hành trình không đúng cách có thể dẫn đến tai nạn gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.


Chỉ sử dụng điều khiển hành trình khi di chuyển trên đường cao tốc thoáng đãng trong thời tiết tốt.

ĐỂ cài đặt điều khiển hành trình

- 1 Đảm bảo tốc độ di chuyển và số vận hành phù hợp với yêu cầu của hệ thống. Bất cứ tốc độ nào ngoài phạm vi cho phép sẽ không được lưu lại.
- 2 Ấn công tắc chính điều khiển hành trình . (Đèn báo chính điều khiển hành trình  sẽ sáng.)
- 3 Tăng tốc đến tốc độ mong muốn.
- 4 Gạt công tắc điều khiển hành trình   về phía . (Đèn báo **CÀI ĐẶT** điều khiển hành trình  sẽ sáng.) Tốc độ di chuyển hiện tại của bạn được ghi lại.




SET Đèn báo
CÀI ĐẶT điều
kiểm soát hành trình

 Đèn báo chính
điều khiển hành trình



RES / + **SET / -**
Công tắc gạt điều
kiểm soát hành trình

 **Công tắc chính**
điều khiển hành trình

Điều khiển hành trình (Tiếp theo)

Để thay đổi tốc độ đã cài đặt

Để tinh chỉnh tốc độ đã cài đặt

- 1 Chọn thông tin lái xe. ➔ T.42
- 2 Để tăng tốc độ đã cài đặt: ấn công tắc gạt điều khiển hành trình RES / + SET / - về phía RES / + .
Để giảm tốc độ đã cài đặt: ấn công tắc gạt điều khiển hành trình RES / + SET / - về phía SET / - .
- 3 Tốc độ đã cài đặt hiển thị trên màn hình hiển thị đa thông tin.



Tốc độ thiết lập cho điều khiển hành trình

Mỗi lần bạn gạt nhanh (gạt và thả tay ngay) vào một bên, tốc độ sẽ thay đổi 1 km/h hoặc 1 dặm/giờ (tùy thuộc vào đơn vị đo được cài đặt trên đồng hồ đo quãng đường). Mọi tốc độ ngoài phạm vi cài đặt cho phép sẽ không hiển thị (dừng ở tốc độ giới hạn trên hoặc dưới).

Để thay đổi tốc độ đã cài đặt liên tục

- Để tăng tốc độ đã cài đặt: gạt và giữ công tắc gạt điều khiển hành trình RES / + SET / - về phía RES / + .
Hệ thống sẽ tăng tốc độ xe tự động. Khi đạt đến tốc độ mong muốn, hãy nhả công tắc gạt điều khiển hành trình RES / + SET / - .
Nếu gạt và giữ công tắc gạt điều khiển hành trình RES / + SET / - về phía RES / + liên tục, tốc độ đã cài đặt hiển thị trên màn hình hiển thị đa thông tin sẽ dừng ở giới hạn trên của khoảng cài đặt cho phép.

- Để giảm tốc độ: gạt và giữ công tắc gạt điều khiển hành trình **RES / +** **SET / -** về phía **SET / -**. Hệ thống sẽ giảm tốc độ xe tự động. Khi đạt đến tốc độ mong muốn, hãy nhả công tắc gạt điều khiển hành trình **RES / +** **SET / -**. Nếu gạt và giữ công tắc gạt điều khiển hành trình **RES / +** **SET / -** về phía **SET / -** liên tục, tốc độ đã cài đặt hiển thị trên màn hình hiển thị đa thông tin sẽ dừng ở giới hạn dưới của khoảng cài đặt cho phép.

Để tăng tốc độ đặt trước thủ công

- 1 Sử dụng tay ga để tăng tốc đến khi đạt tốc độ mong muốn.
- 2 Gạt và nhả công tắc gạt điều khiển hành trình **RES / +** **SET / -** về phía **SET / -**.

Để tăng tốc độ xe thủ công

- 1 Sử dụng tay ga như bình thường để tăng tốc.
- 2 Để quay lại tốc độ đặt trước, hãy thả tay ga và để xe chạy theo quán tính mà không bóp phanh. Hệ thống hành trình sẽ duy trì tốc độ bạn đã cài đặt trước đó.

Để hủy điều khiển hành trình

Để ngắt hệ thống

- Ấn công tắc chính điều khiển hành trình. (Đèn báo chính điều khiển hành trình tắt và tốc độ đã cài đặt sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ.)

Điều khiển hành trình (Tiếp theo)

Để tạm thời ngắt hệ thống

- ① Thực hiện một trong các thao tác sau để tạm thời ngắt hệ thống. (Đèn báo CÀI ĐẶT điều khiển hành trình **SET** sẽ tạm thời tắt nhưng tốc độ đã cài đặt vẫn được lưu lại trong bộ nhớ.)
 - Sử dụng tay phanh hoặc bàn đạp phanh.
 - Xoay tay ga qua vị trí đóng tự động theo chiều giảm tốc.
 - **CRF1100A/A3/AL4**
Nhả côn hoặc vận hành cần sang số.

- ② Để tiếp tục vận hành điều khiển hành trình:
 - Nếu bạn vẫn ở tốc độ trên 50 km/h (30 dặm/giờ), gạt và nhả công tắc gạt điều khiển hành trình **RES / +** **SET / -** về phía **RES / +**.
 - Nếu bạn ở tốc độ dưới 50 km/h (30 dặm/giờ), hãy sử dụng tay ga để tăng tốc độ trên đường lên trên 50 km/h (30 dặm/giờ), sau đó gạt và nhả công tắc gạt điều khiển hành trình **RES / +** **SET / -** về phía **RES / +**.

Tín hiệu dừng khẩn cấp

Tín hiệu dừng khẩn cấp kích hoạt khi hệ thống phát hiện phanh gấp ở tốc độ khoảng 50 km/h (31 dặm/giờ) trở lên để cảnh báo các phương tiện phía sau về việc xe phanh đột ngột bằng cách nhấp nháy nhanh cả hai đèn báo rẽ. Điều này giúp cảnh báo các phương tiện phía sau có biện pháp xử lý thích hợp để tránh va chạm với xe của bạn

Tín hiệu dừng khẩn cấp ngừng hoạt động khi:

- Nhả phanh.
- Ngắt kích hoạt ABS.
- Xe giảm tốc độ về mức trung bình.
- Ấn công tắc cảnh báo nguy hiểm.

Khi hệ thống được kích hoạt:




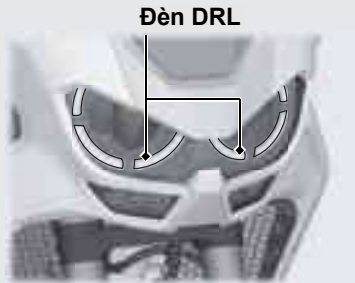
Tín hiệu dừng khẩn cấp *(Tiếp theo)*

- ▶ Tín hiệu dừng khẩn cấp không phải là hệ thống có thể ngăn chặn va chạm phía sau do phanh gấp. Chúng tôi luôn khuyến cáo tránh phanh gấp trừ trường hợp thật sự cần thiết.
- ▶ Tín hiệu dừng khẩn cấp không hoạt động khi bật công tắc cảnh báo nguy hiểm.
- ▶ Nếu ABS dừng hoạt động trong khoảng thời gian nhất định trong khi phanh, tín hiệu dừng khẩn cấp có thể không hoạt động được.

Đèn DRL (Đèn chạy ban ngày)



Ngoại trừ loại IN, II IN, III IN

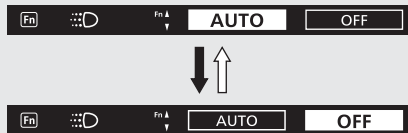
Khi công tắc điều khiển chế độ đèn chiếu sáng/công tắc điều khiển đèn xin vượt được chuyển sang vị trí , đèn pha và đèn DRL sẽ tự động được chuyển đổi theo độ sáng môi trường xung quanh. Khi môi trường xung quanh sáng hơn, đèn DRL sáng lên và khi tối đi, đèn chiếu gần sáng còn đèn DRL giảm độ sáng của đèn vị trí.




Để chọn tự động và tắt đèn DRL

Mỗi khi vặn ổ khóa điện sang vị trí I (On), đèn DRL sẽ tự động được cài đặt thành bật.

- 1 Khởi động động cơ.
- 2 Chọn đèn DRL của thông tin hiện lên bằng cách sử dụng công tắc chọn chức năng .
- 3 Đẩy công tắc gạt chức năng  về phía trước hoặc kéo về phía sau để chọn [AUTO] (TỰ ĐỘNG) hoặc [OFF] (TẮT) đèn DRL.



→ Đẩy công tắc gạt chức năng  về phía trước

← Kéo công tắc gạt chức năng  về phía sau

Đèn góc cua

CRF1100AL4/D4/DL4

Đèn góc cua chiếu sáng hướng di chuyển của xe khi ôm cua.

Điều kiện vận hành:

- Khi đèn pha sáng
 - Xe đã chạy ở tốc độ trên 10 km/h (6 dặm/giờ).
 - Khi xe nghiêng sang trái hoặc phải.
- Trạng thái chiếu sáng ba bước được chuyển đổi theo góc nghiêng.



Đổ xăng



Không đổ xăng vượt quá tầm giới hạn mức xăng.

Loại xăng: Chỉ sử dụng loại xăng không chì

Ngoại trừ loại IN, II IN, III IN

Chỉ số ốcc tan: Xe này được thiết kế sử dụng xăng có chỉ số ốcc tan (RON) là 91 hoặc cao hơn.

Loại IN, II IN, III IN

Chỉ số ốcc tan: Xe này được thiết kế sử dụng xăng có chỉ số ốcc tan (RON) là 90 hoặc cao hơn.

Dung tích bình xăng:

CRF1100A/A3/D/D3 18,8 L (4.97 US gal, 4.14 Imp gal)

CRF1100AL4/D4/DL4 24,8 L (6.55 US gal, 5.46 Imp gal)

Hướng dẫn lựa chọn loại xăng và đổ xăng ➔ T.16

Đổ xăng (Tiếp theo)

Mở nắp bình xăng

Mở nắp che khóa, cắm chìa khóa xe, và vặn theo chiều kim đồng hồ để mở nắp bình xăng.

Đóng nắp bình xăng

- 1** Sau khi đổ xăng, ấn nắp bình xăng cho tới khi nắp được khóa lại.
- 2** Rút chìa khóa và đóng nắp che khóa.
 - ▶ Không thể rút chìa khóa ra nếu nắp bình xăng chưa khóa.

⚠ CẢNH BÁO

Xăng là chất dễ cháy nổ. Bạn có thể bị bỏng hoặc thương tích nghiêm trọng khi xử lý xăng.

- Tắt máy và để động cơ tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa và đám cháy.
- Xử lý xăng ở ngoài trời.
- Lau sạch chỗ xăng tràn ngay lập tức.

Ổ cắm phụ kiện

CRF1100A3/AL4/D3/D4/DL4

Ổ cắm phụ kiện nằm ở ốp bảng phía trong bên trái.

Bạn phải tự chịu rủi ro khi sử dụng thiết bị phụ kiện. Honda không chịu trách nhiệm về bất kỳ hư hỏng của thiết bị phụ kiện nào trong quá trình sử dụng.

Mở ốp để sử dụng ổ cắm.

Công suất định mức là
24 W (12 V, 2 A).



- ▶ Để tránh tình trạng bình điện yếu (hoặc hết điện), để động cơ chạy khi sử dụng điện từ ổ cắm.
- ▶ Đảm bảo đóng nắp để tránh vật lạ lọt vào ổ cắm khi không sử dụng ổ cắm.
- ▶ Cố định cẩn thận các thiết bị đã kết nối, vì thiết bị có thể bị hỏng hoặc tuột ra khi gặp rung lắc.

LƯU Ý

- Sử dụng các thiết bị phụ kiện sinh nhiệt hoặc có định mức không phù hợp có thể làm hư hỏng ổ cắm.
- Không dùng ổ cắm phụ kiện trong điều kiện ẩm ướt như khi rửa xe hoặc bất kỳ điều kiện ẩm ướt nào khác vì sẽ làm hỏng ổ cắm phụ kiện.
- Không để dây đeo của phụ kiện bị vướng hoặc kẹt lại.
- Không để dây đeo của phụ kiện cản trở việc lái hoặc điều khiển.

Ổ cắm USB

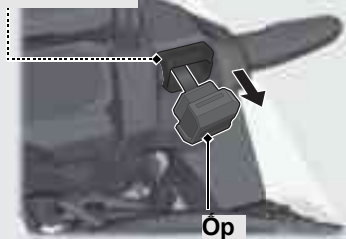
Ổ cắm USB nằm trong ốp đèn báo rẽ trước bên phải (**CRF1100A/A3/D/D3**) hoặc ốp bảng phía trong bên phải (**CRF1100AL4/D4/DL4**). Bạn phải tự chịu trách nhiệm với các rủi ro khi sử dụng thiết bị USB. Honda không chịu trách nhiệm về bất kỳ hư hỏng của thiết bị USB trong quá trình sử dụng.

Chỉ có thể kết nối các thiết bị USB có thông số kỹ thuật như sau.
Mở ốp để sử dụng ổ cắm.
Công suất định mức là **7,5 W (5 V, 1,5 A)**.

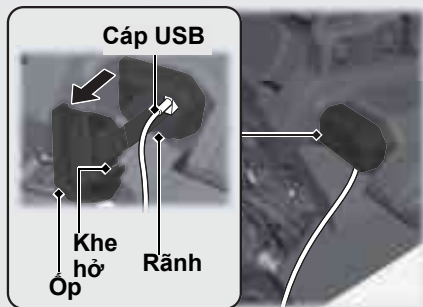
Để kết nối thiết bị USB của bạn

- 1 Mở ốp để sử dụng ổ cắm USB.

Ổ cắm USB



- 2 Kết nối cáp USB được chứng nhận với ổ cắm.
- 3 Luồn cáp USB dọc theo rãnh.
- 4 Luồn cáp USB qua khe hở trên ốp và đóng ốp lại.



- ▶ Để tránh tình trạng bình điện yếu (hoặc hết điện), để động cơ chạy khi sử dụng điện từ ổ cắm.
- ▶ Đảm bảo đóng nắp để tránh vật lạ lọt vào ổ cắm.
- ▶ Cố định cẩn thận các thiết bị đã kết nối, vì thiết bị có thể bị hỏng hoặc tuột ra khi gặp rung lắc.

LƯU Ý

- Sử dụng các thiết bị USB sinh nhiệt hoặc thiết bị USB có định mức không phù hợp có thể làm hỏng ổ cắm.
- Không dùng ổ cắm USB trong điều kiện ẩm ướt như khi rửa xe hoặc bất kỳ điều kiện ẩm ướt nào khác vì sẽ làm hỏng ổ cắm USB.
- Không để dây USB bị vướng hoặc kẹt lại.
- Không để dây USB vướng vào cổ lái hoặc các nút điều khiển.

Chỗ để đồ

Móc giữ mũ bảo hiểm

Móc giữ mũ bảo hiểm nằm dưới yên xe sau.



- ▶ Chỉ sử dụng móc giữ mũ bảo hiểm khi đỗ xe.

Tháo yên xe sau ➔ T.282

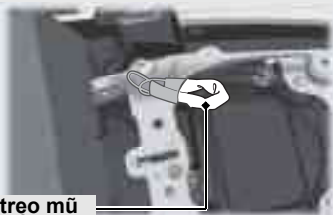
⚠ CẢNH BÁO

Treo mũ bảo hiểm vào móc khi lái xe có thể gây cản trở khả năng vận hành xe an toàn và dẫn đến tai nạn gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Chỉ sử dụng móc giữ mũ bảo hiểm khi dựng xe. Không lái xe khi mũ bảo hiểm vẫn được treo ở móc.

Dây treo mũ bảo hiểm

Dây treo mũ bảo hiểm được cố định cùng chắn bùn sau dưới yên xe sau.



Dây treo mũ
bảo hiểm

Tháo yên xe sau ➡ T.282

Túi đựng tài liệu

Túi đựng tài liệu nằm ở phía dưới của yên xe trước.



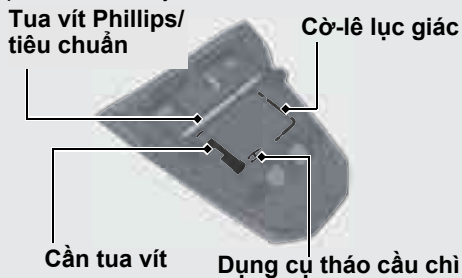
Túi đựng tài liệu

Tháo yên xe trước ➡ T.279

Chỗ để đồ (Tiếp theo)

Dụng cụ tháo cầu chì, Cờ-lê lục giác, Tua vít Phillips/tiêu chuẩn, Cẩn tua vít

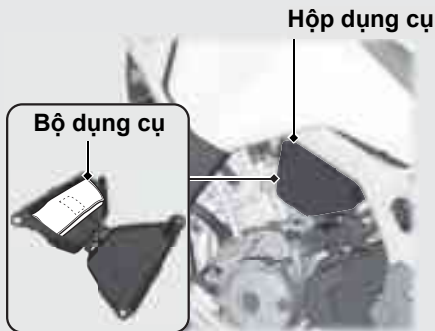
Dụng cụ tháo cầu chì, cờ-lê lục giác, tua vít Phillips/tiêu chuẩn và cẩn tua vít nằm ở phía dưới của yên xe sau.



Tháo yên xe sau ➔ T.282

Bộ dụng cụ

Bộ dụng cụ được để trong hộp dụng cụ.



Tháo hộp dụng cụ ➔ T.283

Giá đỡ phía sau

Không bao giờ được vượt quá giới hạn trọng tải tối đa.

Trọng tải tối đa: 10 kg (22 lb)



Giá đỡ phía sau

Bảo dưỡng

Vui lòng đọc kỹ phần "Tầm quan trọng của việc bảo dưỡng" và "Nguyên tắc bảo dưỡng cơ bản" trước khi thực hiện công việc bảo dưỡng. Tham khảo phần "Thông số kỹ thuật" để biết thông tin dữ liệu dịch vụ.

Tầm quan trọng của việc bảo dưỡng ...	T. 257	Phanh	T. 288
Lịch bảo dưỡng	T. 258	Chân chống nghiêng	T. 292
Nguyên tắc bảo dưỡng cơ bản	T. 263	Xích tải	T. 293
Dụng cụ	T. 275	Bánh xe	T. 295
Tháo & lắp các bộ phận thân xe.....	T. 276	Côn/Ly hợp	T. 297
Bình điện	T. 276	Tay ga.....	T. 300
Ốp hộp bình điện.....	T. 277	Các điều chỉnh khác	T. 301
Kẹp.....	T. 278	Điều chỉnh tay phanh.....	T. 301
Yên xe trước	T. 279	Điều chỉnh giảm xóc trước	T. 302
Yên xe sau	T. 282	Điều chỉnh giảm xóc sau	T. 306
Hộp dụng cụ.....	T. 283	Điều chỉnh độ cao kính chắn gió	T. 312
Dầu động cơ.....	T. 284		
Dung dịch làm mát.....	T. 286		

Tầm quan trọng của việc bảo dưỡng

Tầm quan trọng của việc bảo dưỡng

Bảo dưỡng xe đúng cách là điều kiện thiết yếu để đảm bảo cho sự an toàn của bạn, giúp tiết kiệm chi phí sửa chữa xe, giúp xe đạt được hiệu suất tốt nhất, tránh xảy ra hỏng hóc và giảm lượng ô nhiễm không khí. Bảo dưỡng xe là trách nhiệm của người sử dụng. Hãy đảm bảo kiểm tra xe trước khi lái và thực hiện kiểm tra xe định kỳ theo đúng Lịch bảo dưỡng.

➤ T. 258

CẢNH BÁO

Bảo dưỡng xe không đúng cách hoặc không khắc phục lỗi trước khi lái có thể dẫn đến tai nạn gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Luôn thực hiện theo những hướng dẫn về lịch kiểm tra và bảo dưỡng xe trong tài liệu Hướng dẫn sử dụng này.

An toàn bảo dưỡng

Luôn đọc kỹ hướng dẫn bảo dưỡng trước khi bắt đầu thực hiện công việc bảo dưỡng và chắc chắn bạn có đủ dụng cụ, phụ tùng và có kỹ năng sửa chữa cần thiết.

Chúng tôi khó có thể cảnh báo hết cho bạn tất cả những mối nguy hiểm có thể xảy ra trong quá trình bảo dưỡng. Chỉ bạn mới có thể quyết định được liệu bạn có nên thực hiện hạng mục bảo dưỡng đó hay không.

Làm theo các hướng dẫn sau mỗi khi thực hiện công việc bảo dưỡng.

- Tắt máy và rút chìa khóa.
- Dựng xe trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn bằng chân chống nghiêng hoặc chân chống bảo dưỡng để hỗ trợ.
- Hãy để động cơ, ống xả, phanh và các chi tiết có nhiệt độ cao khác nguội hẳn trước khi sửa chữa để tránh bị bỏng.
- Chỉ nổ máy khi được hướng dẫn và ở nơi thông thoáng.

Lịch bảo dưỡng đưa ra những yêu cầu bảo dưỡng cần thiết để đảm bảo an toàn cho người sử dụng, giúp xe đạt được hiệu suất hoạt động đáng tin cậy và kiểm soát khí xả hợp lý.

Công tác bảo dưỡng phải được thực hiện theo đúng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật của Honda bởi những kỹ thuật viên được đào tạo bài bản và trang bị các dụng cụ sửa chữa cần thiết. Cửa hàng xe phân khối lớn Honda là nơi có thể đáp ứng được tất cả các yêu cầu trên. Hãy ghi chép lại chính xác quá trình bảo dưỡng để đảm bảo chiếc xe của bạn được bảo dưỡng đầy đủ, đúng cách.

Hãy đảm bảo rằng người thực hiện công việc bảo dưỡng xe cho bạn đã ghi đầy đủ thông tin vào tờ phiếu bảo dưỡng.

Tất cả các công đoạn bảo dưỡng định kỳ sẽ được tính là chi phí vận hành thông thường của chủ xe và bạn cần trả chi phí này cho Cửa hàng xe phân khối lớn Honda. Hãy giữ lại tất cả các phiếu/biên lai bảo dưỡng. Nếu bán xe, nên chuyển giao các phiếu/biên lai này cho chủ xe mới.

Honda khuyến cáo Cửa hàng xe phân khối lớn Honda nên chạy thử xe cho bạn sau mỗi lần kiểm tra bảo dưỡng định kỳ.

Loại II FO, III FO, III KO, U, II U, III U

Mục bảo dưỡng	Kiểm tra trước khi lái T. 263	Tần suất *1					Kiểm tra hàng năm	Thay thế định kỳ	Tham khảo trang	
		× 1.000 km	1	12	24	36				48
		× 1.000 dặm	0,6	8	16	24				32
Phần mềm chẩn đoán Honda			K	K	K	K	K			-
Đường ống xăng				K	K	K	K	K		-
Mức xăng		K								247
Hoạt động của tay ga		K		K	K	K	K	K		300
Lọc gió *2					T		T			-
Ông thông hơi vách máy*3				V	V	V	V			-
Bugì					K		T			-
Khe hở xu páp					K		K			-
Dầu động cơ		K	T	T	T	T	T	T		-
Bộ lọc dầu động cơ			T		T		T			-
Bộ lọc dầu ly hợp*6			T		T		T			-
Tốc độ không tải của động cơ				K	K	K	K	K		-
Dung dịch làm mát két tản nhiệt *4		K		K	K	K	K	K	3 năm	286
Hệ thống làm mát				K	K	K	K	K		-
Hệ thống cấp khí phụ					K		K			-
Hệ thống kiểm soát khí thải bay hơi					K		K			-

Mức độ bảo dưỡng







: Trung bình. Chúng tôi khuyên bạn nên để Cửa hàng xe phân khối lớn Honda thực hiện việc sửa chữa xe, trừ khi bạn có đủ dụng cụ cần thiết và am hiểu cơ khí. Quy trình này được cung cấp trong cuốn Hướng dẫn bảo trì chính thức của Honda.

: Phức tạp (đòi hỏi chuyên môn kỹ thuật). Vì sự an toàn của bạn, bạn nên để Cửa hàng xe phân khối lớn Honda bảo dưỡng xe cho bạn.

Chú thích về bảo dưỡng

- K** : Kiểm tra (vệ sinh, điều chỉnh, bôi trơn hoặc thay thế nếu cần)
- B** : Bôi trơn
- T** : Thay thế
- V** : Vệ sinh

Lịch bảo dưỡng

Mục bảo dưỡng	Kiểm tra trước khi lái  T. 263	Tần suất *1					Kiểm tra hàng năm	Thay thế định kỳ	Tham khảo trang	
		x 1.000 km	1	12	24	36				48
		x 1.000 dặm	0,6	8	16	24				32
Xích tải*5	K	Sau mỗi 1.000 km (600 dặm):					K B		293	
Đệm đỡ xích tải*5			K	K	K	K		294		
Dầu phanh *4	K		K	K	K	K	K	2 năm	288	
Độ mòn má phanh	K		K	K	K	K	K		289	
Hệ thống phanh			K	K	K	K	K		263	
Công tắc đèn phanh			K	K	K	K	K		291	
Vận hành khóa phanh *6			K	K	K	K			290	
Độ rọi đèn pha			K	K	K	K	K		-	
Đèn/còi	K								-	
Công tắc ngắt động cơ	K								-	
Hệ thống ly hợp *7	K		K	K	K	K	K		297	
Chân chống nghiêng	K		K	K	K	K	K		292	
Giảm xóc			K	K	K	K	K		-	
Ốc, bu-lông, chốt*5			K	K	K	K	K		-	
Bánh xe/lốp xe*5		K	Sau mỗi 6.000 km (4.000 dặm):					K	K	271, 295
Vòng bi ổ lái			K	K	K	K	K		-	

Lưu ý:

- *1 : Khi quãng đường đi được cao hơn khoảng bảo dưỡng trên thì tiếp tục lặp lại chu kỳ bảo dưỡng này.
- *2 : Việc bảo dưỡng nên được thực hiện thường xuyên hơn nếu bạn thường lái xe trong điều kiện ẩm ướt, hoặc bụi bẩn.
- *3 : Việc bảo dưỡng nên được thực hiện thường xuyên hơn nếu bạn thường lái xe dưới trời mưa hoặc chạy ở tốc độ cao.

*4 : Việc thay mới đòi hỏi phải có kỹ năng về sửa chữa.

*5 : Bảo dưỡng thường xuyên hơn khi chạy xe VƯỢT ĐỊA HÌNH.

*6 : Chỉ dành cho CRF1100D/D3/D4/DL4

*7 : Chỉ dành cho CRF1100A/A3/AL4

Loại MA, III MA, IN, II IN, III IN, III TH, V, II V, III V

Mục bảo dưỡng	Kiểm tra trước khi lái T. 263	Tần suất *1								Kiểm tra hàng năm	Thay thế định kỳ	Tham khảo trang	
		× 1.000 km	1	6	12	18	24	30	36				
		× 1.000 dặm	0,6	4	8	12	16	20	24				
Phần mềm chẩn đoán Honda			K	K	K	K	K	K	K			-	
Đường ống xăng					K			K		K		-	
Mức xăng		K										247	
Hoạt động của tay ga		K			K			K		K		300	
Lọc gió *2						T				T		-	
Ông thông hơi vách máy*3				V	V	V	V	V	V			-	
Bugì			Sau mỗi 24.000 km (16.000 dặm): K Sau mỗi 48.000 km (32.000 dặm): T										-
Khe hở xu páp								K				-	
Dầu động cơ		K	T	T	T	T	T	T	T	T		-	
Bộ lọc dầu động cơ			T		T		T		T			-	
Bộ lọc dầu ly hợp*6			T				T					-	
Tốc độ không tải của động cơ					K			K		K		-	
Dung dịch làm mát két tản nhiệt *4		K			K			K		K	3 năm	286	
Hệ thống làm mát					K			K		K		-	
Hệ thống cấp khí phụ								K				-	
Hệ thống kiểm soát khí thải bay hơi								K				-	






Mức độ bảo dưỡng

- : Trung bình. Chúng tôi khuyến bạn nên để Cửa hàng xe phân khối lớn Honda thực hiện việc sửa chữa xe, trừ khi bạn có đủ dụng cụ cần thiết và am hiểu cơ khí.
Quy trình này được cung cấp trong cuốn Hướng dẫn bảo trì chính thức của Honda.
- : Phức tạp (đòi hỏi chuyên môn kỹ thuật). Vì sự an toàn của bạn, bạn nên để Cửa hàng xe phân khối lớn Honda bảo dưỡng xe cho bạn.

Chú thích về bảo dưỡng

- K** : Kiểm tra (vệ sinh, điều chỉnh, bôi trơn hoặc thay thế nếu cần)
- B** : Bôi trơn
- T** : Thay thế
- V** : Vệ sinh

Lịch bảo dưỡng

Mục bảo dưỡng	Kiểm tra trước khi lái ➤ T. 263	Tần suất *1								Kiểm tra hàng năm	Thay thế định kỳ	Tham khảo trang
		× 1.000 km	1	6	12	18	24	30	36			
		× 1.000 dặm	0,6	4	8	12	16	20	24			
Xích tải*5	K		Sau mỗi 1.000 km (600 dặm):						K B			293
Đệm đỡ xích tải*5					K			K		K		294
Dầu phanh *4	K			K	K	K	K	K	K	K	2 năm	288
Độ mòn má phanh	K			K	K	K	K	K	K	K		289
Hệ thống phanh					K			K		K	K	263
Công tắc đèn phanh					K			K		K	K	291
Vận hành khóa phanh *6					K	K	K	K	K	K		290
Độ rọi đèn pha					K			K		K	K	-
Đèn/còi	K											-
Công tắc ngắt động cơ	K											-
Hệ thống ly hợp *7	K			K	K	K	K	K	K	K		297
Chân chống nghiêng	K				K			K		K	K	292
Giảm xóc					K			K		K	K	-
Ốc, bu-lông, chốt*5					K			K		K	K	-
Bánh xe/lốp xe*5		K			K	K	K	K	K	K		271, 295
Vòng bi cổ lái					K			K		K	K	-

Lưu ý:

- *1 : Khi quãng đường đi được cao hơn khoảng bảo dưỡng trên thì tiếp tục lặp lại chu kỳ bảo dưỡng này.
- *2 : Việc bảo dưỡng nên được thực hiện thường xuyên hơn nếu bạn thường lái xe trong điều kiện ẩm ướt, hoặc bụi bẩn.
- *3 : Việc bảo dưỡng nên được thực hiện thường xuyên hơn nếu bạn thường lái xe dưới trời mưa hoặc chạy ở tốc độ cao.

- *4 : Việc thay mới đòi hỏi phải có kỹ năng về sửa chữa.
- *5 : Bảo dưỡng thường xuyên hơn khi chạy xe VƯỢT ĐỊA HÌNH.
- *6 : Chỉ dành cho CRF1100D3/D4/DL4
- *7 : Chỉ dành cho CRF1100A/A3

Kiểm tra xe trước khi lái

Để đảm bảo an toàn, bạn cần có trách nhiệm kiểm tra xe và chắc chắn không còn trục trặc nào trước khi lái xe. Kiểm tra xe trước khi lái là nhiệm vụ bắt buộc để đảm bảo sự an toàn, bởi vì chỉ cần một hỏng hóc nhỏ như lốp xì hơi cũng có thể gây phiền hà cho bạn.

Kiểm tra các mục sau đây trước khi lên xe:

- Mức xăng - Đổ xăng vào bình nếu cần. ➤ T. 247
- Tay ga - Kiểm tra để đảm bảo tay ga hoạt động êm ở mọi vị trí của cổ lái, cả khi mở ga và đóng ga hoàn toàn. ➤ T. 300
- Mức dầu động cơ - Đổ thêm dầu động cơ nếu cần. Kiểm tra xem có rò rỉ không. ➤ T. 284
- Mức dung dịch làm mát - Đổ thêm dung dịch làm mát nếu cần. Kiểm tra xem có rò rỉ không. ➤ T. 286

- Xích tải - Kiểm tra tình trạng và độ chùng xích tải, điều chỉnh và bôi trơn nếu cần. ➤ T. 293
- Phanh - Kiểm tra hoạt động của phanh; Phanh trước và phanh sau: kiểm tra mực dầu phanh và độ mòn má phanh ➤ T. 288, ➤ T. 289
- Đèn và còi - Kiểm tra đèn, đèn báo và còi xem có hoạt động đúng chức năng không.
- Công tắc ngắt động cơ - Kiểm tra xem có hoạt động đúng chức năng không. ➤ T. 122
- **CRF1100A/A3/AL4**
Côn - Kiểm tra hoạt động của côn; Điều chỉnh hành trình tự do nếu cần. ➤ T. 297
- Hệ thống tắt máy bằng chân chống nghiêng - Kiểm tra xem có hoạt động đúng chức năng không. ➤ T. 292
- Bánh xe và lốp xe - Kiểm tra tình trạng, áp suất lốp và điều chỉnh nếu cần. ➤ T. 271
- Kiểm tra chắc chắn không để các vật liệu dễ cháy mắc vào bên trong xe hoặc khu vực ổ ổng xả.

Trước khi lái xe vượt địa hình, hãy kiểm tra tất cả các mục trên cùng với các mục sau:

- Đảm bảo các nan hoa được siết chặt. Kiểm tra vành xe xem có hư hỏng nào không. ➤ T. 295
- Đảm bảo đã vặn thật chặt nắp bình xăng. ➤ T. 247
- Kiểm tra xem có dây cáp và các bộ phận khác bị lỏng hay có bất kỳ điều gì bất thường không.
- Sử dụng cờ-lê để kiểm tra độ chặt của tất cả các ốc, bu-lông và chốt có thể kiểm tra trực tiếp.

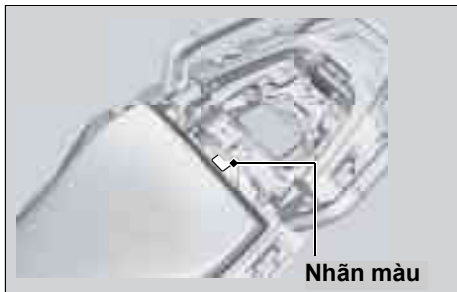
Thay thế phụ tùng

Luôn sử dụng phụ tùng chính hãng của Honda hoặc loại tương đương để đảm bảo an toàn và độ bền của xe.

Loại III KO, U, II U, III U

Khi đặt mua các linh kiện có màu, hãy chỉ rõ tên xe, màu sắc và mã được liệt kê trong nhãn màu.

Nhãn màu được gắn vào chắn bùn sau bên dưới yên xe sau. ➤ T. 282



⚠ CẢNH BÁO

Lắp phụ tùng không chính hãng của Honda có thể gây mất an toàn cho xe và dẫn đến tai nạn gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Luôn sử dụng phụ tùng chính hãng của Honda hoặc loại tương đương được thiết kế và áp dụng cho chiếc xe này.

Bình điện Lithium-Ion (Li-Ion)

Chiếc xe này sử dụng bình điện lithium-ion (li-ion). Vệ sinh các cực bình điện nếu bị bẩn hoặc mòn điện cực.



Biểu tượng này trên bình điện nghĩa là không được xử lý sản phẩm như rác thải sinh hoạt.

LƯU Ý

Thải bỏ bình điện không đúng cách có thể gây hại cho môi trường và sức khỏe con người. Luôn tuân theo quy định của địa phương về hướng dẫn xử lý bình điện đúng cách.

Hướng dẫn trong trường hợp khẩn cấp

Nếu một trong những trường hợp sau xảy ra, hãy đến gặp bác sĩ ngay lập tức.

- Dung dịch điện phân bắn vào mắt:
 - ▶ Rửa mắt liên tục bằng nước mát trong ít nhất 15 phút. Dùng nước có áp lực có thể làm tổn thương mắt.

- Dung dịch điện phân bắn lên da:
 - ▶ Cởi bỏ quần áo dính dung dịch và rửa sạch vùng da bằng nước.
- Dung dịch điện phân bắn vào miệng
 - ▶ súc miệng bằng nước sạch và không được nuốt.

⚠ CẢNH BÁO

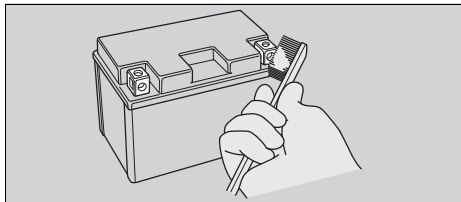
Bình điện chứa dung môi hữu cơ dễ cháy làm dung dịch điện phân.

Bạn có thể bị bỏng hoặc thương tích nghiêm trọng nếu không xử lý bình điện đúng cách.

- Để bình điện tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa điện và ngọn lửa.
- Để bình điện xa tầm với của trẻ em.
- Không tháo hoặc sửa đổi bình điện hoặc các cực bình điện.
- Không làm đoản mạch bình điện bằng các dụng cụ kim loại hoặc đồ vật khác bằng kim loại.
- Không để bình điện bị va đập.

▮ Vệ sinh các cực bình điện

1. Tháo bình điện. ▮ T. 276
2. Nếu các cực bình điện có dấu hiệu bị ăn mòn và bị bám muối trắng, hãy rửa bằng nước ấm và lau sạch.
3. Nếu các cực bình điện bị mòn quá mức, hãy vệ sinh và đánh bóng các điện cực bằng bàn chải sợi thép hoặc giấy nhám. Đeo kính bảo hộ.



4. Lắp lại bình điện sau khi vệ sinh xong. Bình điện có tuổi thọ giới hạn. Tham khảo ý kiến của Cửa hàng xe phân khối lớn Honda khi cần thay thế bình điện. Luôn thay thế bình điện bằng bình điện lithium-ion (li-ion) khác cùng loại.

LƯU Ý

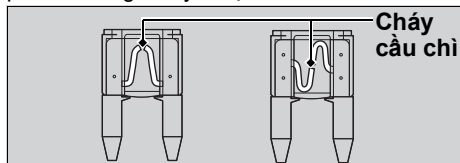
Lắp phụ kiện điện không chính hãng Honda có thể gây quá tải hệ thống điện, làm tiêu hao điện áp và có thể gây hư hỏng hệ thống.

Cầu chì

- Cầu chì dùng để bảo vệ mạch điện trên xe. Nếu một chi tiết điện nào trên xe không hoạt động, hãy kiểm tra và thay thế cầu chì bị hỏng. ▮ T. 342

❑ Kiểm tra và thay thế cầu chì

Vặn ổ khóa điện sang vị trí ○ (Off) để tháo và kiểm tra cầu chì. Nếu cầu chì bị đứt, hãy thay cầu chì có cùng thông số với cầu chì cũ. Để biết thông số của cầu chì, hãy tham khảo phần "Thông số kỹ thuật." ➤ T. 375



LƯU Ý

Thay thế cầu chì có thông số cao hơn có thể làm tăng khả năng hư hỏng hệ thống điện.

Nếu cầu chì liên tục bị hỏng, có khả năng hệ thống điện bị trục trặc. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Dầu động cơ

Mức độ tiêu hao dầu động cơ là khác nhau và chất lượng dầu giảm tùy theo thời gian sử dụng và điều kiện lái xe.

Kiểm tra mực dầu động cơ thường xuyên và đổ thêm dầu khuyến dùng nếu cần. Dầu cũ hoặc bẩn cần được thay càng sớm càng tốt.

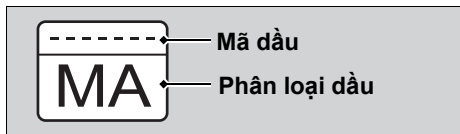
❑ Lựa chọn dầu động cơ

Để biết loại dầu động cơ khuyến dùng, hãy tham khảo phần "Thông số kỹ thuật." ➤ T. 374

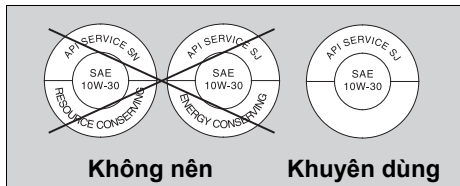
Nếu sử dụng dầu động cơ không chính hãng Honda, hãy kiểm tra nhãn hiệu dầu để chắc chắn đạt tất cả các tiêu chí sau:

- Tiêu chuẩn JASO T 903^{*1}: MA
- Tiêu chuẩn SAE^{*2}: 10W-30
- Phân loại API^{*3}: SJ hoặc cao hơn

^{*1}. Tiêu chuẩn JASO T 903 là một chỉ số dùng để chọn dầu động cơ cho động cơ xe máy 4 kỳ. Gồm có hai loại: MA và MB. Ví dụ: nhãn sau để nhận biết loại dầu MA.



- *2. Tiêu chuẩn SAE phân loại dầu theo độ nhớt.
- *3. Phân loại API quy định chất lượng và tính năng hoạt động của dầu động cơ. Sử dụng dầu SJ hoặc cao hơn, ngoại trừ loại có dòng chữ "Energy Conserving" hoặc "Resource Conserving" ở vòng ngoài của nhãn API.



Dầu phanh

Không tự đổ thêm hoặc thay thế dầu phanh, ngoại trừ trường hợp khẩn cấp. Chỉ sử dụng dầu phanh sạch đựng trong bình kín. Nếu lỡ đổ thêm dầu phanh, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra, sửa chữa ngay khi có thể.

LƯU Ý

Dầu phanh có thể phá hủy các bề mặt sơn và nhựa.

Lau sạch chỗ dầu phanh tràn ngay lập tức và rửa sạch sẽ.

Dầu phanh khuyến dùng:

Dầu phanh Honda DOT 4 hoặc loại tương đương

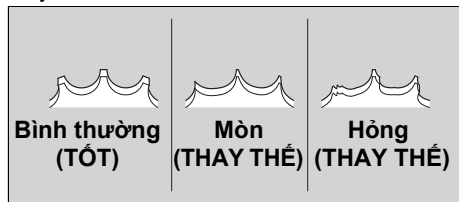
Xích tải

Xích tải phải được kiểm tra và bôi trơn đều đặn. Kiểm tra xích tải thường xuyên hơn nếu lái xe trên đường xấu, lái xe với tốc độ cao hoặc khi phải tăng tốc nhanh nhiều lần.

📌 T. 293

Nếu xích tải không di chuyển êm, gây ra tiếng ồn lạ, bị hỏng con lăn, lỏng chốt nối, thiếu phốt O, hoặc bị xoắn, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đồng thời hãy kiểm tra nhông dẫn động và nhông bị động. Nếu răng của một trong hai nhông tải bị mòn hoặc hư hỏng, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để thay thế.



LƯU Ý

Sử dụng xích tải mới cùng với nhông đã mòn sẽ khiến xích nhanh bị mòn.

Vệ sinh và bôi trơn xích tải

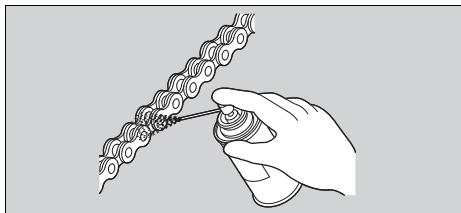
Sau khi kiểm tra độ chùng xích, hãy vệ sinh xích tải và nhông tải trong khi quay bánh sau. Dùng vải khô tẩm dung dịch tẩy rửa chuyên dụng cho xích có phốt O hoặc chất tẩy rửa trung tính. Sử dụng bàn chải sợi mềm để vệ sinh xích nếu xích bị bẩn.

Sau khi vệ sinh, lau khô và bôi trơn bằng dầu bôi trơn khuyến dùng.

Dầu bôi trơn khuyến dùng:

Dầu bôi trơn xích tải được thiết kế riêng cho loại xích có phốt O.

Nếu không có, hãy sử dụng dầu hộp số SAE 80 hoặc 90.



Không dùng thiết bị vệ sinh dạng hơi, thiết bị vệ sinh cao áp, bàn chải kim loại, dung môi dễ bay hơi như xăng và benzen, chất tẩy rửa có tính ăn mòn, chất tẩy rửa xích tải hoặc dầu bôi trơn KHÔNG được thiết kế riêng cho loại xích có phốt O vì các chất này có thể làm hỏng phốt O cao su.

Tránh để dầu bôi trơn bám vào phanh hoặc lớp xe. Tránh bôi quá nhiều dầu bôi trơn xích để ngăn ngừa việc dầu bắn lên quần áo và xe của bạn.

Dung dịch làm mát khayên dùng

Loại III KO, U, II U, III U

Dung dịch làm mát Pro Honda HP là loại dung dịch bao gồm nước cất và chất chống đông.

Tỉ lệ:

50% chất chống đông và 50% nước cất

Chất chống đông chiếm tỉ lệ dưới 40% sẽ không đủ khả năng bảo vệ chống ăn mòn và đảm bảo nhiệt độ lạnh thích hợp.

Nồng độ lên đến 60% sẽ có khả năng bảo vệ tốt hơn ở điều kiện khí hậu lạnh.

Ngoại trừ loại III KO, U, II U, III U

Chỉ sử dụng dung dịch làm mát HONDA PRE-MIX COOLANT chính hãng mà không cần pha loãng với nước. Dung dịch làm mát HONDA PRE-MIX COOLANT có khả năng chống ăn mòn và quá nhiệt rất hiệu quả. Nên kiểm tra và thay thế dung dịch làm mát đúng theo lịch bảo dưỡng. 📄 T. 259

LƯU Ý

Sử dụng dung dịch làm mát không chuyên dụng cho động cơ bằng nhôm hoặc sử dụng nước máy/nước khoáng có thể gây ăn mòn động cơ.

Ống thông hơi vách máy

Thực hiện bảo dưỡng thường xuyên hơn nếu lái xe dưới trời mưa, chạy ở tốc độ cao, sau khi rửa xe hoặc bị đổ xe. Bạn cần bảo dưỡng nếu quan sát thấy mức cạn bản ở phần trong suốt của ống xả cạn.

Nếu ống xả cạn bị tràn, bộ lọc gió có thể nhiễm bẩn dầu động cơ và gây ra tình trạng động cơ hoạt động kém.

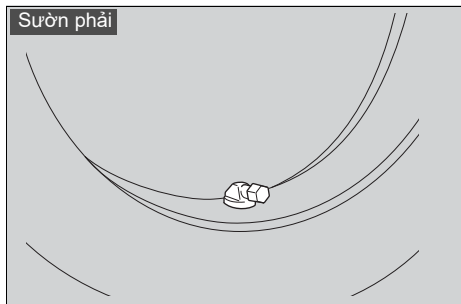
Lốp xe (Kiểm tra/Thay thế)**■ Kiểm tra áp suất lốp**

Kiểm tra lốp xe bằng mắt thường và sử dụng đồng hồ đo áp suất không khí để đo áp suất không khí của lốp trước mỗi lần lái xe vượt địa hình và bất cứ khi nào bạn trở lại đường trường sau khi vượt địa hình. Nếu bạn chỉ lái xe trên đường trường, hãy kiểm tra áp suất lốp ít nhất mỗi tháng một lần hoặc bất cứ khi nào bạn thấy lốp trông có vẻ non. Luôn kiểm tra áp suất khi lốp nguội.

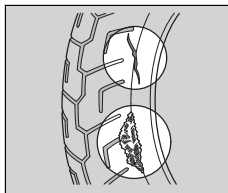
Nếu bạn quyết định điều chỉnh áp suất lốp cho tình trạng lái vượt địa hình cụ thể, hãy thay đổi mỗi lần một chút.

Ngoại trừ loại IN, II IN, III IN

Ngay cả khi hướng của thân van thay đổi, không được xoay lại vị trí cũ. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.



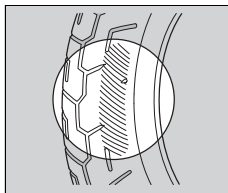
■ Kiểm tra hư hỏng lốp



Kiểm tra lốp xem có vết cắt hoặc nứt làm lộ phần lõi bên trong lốp ra ngoài hoặc bị vật nhọn cắm vào thành lốp hoặc gai lốp hay không. Đồng thời kiểm tra xem lốp

có bị phình to hoặc phồng lên ở hai bên thành lốp không.

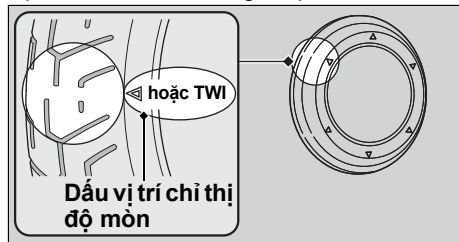
■ Kiểm tra mòn bất thường



Kiểm tra lốp xem có dấu hiệu mòn bất thường trên bề mặt tiếp xúc không.

■ Kiểm tra độ sâu gai lốp

Kiểm tra dấu chỉ thị độ mòn gai lốp. Nếu nhìn thấy dấu này lộ ra, hãy thay lốp ngay lập tức. Để lái xe an toàn, hãy thay thế lốp xe ngay khi lốp xe mòn đến độ sâu gai lốp tối thiểu.



■ Kiểm tra vành xe và thân van

Loại IN, II IN, III IN

Kiểm tra vành xe có bị hư hỏng và nan hoa có bị lỏng hay không.

Ngoài ra hãy kiểm tra vị trí của thân van.

Thân van bị nghiêng cho thấy săm đang trượt bên trong lốp hoặc lốp đang trượt trên vành.

Hãy liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để được hỗ trợ.

⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng lốp xe bị mòn quá mức hoặc không được bơm đúng áp suất là những nguyên nhân gây tai nạn dẫn đến thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Hãy thực hiện theo những hướng dẫn về bơm lốp và bảo dưỡng lốp xe trong tài liệu hướng dẫn này.

Hãy đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để thay lốp.

Để biết thông tin về lốp khuyến dùng, áp suất lốp và độ sâu gai lốp tối thiểu, hãy tham khảo phần "Thông số kỹ thuật". ❏ T. 373

Thực hiện theo những hướng dẫn sau mỗi khi thay lốp.

- Sử dụng lốp khuyến dùng hoặc loại lốp có cùng kích cỡ, cấu trúc, dải tốc độ và giới hạn trọng tải tương ứng với loại cũ để thay thế.

- Hãy cân bằng bánh xe bằng cách sử dụng đối trọng cân bằng chính hãng của Honda hoặc loại tương đương sau khi thay lốp mới.

- **Ngoại trừ loại IN, II IN, III IN**

Không lắp thêm săm vào trong lốp xe. Tích tụ nhiệt quá mức có thể làm nổ lốp.

- **Ngoại trừ loại IN, II IN, III IN**

Loại xe này chỉ sử dụng lốp không săm. Vành xe được thiết kế dành riêng cho loại lốp không săm, trong quá trình tăng tốc hoặc phanh gấp thì kiểu lốp có săm sẽ bị trượt ra khỏi vành và nhanh chóng xì hơi.

- **Loại IN, II IN, III IN**

Hãy nhớ thay săm bất cứ khi nào bạn thay lốp. Săm cũ có thể bị giãn và hư hỏng nếu lắp vào lốp mới.

CẢNH BÁO

Lắp lốp xe không đúng cách có thể gây ảnh hưởng đến khả năng điều khiển và sự ổn định của xe, dẫn đến tai nạn gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Luôn sử dụng lốp xe đúng kích cỡ, đúng chủng loại theo như khuyến cáo trong hướng dẫn sử dụng này.

Dụng cụ

Bộ dụng cụ được để trong hộp dụng cụ
➔ T. 254

Bạn có thể thực hiện việc sửa chữa, điều chỉnh nhỏ và thay thế phụ tùng trên đường bằng những dụng cụ được trang bị này.

- Tuýp tháo bugi
- Cờ-lê tháo đầu 10 × 14 mm
- Cờ-lê tháo đầu 14 × 17 mm
- Cờ-lê đầu tròn 19 mm

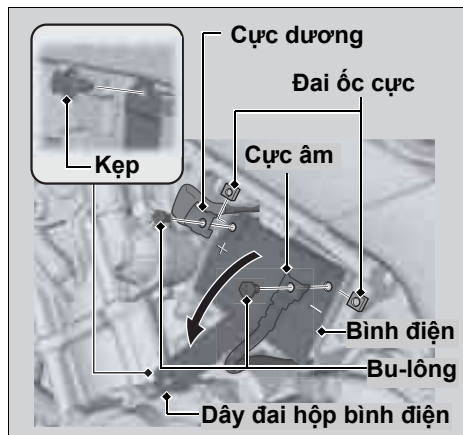
Dây treo mũ bảo hiểm được cố định cùng chắn bùn sau dưới yên xe sau. ➔ T. 253

- Dây treo mũ bảo hiểm

Cờ-lê lục giác 5 mm, tua vít phillips/tiêu chuẩn, cần tua vít và dụng cụ tháo cầu chì nằm ở mặt dưới của yên xe sau. ➔ T. 254

- Cờ-lê lục giác 5 mm
- Tua vít Phillips/tiêu chuẩn
- Cần tua vít
- Dụng cụ tháo cầu chì

Bình điện



Tháo

Kiểm tra chắc chắn ổ khóa điện đã ở vị trí **O** (Off).

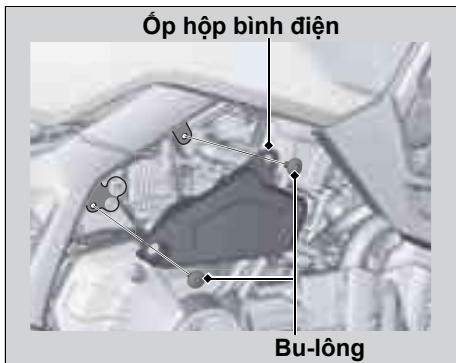
1. Tháo hộp dụng cụ. ➤ T. 283
2. Tháo cực âm \ominus ra khỏi bình điện.
3. Tháo cực dương \oplus ra khỏi bình điện.
4. Tháo kẹp. ➤ T. 278
5. Mở dây đai hộp bình điện.
6. Tháo bình điện ra khỏi vỏ bình điện một cách cẩn thận để không làm rơi các đai ốc cực.

Lắp

Lắp các chi tiết đã tháo theo thứ tự ngược với lúc tháo. Luôn nhớ nối cực dương \oplus vào trước.
Đảm bảo đã siết chặt các bu-lông và đai ốc.
Đảm bảo rằng các thông tin hiển thị trên đồng hồ phải chính xác sau khi lắp lại bình điện. ➤ T. 95

Để sử dụng bình điện đúng cách, hãy tham khảo phần "Nguyên tắc bảo dưỡng cơ bản". ➤ T. 265
"Hồng bình điện." ➤ T. 341

Ốp hộp bình điện



Tháo

1. Tháo bu-lông bằng cờ-lê lục giác nằm ở mặt dưới của yên xe sau. ► T. 254
2. Tháo ốp hộp bình điện.

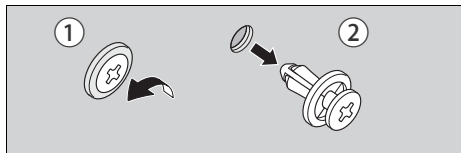
Lắp

Lắp các chi tiết đã tháo theo thứ tự ngược với lúc tháo.

Kẹp

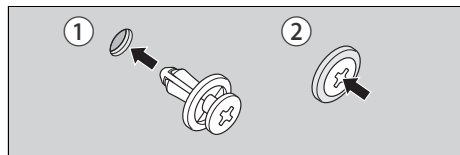
Tháo

1. Xoay nhẹ chốt ngược chiều kim đồng hồ bằng tua vít Phillips cho đến khi chốt bật lên để mở khóa.
2. Kéo kẹp ra khỏi lỗ.



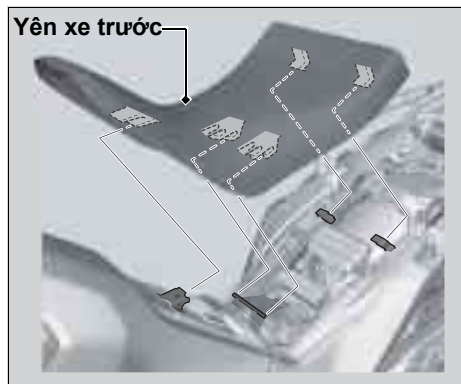
Lắp

1. Đưa kẹp vào lỗ.
2. Ấn chốt vào.



Yên xe trước

Tháo



1. Tháo yên xe sau. ► T. 282
2. Tháo yên xe trước bằng cách kéo về phía sau và hướng lên trên.

Lắp

1. Khi cài đặt vị trí yên xe cao:

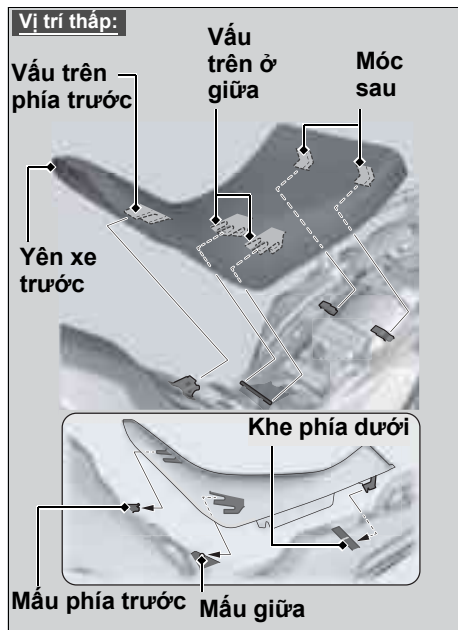
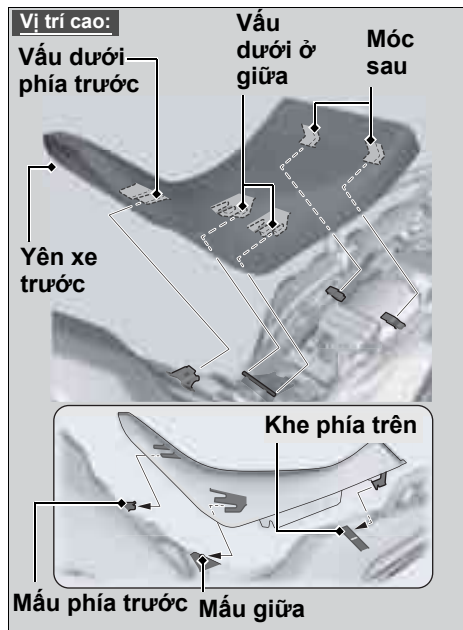
Lắp vấu dưới phía trước và vấu dưới ở giữa vào mấu phía trước và mấu giữa trên bình xăng và gắn móc sau vào các khe phía trên.

1. Khi cài đặt vị trí yên xe thấp:

Lắp vấu trên phía trước và vấu trên ở giữa vào mấu phía trước và mấu giữa trên bình xăng và gắn móc sau vào các khe phía dưới.

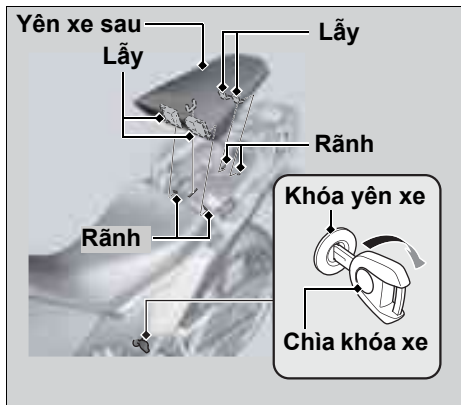
Tháo & lắp các bộ phận thân xe ▶ Yên xe trước

Bảo dưỡng



2. Lắp yên xe trước bằng cách ấn về phía trước và hướng xuống dưới.
 - Kiểm tra yên xe xem đã khớp vào vị trí chưa bằng cách nhấc nhẹ lên.
3. Lắp yên xe sau.

Yên xe sau



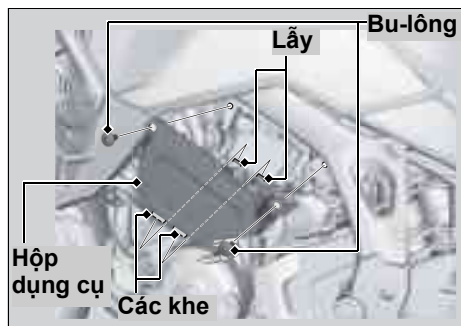
Tháo

1. Tra chìa khóa xe vào ổ khóa yên xe.
2. Vận chìa khóa xe theo chiều kim đồng hồ, sau đó đẩy yên xe sau về phía trước và lên trên.

Lắp

1. Cài các lẫy vào các rãnh.
2. Đẩy phần trước của yên xe sau xuống cho đến khi khóa chặt vào vị trí.
 - Kiểm tra yên xe xem đã khớp vào vị trí chưa bằng cách nhấc nhẹ lên.Di chuyển dây đai yên về vị trí ban đầu. Yên xe tự động khóa khi đóng lại. **Cẩn thận không để quên chìa khóa bên trong khoang đựng đồ dưới yên xe sau.**

Hộp dụng cụ



Tháo

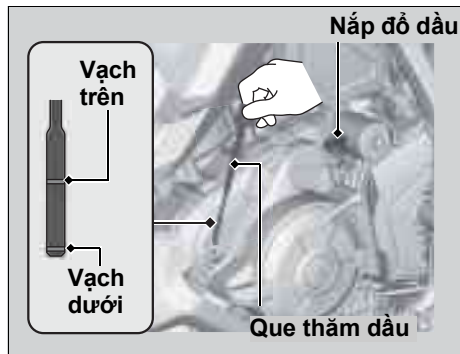
1. Tháo bu-lông bằng cờ-lê lục giác nằm ở mặt dưới của yên xe sau. **T. 254**
2. Tháo hộp dụng cụ bằng cách nhả các khe ra khỏi các lẫy.

Lắp

Lắp các chi tiết đã tháo theo thứ tự ngược với lúc tháo.

Kiểm tra dầu động cơ

1. Dừng xe bằng chân chống nghiêng trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn.
2. Nếu động cơ nguội, để động cơ nổ cầm chừng từ 3 đến 5 phút.
3. Vặn ổ khóa điện sang vị trí **O** (Off) và đợi từ 2 - 3 phút.
4. Dừng xe thẳng đứng trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn.
5. Tháo que thăm dầu ra và lau sạch.
6. Lắp que thăm dầu vào cho đến khi que chạm đáy, nhưng không xoáy que vào.
7. Kiểm tra mực dầu có nằm giữa vạch trên và vạch dưới trên que thăm dầu không.
8. Lắp chặt que thăm dầu.



Đổ thêm dầu động cơ

Nếu dầu động cơ ở mức dưới hoặc gần chạm dấu vạch dưới, hãy đổ thêm dầu động cơ khuyến dùng. ► T. 267, ► T. 374

1. Tháo nắp đổ dầu. Đổ dầu khuyến dùng cho đến khi chạm dấu vạch trên.

- Dựng xe trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn khi kiểm tra mực dầu.
- Không đổ dầu tràn quá dấu vạch trên.
- Chắc chắn không có vật lạ lọt vào qua lỗ đổ dầu.
- Lau sạch chỗ dầu tràn ngay lập tức.

2. Đảm bảo lắp nắp đổ dầu vào chắc chắn.

LƯU Ý

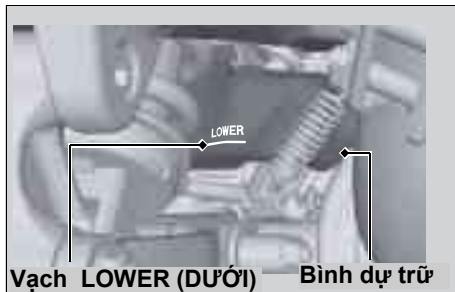
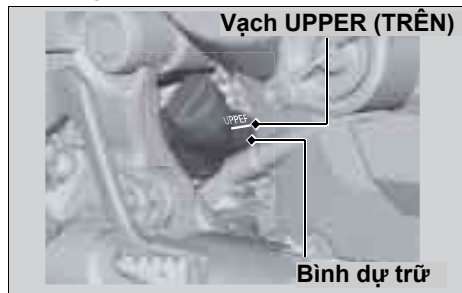
Đổ quá nhiều dầu hoặc vận hành xe thiếu dầu có thể gây hư hỏng động cơ. Không được hòa trộn các loại dầu có nhãn hiệu và phẩm cấp khác nhau. Việc này có thể ảnh hưởng không tốt đến tính năng bôi trơn và hoạt động của côn.

Để biết loại dầu khuyến dùng và hướng dẫn lựa chọn dầu, hãy tham khảo phần “Nguyên tắc bảo dưỡng cơ bản.” ► T. 267

Kiểm tra dung dịch làm mát

Kiểm tra lượng dung dịch làm mát trong bình dự trữ khi động cơ nguội.

1. Đặt xe trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn.
2. Giữ cho xe thẳng đứng.
3. Kiểm tra mức dung dịch làm mát có nằm giữa vạch TRÊN (UPPER) và vạch DƯỚI (LOWER) trong bình dự trữ không.



Nếu thấy lượng dung dịch làm mát giảm nhanh hoặc cạn hết, có khả năng dung dịch làm mát đã bị rò rỉ nghiêm trọng. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đổ thêm dung dịch làm mát

Nếu lượng dung dịch làm mát nằm dưới vạch DƯỚI (LOWER), hãy đổ thêm dung dịch làm mát khuyến dùng (T. 270) cho đến khi chạm vạch TRÊN (UPPER). Chỉ đổ thêm dung dịch làm mát qua nắp bình dự trữ, không được tháo nắp két tản nhiệt.

1. Tháo nắp bình dự trữ và đổ thêm dung dịch làm mát vào bình, đồng thời chú ý lượng dung dịch làm mát.
 - Không đổ dung dịch làm mát tràn quá vạch TRÊN (UPPER).
 - Hãy đảm bảo không có vật lạ lọt vào qua miệng bình dự trữ.
2. Lắp lại thật chặt nắp bình dự trữ.

⚠ CẢNH BÁO

Tháo nắp két tản nhiệt trong khi động cơ còn nóng có thể làm dung dịch làm mát bắn ra ngoài có khả năng gây bỏng.

Luôn để động cơ và bộ tản nhiệt nguội hẳn trước khi tháo nắp két tản nhiệt.

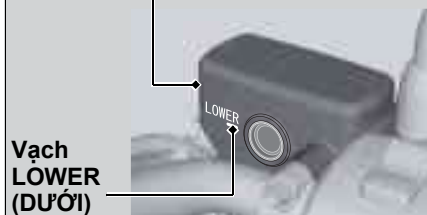


Kiểm tra dầu phanh

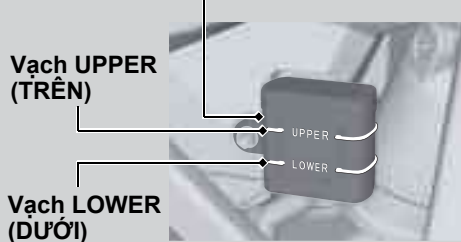
1. Dụng cụ xe thẳng đứng trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn.
2. **Phanh trước** Kiểm tra xem hộp dầu phanh có nằm ngang và mực dầu có ở trên vạch DƯỚI (LOWER) không.
Phanh sau Kiểm tra xem hộp dầu phanh có nằm ngang và mực dầu có ở giữa vạch DƯỚI (LOWER) và vạch TRÊN (UPPER) hay không.

Nếu mực dầu phanh trong hộp dầu phanh thấp hơn vạch DƯỚI (LOWER) hoặc hành trình tự do tay phanh và bàn đạp vượt quá tiêu chuẩn, hãy kiểm tra độ mòn má phanh. Nếu má phanh không bị mòn, có khả năng bị rò rỉ dầu phanh. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Phanh trước **Hộp dầu phanh trước**



Phanh sau **Hộp dầu phanh sau**

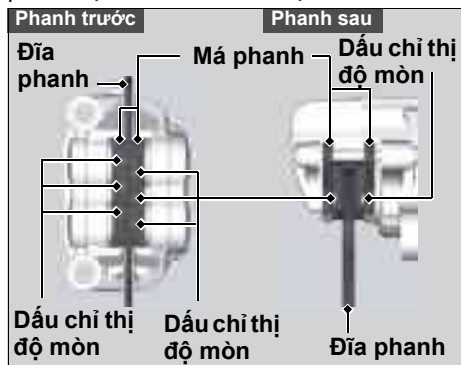


Kiểm tra má phanh

Kiểm tra tình trạng dấu chỉ thị độ mòn má phanh.

Phanh trước Cần thay thế má phanh nếu má phanh bị mòn tới cuối dấu chỉ thị.

Phanh sau Cần thay thế má phanh nếu má phanh bị mòn tới dấu chỉ thị.



- Phanh trước** Kiểm tra má phanh từ phía trước ngàm phanh.
 - Luôn kiểm tra cả ngàm phanh bên trái và bên phải.
- Phanh sau** Kiểm tra má phanh từ bên phải phía sau xe.

Nếu cần thay thế má phanh, nên để Cửa hàng xe phân khối lớn Honda thực hiện công việc này.

Luôn thay cả má phanh bên trái và bên phải cùng lúc.

Kiểm tra phanh đĩa xe

CRF1100D/D3/D4/DL4



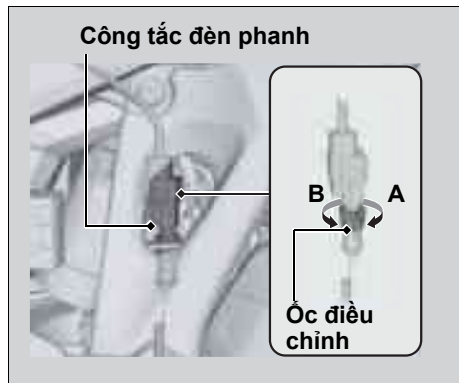
Dừng xe trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn. Tắt máy và đẩy xe trong khi phanh đĩa xe đang được cài để kiểm tra hiệu quả của phanh đĩa xe.

Nếu hiệu quả của phanh đĩa xe yếu, hãy mang đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để điều chỉnh.

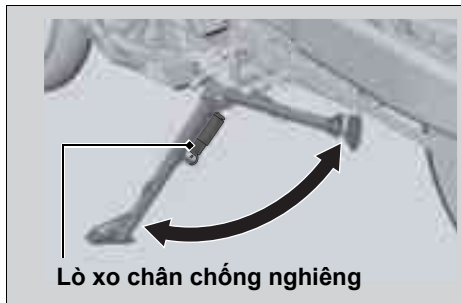
Điều chỉnh công tắc đèn phanh

Kiểm tra hoạt động của công tắc đèn phanh.

Giữ công tắc đèn phanh và vặn ốc điều chỉnh theo hướng A nếu công tắc hoạt động quá trễ hoặc vặn ốc theo hướng B nếu công tắc hoạt động quá sớm.



Kiểm tra chân chống nghiêng



1. Kiểm tra chân chống nghiêng có hoạt động trơn tru không. Nếu chân chống nghiêng bị cứng hoặc kêu cọt két thì làm sạch khu vực chốt và bôi trơn bu-lông chốt bằng mỡ bôi trơn sạch.
2. Kiểm tra lò xo xem có bị hỏng hoặc mất đàn hồi không.

3. CRF1100A/A3/AL4

Ngồi lên xe, chuyển về vị trí số N, và gạt chân chống nghiêng lên.

CRF1100D/D3/D4/DL4

Ngồi lên xe và gạt chân chống nghiêng lên.

4. CRF1100A/A3/AL4

Khởi động động cơ, bóp tay côn và chuyển hộp số sang số.

CRF1100D/D3/D4/DL4

Khởi động động cơ và nhấn phía **D-S** của công tắc N-D để chuyển hộp số sang chế độ D.

5. Hạ hết chân chống nghiêng xuống. Động cơ sẽ dừng ngay khi hạ chân chống nghiêng. Nếu động cơ không dừng, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Kiểm tra độ chùng xích tải

Kiểm tra độ chùng xích tải tại một vài điểm của xích. Nếu độ chùng không đồng nhất ở tất cả các điểm, có thể một vài mắt xích bị xoắn và dính vào nhau.

Hãy đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

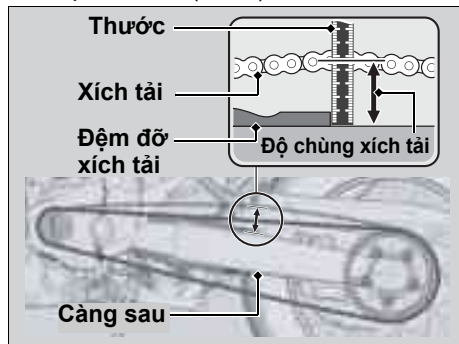
1. Chuyển số về vị trí số N. Tắt máy.
2. Dựng xe bằng chân chống nghiêng trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn.

3. Kéo phần nửa trên của xích tải lên và kiểm tra độ chùng của xích giữa xích tải và càng sau tại điểm cuối cùng của đệm đỡ xích tải.

Độ chùng xích tải:

48 - 53 mm (1.9 - 2.1 in)

- Không lái xe nếu độ chùng xích vượt quá 60 mm (2.4 in).

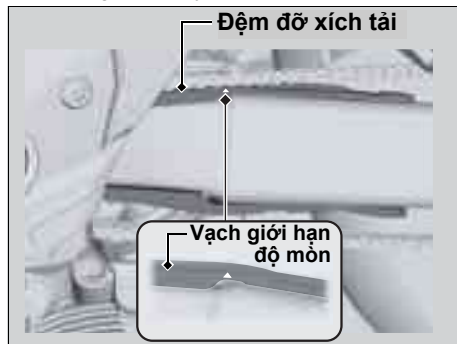


4. Dắt xe về phía trước và kiểm tra xem xích có di chuyển êm không.
5. Kiểm tra nhông tải. ► T. 269
6. Vệ sinh và bôi trơn xích tải. ► T. 269

Kiểm tra đệm đỡ xích tải

Kiểm tra tình trạng của đệm đỡ xích tải. Thay thế đệm đỡ xích tải nếu bị mòn tới vạch giới hạn.

Nếu cần thay thế đệm đỡ xích tải, nên đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda thực hiện công việc này.



Vành và nan hoa bánh xe

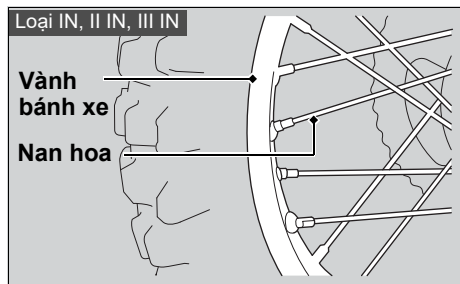
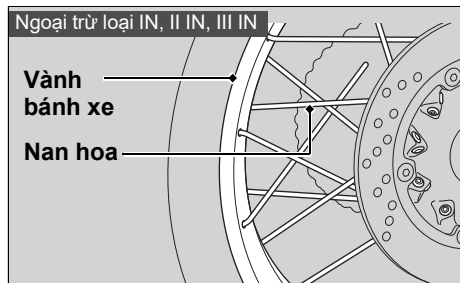
Giữ bánh xe cân bằng (dạng tròn) và duy trì độ căng nan hoa chính xác là điều quan trọng để vận hành xe an toàn.

Nan hoa lỏng quá mức có thể dẫn đến tình trạng không ổn định ở tốc độ cao và có khả năng mất lái.

Không cần thiết phải tháo bánh xe để thực hiện dịch vụ khuyến nghị trong Lịch bảo dưỡng.

Bánh xe ► Vành và nan hoa bánh xe

1. Kiểm tra vành bánh xe và nan hoa xem có hư hỏng nào không.
2. Siết chặt tất cả nan hoa bị lỏng.
► Ngoại trừ loại IN, II IN, III IN
Sử dụng cờ-lê lục giác đầu bi có chiều dài từ 140 mm (5.5 in) trở lên.
3. Xoay bánh xe chậm chậm để xem có bị “lắc” hay không. Nếu có thì tức là vành xe không tròn đều hoặc “lệch tâm”. Nếu thấy tình trạng lắc bánh xe rõ rệt, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.



Kiểm tra côn

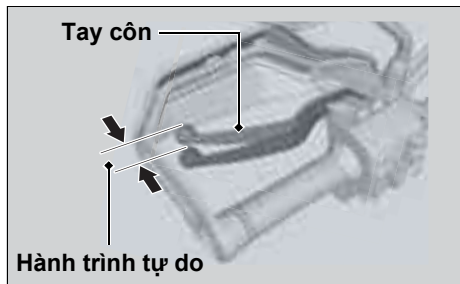
CRF1100A/A3/AL4

❗ Kiểm tra hành trình tự do tay côn

Kiểm tra hành trình tự do tay côn.

Hành trình tự do tay côn:

10 - 20 mm (0.4 - 0.8 in)



Kiểm tra xem dây côn có bị xoắn hoặc có dấu hiệu mòn không. Nếu cần thay thế, nên để Cửa hàng xe phân khối lớn Honda thực hiện công việc này.

Bôi trơn dây côn bằng loại dầu bôi trơn có sẵn trên thị trường để ngăn dây côn không bị mòn nhanh.

LƯU Ý

Điều chỉnh hành trình tự do không đúng có thể khiến côn bị ăn mòn sớm.

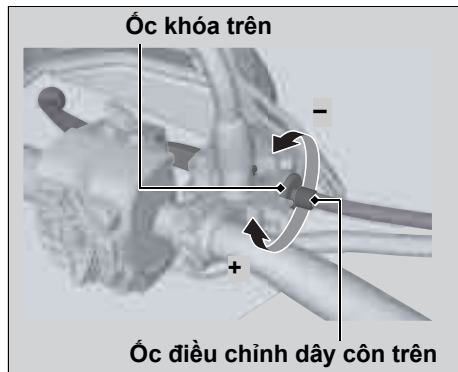
Điều chỉnh hành trình tự do tay côn

CRF1100A/A3/AL4

Điều chỉnh trên

Trước tiên, hãy điều chỉnh bằng ốc điều chỉnh dây côn trên.

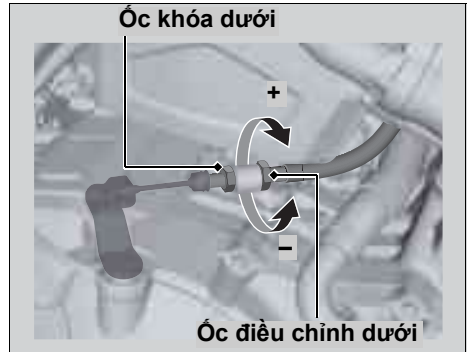
1. Nới lỏng ốc khóa trên.
2. Vặn ốc điều chỉnh dây côn trên cho tới khi hành trình tự do nằm trong khoảng 10 - 20 mm (0.4 - 0.8 in).
3. Siết chặt ốc khóa trên và kiểm tra hành trình tự do lần nữa.



Điều chỉnh dưới

Nếu ốc điều chỉnh dây côn trên đã bị vặn ra gần hết ren, hoặc không thể đạt được hành trình tự do chính xác thì hãy điều chỉnh bằng ốc điều chỉnh dây côn dưới.

1. Nới lỏng ốc khóa trên và vặn ốc điều chỉnh dây côn trên vào hết cỡ (để có được hành trình tự do tối đa). Siết chặt ốc khóa trên.
2. Nới lỏng ốc khóa dưới.
3. Vặn ốc điều chỉnh dây côn dưới cho đến khi hành trình tự do tay côn là 10 - 20 mm (0.4 - 0.8 in).
4. Siết chặt ốc khóa dưới và kiểm tra hành trình tự do tay côn.
5. Khởi động động cơ, bóp tay côn và sang số. Đảm bảo xe không chết máy và bị giật. Từ từ nhả tay côn ra và mở ga. Xe cần chuyển động êm và tăng tốc từ từ.



Nếu không thể điều chỉnh đúng theo cách này hoặc côn không hoạt động đúng cách thì hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

Kiểm tra tay ga

Tắt máy, kiểm tra xem tay ga có xoay trơn tru từ vị trí đóng hết cho đến vị trí mở hết. Nếu tay ga không xoay trơn tru hoặc tự động đóng ga, hãy mang đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.



Điều chỉnh tay phanh

Bạn có thể điều chỉnh khoảng cách giữa tay phanh và tay lái.

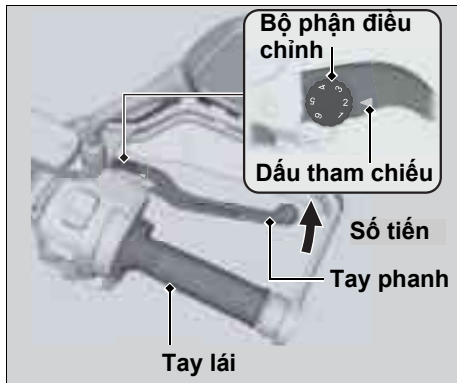
Phương pháp điều chỉnh

Xoay bộ phận điều chỉnh đến khi các số thẳng hàng với dấu tham chiếu trong khi đẩy tay phanh về phía trước ở vị trí mong muốn.

Sau khi điều chỉnh, kiểm tra tay phanh có hoạt động chính xác không trước khi lái xe.

LƯU Ý

Không vặn bộ phận điều chỉnh vượt quá giới hạn tự nhiên.



Điều chỉnh giảm xóc trước

Tải trước lò xo

CRF1100A/D

Có thể điều chỉnh tải trước lò xo bằng bộ phận điều chỉnh sao cho phù hợp với tải trọng hoặc bề mặt đường.

Vặn bộ phận điều chỉnh bằng cờ-lê đầu tròn có trong bộ dụng cụ. ► T. 275

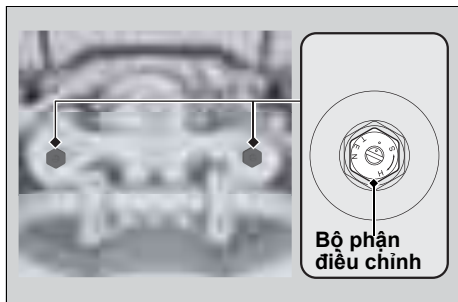
Bộ phận điều chỉnh tải trước lò xo có 15 vòng. Xoay theo chiều kim đồng hồ để tăng tải trước lò xo (cứng), hoặc xoay ngược chiều kim đồng hồ để giảm tải trước lò xo (mềm).

CRF1100A

Vị trí tiêu chuẩn là 3 vòng từ vị trí mềm nhất.

CRF1100D

Vị trí tiêu chuẩn là 6 vòng từ vị trí mềm nhất.



LƯU Ý

Không vặn bộ phận điều chỉnh vượt quá giới hạn.

Điều chỉnh cả phuộc trái và phải về cùng mức tải trước lò xo.

Độ nảy giảm xóc

CRF1100A/D

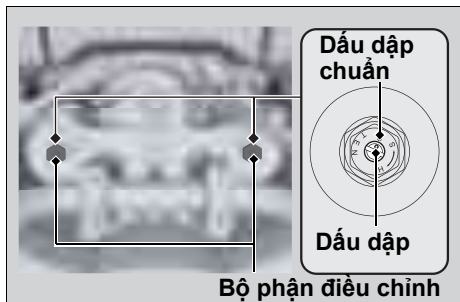
Có thể điều chỉnh độ nảy giảm xóc bằng bộ phận điều chỉnh sao cho phù hợp với tải trọng hoặc bề mặt đường.

Vặn bộ phận điều chỉnh bằng tua vít Phillips/tiêu chuẩn nằm ở mặt dưới của yên xe sau. ► T. 254

Bộ phận điều chỉnh độ nảy giảm xóc có 3 vòng hoặc nhiều hơn.

Xoay theo chiều kim đồng hồ để tăng độ nảy giảm xóc (cứng), hoặc xoay ngược chiều kim đồng hồ để giảm độ nảy giảm xóc (mềm).

Vị trí tiêu chuẩn là vặn 2 3/4 vòng từ mức thiết lập tối đa sao cho dấu đập trên bộ phận điều chỉnh thẳng hàng với dấu đập chuẩn.



LƯU Ý


Không vặn bộ phận điều chỉnh vượt quá giới hạn.

Điều chỉnh cả phuộc trái và phải về cùng độ nảy giảm xóc.

Độ nén giảm xóc

CRF1100A/D

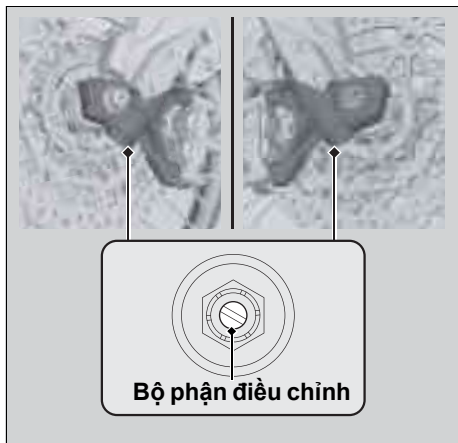
Có thể điều chỉnh độ nén giảm xóc bằng bộ phận điều chỉnh sao cho phù hợp với tải trọng hoặc bề mặt đường.

Vặn bộ phận điều chỉnh bằng tua vít Phillips/tiêu chuẩn nằm ở mặt dưới của yên xe sau.  T. 254

Bộ phận điều chỉnh độ nén giảm xóc có 12 vị trí hoặc nhiều hơn.

Xoay theo chiều kim đồng hồ để tăng độ nén giảm xóc (cứng), hoặc xoay ngược chiều kim đồng hồ để giảm độ nén giảm xóc (mềm).

Vị trí tiêu chuẩn là 9 tiếng tách tính từ thiết lập tối đa.



LƯU Ý

Không vặn bộ phận điều chỉnh vượt quá giới hạn.

Điều chỉnh cả phuộc trái và phải về cùng độ nén giảm xóc.

Giảm chấn

CRF1100A3/AL4/D3/D4/DL4

- Khi thay đổi chế độ lái, mức giảm chấn giảm xóc trước được chọn tự động theo thiết lập tương ứng với chế độ lái.
 ➤ T. 154
- Bạn có thể thay đổi [S] [Chung] và [Trước] trên [USER 1 MODE] (CHẾ ĐỘ USER 1) và [USER 2 MODE] (CHẾ ĐỘ USER 2) của chế độ lái. ➤ T. 81

- **Phạm vi cài đặt có sẵn:**
 [Chung]: [H] Cứng/ [M] Trung bình/ [S] Mềm/ [O] Địa hình
 [Trước]: [-]/[Medium] (Trung bình)/[+]
- **Mặc định:**
 [Chung]
 [USER 1 MODE] (CHẾ ĐỘ USER 1): [M] Trung bình
 [USER 2 MODE] (CHẾ ĐỘ USER 2): [S] Mềm
 [Trước]: [Medium] (Trung bình)

Điều chỉnh giảm xóc sau

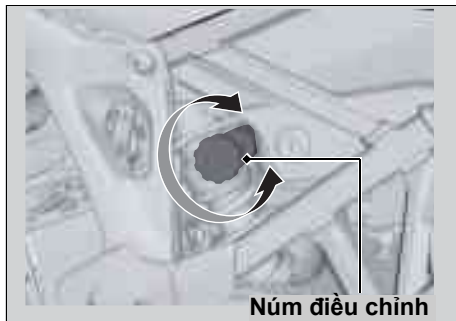
Tải trước lò xo

CRF1100A/D

Bạn có thể điều chỉnh tải trước lò xo bằng núm điều chỉnh sao cho phù hợp với tải trọng hoặc bề mặt đường. Bộ phận điều chỉnh tải trước lò xo có 35 vị trí hoặc nhiều hơn. Xoay theo chiều kim đồng hồ để tăng tải trước lò xo (cao), hoặc xoay ngược chiều kim đồng hồ để giảm tải trước lò xo (thấp).

Xoay bộ phận điều chỉnh ngược chiều kim đồng hồ (thấp) cho đến khi không thể xoay được nữa (cố định nhẹ). Xoay bộ phận điều chỉnh theo chiều kim đồng hồ (cao) cho đến khi nghe thấy tiếng tách. Tiếng tách này là vị trí 0.

Vị trí tiêu chuẩn là 7 tiếng tách tính từ cài đặt tối thiểu.



Núm điều chỉnh

LƯU Ý

Không vặn bộ phận điều chỉnh vượt quá giới hạn.

LƯU Ý

Bộ giảm chấn giảm xóc sau chứa khí nitơ áp suất cao. Không tự ý tháo rời, bảo dưỡng hoặc xử lý sai cách bộ giảm xóc. Hãy liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để được hỗ trợ.

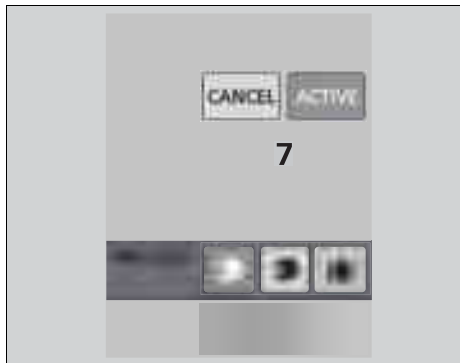
CRF1100A3/AL4/D3/D4/DL4

Giảm xóc điều chỉnh bằng điện cho phép điều chỉnh tải trước giảm xóc sau theo bốn mức tùy theo các điều kiện lái xe và tải trọng.

Có thể thay đổi điều chỉnh tải trước lò xo của giảm xóc sau khi bạn dừng xe lại hoặc khi xe đang chạy ở tốc độ ổn định mà không tăng tốc, giảm tốc đột ngột, quay bánh xe, lật bánh hoặc xe bị vọt lên, v.v. Khi lái xe trên đường gồ ghề hoặc khi sử dụng lốp với đường kính có sự khác biệt lớn so với lốp được khuyến nghị, hệ thống có thể không hoạt động ngay cả khi lái xe ổn định.

Nếu bạn thay đổi tải trước sau khi bắt đầu lái xe, khả năng tiếp đất sẽ thay đổi do chiều cao xe thay đổi. Hãy cẩn thận khi thay đổi tải trước khi đang lái xe.

1. Chọn chế độ hiển thị vàng. ► T. 86
2. Chọn trang 4. ► T. 47
3. Ấn công tắc **ENT** .
4. Chọn **[PRELOAD]** (TẢI TRƯỚC).
5. Gạt hoặc của công tắc chọn trái/phải cho đến khi giá trị mong muốn hiển thị.







6. Ấn công tắc quay lại .

Các điều chỉnh khác ► Điều chỉnh giảm xóc sau

Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt bên trên bằng cách sử dụng màn hình cảm ứng.

Điều chỉnh giảm xóc sau có sẵn các cài đặt như bên dưới.

Biểu tượng trạng thái	Điều kiện lái
	Chỉ người lái (Tải trước tối thiểu)
	Người lái và hành lý
	Người lái và người ngồi sau
	Người lái, người ngồi sau và hành lý (Tải trước tối đa)

Mặc định: Chỉ người lái

- Bạn có thể thay đổi [PRELOAD] [Tải trước] trên [USER 1 MODE] (CHẾ ĐỘ USER 1) và [USER 2 MODE] (CHẾ ĐỘ USER 2) của chế độ lái. ► T. 81


LƯU Ý

Bộ giảm chấn giảm xóc sau chứa khí nitơ áp suất cao. Không tự ý tháo rời, bảo dưỡng hoặc xử lý sai cách bộ giảm xóc. Hãy liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để được hỗ trợ.

Độ nảy giảm xóc

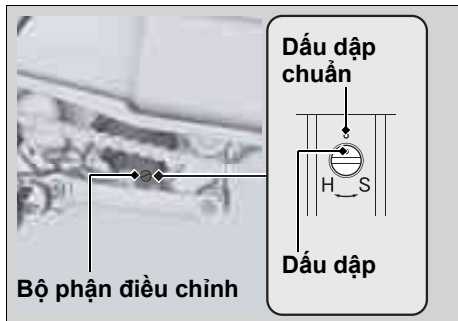
CRF1100A/D

Có thể điều chỉnh độ nảy giảm xóc bằng bộ phận điều chỉnh sao cho phù hợp với tải trọng hoặc bề mặt đường.

Vặn bộ phận điều chỉnh bằng tua vít Phillips/tiêu chuẩn nằm ở mặt dưới của yên xe sau.  T. 254

Xoay theo chiều kim đồng hồ để tăng độ nảy giảm xóc (cứng), hoặc xoay ngược chiều kim đồng hồ để giảm độ nảy giảm xóc (mềm).

Vị trí tiêu chuẩn là 8 tiếng tách từ mức thiết lập tối đa sao cho dầu đập trên bộ phận điều chỉnh thẳng hàng với dầu đập chuẩn.



LƯU Ý

Không vặn bộ phận điều chỉnh vượt quá giới hạn.

LƯU Ý

Bộ giảm chấn giảm xóc sau chứa khí nitơ áp suất cao. Không tự ý tháo rời, bảo dưỡng hoặc xử lý sai cách bộ giảm xóc. Hãy liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để được hỗ trợ.

Độ nén giảm xóc

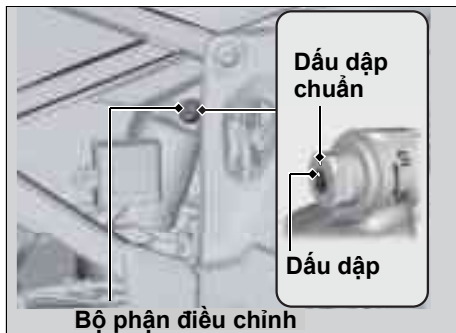
CRF1100A/D

Có thể điều chỉnh độ nén giảm xóc bằng bộ phận điều chỉnh sao cho phù hợp với tải trọng hoặc bề mặt đường.

Vặn bộ phận điều chỉnh bằng tua vít Phillips/tiêu chuẩn nằm ở mặt dưới của yên xe sau. **T. 254**

Xoay theo chiều kim đồng hồ để tăng độ nén giảm xóc (cứng), hoặc xoay ngược chiều kim đồng hồ để giảm độ nén giảm xóc (mềm).

Vị trí tiêu chuẩn là 12 tiếng tách từ mức thiết lập tối đa sao cho dấu dập trên bộ phận điều chỉnh thẳng hàng với dấu dập chuẩn.



LƯU Ý

Không vặn bộ phận điều chỉnh vượt quá giới hạn.

LƯU Ý

Bộ giảm chấn giảm xóc sau chứa khí nitơ áp suất cao. Không tự ý tháo rời, bảo dưỡng hoặc xử lý sai cách bộ giảm xóc. Hãy liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để được hỗ trợ.

Giảm chấn

CRF1100A3/AL4/D3/D4/DL4

- Khi thay đổi chế độ lái, mức giảm chấn giảm xóc sau được chọn tự động theo thiết lập tương ứng với chế độ lái.
 ➤ T. 154
- Bạn có thể thay đổi [S] [Chung] và [Sau] trên [USER 1 MODE] (CHẾ ĐỘ USER 1) và [USER 2 MODE] (CHẾ ĐỘ USER 2) của chế độ lái. ➤ T. 81

• Phạm vi cài đặt có sẵn:

[Chung]: [H] Cứng/ [M] Trung bình/ [S] Mềm/ [O] Địa hình

[Sau]: [-]/[Medium] (Trung bình)/[+]

• Mặc định:

[Chung]

[USER 1 MODE] (CHẾ ĐỘ USER 1): [M] Trung bình

[USER 2 MODE] (CHẾ ĐỘ USER 2): [S] Mềm

[Sau]: [Medium] (Trung bình)

LƯU Ý

Bộ giảm chấn giảm xóc sau chứa khí nitơ áp suất cao. Không tự ý tháo rời, bảo dưỡng hoặc xử lý sai cách bộ giảm xóc. Hãy liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để được hỗ trợ.

Điều chỉnh độ cao kính chắn gió

Bạn có thể điều chỉnh độ cao kính chắn gió ở 1 trong 5 vị trí.

Mốc quy định độ cao kính chắn gió cho biết độ cao kính chắn gió.

Vị trí tiêu chuẩn là 1.

► Không được điều chỉnh kính chắn gió khi đang lái xe.

1. Đẩy cần khóa trái và phải để mở khóa kính chắn gió.
2. Tiếp tục đẩy cần khóa bên phải và trái, di chuyển cần khóa bên phải và trái hướng lên hoặc hướng xuống để nâng hoặc hạ kính chắn gió.

3. Nhả cần khóa bên phải và trái ở vị trí mong muốn khi kiểm tra độ cao ở các mốc quy định.
► Hãy bảo đảm rằng kính chắn gió được khóa chắc chắn bằng cách di chuyển nhẹ cần khóa bên phải và trái lên hoặc xuống.



Nếu kính chắn gió không di chuyển trơn tru, hãy vệ sinh rãnh trượt bằng miếng xốp hoặc khăn mềm với dung dịch tẩy rửa trung tính để loại bỏ bụi bẩn.

► Không bôi dầu bôi trơn lên rãnh trượt.
Nếu kính chắn gió không di chuyển trơn tru sau khi vệ sinh rãnh trượt, hãy đưa xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

TÌM KIẾM HỤ HỎNG

Động cơ không khởi động (Đèn báo HISS sáng)	T. 315
Quá nhiệt động cơ (Vạch H trên đồng hồ nhiệt độ dung dịch làm mát nhấp nháy).....	T. 316
Các đèn cảnh báo sáng hoặc nhấp nháy	T. 317
Đèn báo áp suất dầu thấp.....	T. 317
Đèn báo lỗi PGM-FI (Phun xăng điện tử) (MIL)	T. 318
Đèn báo ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh)	T. 319
Đèn báo Hệ thống HSTC	T. 320
Nếu đèn báo “-” nhấp nháy trong cửa sổ vị trí số khi đang lái xe	T. 321

Các cảnh báo khác.....	T. 322
Báo lỗi đồng hồ báo xăng.....	T. 322
Đèn báo lỗi đồng hồ nhiệt độ dung dịch làm mát.....	T. 323
Đèn báo lỗi chế độ sưởi tay lái.....	T. 323
Thùng lốp.....	T. 324
Trục trặc về hệ thống âm thanh.....	T. 326
Trục trặc về điện	T. 341
Hỏng bình điện	T. 341
Cháy bóng đèn	T. 341
Cháy cầu chì.....	T. 342

Mô tơ khởi động hoạt động nhưng động cơ không khởi động

Kiểm tra các mục sau đây:

- Kiểm tra trình tự khởi động động cơ.
➤ T. 227
- Kiểm tra xem có còn xăng trong bình không.
- Kiểm tra xem đèn báo lỗi phun xăng điện tử PGM-FI (MIL) có sáng không.
▶ Nếu đèn này sáng, hãy liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda càng sớm càng tốt.
- Kiểm tra xem đèn báo HISS có sáng hay không.
▶ Vận ổ khóa điện sang vị trí **○** (Off) và rút chìa khóa ra. Cắm lại chìa khóa và vận ổ khóa điện sang vị trí **⏏** (On). Nếu đèn báo vẫn sáng, kiểm tra các mục sau đây:
Đảm bảo rằng không có chìa khóa HISS khác (bao gồm khóa dự phòng) gần ổ khóa điện.

Đảm bảo rằng không có bất kỳ miếng dán hoặc vật chặn kim loại nào trên chìa khóa.

Nếu đèn báo HISS vẫn sáng, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Mô-tơ khởi động không hoạt động

Kiểm tra các mục sau đây:

- Kiểm tra trình tự khởi động động cơ.
➤ T. 227
 - Kiểm tra xem cầu chì có bị đứt không.
➤ T. 342
 - Kiểm tra xem kết nối bình điện có bị lỏng không (➤ T. 276) hoặc điện cực bình điện có bị mòn không (➤ T. 266).
 - Kiểm tra tình trạng bình điện. ➤ T. 341
- Nếu lỗi trên vẫn còn tiếp diễn, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Quá nhiệt động cơ (Vạch H trên đồng hồ nhiệt độ dung dịch làm mát nhấp nháy)

Động cơ bị quá nhiệt khi xuất hiện các hiện tượng sau:

- Tất cả các vạch chuyển sang màu đỏ và vạch H trên đồng hồ đo nhiệt độ dung dịch làm mát nhấp nháy.

- Tăng tốc chậm.

Nếu hiện tượng này xảy ra, hãy đưa xe vào lề đường an toàn và thực hiện quy trình sau.

Việc chạy không tải nhanh trong thời gian dài có thể khiến tất cả các vạch chuyển sang màu đỏ và vạch H nhấp nháy.

LƯU Ý

Tiếp tục lái xe khi động cơ bị quá nhiệt có thể gây hư hỏng nghiêm trọng cho động cơ.

1. Tắt máy bằng ổ khóa điện sau đó vặn ổ khóa điện sang vị trí I (On).

2. Kiểm tra xem quạt gió có hoạt động không sau đó vặn ổ khóa điện sang vị trí O (Off).

Nếu quạt không hoạt động:

Có thể đã có sự cố. Không khởi động động cơ. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

Nếu quạt hoạt động:

Đề động cơ nguội với ổ khóa điện ở vị trí O (Off).

3. Sau khi động cơ nguội, hãy kiểm tra ống kết tản nhiệt xem có rò rỉ không. ➤ T. 286

Nếu có rò rỉ:

Không khởi động động cơ. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

4. Kiểm tra mức dung dịch làm mát trong bình dự trữ. ➤ T. 286

► Đổ thêm dung dịch làm mát nếu cần.

5. Nếu các bước từ 1 đến 4 kiểm tra bình thường, bạn có thể tiếp tục lái xe, nhưng cần theo dõi sát đồng hồ nhiệt độ.

Đèn báo áp suất dầu thấp

Nếu đèn báo áp suất dầu thấp sáng, hãy đưa xe vào lề đường và tắt máy.

LƯU Ý

Tiếp tục lái xe khi áp suất dầu thấp có thể gây hư hỏng nghiêm trọng cho động cơ.

1. Kiểm tra mực dầu động cơ và đổ thêm dầu nếu cần. ➤ T. 284, ➤ T. 285
2. Khởi động động cơ.
 - ▶ Chỉ tiếp tục lái xe nếu đèn báo áp suất dầu thấp tắt.

Tăng tốc nhanh có thể làm đèn báo áp suất dầu thấp sáng trong giây lát, đặc biệt là khi dầu gần hoặc nằm trong mức thấp.

Nếu đèn báo áp suất dầu thấp vẫn sáng khi dầu ở mức tiêu chuẩn, hãy tắt máy và liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda. Nếu mực dầu động cơ giảm nhanh, xe có thể bị rò rỉ hoặc gặp vấn đề nghiêm trọng khác. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đèn báo lỗi PGM-FI (Phun xăng điện tử) (MIL)

Ngoại trừ loại III KO

Nếu đèn này sáng khi đang lái xe, có thể hệ thống PGM-FI bị trục trặc nghiêm trọng.

Hãy giảm tốc độ và mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra càng sớm càng tốt.

Loại III KO

Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy

- Đèn sáng khi có lỗi trong hệ thống kiểm soát khí xả động cơ.
- Đèn nhấp nháy khi phát hiện tình trạng động cơ bỏ máy.

Những việc cần làm khi đèn báo sáng

Không chạy xe ở tốc độ cao và mang ngay xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

LƯU Ý

Nếu tiếp tục chạy trong khi đèn báo sự cố sáng, động cơ và hệ thống kiểm soát khí xả có thể bị hư hỏng.

Những việc cần làm khi đèn báo nhấp nháy

Đỗ xe ở nơi an toàn không có các vật dụng dễ bắt lửa, tắt động cơ và đợi 10 phút cho đến khi động cơ nguội hẳn.

LƯU Ý

Nếu đèn báo lỗi vẫn nhấp nháy lại khi khởi động lại động cơ, hãy lái xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda gần nhất với tốc độ không quá 50km/giờ (31 dặm/giờ) hoặc dặm/giờ để kiểm tra xe.

Đèn báo ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh)

Nếu đèn báo có một trong những tình trạng sau, có thể hệ thống ABS bị trục trặc. Hãy giảm tốc độ và mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra càng sớm càng tốt.

- Đèn báo sáng hoặc bắt đầu nhấp nháy trong khi lái.
- Đèn báo không sáng khi ổ khóa điện ở vị trí **I** (On).
- Đèn báo không tắt khi xe đạt tốc độ trên 10 km/giờ (6 dặm/giờ).

Nếu đèn báo ABS sáng, phanh sẽ vẫn hoạt động bình thường nhưng không có chức năng chống bó cứng phanh.

Đèn báo ABS có thể nhấp nháy nếu bạn quay bánh sau khi nâng xe lên khỏi mặt đất. Trong trường hợp này, vặn ổ khóa điện sang vị trí **O** (Off), và sau đó sang vị trí **I** (On). Đèn báo ABS sẽ tắt sau khi đạt tốc độ 30 km/giờ (19 dặm/giờ).

Đèn báo Hệ thống HSTC

Nếu đèn báo có một trong những tình trạng sau, có thể Hệ thống HSTC gặp vấn đề nghiêm trọng. Hãy giảm tốc độ và mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra càng sớm càng tốt.

- Đèn báo xuất hiện và sáng (liên tục) khi lái.
- Đèn báo không sáng khi ổ khóa điện được vặn sang vị trí **I** (On).
- Đèn báo không tắt khi xe đạt tốc độ trên 5 km/giờ (3 dặm/giờ).

Ngay cả khi đèn báo Hệ thống HSTC sáng, xe này vẫn có thể chạy bình thường mà không cần chức năng kiểm soát lực kéo.

► Nếu đèn báo sáng trong khi Hệ thống HSTC đang hoạt động, sẽ phải đóng tay ga hoàn toàn để xe chạy bình thường.

Đèn báo Hệ thống HSTC có thể bật sáng nếu bạn quay bánh sau khi xe được nâng lên khỏi mặt đất. Trong trường hợp này, vặn ổ khóa điện sang vị trí **O** (Off), và sau đó sang vị trí **I** (On). Đèn báo Hệ thống HSTC sẽ tắt sau khi tốc độ xe đạt 5 km/h (3 dặm/giờ).

Nếu đèn báo “-” nhấp nháy trong cửa số vị trí số khi đang lái xe

CRF1100D/D3/D4/DL4

Nếu đèn báo “-” nhấp nháy trên cửa số vị trí số khi đang lái xe, hệ thống ly hợp kép có thể đang gặp trục trặc nghiêm trọng.

Dừng xe tại nơi an toàn và mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra ngay lập tức.

Có thể lái xe theo các bước sau đây.

1. Vận ổ khóa điện sang vị trí **○** (Off).
2. Vận ổ khóa điện sang vị trí **||** (On) và khởi động động cơ.

Nếu không thể khởi động được động cơ:

Vận ổ khóa điện sang vị trí **○** (Off) và di chuyển xe lùi và tiến từ từ (để nhả số).

Vận ổ khóa điện sang vị trí **||** (On) lại lần nữa và khởi động động cơ.

Nếu vẫn không thể khởi động được động cơ:

Khởi động động cơ trong khi bóp tay phanh hoặc nhấn bàn đạp phanh.

Nếu bạn có thể chuyển từ N sang chế độ D:

Khi vị trí số được hiển thị trong đèn báo vị trí số, bạn có thể lái xe bằng số đó.

Hãy lái xe ở tốc độ an toàn đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

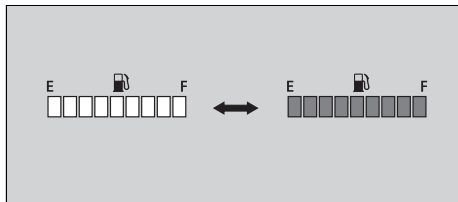
Nếu bạn không thể chuyển từ N sang chế độ D và đèn báo “-” đang nhấp nháy:

Xe đang gặp hư hỏng và không thể chạy được. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra ngay lập tức.

Báo lỗi đồng hồ báo xăng

Nếu hệ thống nhiên liệu bị lỗi, tất cả các vạch sẽ nhấp nháy giống như hình minh họa sau đây.

Nếu những hiện tượng như trên xảy ra, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda càng sớm càng tốt.



Đèn báo lỗi đồng hồ nhiệt độ dung dịch làm mát

Nếu hệ thống làm mát bị lỗi, tất cả các vạch sẽ nhấp nháy giống như hình minh họa sau đây.

Nếu hiện tượng này xảy ra, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda càng sớm càng tốt.

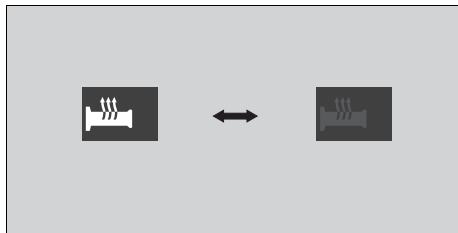
Chỉ có hình ảnh



Đèn báo lỗi chế độ sưởi tay lái

CRF1100A3/AL4/D3/D4/DL4

Nếu hệ thống sưởi tay lái gặp lỗi, biểu tượng trạng thái chế độ sưởi tay lái sẽ nhấp nháy. Nếu những hiện tượng như trên xảy ra, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda càng sớm càng tốt.



Thùng lốp

Để vá lốp bị thủng hoặc tháo bánh xe, bạn phải có dụng cụ đặc biệt và tay nghề về kỹ thuật. Chúng tôi khuyến cáo bạn nên đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda thực hiện công việc này.

Sau khi vá lốp tạm thời, luôn nhớ kiểm tra lốp hoặc thay lốp mới ở Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

Sửa chữa khẩn cấp bằng bộ dụng cụ sửa chữa lốp

Ngoại trừ loại IN, II IN, III IN

Nếu lốp xe bị thủng một lỗ nhỏ, có thể sửa chữa khẩn cấp bằng bộ dụng cụ sửa chữa lốp không sấm.

Hãy làm theo hướng dẫn sử dụng đi kèm với bộ dụng cụ sửa chữa lốp khẩn cấp.

Lái xe với lốp xe chỉ được sửa chữa tạm thời là rất nguy hiểm. Không lái xe vượt quá 50 km/h (30 dặm/giờ). Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để thay lốp càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

Lái xe với lốp vá tạm thời có thể rất nguy hiểm. Nếu lốp này bị hỏng, tai nạn có thể xảy ra và gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Nếu buộc phải lái xe với lốp vá tạm thời, hãy lái xe thật chậm và cẩn thận, không lái xe vượt quá 50 km/h (30 dặm/giờ) cho đến khi lốp xe được thay thế.

Sửa chữa và thay thế săm

Loại IN, II IN, III IN

Nếu săm bị thủng hoặc hư hỏng, bạn nên thay thế càng sớm càng tốt. Săm đã vá có thể không còn đảm bảo độ bền giống như săm mới và có thể bị hỏng khi bạn đang lái xe.

Nếu bạn cần sửa chữa tạm thời bằng cách vá săm hoặc sử dụng chất trám dạng xịt, hãy lái xe cẩn thận ở tốc độ chậm và đi thay săm trước khi trở lại lái bình thường.

Bất cứ khi nào săm được thay thế, bạn cũng cần kiểm tra lốp xe cẩn thận theo hướng dẫn.

CẢNH BÁO

Việc lái xe với lốp hoặc săm sửa chữa tạm thời là rất nguy hiểm. Nếu lốp này bị hỏng, tai nạn có thể xảy ra và gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong. Nếu buộc phải lái xe với lốp hoặc săm sửa chữa tạm thời, hãy lái xe thật chậm và cẩn thận và không vượt quá 50 km/h (30 dặm/giờ) cho đến khi lốp hoặc săm được thay thế.

Trực trực về hệ thống âm thanh

Hiện tượng	Nguyên nhân/biện pháp khắc phục
Không thể ghép đôi thiết bị <i>Bluetooth</i> ®	<p>Một số thiết bị <i>Bluetooth</i>® và phần mềm ứng dụng bạn sử dụng có thể không tương thích với hệ thống âm thanh và/hoặc các chức năng có thể bị giới hạn.</p>
	<p>Kiểm tra để đảm bảo hệ thống âm thanh và thiết bị <i>Bluetooth</i>® đều đang ở chế độ ghép đôi. ➤ T. 167 ➤ T. 172</p>
	<p>Hệ thống âm thanh có thể không được kết nối đúng cách khi một thiết bị <i>Bluetooth</i>® khác đang được ghép đôi cùng lúc. Kiểm tra xung quanh để đảm bảo không có thiết bị nào khác đang được ghép đôi trước khi ghép đôi lại. Sự hiện diện của một thiết bị <i>Bluetooth</i>® gần đó có thể ảnh hưởng đến quá trình ghép đôi do nhiễu sóng vô tuyến, v.v...</p>
	<p>Khi kết nối với một thiết bị <i>Bluetooth</i>®, đảm bảo không có thiết bị <i>Bluetooth</i>® nào khác đang sẵn sàng ghép đôi. Sự hiện diện của một thiết bị <i>Bluetooth</i>® gần đó có thể ảnh hưởng đến quá trình ghép đôi do nhiễu sóng vô tuyến, v.v...</p>
<p>Khi ghép đôi liên tục thất bại, hãy xóa thiết bị được ghép đôi, sau đó thử ghép đôi lại. ➤ T. 167 ➤ T. 172</p>	

Hiện tượng	Nguyên nhân/biện pháp khắc phục
Không thể kết nối thiết bị <i>Bluetooth</i> ®	<p>Tùy thuộc vào thiết bị <i>Bluetooth</i>® và phần mềm ứng dụng bạn sử dụng, có thể sẽ mất một khoảng thời gian để hệ thống âm thanh kết nối với thiết bị và bắt đầu phát tệp âm thanh.</p> <p>Kết nối có thể bị ngắt tạm thời khi khởi động động cơ, điều này hoàn toàn bình thường và không phải sự cố. Thiết bị <i>Bluetooth</i>® sẽ được kết nối lại sau khi khởi động động cơ.</p> <p>Kiểm tra để đảm bảo thiết bị <i>Bluetooth</i>® đã được ghép đôi. Tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng thiết bị <i>Bluetooth</i>® của bạn và kiểm tra để xem thiết bị <i>Bluetooth</i>® có ở trạng thái có thể kết nối hay không.</p>

Hiện tượng	Nguyên nhân/biện pháp khắc phục
Không thể kết nối thiết bị điện thoại <i>Bluetooth</i> [®]	Một số thiết bị <i>Bluetooth</i> [®] và phần mềm ứng dụng bạn sử dụng có thể không kết nối tự động. Để kết nối, hãy làm theo hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng của thiết bị <i>Bluetooth</i> [®] .
	Các thiết bị <i>Bluetooth</i> [®] có thể kết nối cùng một lúc giới hạn ở một thiết bị <i>Bluetooth</i> [®] và hai tai nghe <i>Bluetooth</i> [®] .
	Nếu sự cố vẫn tiếp diễn sau khi kiểm tra theo cách nêu trên, hãy xóa thiết bị đã ghép đôi, sau đó thử ghép đôi lại. ➤ T. 167 ➤ T. 172
	Không thể thiết lập kết nối <i>Bluetooth</i> [®] khi khởi chạy Apple CarPlay. Thoát khỏi Apple CarPlay, sau đó thử ghép đôi lại. ➤ T. 205 ➤ T. 167
	Khi đã kết nối với Apple CarPlay/ Android Auto [™] , chức năng <i>Bluetooth</i> [®] bị vô hiệu hóa.

Hiện tượng	Nguyên nhân/biện pháp khắc phục
<p>Kết nối được, nhưng không phát.</p>	<p>Một số thiết bị <i>Bluetooth</i>[®] và phần mềm ứng dụng bạn sử dụng có thể không tương thích với hệ thống âm thanh và/hoặc các tệp âm thanh không thể phát đúng cách. Kiểm tra thông số kỹ thuật được khuyến nghị. ➤ T. 166</p> <p>Tùy thuộc vào thiết bị <i>Bluetooth</i>[®] và phần mềm ứng dụng bạn sử dụng, tệp âm thanh có thể không phát tự động. Để phát các tệp âm thanh, hãy làm theo hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng của thiết bị <i>Bluetooth</i>[®] của bạn.</p> <p>Tùy thuộc vào thiết bị <i>Bluetooth</i>[®] và phần mềm ứng dụng bạn sử dụng, tệp âm thanh có thể không phát bình thường sau khi nhận được cuộc gọi điện thoại, v.v... Hãy kiểm tra để đảm bảo thiết bị <i>Bluetooth</i>[®] ở trạng thái có thể phát.</p>
<p>Mất một khoảng thời gian để bắt đầu phát sau khi bật nguồn hoặc thay đổi chế độ âm thanh.</p>	<p>Ngay sau khi bật nguồn hoặc thay đổi chế độ âm thanh, hệ thống âm thanh có thể mất một khoảng thời gian để kết nối với thiết bị âm thanh và bắt đầu phát tệp âm thanh. Đồng thời, hệ thống âm thanh có thể không cho phép thao tác điều chỉnh âm thanh khi đang chuẩn bị phát một tệp âm thanh.</p>

Hiện tượng	Nguyên nhân/biện pháp khắc phục
<p>Âm thanh ngắt quãng Âm thanh bị nhiễu</p>	<p>Sự hiện diện của thiết bị <i>Bluetooth</i>[®] khác hoặc thiết bị phát ra sóng điện từ như thiết bị liên lạc ở gần đó đôi khi có thể ảnh hưởng đến việc kết nối.</p> <p>Do các đặc tính của <i>Bluetooth</i>[®], mặc dù trường hợp này hiếm gặp, hoạt động của hệ thống có thể không ổn định. Khi hoạt động không ổn định, hãy tắt nguồn của hệ thống âm thanh hoặc thiết bị đang được sử dụng, sau đó bật lại.</p> <p>Vị trí cất giữ thiết bị <i>Bluetooth</i>[®] đôi khi cũng ảnh hưởng đến hệ thống âm thanh và việc kết nối. Khi âm thanh bị ngắt quãng hoặc nhiễu, hãy thay đổi vị trí thiết bị. Ví dụ, khi thiết bị được đặt trong túi giữa người lái và người ngồi sau, kết nối có thể bị ảnh hưởng.</p> <p>Đồng thời, điều kiện thời tiết, các tòa nhà gần đó, điều kiện đường sá, v.v... có thể ảnh hưởng đến kết nối.</p>



Hiện tượng	Nguyên nhân/biện pháp khắc phục
<p>Âm thanh ngắt quãng Âm thanh bị nhiễu</p>	<p>Tùy thuộc vào thiết bị <i>Bluetooth</i>[®] và phần mềm ứng dụng bạn sử dụng, tệp âm thanh có thể không phát bình thường sau khi nhận cuộc gọi điện thoại, v.v... Hãy tắt nguồn hệ thống âm thanh và sau đó bật lại. Nếu âm thanh vẫn bị ngắt quãng hoặc bị nhiễu, hãy kiểm tra trạng thái thiết bị <i>Bluetooth</i>[®] của bạn.</p>
	<p>Nếu âm thanh vẫn bị ngắt quãng hoặc có nhiễu, hãy xóa thiết bị được ghép đôi, sau đó thử ghép đôi lại. ➤ T. 175</p>
	<p>Kiểm tra thông số kỹ thuật được khuyến nghị. ➤ T. 166</p>

Hiện tượng	Nguyên nhân/biện pháp khắc phục
Âm lượng từ tai nghe thấp/cao.	Điều chỉnh âm lượng khi đang ở chế độ riêng. ➤ T. 100
	Kiểm tra cài đặt âm lượng của thiết bị âm thanh <i>Bluetooth</i> ®.
	Kiểm tra cài đặt âm lượng của tai nghe được ghép đôi.
Không hiển thị hoặc hiển thị không chính xác	Tùy thuộc vào thiết bị âm thanh và tệp âm thanh, trong một số trường hợp, màn hình có thể không hiển thị gì hoặc hiển thị không chính xác. Kiểm tra thông tin trên thẻ thông tin. ➤ T. 184
	Khi thông tin trong tệp âm thanh chẳng hạn như tên nghệ sĩ và tên bản nhạc ở định dạng thẻ không chuẩn, màn hình có thể hiển thị “☒” hoặc không hiển thị thông tin.

Hiện tượng	Nguyên nhân/biện pháp khắc phục
<p>Chế độ cuộc gọi rảnh tay qua <i>Bluetooth</i>® không khả dụng.</p>	<p>Thiết bị <i>Bluetooth</i>® đã kết nối có thể là thiết bị không được hỗ trợ. Kiểm tra phiên bản/cấu hình <i>Bluetooth</i>® được hỗ trợ. ➤ T. 166</p> <p>Khi kết nối <i>Bluetooth</i>® không ổn định do các điều kiện xung quanh hoặc điều kiện sóng vô tuyến, chức năng cuộc gọi rảnh tay có thể không khả dụng.</p> <p>Để sử dụng chế độ cuộc gọi rảnh tay qua <i>Bluetooth</i>®, cần phải kết nối với tai nghe. Hãy kết nối với bộ tai nghe được ghép đôi. ➤ T. 172</p>
<p>Trong khi gọi, âm lượng tai nghe thấp/cao.</p>	<p>Điều chỉnh âm lượng khi đang gọi. ➤ T. 100</p>
<p>Tai nghe của người ngồi sau không phát ra âm thanh</p>	<p>Tai nghe của người ngồi sau chỉ phát nhạc. Việc phát nhạc bị gián đoạn khi sử dụng chế độ điện thoại rảnh tay hoặc Siri.</p>





Hiện tượng	Nguyên nhân/biện pháp khắc phục
Chế độ cuộc gọi rảnh tay qua <i>Bluetooth</i> [®]	Tùy thuộc vào trạng thái kết nối, thời gian hiển thị trong lịch sử cuộc gọi trên xe hoặc trên điện thoại có thể khác nhau.
	Tùy thuộc vào gói cước di động của nhà mạng, các chức năng khả dụng có thể khác nhau.
	Tình trạng hiển thị chậm có thể xảy ra tùy thuộc vào số lượng danh bạ, lịch sử cuộc gọi và dữ liệu nhạc, v.v. được lưu trong thiết bị đã kết nối.

Hiện tượng	Nguyên nhân/biện pháp khắc phục
Apple CarPlay không khả dụng.	<p>iPhone được kết nối có thể là mẫu điện thoại không được hỗ trợ. Kiểm tra các mẫu điện thoại tương thích với Apple CarPlay. ➤ T. 200</p> <p>iPhone đã kết nối có thể đang dùng phiên bản iOS không được hỗ trợ. Cập nhật iPhone với phiên bản mới hơn.</p> <p>Để sử dụng Apple CarPlay, cần phải kết nối tai nghe. Hãy kết nối với bộ tai nghe được ghép đôi. ➤ T. 172</p> <p>Khi kết nối mạng điện thoại không ổn định do các điều kiện xung quanh hoặc tín hiệu kém, chức năng Apple CarPlay có thể không sử dụng được.</p>

Hiện tượng	Nguyên nhân/biện pháp khắc phục
<p>Apple CarPlay không khả dụng.</p>	<p>Khi không thể kết nối với tai nghe được ghép đôi do pin tai nghe yếu hoặc lỗi kết nối, có thể không sử dụng được Apple CarPlay đến khi kết nối được khôi phục.</p>
	<p>Màn hình sẽ không tự động chuyển sang Apple CarPlay, trừ khi vặn ổ khóa điện sang vị trí  (Off) khi Apple CarPlay được kích hoạt.</p>
	<p>Một số cáp USB có thể không tương thích với Apple CarPlay. Hãy sử dụng cáp được chứng nhận để kết nối iPhone.</p>
	<p>Bạn không đồng ý kích hoạt Apple CarPlay. Kết nối lại iPhone và kích hoạt CarPlay trên màn hình miễn trừ trách nhiệm.  T. 203</p>
	<p>Cài đặt Apple CarPlay trên iPhone có thể bị vô hiệu hóa. Ngắt kết nối iPhone và kích hoạt cài đặt Apple CarPlay trên iPhone.</p>

Hiện tượng	Nguyên nhân/biện pháp khắc phục
<p>Android Auto™ không khả dụng.</p>	<p>Điện thoại Android™ được kết nối có thể không phải là mẫu điện thoại được hỗ trợ. Kiểm tra mẫu điện thoại tương thích với Android Auto™. ➤ T. 214</p> <p>Điện thoại Android™ được kết nối có thể không sử dụng phiên bản Android™ được hỗ trợ. Hãy cập nhật điện thoại Android™ lên phiên bản mới hơn.</p> <p>Để sử dụng đầy đủ chức năng của Android Auto™, cần phải kết nối tai nghe. Hãy kết nối với bộ tai nghe được ghép đôi. ➤ T. 172</p> <p>Khi kết nối mạng di động không ổn định do các điều kiện xung quanh hoặc do cường độ tín hiệu, chức năng Android Auto™ có thể không khả dụng.</p>

Hiện tượng	Nguyên nhân/biện pháp khắc phục
<p>Android Auto™ không khả dụng.</p>	<p>Khi kết nối tai nghe đã ghép đôi bị gián đoạn do tai nghe hết pin hoặc lỗi kết nối, hãy quay lại Màn hình chính và ghép đôi lại kết nối tai nghe.</p>
	<p>Một số cáp USB có thể không tương thích với Android Auto™. Đối với Android Auto™, cáp USB phải được USB-IF chứng nhận để tuân thủ Tiêu chuẩn USB 2.0.</p>
	<p>Bạn chưa đồng ý kích hoạt Android Auto™. Kết nối lại điện thoại Android™ và kích hoạt để sử dụng Android Auto™ trên màn hình miễn trừ trách nhiệm. 📄 T. 217</p>
	<p>Cài đặt Android Auto™ trên điện thoại Android™ của bạn có thể bị vô hiệu hóa. Ngắt kết nối điện thoại Android™ và kích hoạt Android Auto™ trên điện thoại Android™ của bạn.</p>

Hiện tượng	Nguyên nhân/biện pháp khắc phục
Đã kết nối nhưng không thể sử dụng Apple CarPlay/ Android Auto™ .	Bạn không thể sử dụng Apple CarPlay/ Android Auto™ bằng bảng điều khiển cảm ứng khi xe đang di chuyển. Hãy sử dụng bằng cụm công tắc tay lái bên trái hoặc đỗ xe tại nơi an toàn rồi mới sử dụng.
Một số chức năng của Apple CarPlay/ Android Auto™ không khả dụng.	Một số chức năng có thể bị hạn chế do điều kiện kết nối mạng di động.
Màn hình Apple CarPlay/ Android Auto™ quá tối/sáng	Chọn menu [Background] (Nền) trong [Settings] (Cài đặt), bạn có thể chọn chế độ trắng hoặc chế độ đen trong bản đồ dẫn đường hoặc ứng dụng như Maps (Bản đồ), đồng thời điều chỉnh độ sáng đèn nền bằng menu [Brightness] (Độ sáng) trong [Settings] (Cài đặt)  T. 89  T. 88.
Hệ thống âm thanh không thể hoạt động.	Một số chức năng và cài đặt thủ công không sử dụng được hoặc không thể hoạt động khi xe đang di chuyển. Bạn không thể chọn vào các mục màu xám cho đến khi xe dừng lại.
Khi vặn ổ khóa điện sang vị trí  (Off) và  (On) liên tục.	Vì sẽ mất thời gian khi khởi động lại hệ thống, nên màn hình sẽ cần một khoảng thời gian nhất định để hiển thị.

Hiện tượng	Nguyên nhân/biện pháp khắc phục
Bảo vệ quá nhiệt/quá dòng	Để bảo vệ hệ thống, một số hoạt động có thể bị giới hạn tạm thời. Hệ thống tự động phục hồi sau khi nguyên nhân được giải quyết.
Cập nhật phần mềm	Tuyên bố trong sách hướng dẫn sử dụng này có thể không phù hợp với Hệ thống âm thanh của xe sau khi thực hiện cập nhật phần mềm.

Nếu sự cố vẫn còn xảy ra sau khi kiểm tra như mô tả trên, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Hồng bình điện

Cần phải sạc bình điện.

Cần sử dụng bộ sạc bình điện do nhà sản xuất bình điện lithium-ion (li-ion) khuyên dùng để sạc bình điện.

Hãy liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda trước khi sạc bình điện.

Tháo bình điện ra khỏi xe trước khi sạc.

LƯU Ý

Chỉ sử dụng bộ sạc được nhà sản xuất bình điện lithium-ion (li-ion) khuyên dùng. Sử dụng bộ sạc bình điện không được khuyên dùng có thể gây hư hỏng vĩnh viễn cho bình điện của bạn.

Nếu bình điện không phục hồi sau khi sạc, hãy liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

LƯU Ý

Không nên kích điện để khởi động, vì điều này có thể làm hỏng hệ thống điện và bình điện của xe bạn.

Cháy bóng đèn

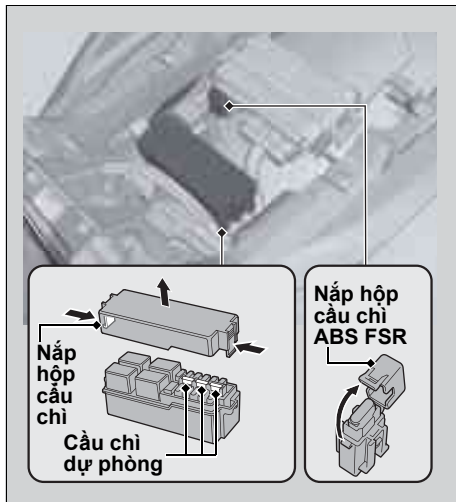
Toàn bộ bóng đèn trên xe là đèn LED. Nếu thấy một bóng LED nào không sáng, hãy liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Cháy cầu chì

Trước khi xử lý cầu chì, tham khảo phần "Kiểm tra và thay thế cầu chì." ► T. 267

! Các cầu chì trong hộp cầu chì và cầu chì ABS FSR

1. Tháo yên xe trước. ► T. 279
2. Mở nắp hộp cầu chì.
3. Kéo từng cầu chì ra bằng dụng cụ tháo cầu chì được trang bị ở mặt dưới của yên xe sau (► T. 254) để kiểm tra xem cầu chì có bị đứt không. Luôn thay cầu chì bị đứt/hỏng bằng cầu chì dự phòng có cùng thông số.
4. Đóng nắp hộp cầu chì.
5. Lắp lại yên xe trước.



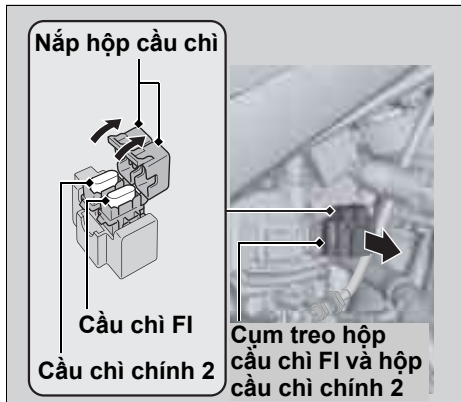
I Cầu chì chính và Cầu chì chính ABS



1. Tháo ộp hộp bình điện. ❏ T. 277
2. Kéo công tắc từ bộ khởi động ra.
3. Tháo nắp công tắc từ bộ khởi động.
4. Kéo từng cầu chì chính và cầu chì chính ABS ra bằng dụng cụ tháo cầu chì được trang bị ở mặt dưới của yên xe sau (❏ T. 254) để kiểm tra xem cầu chì có bị đứt không. Luôn thay cầu chì bị đứt/ hỏng bằng cầu chì dự phòng có cùng thông số.
 - Cầu chì chính dự phòng và cầu chì chính ABS dự phòng được cung cấp trong công tắc từ bộ khởi động
5. Lắp lại các chi tiết đã tháo theo thứ tự ngược với lúc tháo.

▮ Cầu chì FI & cầu chì chính 2

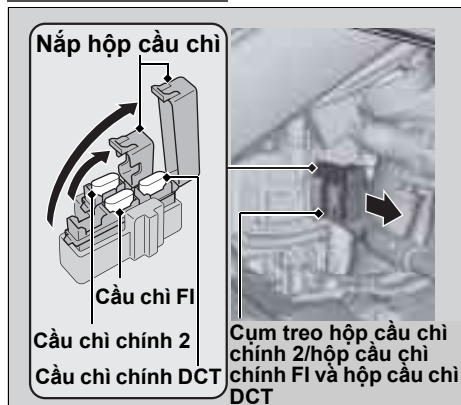
CRF1100A/A3/AL4



1. Tháo ốp hộp bình điện. ► T. 277
2. Kéo cụm treo hộp cầu chì FI và hộp cầu chì chính 2 ra.
3. Mở nắp hộp cầu chì.
4. Kéo cầu chì FI và cầu chì chính 2 ra bằng dụng cụ tháo cầu chì được trang bị ở mặt dưới của yên xe sau (► T. 254) để kiểm tra xem cầu chì có bị đứt không. Luôn thay cầu chì bị đứt/hỏng bằng cầu chì dự phòng có cùng thông số.
 - Cầu chì FI dự phòng được cung cấp trong hộp cầu chì ở dưới yên xe trước. ► T. 279
 - Cầu chì chính 2 dự phòng được cung cấp trong công tắc từ bộ khởi động.
5. Lắp lại các chi tiết đã tháo theo thứ tự ngược với lúc tháo.

▮ Cầu chì FI và cầu chì chính 2 và cầu chì chính DCT

CRF1100D/D3/D4/DL4



1. Tháo ộp hộp bình điện. ▮ T. 277
2. Kéo cụm treo hộp cầu chì chính 2/cầu chì chính FI và cầu chì DCT ra.
3. Mở nắp hộp cầu chì.
4. Kéo từng cầu chì FI, cầu chì chính 2 và cầu chì chính DCT ra bằng dụng cụ tháo cầu chì được trang bị ở mặt dưới của yên xe sau (▮ T. 254) để kiểm tra xem cầu chì có bị đứt không. Luôn thay cầu chì bị đứt/hỏng bằng cầu chì dự phòng có cùng thông số.
 - Cầu chì FI dự phòng được cung cấp trong hộp cầu chì ở dưới yên xe trước. ▮ T. 279
 - Cầu chì chính 2 dự phòng và cầu chì chính DCT dự phòng được cung cấp trong công tắc từ bộ khởi động.
5. Lắp lại các chi tiết đã tháo theo thứ tự ngược với lúc tháo.

LƯU Ý

Nếu cầu chì liên tục bị hỏng, có khả năng hệ thống điện gặp vấn đề. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Thông tin

Bộ ghi dữ liệu chẩn đoán dịch vụ	T. 347
Chìa khóa.....	T. 347
Bảng đồng hồ thông tin, công tắc điều khiển và các tính năng khác.....	T. 348
Chăm sóc xe.....	T. 355
Bảo quản xe	T. 359
Vận chuyển xe.....	T. 360
Bạn & Môi trường xung quanh.....	T. 361
Số khung, số máy	T. 362
Nhiên liệu chứa còn	T. 363
Bộ chuyển đổi chất xúc tác	T. 364
Thông tin pháp lý về ứng dụng Apple CarPlay/Android Auto™	T. 365
Nâng cấp phần mềm.....	T. 370

Bộ ghi dữ liệu chẩn đoán dịch vụ

Xe của bạn được trang bị các thiết bị liên quan đến bảo dưỡng ghi lại thông tin về hiệu suất truyền động và điều kiện lái xe

Dữ liệu có thể được sử dụng để giúp kỹ thuật viên chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng xe. Không ai được phép truy cập dữ liệu này trừ khi được yêu cầu hợp pháp hoặc được sự cho phép của chủ xe.

Tuy nhiên Honda, đại lý ủy quyền và bên sửa chữa ủy quyền, nhân viên, đại diện và nhà thầu có thể truy cập dữ liệu này với mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.

Chìa khóa

Chìa khóa xe

Xe này có hai chìa khóa xe và một thẻ chìa khóa chứa mã số chìa khóa và mã vạch.

Chìa khóa xe có chứa một chip mã hóa đặc biệt được hệ thống chống trộm (HISS) nhận dạng để khởi động động cơ. Sử dụng chìa khóa cẩn thận để tránh làm hỏng các bộ phận HISS.

- Không bẻ cong hoặc tác động mạnh vào chìa khóa.
- Tránh tiếp xúc ánh nắng mặt trời hoặc nhiệt độ cao quá lâu.
- Không mài, khoan hoặc thay đổi hình dạng của chìa khóa bằng bất kỳ cách nào.
- Không để chìa khóa tiếp xúc với các vật có từ tính mạnh.

Nếu mất toàn bộ chìa khóa xe và thẻ mã chìa khóa, hãy đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda thay mô-đun điều khiển bộ khởi động/bộ PGM-FI. Để tránh xảy ra trường hợp này, hãy giữ chìa khóa dự phòng cẩn thận.

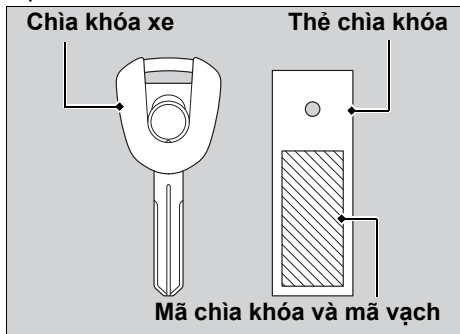
Bảng đồng hồ thông tin, công tắc điều khiển và các tính năng khác

Nếu mất một chìa khóa, hãy làm chiếc chìa khóa dự phòng ngay lập tức.

Để làm lại chìa khóa và đăng ký với hệ thống HISS, hãy mang theo chìa khóa dự phòng, thẻ chìa khóa và xe máy tới Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

► Cất giữ thẻ chìa khóa ở nơi an toàn.

Sử dụng móc treo chìa khóa bằng kim loại có thể làm xước khu vực xung quanh ổ khóa điện.



Bảng đồng hồ thông tin, công tắc điều khiển và các tính năng khác

Ổ khóa điện

Để ổ khóa điện ở vị trí **I** (On) khi động cơ dừng hoạt động sẽ làm hao hụt điện áp bình điện. Không được vặn chìa khóa khi đang lái xe.

Công tắc ngắt động cơ

Không sử dụng công tắc ngắt động cơ, trừ trường hợp khẩn cấp. Làm vậy khi lái xe có thể khiến cho động cơ bị tắt đột ngột, gây mất an toàn.

Nếu dừng động cơ bằng công tắc ngắt động cơ, hãy vặn ổ khóa điện sang vị trí **O** (Off). Không làm vậy sẽ làm hao hụt điện áp bình điện.

Đồng hồ đo quãng đường

Đồng hồ đo quãng đường sẽ dừng tại 999.999 khi giá trị đọc được trên đồng hồ vượt quá 999.999.

Đồng hồ đo hành trình

Đồng hồ đo hành trình sẽ đặt lại về 0,0 khi quãng đường đi được vượt quá 9.999,9.

HISS

Hệ thống chống trộm điện tử Honda (HISS) sẽ vô hiệu hóa hệ thống đánh lửa của động cơ nếu sử dụng chìa khóa với mã không đúng để cố gắng khởi động động cơ. Khi vặn ổ khóa điện sang vị trí **○** (Off), hệ thống HISS luôn cảnh báo, ngay cả khi đèn báo HISS không nháy sáng.

Nếu vặn ổ khóa điện sang vị trí **||** (On) khi công tắc ngắt động cơ ở vị trí **○** (Run), đèn báo HISS sáng và tắt sau vài giây để cho biết đã có thể khởi động động cơ. **Đèn báo HISS không tắt** **T. 315**

Đèn báo HISS bắt đầu nháy 2 giây một lần trong 24 giờ sau khi vặn ổ khóa điện sang vị trí **○** (Off). Bạn có thể tắt hoặc bật tính năng này. **T. 85**

Chỉ dành cho Đài Loan

根據LP0002低功率射頻器材技術規範, 車廠E.C.C. 取得審驗證明之低功率射頻器材, 未經核准, 公司、商號或使用者均不得擅自變更頻率、加大功率或變更原設計之特性及功能。低功率射頻器材之使用不得影響飛航安全及干擾合法通信; 經發現有干擾現象時, 應立即停用, 並改善至無干擾時方得繼續使用。前述合法通信, 指依電信管理法規定位作業之無線電通信。低功率射頻器材須忍受合法通信或工業、科學及醫療用電波輻射性電磁設備之干擾。

Bảng đồng hồ thông tin, công tắc điều khiển và các tính năng khác

Chỉ dành cho Thái Lan




น.บ.ท.

เครื่องวิทยุคมนาคมนี้ ได้รับยกเว้น ไม่ต้องได้รับใบอนุญาตให้มี ใช้งานเครื่องวิทยุคมนาคม หรือตั้งสถานีวิทยุคมนาคมตามประกาศ กอทช. เรื่อง เครื่องวิทยุคมนาคม และสถานีวิทยุคมนาคมที่ได้รับยกเว้นไม่ต้องได้รับใบอนุญาตวิทยุคมนาคมตามพระราชบัญญัติวิทยุคมนาคม พ.ศ. 2498

 **nabt.** | โทรคมนาคม
สำนักงานวิทยุคมนาคม
Call Center 1000 (โทรฟรี)

Hệ thống âm thanh

Chỉ dành cho Úc, New Zealand, Hàn Quốc, Malaysia

E-label instructions as listed below:

Viewing E-label Compliance and Regulatory Information

1. Select the clock.
2. Select Settings > Regulatory.

Chỉ dành cho Indonesia

the approval number
83490/SDPPI/2022
承認番号83490/SDPPI/2022

E-label instructions as listed below:

Viewing E-label Compliance and Regulatory Information

1. Select the clock.
2. Select Settings > Regulatory.

Chỉ dành cho Đài Loan

有關合規性與法規資訊，請參閱多功能訊息顯示屏上的 [Regulatory] 小節。

▶T. 80

◆第十二條→三型式認證合格之成功車射頻電機，非經許可，公司、商號或應用者概不得擅自變更頻率，加大功率或變更原設計之特性及功能。

◆第十四條→此功車射頻電機之使用不得影響其他安全及干擾合法通信；總務局有干擾現象時，應立即停用，並改善至無干擾時方得繼續使用。

前項合法通信，指依電信法規定作業之無線電通信；低功車射頻電機免受合法通信造成之干擾，科學及醫療用電波射頻電機設備之干擾。

GARMIN

生產地區: 台灣

銷售廠商: 台灣國際航電股份有限公司


製造廠商: 台灣國際航電股份有限公司

聯絡地址: 新北市汐止區樟樹二路68號

電話: (02)26428999

客服專線: (02)26429199

Túi đựng tài liệu

Có thể cất giữ sách hướng dẫn sử dụng, giấy đăng ký xe, thông tin bảo hiểm xe máy bên trong túi đựng tài liệu bằng nhựa ở mặt dưới của yên xe trước.  T. 253

Hệ thống tắt máy

Cảm biến IMU (Đơn vị đo lường quán tính) sẽ tự động dừng động cơ và bơm xăng nếu xe bị đổ. Để đặt lại IMU, cần phải vặn ổ khóa điện sang vị trí (Off) sau đó quay trở lại vị trí (On) trước khi khởi động lại động cơ.

Nếu phát hiện IMU bị hư hỏng, động cơ và bơm xăng sẽ không tự động dừng khi xe bị đổ.

Hệ thống ly hợp/côn chống trượt

CRF1100A/A3/AL4

Hệ thống ly hợp/côn chống trượt giúp lớp sau không bị bó cứng khi việc giảm tốc sinh ra hiệu ứng phanh động cơ mạnh. Đồng thời hệ thống này giúp tay côn hoạt động nhẹ hơn.

Chỉ sử dụng dầu động cơ phân loại MA cho xe. Sử dụng dầu động cơ khác ngoài phân loại MA có thể gây hỏng hệ thống ly hợp/côn chống trượt.

Hệ thống tay ga điện tử

Loại xe này được trang bị Hệ thống tay ga điện tử.

Không đặt các vật có từ tính hoặc dễ bị nhiễu từ gần công tắc tay lái bên phải.

Đèn DRL, điều chỉnh độ sáng tự động và điều chỉnh nền tự động

Cảm biến quang phát hiện độ sáng môi trường xung quanh.

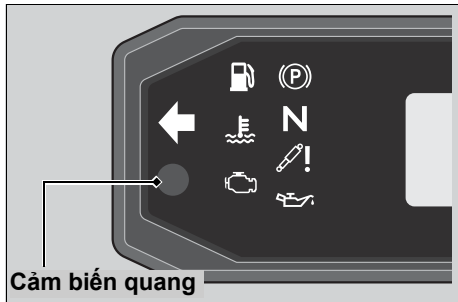
Không làm hỏng hoặc che cảm biến quang.

Loại IN, II IN, III IN

Nếu không, chức năng điều chỉnh độ sáng tự động và điều chỉnh nền tự động có thể hoạt động không đúng cách.

Ngoại trừ loại IN, II IN, III IN

Nếu không, DRL, chức năng điều chỉnh độ sáng tự động và điều chỉnh nền tự động có thể hoạt động không đúng cách.



Chăm sóc xe

Thường xuyên vệ sinh và lau chùi xe là nhiệm vụ quan trọng nhằm duy trì tuổi thọ của xe.

Một chiếc xe được vệ sinh sạch sẽ có thể dễ dàng phát hiện ra vấn đề trục trặc.

Đặc biệt, nước biển và muối dùng để hạn chế băng trên đường đi có thể làm tăng quá trình gỉ sét cho xe. Ngoài ra, bùn và bụi bẩn có thể làm tăng tốc độ mài mòn của hệ thống treo trước và gây rò rỉ dầu. Do vậy, luôn nhớ phải rửa xe sạch sẽ sau khi đi trên những đoạn đường gần biển, có muối trên đường, đường bùn hoặc bụi bẩn.

Rửa xe

Hãy để động cơ, ống xả, phanh và các chi tiết có nhiệt độ cao nguội hẳn trước khi rửa xe.

1. Loại bỏ hết bụi bẩn bằng vòi nước có áp suất thấp.
2. Nếu cần, hãy sử dụng một miếng xốp hoặc khăn mềm nhúng vào dung dịch tẩy rửa nhẹ để lau xe.
 - ▶ Vệ sinh kính chắn gió, các chụp đèn pha, ốp nhựa và các chi tiết bằng nhựa khác thật cẩn thận để tránh làm xước chúng. Tránh phun nước trực tiếp vào lọc gió, ống xả và các chi tiết của hệ thống điện.
3. Rửa lại xe bằng nước sạch và dùng giẻ mềm sạch để lau khô xe.

4. Sau khi xe đã được lau khô, hãy bôi trơn các chi tiết chuyển động trên xe.
 - ▶ Chắc chắn rằng dầu bôi trơn không bám vào phanh hoặc lốp xe. Đĩa phanh, má phanh, trống phanh hoặc guốc phanh bị bám dầu sẽ làm giảm đáng kể hiệu quả của phanh và có thể gây ra tai nạn.
5. Bôi trơn xích tải ngay sau khi rửa xe và làm khô xe.
6. Bôi một lớp chất bảo quản để chống gỉ sét cho xe.
 - ▶ Không sử dụng các sản phẩm có chứa hóa chất hoặc chất tẩy rửa mạnh. Những chất này có thể làm hư hỏng các chi tiết kim loại, sơn và nhựa trên xe. Không để chất bảo quản bắn vào lốp xe và phanh.
 - ▶ Nếu trên xe có các chi tiết sơn mờ, không phủ chất bảo quản lên bề mặt sơn mờ của các chi tiết đó.

! Lưu ý khi rửa xe

Làm theo hướng dẫn sau khi rửa xe:

- Không sử dụng vòi nước có áp suất cao để rửa xe:
 - ▶ Vòi xịt nước áp suất cao có thể gây hư hỏng các chi tiết chuyển động và các chi tiết điện trên xe làm cản trở hoạt động của các chi tiết này.
 - ▶ Nước có thể lọt vào bên trong bộ hộp ga và/hoặc vào lọc gió.
- Không được phun nước trực tiếp vào khu vực ống xả:
 - ▶ Nước lọt vào ống xả có thể ngăn cản quá trình khởi động và gây gỉ sét bên trong ống xả.
- Làm khô phanh:
 - ▶ Nước lọt vào hệ thống phanh làm giảm hiệu quả của phanh. Sau khi rửa xe, phanh ngắt quãng ở tốc độ thấp để làm khô phanh.
- Không phun nước trực tiếp vào dưới yên xe:
 - ▶ Nước lọt vào bên trong khoang đựng đồ dưới yên xe có thể làm hỏng các tài liệu và các vật dụng khác bên trong.

- Không phun nước trực tiếp vào lọc gió:
 - ▶ Nước lọt vào bên trong lọc gió có thể cản trở động cơ khởi động.
- Không phun nước trực tiếp vào khu vực xung quanh đèn pha:
 - ▶ Phía bên trong chụp đèn pha có thể bị mờ hơi nước tạm thời sau khi rửa xe hoặc khi lái xe dưới trời mưa. Điều này không ảnh hưởng tới chức năng của đèn pha. Tuy nhiên, nếu thấy lượng nước nhiều hoặc có băng tích tụ bên trong chụp đèn, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để được kiểm tra.
- Không được bôi chất bảo quản hoặc dầu làm bóng lên bề mặt các chi tiết sơn mờ:
 - ▶ Sử dụng khăn mềm hoặc miếng xốp mềm nhúng với nhiều nước và chất tẩy rửa nhẹ để vệ sinh các bề mặt chi tiết sơn mờ. Sử dụng khăn mềm, sạch để lau khô.

Các chi tiết bằng nhôm

Nhôm dễ bị ăn mòn khi tiếp xúc với bụi bẩn, bùn đất hoặc muối trên đường. Vệ sinh các chi tiết bằng nhôm đều đặn và thực hiện theo những hướng dẫn sau để tránh làm trầy xước bề mặt nhôm:

- Không dùng bàn chải sợi cứng, giẻ rửa bát bằng sợi thép hoặc các dụng cụ vệ sinh khác có khả năng mài mòn.
- Tránh không để các bề mặt chi tiết bằng nhôm va chạm với lề đường.

Ốp nhựa

Thực hiện theo những hướng dẫn sau để tránh làm trầy xước các ốp nhựa:

- Vệ sinh ốp nhựa bằng xốp mềm và nhiều nước.
- Để loại bỏ các vết bám trên ốp nhựa, hãy sử dụng dung dịch tẩy rửa được pha loãng và xả sạch bằng nhiều nước.
- Tránh để xăng, dầu phanh hoặc chất tẩy rửa bám vào bảng đồng hồ thông tin, các ốp nhựa hoặc đèn pha.

Kính chắn gió

Vệ sinh kính chắn gió bằng khăn mềm hoặc miếng xốp với nhiều nước. (Tránh sử dụng các chất tẩy rửa hoặc bất kỳ hóa chất nào lau kính chắn gió.) Sử dụng khăn mềm, sạch để lau khô.

LƯU Ý

Để tránh làm xước hoặc hỏng kính, chỉ nên sử dụng nước và khăn mềm hoặc miếng xốp để lau.

Đối với kính chắn gió bám nhiều bụi bẩn, nên sử dụng miếng xốp nhúng vào nước với dung dịch tẩy rửa trung tính pha loãng để lau. Hãy rửa sạch các chất tẩy rửa. (Cặn chất tẩy có thể gây nứt kính.)

Thay kính chắn gió mới nếu có vết xước không thể lau sạch được và cản trở tầm nhìn.

Cẩn thận không để dung dịch điện phân bình điện, dầu phanh hoặc các hóa chất khác dính vào kính chắn gió và ốp kính chắn gió. Các chất này sẽ làm hỏng bề mặt nhựa.

Cổ xả và ống xả

Mặt dù cổ xả và ống xả được làm bằng thép không gỉ, nhưng vẫn có thể bị đổi màu do bùn đất hoặc bụi bẩn.

Để loại bỏ bùn đất hoặc bụi bẩn, nên dùng khăn ẩm và nước tẩy rửa nhà bếp để lau, sau đó tráng lại bằng nước sạch. Lau khô bằng khăn mềm.

Nếu cần thiết, sử dụng loại bột mịn có sẵn trên thị trường để loại bỏ vết ố màu do nhiệt trên ống xả. Sau đó rửa sạch theo quy trình tương tự như khi loại bỏ bùn đất hoặc bụi bẩn.

Nếu cổ xả và ống xả có lớp sơn bên ngoài, không dùng các loại chất tẩy rửa nhà bếp có tính ăn mòn cao trên thị trường để vệ sinh. Sử dụng chất tẩy rửa trung tính để vệ sinh các bề mặt sơn ở cổ xả và ống xả. Nếu bạn không chắc chắn là cổ xả và ống xả đã được sơn hay chưa, hãy liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

LƯU Ý

Mặc dù ống xả được làm từ thép không gỉ nhưng vẫn có khả năng đổi màu. Loại bỏ tất cả các vết bẩn ngay khi thấy chúng xuất hiện.

Bảo quản xe

Nếu bảo quản xe ở ngoài trời, nên sử dụng tấm che phủ toàn bộ xe.

Nếu không sử dụng xe trong thời gian dài, hãy thực hiện theo các bước sau:

- Rửa xe và bôi chất bảo quản lên tất cả các bề mặt sơn (ngoại trừ các bề mặt sơn mờ). Bôi dầu chống gỉ sét vào các chi tiết mạ crom.
- Bôi trơn xích tải. ➤ T. 269
- Dựng xe bằng chân chống bảo dưỡng và đặt lên bệ sao cho cả hai bánh không chạm đất.
- Sau khi hết mưa, hãy tháo tấm che phủ xe ra và để cho xe khô ráo.

- Tháo bình điện (➤ T. 276) để tránh làm hao hụt điện áp. Sạc đầy bình điện và sau đó đặt ở khu vực râm mát, thoáng khí.

▶ Nếu không tháo bình điện, hãy tháo dây cực âm \ominus ra khỏi cực bình điện để tránh hiện tượng phóng điện.

Sau khi hết thời gian bảo quản, hãy kiểm tra bảo dưỡng xe định kỳ theo các hạng mục đưa ra trong Lịch bảo dưỡng.

Vận chuyển xe

Nếu cần phải vận chuyển xe, nên sử dụng ô tô chuyên chở hoặc ô tô tải có sàn phẳng hoặc ô tô có trang bị thang tải hoặc thang nâng xe và có dây chằng chắc chắn. Không được kéo rê xe một bánh hoặc hai bánh trên đường.

LƯU Ý

Kéo rê xe một bánh hoặc hai bánh trên đường có thể gây hư hỏng nghiêm trọng tới hệ thống truyền động.

Bạn & Môi trường xung quanh

Sở hữu một chiếc xe và lái xe là một trải nghiệm rất thú vị, tuy nhiên cần phải chú ý đến việc bảo vệ môi trường xung quanh.

Lựa chọn nước rửa vệ sinh xe thích hợp

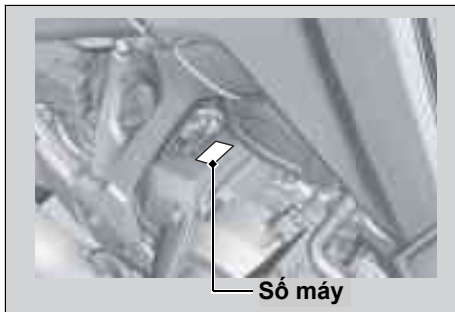
Sử dụng chất tẩy rửa sinh học để rửa xe. Tránh dùng nước rửa dạng xịt có chứa chất CFCs phá hủy tầng ô zôn.

Tái chế chất thải

Xả dầu và các chất thải độc hại khác vào một bình kín tiêu chuẩn và mang tới trung tâm tái chế. Liên hệ với các cơ quan nhà nước và địa phương hoặc các dịch vụ về môi trường để tìm kiếm nơi xử lý chất thải gần nơi bạn đang sống và được hướng dẫn xử lý đối với các chất thải không tái sử dụng được. Không đổ dầu động cơ đã sử dụng vào thùng rác hoặc đổ xuống kênh mương, xuống đường. Xăng, dầu, dung dịch làm mát đã qua sử dụng và một số dung môi tẩy rửa khác có thể gây hại cho những người thu gom rác thải và gây nhiễm độc nguồn nước sinh hoạt, sông, hồ và đại dương.

Số khung, số máy

Số khung và số máy là cơ sở để nhận dạng chiếc xe của bạn và cần phải có khi đi đăng ký xe. Khi đặt phụ tùng thay thế cần phải có thông tin về số khung và số máy này. Nên ghi lại số khung, số máy và lưu giữ ở nơi an toàn.



Nhiên liệu chứa cồn

Ngoại trừ loại III TH

Một số loại xăng pha cồn thông thường có sẵn trên thị trường có tác dụng làm giảm lượng khí thải ra môi trường để đáp ứng các tiêu chuẩn về không khí sạch. Nếu bạn có ý định sử dụng xăng pha cồn, hãy kiểm tra để đảm bảo rằng loại xăng đó không chứa chì và đáp ứng yêu cầu về chỉ số octan tối thiểu.

Sau đây là hỗn hợp xăng pha cồn có thể sử dụng trên xe của bạn:

- Hàm lượng ethanol không quá 10% (ethyl alcohol).

▶ Xăng chứa ethanol được bán trên thị trường dưới tên gọi Xăng pha cồn.

Sử dụng xăng chứa trên 10% ethanol có thể:

- Phá hủy lớp sơn bên trong bình xăng.
- Phá hủy các đường ống dẫn xăng cao su.
- Gây gỉ sét bình xăng.
- Làm máy vận hành kém.

LƯU Ý

Việc sử dụng hỗn hợp xăng pha cồn chứa tỷ lệ thành phần vượt quá mức cho phép có thể gây hư hại cho các chi tiết nhựa, cao su và kim loại trong hệ thống xăng.

Nếu bạn nhận thấy xe có dấu hiệu hoạt động bất thường hoặc vấn đề về hiệu suất, hãy thử sử dụng một thương hiệu xăng khác.

Loại III TH

Một số loại xăng pha cồn thông thường có sẵn trên thị trường có tác dụng làm giảm lượng khí thải ra môi trường để đáp ứng các tiêu chuẩn về không khí sạch. Nếu bạn có ý định sử dụng xăng pha cồn, hãy kiểm tra để đảm bảo rằng loại xăng đó không chứa chì và đáp ứng yêu cầu về chỉ số octan tối thiểu.

Sau đây là hỗn hợp xăng pha cồn có thể sử dụng trên xe của bạn:

- Không quá 20% ethanol (ethyl alcohol).
 - ▶ Xăng chứa ethanol được bán trên thị trường dưới tên gọi Xăng pha cồn.

LƯU Ý

Việc sử dụng hỗn hợp xăng pha cồn chứa tỷ lệ thành phần vượt quá mức cho phép có thể gây hư hại cho các chi tiết nhựa, cao su và kim loại trong hệ thống xăng.

Nếu bạn nhận thấy xe có dấu hiệu hoạt động bất thường hoặc vấn đề về hiệu suất, hãy thử sử dụng một thương hiệu xăng khác.

Bộ chuyển đổi chất xúc tác

Mẫu xe này được trang bị hai bộ chuyển đổi chất xúc tác ba chiều. Mỗi bộ chuyển đổi chất xúc tác chứa các kim loại quý được sử dụng làm chất xúc tác trong các phản ứng hóa học ở nhiệt độ cao nhằm chuyển đổi các khí hydrocacbon (HC), cacbon monoxit (CO) và nitơ ôxít (NO_x) trong khí xả thành những hợp chất an toàn.

Bộ chuyển đổi bị hỏng sẽ gây ô nhiễm không khí và ảnh hưởng tới việc vận hành của động cơ. Cần phải thay mới bằng phụ tùng chính hãng của Honda hoặc loại tương đương.

Thực hiện theo các hướng dẫn sau đây để bảo vệ bộ chuyển đổi chất xúc tác trên xe.

- Luôn sử dụng xăng không chì. Xăng có chì sẽ làm hỏng bộ chuyển đổi chất xúc tác.
- Giữ động cơ ở điều kiện hoạt động tốt.
- Nếu thấy động cơ không nổ máy, chết máy hoặc không vận hành đúng cách, hãy tắt máy và mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để sửa chữa.

Thông tin pháp lý về ứng dụng Apple CarPlay/Android Auto™

BẢN QUYỀN TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN CHO NGƯỜI SỬ DỤNG/TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM

VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG APPLE CARPLAY TUÂN THEO THỎA THUẬN CỦA BẠN VỚI CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG APPLE CARPLAY, BAO GỒM CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG HỆ ĐIỀU HÀNH iOS CỦA APPLE. TÓM LẠI, CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG CARPLAY TỪ CHỐI TRÁCH NHIỆM CỦA APPLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA APPLE NẾU CÁC DỊCH VỤ KHÔNG THỰC HIỆN ĐÚNG HAY BỊ NGỪNG SỬ DỤNG, HẠN CHẾ NGHIÊM NGẶT CÁC TRÁCH NHIỆM KHÁC CỦA APPLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA APPLE, MÔ TẢ THÔNG TIN CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG (VÍ DỤ: BAO GỒM VỊ TRÍ XE, TỐC ĐỘ XE VÀ TRẠNG THÁI CỦA XE) ĐƯỢC THU THẬP VÀ LƯU TRỮ BỞI APPLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA APPLE, TIẾT LỘ RỦI RO CÓ THỂ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG CARPLAY, BAO GỒM KHẢ NĂNG MẤT TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI LÁI.

HÃY XEM CHÍNH SÁCH QUYỀN RIÊNG TƯ CỦA APPLE ĐỂ BIẾT THÔNG TIN CHI TIẾT LIÊN QUAN ĐẾN CÁCH APPLE SỬ DỤNG VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU ĐƯỢC TẢI LÊN THÔNG QUA ỨNG DỤNG CARPLAY.

VIỆC SỬ DỤNG **ANDROID AUTO™** PHẢI TUÂN THEO SỰ CHẤP THUẬN CỦA BẠN VỚI CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG **ANDROID AUTO™** MÀ BẠN PHẢI ĐỒNG Ý KHI TẢI XUỐNG ỨNG DỤNG **ANDROID AUTO™** TRÊN ĐIỆN THOẠI **ANDROID™** CỦA BẠN. TÓM LẠI, CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG **ANDROID AUTO™** TỪ CHỐI TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ CỦA **GOOGLE™** VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ NẾU CÁC DỊCH VỤ KHÔNG HOẠT ĐỘNG ĐÚNG HOẶC BỊ NGỪNG SỬ DỤNG, HẠN CHẾ NGHIÊM NGẶT CÁC TRÁCH NHIỆM KHÁC CỦA **GOOGLE™** VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ, MÔ TẢ CÁC LOẠI THÔNG TIN CỦA NGƯỜI DÙNG (BAO GỒM, VÍ DỤ, VỊ TRÍ XE, TỐC ĐỘ XE VÀ TRẠNG THÁI CỦA XE) ĐƯỢC THU THẬP VÀ LƯU TRỮ BỞI **GOOGLE™** VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA GOOGLE, VÀ TIẾT LỘ RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG **ANDROID AUTO™**, BAO GỒM KHẢ NĂNG MẤT TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI LÁI.

HÃY XEM **CHÍNH SÁCH QUYỀN RIÊNG TƯ CỦA GOOGLE** ĐỂ BIẾT THÔNG TIN CHI TIẾT LIÊN QUAN ĐẾN CÁCH **GOOGLE** SỬ DỤNG VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU ĐƯỢC TẢI LÊN THÔNG QUA **ANDROID AUTO™**.

**THÔNG BÁO MIỄN TRỪ BẢO HÀNH;
GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM**

BẠN RÕ RÀNG THỪA NHẬN VÀ ĐỒNG Ý RẰNG VIỆC SỬ DỤNG APPLE CARPLAY HOẶC **ANDROID AUTO™** (“CÁC ỨNG DỤNG”) LÀ RỦI RO CỦA RIÊNG BẠN VÀ BẠN CHỊU TOÀN BỘ RỦI RO VỀ CHẤT LƯỢNG ĐẠT YÊU CẦU, HIỆU SUẤT, ĐỘ CHÍNH XÁC VÀ MỨC ĐỘ NỖ LỰC ĐỀU DO BẠN CHỊU TRÁCH NHIỆM Ở MỨC TỐI ĐA ĐƯỢC PHÉP THEO LUẬT ÁP DỤNG, VÀ CÁC ỨNG DỤNG CŨNG NHƯ THÔNG TIN TRÊN CÁC ỨNG DỤNG ĐƯỢC CUNG CẤP “NGUYÊN TRẠNG” VÀ “CÓ SẴN”, VỚI TẤT CẢ CÁC LỖI VÀ KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO HÀNH NÀO, VÀ HONDA TỪ CHỐI TẤT CẢ CÁC BẢO HÀNH CŨNG NHƯ ĐIỀU KIỆN LIÊN QUAN ĐẾN CÁC ỨNG DỤNG VÀ THÔNG TIN TRÊN CÁC ỨNG DỤNG, DÙ RÕ RÀNG, NGŨ Ý HOẶC THEO LUẬT ĐỊNH, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO HÀNH NGŨ Ý VÀ/ HOẶC ĐIỀU KIỆN VỀ KHẢ NĂNG BÁN HÀNG, CHẤT LƯỢNG ĐẠT YÊU CẦU, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ, ĐỘ CHÍNH XÁC, SỬ DỤNG YÊN ỔN VÀ KHÔNG VI PHẠM QUYỀN CỦA BÊN THỨ BA. KHÔNG CÓ THÔNG TIN TRUYỀN

MIỆNG HOẶC BẰNG VĂN BẢN HAY LỜI KHUYÊN NÀO DO HONDA HOẶC ĐẠI DIỆN ỦY QUYỀN CỦA HONDA ĐƯA RA ĐI KÈM TRÁCH NHIỆM BẢO HÀNH. CHẴNG HẠN, VÀ KHÔNG GIỚI HẠN TRONG TRƯỜNG HỢP NÀY, HONDA TỪ CHỐI BẤT KỲ BẢO HÀNH NÀO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CUNG CẤP DỮ LIỆU CHÍNH XÁC CỦA CÁC ỨNG DỤNG, VÍ DỤ NHƯ: ĐỘ CHÍNH XÁC CỦA CÁC HƯỚNG, THỜI GIAN DI CHUYỂN ƯỚC TÍNH, CÁC GIỚI HẠN TỐC ĐỘ, CÁC ĐIỀU KIỆN ĐƯỜNG SÁ, BẢN TIN, THỜI TIẾT, GIAO THÔNG, HOẶC CÁC NỘI DUNG KHÁC ĐƯỢC CUNG CẤP BỞI APPLE, **GOOGLE™** VÀ CÁC CÔNG TY CHI NHÁNH, HOẶC CÁC DỊCH VỤ CUNG CẤP CỦA BÊN THỨ BA; HONDA KHÔNG ĐẢM BẢO VIỆC MẤT DỮ LIỆU CỦA ỨNG DỤNG, NHỮNG DỮ LIỆU NÀY CÓ THỂ BỊ MẤT BẤT CỨ KHI NÀO; HONDA KHÔNG ĐẢM BẢO RẰNG ỨNG DỤNG HOẶC BẤT KỲ DỊCH VỤ NÀO ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG QUA CÁC BÊN KÈ TRÊN SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP Ở BẤT CỨ THỜI ĐIỂM NÀO HOẶC BẤT KỲ HOẶC TẤT CẢ CÁC DỊCH VỤ SẼ CÓ SẴN TRONG MỘT THỜI GIAN HOẶC VỊ TRÍ CỤ THỂ.

VÍ DỤ: CÁC DỊCH VỤ CÓ THỂ BỊ TẠM DỪNG HOẶC GIÁN ĐOẠN MÀ KHÔNG CÓ THÔNG BÁO VỀ SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG, SỬA LỖI BẢO MẬT, CẬP NHẬT, V.V... CÁC DỊCH VỤ CÓ THỂ KHÔNG CÓ SẴN TRONG KHU VỰC HOẶC VỊ TRÍ CỦA BẠN, V.V. NGOÀI RA, BẠN PHẢI HIỂU RẰNG CÁC THAY ĐỔI VỀ CÔNG NGHỆ CỦA BÊN THỨ BA HOẶC QUY ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ CÓ THỂ KHIẾN CHO CÁC DỊCH VỤ VÀ/HOẶC CÁC ỨNG DỤNG LỖI THỜI VÀ/HOẶC KHÔNG THỂ SỬ DỤNG ĐƯỢC.

TRONG GIỚI HẠN KHÔNG BỊ CẤM BỞI PHÁP LUẬT, TRONG BẤT CỨ TRƯỜNG HỢP NÀO HONDA VÀ CÁC CÔNG TY CHI NHÁNH CỦA HONDA KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC THƯƠNG TÍCH, HOẶC BẤT KỲ THIẾT HẠI DO TAI NẠN, THIẾT HẠI ĐẶC BIỆT, TRỰC TIẾP HOẶC THIẾT HẠI MANG TÍNH HẬU QUẢ, BAO GỒM, NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN NHỮNG HẠN CHẾ, THIẾT HẠI DO GIẢM LỢI NHUẬN, SAI HỒNG HOẶC MẤT DỮ LIỆU, KHÔNG THỂ TRUYỀN HOẶC TIẾP NHẬN BẤT KỲ DỮ LIỆU NÀO, GIÁN ĐOẠN VIỆC KINH DOANH HOẶC BẤT KỲ THIẾT HẠI HOẶC THUA LỖ TRONG KINH DOANH XẢY RA BỒI HAY LIÊN QUAN ĐẾN ỨNG DỤNG HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HOẶC DO VẤN ĐỀ KHÔNG THỂ SỬ DỤNG ĐƯỢC CÁC ỨNG DỤNG

HAY THÔNG TIN VỀ CÁC ỨNG DỤNG, BỒI BẤT KẾ NGUYÊN NHÂN NÀO, VỚI BẤT CỨ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ (HỢP ĐỒNG, SAI SÓT HOẶC CÁC VẤN ĐỀ KHÁC) VÀ NGAY CẢ NẾU HONDA ĐÃ ĐƯỢC KHUYẾN NGHỊ VỀ KHẢ NĂNG XẢY RA NHỮNG TỒN HẠI NHƯ VẬY. MỘT SỐ CƠ QUAN, BỘ PHẬN CÓ QUYỀN HẠN VỀ PHÁP LÝ CÓ THỂ KHÔNG CHẤP NHẬN VIỆC LOẠI TRỪ HOẶC HẠN CHẾ VỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ ĐỐI VỚI THIẾT HẠI ĐÃ XẢY RA, VÌ THẾ NHỮNG GIỚI HẠN VÀ LOẠI TRỪ NÀY KHÔNG THỂ KHÔNG ÁP DỤNG CHO BẠN. CÁC GIỚI HẠN TRÊN SẼ ĐƯỢC ÁP DỤNG NGAY CẢ KHI CÁC BIỆN PHÁP GIẢI QUYẾT SỰ CỐ TRÊN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ KHÔNG NẴM TRONG MỤC ĐÍCH CẦN THIẾT.

Nâng cấp phần mềm

Nâng cấp

Honda liên tục mở rộng phạm vi của phần mềm hệ thống. Phần mềm được cập nhật để phù hợp với các phiên bản mới.

Để biết thông tin về cập nhật phần mềm, hãy liên hệ Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

Thông số kỹ thuật

■ Các bộ phận chính

Chiều dài tổng thể	CRF1100A/A3/D/D3	2.330 mm (91.7 in)	
	CRF1100AL4/D4/DL4	2.305 mm (90.7 in)	
Chiều rộng tổng thể		960 mm (37.8 in)	
Chiều cao tổng thể	CRF1100A/A3/D/D3		
	Vị trí cao nhất	1.540 mm (60.6 in)	
	Vị trí thấp nhất	1.485 mm (58.5 in)	
	CRF1100AL4/D4/DL4		
	Vị trí cao nhất	1.530 mm (60.2 in)	
	Vị trí thấp nhất	1.475 mm (58.1 in)	
	Chiều dài cơ sở	CRF1100A/A3/D/D3	1.575 mm (62.0 in)
		CRF1100AL4/D4/DL4	1.570 mm (61.8 in)
Khoảng sáng gầm xe tối thiểu	CRF1100A/A3/D/D3	250 mm (9.8 in)	
	CRF1100AL4/D4/DL4	220 mm (8.7 in)	
Góc nghiêng trục lái	Ngoại trừ loại MA, III MA	27° 30'	
	Loại MA, III MA	27,5°	
Độ lệch bánh lái	CRF1100A/A3/D/D3	113 mm (4.4 in)	
	CRF1100AL4/D4/DL4	106 mm (4.2 in)	

Trọng lượng không tải	CRF1100A	231 kg (509 lb)
	CRF1100A3	233 kg (514 lb)
	CRF1100AL4	243 kg (536 lb)
	CRF1100D	242 kg (534 lb)
	CRF1100D3	244 kg (538 lb)
	CRF1100D4/DL4	
	Ngoại trừ loại CRF1100D4 III KO	253 kg (558 lb)
	Loại CRF1100D4 III KO	255 kg (562 lb)

Thông số kỹ thuật

Khả năng chở tối đa *1	Loại II FO, III FO, MA, III MA, III TH, U, II U, III U, V, II V, III V
	218 kg (481 lb)
	Loại III KO
	198 kg (437 lb)
	Loại IN, II IN, III IN
	188 kg (414 lb)
Trọng tải tối đa trên giá đỡ phía sau	10 kg (22 lb)
Khả năng chở người	Người lái và 1 người ngồi sau
Bán kính quay tối thiểu	2,60 m (8.5 ft)
Dung tích xy-lanh	1.084 cm ³ (66.1 cu-in)
Đường kính xy-lanh x Hành trình pít-tông	92,0 x 81,5 mm (3.62 x 3.21 in)
Tỷ số nén	10,5:1
Nhiên liệu	Xăng không chì
	Ngoại trừ loại IN, II IN, III IN
	Xăng khuyến dùng: RON 91 hoặc cao hơn
Nhiên liệu chứa cồn	Loại IN, II IN, III IN
	Xăng khuyến dùng: RON 90 hoặc cao hơn
	Ngoại trừ loại III TH
	Hàm lượng ETHANOL không quá 10%
	Loại III TH
	Hàm lượng ETHANOL không quá 20%

*1 : Bao gồm người lái, người ngồi sau, toàn bộ hành lý và phụ kiện kèm theo

Dung tích bình xăng	CRF1100A/A3/D/D3	18,8 L (4.97 US gal, 4.14 Imp gal)
	CRF1100AL4/D4/DL4	24,8 L (6.55 US gal, 5.46 Imp gal)
Bình điện	HJ13L	
	12 V-6,0 Ah (20 HR)	
Tỷ số truyền	CRF1100A/A3/AL4	
	Số 1	2,866
	Số 2	1,888
	Số 3	1,480
	Số 4	1,230
	Số 5	1,064
	Số 6	0,972
	CRF1100D/D3/D4/DL4	
	Số 1	2,562
	Số 2	1,761
	Số 3	1,375
	Số 4	1,133
Số 5	0,972	
Số 6	0,882	
Tỷ số truyền giảm tốc (cấp đầu/cấp cuối)	CRF1100A/A3/AL4	1,717 / 2,625
	CRF1100D/D3/D4/DL4	1,863 / 2,625

■ Dữ liệu sửa chữa

Kích cỡ lốp	Lốp trước	CRF1100A/A3/D/D3
		90/90-21M/C 54H
	Lốp sau	CRF1100AL4/D4/DL4
		110/80R19M/C 59V
	Lốp trước	CRF1100A/A3/D/D3
		Ngoại trừ loại CRF1100D3 IN, II IN, III IN
Kiểu lốp	Lốp trước	Lốp bố chéo, không săm
		Loại CRF1100D3 IN, II IN, III IN
	Lốp sau	CRF1100AL4/D4/DL4
		Lốp hướng tâm, không săm
	Lốp trước	Ngoại trừ loại CRF1100D3 IN, II IN, III IN
		Lốp hướng tâm, không săm
	Lốp sau	Loại CRF1100D3 IN, II IN, III IN
		Lốp hướng tâm, có săm

Lốp trước	CRF1100A/A3/D/D3
	Loại IN, II IN, III IN, U, II U, III U METZELER KAROO STREET
Lốp trước	Loại II FO, II V MICHELIN ANAKEE ADVENTURE
	CRF1100AL4/D4/DL4 BRIDGESTONE BATTLAX ADVENTURE A41F N
Lốp sau	Loại IN, II IN, III IN, U, II U, III U METZELER KAROO STREET
	Loại II FO, II V MICHELIN ANAKEE ADVENTURE
Lốp trước	CRF1100AL4/D4/DL4 BRIDGESTONE BATTLAX ADVENTURE A41R N
	Loại IN, II IN, III IN, U, II U, III U METZELER KAROO STREET
Lốp sau	Loại II FO, II V MICHELIN ANAKEE ADVENTURE
	CRF1100AL4/D4/DL4 BRIDGESTONE BATTLAX ADVENTURE A41R N
Áp suất lốp (Chỉ người lái)	Lốp trước 225 kPa (2.25 kgf/cm ² , 33 psi) Lốp sau 250 kPa (2.50 kgf/cm ² , 36 psi)
Áp suất lốp (Người lái và người ngồi sau)	Lốp trước 225 kPa (2.25 kgf/cm ² , 33 psi) Lốp sau 280 kPa (2.80 kgf/cm ² , 41 psi)
Độ sâu gai lốp tối thiểu	Lốp trước 1,5 mm (0.06 in) Lốp sau 2,0 mm (0.08 in)

Thông số kỹ thuật

Bugì	(tiêu chuẩn)	SILMAR8A9S (NGK)
Khe hở bugì	(không điều chỉnh được)	0,8 - 0,9 mm (0.03 - 0.04 in)
Tốc độ cầm chừng		1.250 ± 100 (vòng/phút)
Dầu động cơ khuyến dùng		Dầu máy Honda 4 kỳ cho xe máy, phân loại SJ hoặc loại cao hơn theo tiêu chuẩn API, ngoại trừ loại dầu có dòng chữ "Energy Conserving" hoặc "Resource Conserving", dầu MA theo tiêu chuẩn JASO T 903, độ nhớt SAE 10W-30.
Dung tích dầu động cơ	CRF1100A/A3/AL4	
	Sau khi xả	3,9 L (4.1 US qt, 3.4 Imp qt)
	Sau khi xả và thay bộ lọc dầu động cơ	4,0 L (4.2 US qt, 3.5 Imp qt)
	Sau khi rửa máy	4,8 L (5.1 US qt, 4.2 Imp qt)
	CRF1100D/D3/D4/DL4	
	Sau khi xả	4,0 L (4.2 US qt, 3.5 Imp qt)
Sau khi xả và thay bộ lọc dầu động cơ	4,2 L (4.4 US qt, 3.7 Imp qt)	
Sau khi xả & thay bộ lọc dầu động cơ & ly hợp	4,2 L (4.4 US qt, 3.7 Imp qt)	
Sau khi rửa máy	5,2 L (5.5 US qt, 4.6 Imp qt)	

Dầu phanh khuyến dùng	Dầu phanh Honda DOT 4
Dung tích hệ thống làm mát	1,81 L (1.91 US qt, 1.59 Imp qt)
Dung dịch làm mát khuyến dùng	Loại III KO, U, II U, III U
	Dung dịch làm mát Pro Honda HP Coolant
	Ngoại trừ loại III KO, U, II U, III U Dung dịch làm mát HONDA PRE-MIX COOLANT
Dầu bôi trơn xích tải khuyến dùng	Dầu bôi trơn xích tải được thiết kế riêng cho loại xích có phốt O. Nếu không có, hãy sử dụng dầu hộp số SAE 80 hoặc 90.
Độ chùng xích tải	48 - 53 mm (1.9 - 2.1 in)
Xích tải	DID 525HV3
tiêu chuẩn	Số lượng mắt xích 124
Kích cỡ nhôm tiêu chuẩn	Nhông dẫn động 16 răng
	Nhông bị động 42 răng

■ Bóng đèn

Đèn pha	LED
Đèn DRL	LED
Ngoại trừ loại IN, II IN, III IN	
Đèn góc cua	LED
CRF1100AL4/D4/DL4	
Đèn phanh/Đèn hậu	LED
Đèn báo rẽ trước/Đèn vị trí	LED
Ngoại trừ loại IN, II IN, III IN	
Đèn báo rẽ trước	LED
Loại IN, II IN, III IN	
Đèn báo rẽ sau	LED
Đèn soi biển số	LED

■ Cầu chì

Cầu chì chính	30 A
Cầu chì khác	30 A, 20 A, 15 A, 10 A

A

ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh) ..	14
An toàn khi vượt địa hình	19
Android Auto™	214
Apple CarPlay	200
Âm thanh Bluetooth®	165

B

Bảng đồng hồ thông tin	26
Bảng đồng hồ thông tin, công tắc điều khiển và các tính năng khác	348

Bánh xe

Vành và nan hoa bánh xe	295
-------------------------------	-----

Bảo dưỡng

An toàn bảo dưỡng	257
Lịch bảo dưỡng	258
Nguyên tắc bảo dưỡng cơ bản	263
Tầm quan trọng của việc bảo dưỡng	257

Bảo quản xe	359
--------------------------	-----

Bình điện	276
------------------------	-----

Bộ chuyển đổi chất xúc tác	364
---	-----

Bộ ghi dữ liệu chẩn đoán dịch vụ	347
---	-----

C

Các công tắc	122
---------------------------	-----

Các lưu ý khi lái xe	13
-----------------------------------	----

Các lưu ý về an toàn	12
-----------------------------------	----

Cải tạo xe	18
-------------------------	----

Cầu chì	266, 342
----------------------	----------

Công tắc

Công tắc AT/MT	123
----------------------	-----

Công tắc cảnh báo nguy hiểm	124
-----------------------------------	-----

Công tắc chế độ đèn chiếu sáng	126
--------------------------------------	-----

Công tắc chính điều khiển hành trình	123
--	-----

Công tắc chọn chức năng	123
-------------------------------	-----

Công tắc chọn lên	127
-------------------------	-----

Công tắc chọn trái/phải	127
-------------------------------	-----

Công tắc chọn xuống	127
---------------------------	-----

Công tắc chuyển bài	127
---------------------------	-----

Công tắc đèn báo rẽ	124
---------------------------	-----

Công tắc điều khiển bằng giọng nói	125
--	-----

Công tắc ENT	127
--------------------	-----

Công tắc gạt chức năng	125
------------------------------	-----

Công tắc lên số (+)	126
---------------------------	-----

Công tắc quay lại bài hát	127
---------------------------------	-----

Công tắc quay lại	127
-------------------------	-----

Công tắc trang	125
Công tắc về số (-)	124
Công tắc yêu thích	124
Công tắc đèn phanh	291
Công tắc điều khiển đèn xin vượt	126
Công tắc G	133
Công tắc N-D	123
Công tắc tay lái bên phải	123
Công tắc tay lái bên trái	124
Chân chống nghiêng	292
CHẾ ĐỘ AT	26, 27, 33, 232, 235, 236
Chế độ D	232, 234, 235
Chế độ lái	148, 150
CHẾ ĐỘ MT	27, 33, 232, 235, 237
Chế độ S	27, 33, 232, 234, 235, 236
Chìa khóa xe	347
Chỗ để đồ	
Bộ dụng cụ.....	254
Cần tua-vít	254
Cờ-lê lục giác.....	254
Dây treo mũ bảo hiểm	253
Dụng cụ tháo cầu chì.....	254
Giá đỡ phía sau	255

Móc giữ mũ bảo hiểm	252
Sách hướng dẫn sử dụng	253
Tua-vít Phillips/tiêu chuẩn	254
Thiết bị	252
Chức năng ABS trên bánh sau	129

D

Dầu

Động cơ	267, 284
DRL (Đèn chạy ban ngày)	245
DRL	354
Dung dịch làm mát	286
Dừng động cơ	348
Dựng xe	15
Đèn báo ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh)	119, 319
Đèn báo áp suất dầu thấp	120, 317
Đèn báo AT	26
Đèn báo CÀI ĐẶT điều khiển hành trình	119
Đèn báo chân chống nghiêng	71
Đèn báo chế độ chiếu xa	117
Đèn báo chính điều khiển hành trình ...	119

Đèn báo DRL	117
Đèn báo G	32
Đèn báo giảm xóc	120
Đèn báo HISS	120, 315
Đèn báo Hệ thống HSTC	117, 320
Đèn báo lỗi PGM-FI (Phun xăng điện tử) (MIL)	116, 318
Đèn báo phanh đỗ xe	118
Đèn báo quá nhiệt dung dịch làm mát ..	116
Đèn báo rẽ	116, 117
Đèn báo S	27
Đèn báo số N	118
Đèn báo TẮT ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh) phía sau	119
Đèn báo TẮT Hệ thống HSTC	117
Đèn báo vị trí số	27, 33
Đèn báo	116
Đèn góc cua	246
Đệm đỡ xích tải	294
Điều chỉnh độ sáng tự động	354
Điều chỉnh nền tự động	354
Điều khiển hành trình	238
Đồ xăng	247

Động cơ

Công tắc ngắt động cơ ..	123, 227, 229, 348
Dầu	267
Dừng	348
Không khởi động	315
Khởi động	227
Quá nhiệt động cơ	316
Số máy	362
Đồng hồ đo hành trình	349
Đồng hồ đo nhiệt độ dung dịch làm mát	31
Đồng hồ đo nhiệt độ không khí	71
Đồng hồ đo quãng đường	26, 349
Đồng hồ đo tốc độ động cơ	31, 35, 39
Đồng hồ đo tốc độ	26, 30, 35
G	
Giảm xóc trước	302
Giới hạn tải trọng	20
Giới hạn trọng tải tối đa	20
Giới hạn trọng tải	20, 371

O	
Ổ cắm phụ kiện.....	249
Ổ cắm USB.....	250
Ổ khóa điện.....	122, 227, 229, 348
Ốp hộp bình điện.....	277

P**Phanh**

Dầu phanh.....	268, 288, 373
Dụng cụ xe.....	136
Điều chỉnh tay phanh.....	301
Mòn má phanh.....	289
Phanh đỗ xe.....	136
Phanh.....	14
Phụ kiện.....	18

Q

Quá nhiệt.....	316
-----------------------	------------

R

Rửa xe.....	355
--------------------	------------

S

Sang số.....	231
Số khung, số máy.....	362
Sự cố.....	5

T

Tay ga.....	300
Tay phanh đỗ xe.....	136
Tay phanh.....	301
Tìm kiếm hư hỏng.....	314
Tín hiệu dừng khẩn cấp.....	243
Tính năng gọi điện rảnh tay.....	189

Tháo

Bình điện.....	276
Hộp dụng cụ.....	283
Kẹp.....	278
Ốp hộp bình điện.....	277
Yên xe sau.....	282
Yên xe trước.....	279

Thiết bị

Bộ dụng cụ.....	254
Cần tua-vít.....	254
Cờ-lê lục giác.....	254

Dây treo mũ bảo hiểm	253
Dụng cụ tháo cầu chì	254
Giá đỡ phía sau	255
Móc giữ mũ bảo hiểm	252
Tua-vít Phillips/tiêu chuẩn.....	254
Túi đựng tài liệu	253
Thông số kỹ thuật	371
Trang phục bảo hộ.....	12
Trục trục về điện	341
 V	
Vận chuyển xe.....	360
Vị trí các bộ phận	22
 X	
Xăng pha cồn.....	363
Xăng	247
Xích tải	269, 293

